

VÔ DANH THỊ

ĐINH LƯU TỬ

DIỄN CA

TUÔNG HÁT BỘI



ĐỖ NHẬT TÂN
phiên âm và chú giải

TỦ SÁCH CỔ VĂN - ỦY BAN DỊCH THUẬT

ĐỒ - NHẬT - TÀN
phiên - âm và chú - giải

ĐÌNH-LƯU-TÚ
DIỄN CA

TUỒNG HÁT BỘI

TỦ SÁCH CỔ - VĂN
ỦY - BAN DỊCH - THUẬT
PHỦ QUỐC - VỤ - KHANH ĐẶC - TRÁCH VĂN - HÓA
Xuất bản 1971

Xuất xứ ăn - bản nguyên - tác :

QUANG - TỰ GIÁP - NGỌ TÂN - TÂM

(Bản mới khắc năm Giáp-Ngọ 1894 đời Quang-Tự)

PHƯƠNG-DU-KÝ MINH-CHƯƠNG-THỊ ĐÍNH CHÍNH

Phật-Trần, Bào-Hoa-các tàng bản (Thuộc về Trung-Hoa)

LỜI NÓI ĐẦU

Vở tuồng Đình-Lưu-Tú này cũng như bao nhiêu vở tuồng khác, theo điệu hát bội với những vai trò vua quan, anh hùng, liệt sĩ,.. Khi diễn ra những vai tuồng ấy, phải có những lời nói oai hùng, lối lạc và hoa mỹ, hát lên cho oanh liệt cùng với nhịp âm nhạc, bản văn gồm nửa phần chữ nửa phần nôm giúp cho ý nghĩa được đầy đủ, trong khi ca đi xướng lại chỉ mấy câu đơn giản, đã ngụ hết bản ý của một vai trò. Tự trung cũng chỉ nêu gương Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa hầu mong cảm hóa lòng người khi thưởng nhạc mua vui. Đó cũng là một phương tiện truyền giáo, có ảnh hưởng ít nhiều trong đám quần chúng.

Vở tuồng Đình-Lưu-Tú này, về sự tích với văn chương cũng vào bậc khá hay ! Nhưng bản in phần chữ với phần nôm lẫn chữ viết ra chỉ đúng với âm, không đúng với chữ và nghĩa, khiến phiên-âm tức là chỉ chuyển chữ nôm ra quốc-ngữ, chẳng đáng khó khăn mà cũng mất những công phu, vì chữ nôm đã không tự-điền, lại mỗi người viết theo một ý riêng khi nghĩ tới.

Phải chăng, đây là một VỞ-LÔNG, tức một người đã thuộc lòng trọn vở này, khi sang ở Trung-Hoa nghĩ tiếc mới nhờ người viết lại, người viết giúp đọc lại nghe đúng, mặc dầu viết ra không đúng hẳn nguyên-tác, họ cần để lại cho chừng bản hát thuộc được mà thôi. Do đấy, bản in này ở Tàu vào đời vua

Quang-Tự nhà Thanh là năm Giáp-Ngọ (1894). Đến nay ông Nguyễn-quang-Xỹ bỗng đâu thấy mà mua được, cũng đáng là mừng Châu về Hợp-Phố, lại được Phủ Đặc-Trách Văn-Hóa chuyển dịch sang Quốc-ngữ, chúng tôi lấy làm hoan nghinh mà phiên-dịch ra đây, nhưng xin có mấy PHẠM - LỆ nếu còn những chỗ nào sơ sài thiếu sót, xin dọi bậc cao-minh vui lòng chỉ giáo.

Sài-gòn, ngày 5 tháng 2 năm 1970

Đ Ồ - NH Ậ T - T Ậ N

Hội-Viên Ban Cờ-Văn

Ủy - Ban Dịch - Thuật

PHẪM - LỆ :

- 1.— Trọn bộ bốn hồi đã sẵn, lại xin chia mỗi hồi ra làm bao nhiêu màn cảnh, dù dài hay ngắn xin theo từng một đoạn văn.
- 2.— Những giọng hát *nói rằng, hát vãn rằng, hát loạn rằng,...* cứ theo bản chính như *Vãn viết, Bài viết, Quán ban viết,...* mà phiên âm.
- 3.— Những chữ đúng âm sai chữ nghĩa, khi chú giải sẽ nói ra, không có chữa bản chính. Câu nào thiếu chữ mới thêm vào một chữ của chỗ ấy.
- 4.— Những bài thơ thất niêm sai luật, cũng xin theo bản chính, giải ra có dám chắc mới dám giải nghĩa những chỗ ấy ra.
- 5.— Tích tuồng không biết có thực hay đặt ra, không nên căn cứ triều đại nào theo Lịch-Sử một cách cầu kỳ. Rất có thể sự thực xảy ra tương tự, nhưng tác-giả mượn đời Tống, Tấn,... với dụng ý riêng.
- 6.— Đây là sự bảo-tồn văn-học của Quốc-Gia, lưu lại cho biết đời xưa Tinh-Thần Dân-tộc trọng đạo-học đến nhường nào, theo câu thầy Mạnh nói : « Văn kỳ nhạc nhi tri kỳ đức », vậy cứ theo chính bản phiên âm ra.
- 7.— Trong phần phiên âm có những dấu hiệu đề tiện đối chiếu với nguyên văn in offset ở cuối sách ; thí dụ : [1a] tức là tờ 1 trang a.

NHỮNG VAI TUỒNG LẦN LƯỢT XUẤT-HIỆN:

● *HOÀNG-GIA*: Tống-Vương, Thứ-Phi, Hoàng-Tử. Chánh-cung dự mưu phản.

● *PHE PHÒ CHÚA*: Đinh-Lưu-Tú, Tô-Hắc-Lân, Phượng-Cửu-Công, Tiết-Hoàn-Công, Lã-Hàn-Khanh, Tiết-Ngọc-Xuân, Thạch-Hoàn-Lãng, sư Bạch-Khánh-Vân, Phiên-Chúa Hồ-Oai, Lái-dò, Sơn-hầu, mãnh-hổ,..

● *PHE PHẢN THẦN*: Hồ-Ngạn, Chánh-Cung, Cơ-Chu, Thiết-Hồ, Hồ-Thạch-Dũng, Hồ-Thái-Hà, Chu-Linh, Mao-Mãnh, Tây-di Hắc-Lôi-Phong,..

● *THẦN-TIÊN XUẤT-HIỆN*: Hán-Chung-Ly, Thanh-Đồng, Thủy-Triều (Vua Thủy), Giả-Xa, Thành-Hoàng, Thổ-Thần, Lý-ngư, Dã thú (Khỉ, Cọp),..

● *CÁC VAI PHỤ*: Nội-Thị, Thái-Nữ, A-Hoàn, Hề-Đồng, Chu-Thanh, Chu-My, Gia-Tướng, Quân-nhân, Tiều-phu, Tăng-chúng, Tướng-cướp Thạch-Hùng, Lâu-la,..

QUYỂN THỨ NHẤT

HỒI THỨ NHẤT

(Gồm 8 cảnh)

- * 1. Lưu-Tú từ giã Tôn-sư về hạ sơn-dộng.
- * 2. Lưu-Tú tới kinh-sư gặp Tiết-Ngọc-Xuân giao ước.
- * 3. Lưu-Tú gặp Thanh-Đông ở giữa đường trao diệp pháp.
- * 4. Vua Tống lâm triều, Phụng-Cửu-Công xin đi dẹp giặc.
- * 5. Phụng-Cửu-Công dẹp xong Phiên-chúa Hồ-Oai.
- * 6. Lưu-Tú gặp Tô-Hắc-Lân rồi kết bạn.
- * 7. Tiết-Hoàn-Công và con gái Ngọc-Xuân nói về tình-duyên.
- * 8. Lưu-Tú biệt Hắc-Lân đi thi, gặp cản đường quay trở lại.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TÚ TỪ GIÃ TÔN-SU ĐỀ HẠ SƠN-ĐÔNG

ĐINH-LƯU-TÚ *bạch viết* :

[1a] Phụng Kỳ-son hiển thụy (1);
 Ngao Lạc-thủy trình tường (2)!
 Mực giờ doi ngòi chữ thái bồng (3);
 Ngư gác mái ngâm câu thịnh trị (4)!
 Quận Lương-thành quê ngụ (5),
 Đinh-Lưu-Tú là danh.
 Song thân đà sớm cách non xanh (6),
 Một mình hãy ngụ nương sơn-dã (7).

Hưu viết :

Như tôi, Văn chen người thất bộ (8);
Võ ví kẻ lục thao (9).
Từ theo thầy học đạo sơn cao,
Nhờ sư-phụ giáo truyền văn võ.
Lần tay kẻ sáu thu có lẽ,
Đã chầy ngày nhớ đến quê xưa.
Kịp vào trình sư-phụ dâng hay,

Ngõ (10) về chốn quê xưa tỉnh thám (11).

CHUNG-LY *xương viết* :

Phụng sắc Linh-Tiêu giáng hạ trần (12),
 Vọng lai Thúy-lĩnh dưỡng nhàn an (13).
 Thế giới trần ai vô nhiệm đão (14),
 Diệu pháp tâm truyền tá minh quân (15).

Hựu viết :

Vâng lời Thượng-Đế (16),
 Sắc hạ giáo dân (17).
 Nương dựa tại Thúy-sơn,
 Hán Chung-Ly thị dã (18).

Hựu viết :

Đồng tiền khan kiến,
 Đệ-tử đão lai (19).
 Nhân sao khi sắc bi ai,
 Đường có tâm tình áo não?

[1b] **LUU-TU** *viết* :

Dạ! Từ theo thầy học đão,
 Kê đã đặng sáu thu.
 Trạnh tắm lòng nhớ đến quê xưa,
 Vậy nên phải lời bày sư-phụ.

CHUNG-LY *viết* :

Con đã muốn cố hương phản bộ;
 Thầy cũng cho đệ-tử mộ khan (20).
 Khá lo việc cho an,
 Mà kết duyên phu phụ (21).

LUU-TU *viết* :

Dạ! Ngửa vâng lời sư-phụ,
 Cho tôi lại cố hương.
 Cúi đầu từ rời gót vân sơn (22),

Cho con trẻ phản hồi kinh địa (23).

Văn viết :

Con trẻ phản hồi kinh địa,
Cúi đầu từ su-phụ rời chân.

CHUNG-LY *văn viết :*

Thìn lòng nắm giữ khăng khăng,
Ngay vua đốc báo thảo thân ven đền.

LƯU-TÚ *văn viết :*

Dùng dăng tay khó phân tay,
Ơn thầy chưa trả nghĩa này dám quên.

CHUNG-LY *văn viết :*

Dẫn lòng kim thạch cho bền,
Kinh-sư con tới đồng trung thầy hồi.

LƯU-TÚ *viết :*

Tôn-sư đà phản bộ đồng trung,
Mau nhẹ gót trông chừng kinh địa.

Văn viết :

Nhẹ gót trông chừng kinh địa,
Quyết chen người lược hồ thao long (24).
Muốn cho tượng vẽ Gác-Lân (25),
Thẻ son đốc tạc sử xanh lăm đời (26).
Bách [2a] từng là tiết thảo trai (27),
Mưu quân chí chủ đề tài an bang (28).

Hựu viết :

Này, Nhìn xem cảnh vật u thanh,
Đoái thấy phong quang sắc sảo.
Như ta nay,
Từng ở thú quê Săn-dã (29),

Chưa quen nơi tẩu-diểm, trà phòng...
 Xứ xứ văn ca lạc chi thanh (30);
 Chốn chốn thầy quản huyền chi lạc (31)!
 Hảo tai! Cảnh vật;
 Khoái dã! Kỳ hoa!

Loạn viết :

Bút toán cao tiêu quân-tử trúc (32);
 Tuế hàn tiết thảo trượng phu tùng (33).
 Thu thủy trường thiên đồng nhất sắc (34),
 Giá ban xuân cảnh di ngô tinh (35)!

CHỮ-GIẢI :

1. *Phượng Kỳ-son hiển thuy* : Chim phượng núi Kỳ dâng diềm tốt. Xưa phượng hiện ra ở núi Kỳ, mà sinh Văn, Võ-vương ở đó, đánh vua Trụ vô đạo diệt nhà Thương, dựng Vương-nghiệp, gọi nước Tây-Châu.
2. *Ngao Lạc-thủy trình-trương* : Cá Ngao sông Lạc bày diềm hay. Xưa con long-mã (đầu rồng mình ngựa) đội hòm sách ở sông Lạc, như mai rùa có hình bát quái, nhân đó làm ra kinh Dịch đời Phục-Hy, mới gọi Hà-đồ Lạc-thư, đây cá Ngao là linh vật ở bể, cũng ứng diềm hay.
3. *Mục* : kẻ chăn trâu gior doi thư thả vui buổi thái bình.
4. *Ngư* : hàng chài cá gác mái chèo đò. Ý nói mọi lớp người từ Sĩ : Làm quan văn võ, các thầy,.. *Nông* : làm ruộng, *Công* : mọi nghề thợ, *Thương* : buôn bán, *Ngư* : Bến nước, *Tiêu* : đốn củi cây rừng, *Canh* : đi cày và *Mục* : chăn nuôi,.. Đều vui vẻ làm ăn trong thời thịnh trị.
5. Lương-Thành không rõ ở tỉnh nào hiện nay.
6. *Song thân* : Cha mẹ là hai người thân yêu. Cách non là chết (khuất núi).
7. *Son-dã* : Núi đồng, đây Lưu-Tú theo thầy lên núi học đạo.
8. *Thất bộ thành thi* : Đi bảy bước làm xong bài thơ, là khen tài của Tào-Thực đời Tam-Quốc, bị anh là Tào-Phi bắt ức phải làm.
9. *Lục thao* : Sáu thao, dạy phép chiến trận của Binh-thư Khương-Thượng Nguyên-Soái nhà Châu soạn ra để hành quân.

10. Ngõ do chữ Thử cơ dịch ra ngõ hầu có nghĩa may ra, có thể được.
11. *Tĩnh-thâm* : Thăm hỏi xem xét gia đình.
12. Phụng sắc lệnh ở điện Linh-Tiêu của Trời, *Giáng hạ trần* : Xuống cõi trần này.
13. *Vọng-lai Thụy-lĩnh* : Trông về non Thụy, *Dưỡng nhan an* : Nuôi lấy tinh-thần cho được yên ổn nơi tĩnh mịch non cao.
14. *Thế giới trần ai* : Cõi đời gió bụi dơ. *Vô nhiễm đạo* : Không bám đến, bản chính thiếu chữ cuối mới thêm chữ *đạo* là đến vào.
15. *Diệu pháp tâm truyền* : Đem phép khéo để trao bằng Tâm cho kẻ có duyên và sáng suốt. *Tả minh quán* : Kẻ giúp chúa sáng sau này.
16. *Thượng Đế* : Vua cõi trên tức Trời, vẫn kêu Hoàng-Thiên Thượng-Đế.
17. *Sắc hạ* : Sắc Trời ban xuống cho ta. *Giáo dân* : dạy đàn chúng.
18. *Chung-Ly* : Tiên-ông trong hàng bát tiên, tu nên từ đời Hán vậy.
19. Trước động nom thấy, con em lại tới. *Đệ-tử* : Học-trò, con em.
20. *Mộ-khan* : Tối thăm xem như sớm viếng cha mẹ đó chăng?
21. *Duyên phu phụ* : Duyên chồng vợ. Thầy dặn sẽ gặp vợ chưa nói gì tới công-danh.
22. *Vân-sơn* : Núi mây tức Thụy-lĩnh nơi chàng học đạo, cao lắm mới gọi vân-sơn, chỉ núi với mây ẩn ý một thú yên-hà : Mây khói.
23. *Kinh-dịa* : Đất kinh vua, Thủ-đô, hay kinh-sư cũng thế.
24. Lược thao đều phép chiến trận, như rồng cạp dữ đội biển hóa mà đặt tên. Thi văn lấy đổ cũng như đấu võ góm ghê.
25. Góc-Lân do chữ *Lân*-các Công-thần đời Hán-Quang-Võ, nhà vua cho vẽ hình các quan văn võ có công to treo ở lầu-đài gọi Góc-Lân để ghi nhớ mãi. *Vân-đài*, *Lăng-Yên*-các (gác Khói, đài Mây) cũng vậy.
26. Thẻ son do Công-thần được vua ban khoản sắc thư son cho con cháu đời đời được hưởng lộc vua. *Sử-xanh* lăm đời chữ đời không có nghĩa, trau dồi, ý nói muốn tên ghi *Sử-ký*.
27. *Bách tùng* : Cây trúc, cây thông, mùa đông vẫn xanh là khi các cây đều rụng lá vì rét, để ví tiết-thảo chàng trai đối với Quốc-Gia.
28. *Mưu quán* : Lo cho vua, *Chỉ chủ* : Giúp chúa đến nơi. *An bang* : Yên nước.
29. *Sẵn-dã* : Tên xứ đồng ông Y-Doãn đi cày, khi chưa ra giúp vua nhà Thương, để ví kẻ sĩ còn lánh ẩn cũng vui với đồng ruộng.
30. *Xì xì vẫn ca lạc chi thanh* : Nơi này nơi khác đều nghe tiếng hát vui.

31. *Quản huyền* : Ống sáo, ống tiêu, nói tới nhạc khí này là có ca nhạc.
32. *Bút toán cao miêu* : Bút tinh vẽ cao. *Quản-tử trúc* : Trúc vi bậc quản-tử đạo nho, bởi trung thông (trong rỗng, sáng suốt) ngoại trực (bên ngoài thẳng đống), hay Tiết trực tâm hư có vẻ đạo-học quản-tử.
33. *Tuế bản* : Cuối năm lạnh mọi cây khô lá. *Tiết tháo trượng phu tùng* : Cây thông là trượng-phu có tiết-tháo vẫn xanh tươi giữ mãi.
34. *Thu thủy trường thiên* : Nước mùa thu vơi bầu trời dài rộng. *Đồng nhất sắc* : Cùng một màu trong sáng. Thơ Vương-Bột vịnh Đàng-Vương-các.
35. *Giá ban xuân cảnh* : Nơi đây cảnh xuân. Di dưỡng tinh tinh ta được thêm tốt đẹp.



CẢNH THỨ HAI

LƯU - TỬ TỚI KINH - SƯ
GẶP TIẾT - NGỌC - XUÂN GIAO ƯỚC

NGỌC-XUÂN *xướng viết* :

Tây-hiên chuyển quá đảo mòn-đỉnh(1),
Nhàn lai vô sự khoái ngô tình(2) !
Hảo khán kỳ hoa hoa thịnh mậu(3) ;
Chừng chiêm thụ thảo thảo tú thanh(4).

Hạ viết :

Thừa phụ thân ở chốn Hoa-lâu,
Thiếp mỹ hiệu Ngọc-Xuân tính Tiết.
Như tôi, Võ sáu thao trải biết ;
Văn bảy bước vừa thông(5).
Chẳng vì người cười ngựa cầm cung ;
Song hồ phận yếm mang quần vận.
Dạ dốc vui chơi đồ-trận(6) ;
Lòng không muốn học chỉ theo,..
Kíp mau thơ nợ thưởng ngắm,
Vui có cầm kỳ nhã hứng.

A-Hoàn! Đem nghiên bút lại cho [2b] cò,
 Làm một vịnh Đông, Long xem thử?

Ngâm viết :

Kìa là vật nợ ở bên đông,
 Có công tu luyện hóa nên rồng,
 Chín tầng mây phủ đương vùng vẫy,
 Tám tiết sương che lại thành thoi (7).

Hựu viết :

Đã hết chưng thừa sức,
 Làm mới dựng thơ này.
 Phải có ai giúp nốt ơn dày,
 Trợ một vịnh Đông, Long cho thiệp?

A-HOÀN *viết :*

Dạ thưa có! Có người lạ mặt,
 Còn đứng trước hoa-viên.
 Tôi đuổi gã chẳng di,
 Đứng nhìn hoài nhìn hủy.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Gã nào sinh nguy, lớn mặt chằng,
 Dám, lệnh truyền dữ A-hoàn,
 Cấp tróc lai vẫn tội (8)?

Hựu viết :

Gã kia! Lời ta hỏi gã,
 Quê quán hà phương?
 Sao không kiêng tới chốn hoa-đường (9);
 Lại chẳng sợ qua nơi cấm-địa (10)?

LƯU-TỬ *viết :*

Dạ! Thưa Quý nương! như tôi nay,

Quận Lương-thành quê ở,
 Đình-Lưu-Tú là danh.
 Bởi lạ đường nên lạc đến đây,
 Vì lỡ bước hèn lằm qua đó.
 Tôi, người trong thủy thổ (11),
 Sao chẳng sợ luật hình.
 Thú quê mùa chẳng biết nơi kiềng;
 Quen thôn-dã không từng chốn cấm.
 Nhờ Quý nương lượng rộng,
 Dung tiểu-khả [3a] lỗi lằm.
 Qua vườn-trà sứ-điệp vốn không (12);
 Đến cõi lý nâng khăn có lỗi (13).

NGỌC-XUÂN *viết* :

Hễ là người quân tử,
 Lời ăn nói khôn ngoan.
 A-Hoàn! Lệnh truyền chúng A-Hoàn,
 Nhắc ghế hoa an vị (14)!

Hựu viết :

Thu-sinh! Xướng dạo chơi thành-thị,
 Mà lạc đến hoa-đình.
 Thấy mặt chàng tình khá dung tình,
 Chi tiểu sự quá nhi vô hối (15).

Hựu viết :

Nếu chẳng ra sức đá;
 Sao cho biết tuổi vàng (16).
 Xin giúp chung một vịnh Đòng, Long,
 Kẻo thiếp hãy tài sơ trí thiên. *Lắm!*

LƯU-TÚ *viết* :

Dạ! Người đã có lòng thương tôi,
 Tôi đâu dám nại tặc công.

Thơ một vịnh Đông, Long,
Dáng Quý nương khán quá.

NGỌC-XUÂN *viết* :

A-Hoàn! Hay giở nường nào chưa biết,
Làm mau có cũng khá khen!
Xem qua cho biết người hiền,
Đọc lại thời tường ý tứ.

Ngâm thơ viết :

Xưa kia nó ở tại phương Đông (17),
Thu khí kiên khôn mới hóa rồng (18).
Mây bén vẫy vẫy còn dưới nước ;
Đủ sinh nanh vượt nổi trên không.
Võ-mòn tam cấp dầu qua khỏi (18 bis) ;
Rẽ khói chín từng mặc ruồi rong.
Dù đặng tứ linh là [3b] bảo vật (19),
Cũng vì tạo-hóa bãi thiên-công (20).

Hựu viết :

Đã đáng tài tú khẩu cầm tâm (21) ;
Lại đặng mặt kim-đường ngọc-mã (22) !
Đi mà thôi, Thơ chàng làm đó,
Coi hợp ý đây.
Lấy chi đền thừa công này,
Ngõ đặng trả chung nghĩa nợ.

LUU-TU *viết* :

Nhờ Quý nương lượng rộng,
Tội tội trọng thứ tha.
Ơn tày hải giốc thiên nha (23),
Đâu sá chi công một mảy?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Khuyên chàng chớ buông lời phũ phàng,
 Vốn thiếp đưng có dạ ước ao.
 Muốn lòng đơn đón hỏi trên sao (24);
 Lại e nổi thẹn thường dưới nguyệt. *Này chớ!*

LƯU-TÚ *viết* :

Việc người người biết,
 Sự thế thế hay.
 Muốn hỏi cùng Nam, Bắc, Đông, Tây;
 Bằng nói sách Hán, Đường, Tần, Tấn, (25),..

NGỌC-XUÂN *viết* :

Thiếp chẳng phải hỏi tiền hỏi bạc;
 Vì muốn cho rõ cõi rõ căn.
 Đã có người nâng chấp sửa khăn;
 Hay chưa kẻ gieo đào thả mạn (26)?

LƯU-TÚ *viết* :

Thấy nói song mâu sai lẽ;
 Nghe lời áo não tâm can.
 Tuổi bé thơ sớm cách Thung-đường (27),
 Phận đơn bạc ai dầu yêu giầu?
 Luống những theo thầy học đạo,
 Vậy nên Tần [4a] Tấn (28) lỡ duyên.
 Tham vui bạn với sách đèn,
 Lời thực Quý nương xin thứ tội. *Nào!*

NGỌC-XUÂN *viết* :

Thiếp vốn chẳng ghi chung tội lỗi,
 Chàng đừng có dạ nghi nan!
Thưa Thu-sinh! Dễ Thu-sinh quên đi chớ?
 Dễ quân câu «Giai ngẫu thiên thành» (29);

Chẳng nhớ chữ « Lương duyên tức đế » (30)?
 Nay vốn chẳng đem lòng khi dễ,
 Thấy mặt chàng đem dạ yêu vi.
 Ta muốn cùng chàng kết nghĩa phu thê,
 Tình khứng chẳng nhường nào nói thử?

LƯU-TỬ *viết* :

Ởn trên thực-nữ,
 Dạ dốc hảo cầu (31).
 Người đã có trót thương yêu,
 Tôi cũng ghi lòng son đỏ.

NGỌC-XUAN *viết* :

Ý! Chữ « Nhất ngôn thuyết quá »,
 Câu « Tứ mã nan truy » (32).
 Ai lỗi nguyên phó có thiên tri;
 Ai hội ước phó cho nguyệt chiếu.
 Mai dầu ra ứng thí (33),
 Mà dự đặng bằng vàng (34).
 Chàng làm nghĩa-tế Đông-sàng (35);
 Thiếp sẽ đưa dâu Nam-giản (36).

Hưu viết :

A-Hoàn! Lấy vàng,
 Vàng năm thoi tống lễ,
 Bạc sáu nén đưa chàng.
 Tay phân tay lệ ứa hai hàng;
 Nghĩa hoài nghĩa ly ngậm nhất biệt (37).

Biệt viết :

Nhất phiến tống biệt lương Sâm, Thương (38),
 Hà thời Ngâu Nữ hội nhất trường (39)?

[4b] LƯU-TÚ *biệt viết* :

Tình trung áo não tâm hà đoạn(40);
Giai hạ trừ trì bộ nan di(41)!

NGỌC-XUÂN *biệt viết* :

Khả liên quân tử tâm nan giải(42),
Thống niệm uyên ương phối ngẫu thi(43)!

LƯU-TÚ *biệt viết* :

Sạ hợp sạ ly tâm tự bả(44);
Tình hoài tình vọng diện nan tri(45)?

Hựu văn viết :

Lời thề phó có thiên tri,
Keo sơn gấn chặt chớ hề đơn sai.

NGỌC-XUÂN *văn viết* :

Thương chàng lưỡng chịu tiếng nơ,
Cùng nhau cho chọn vẹn bền nghĩa nhân.

Hựu viết :

Mấy lời gạn ép cánh loan,
Sao đó đã nhật rong vó kỳ kỳ(46).

Văn viết :

Lời nguyện giữ chặt khăng khăng,
Tây-hiên đây lại Trường-an(47) đó về.

LƯU-TÚ *viết* :

Quý nương đà trở lại lê-viên,
Lui gót mỗ rời chân dặm liễu.

Văn viết :

Dặm liễu trông chừng nhẹ tếch,

Chán dò lần điều tích hồ tung (18).

Lo sao danh chiếm bằng vàng,

Phỉ duyên cá nước phượng hoàng sánh đôi.

CHÚ-GIẢI :

1. *Tây-hiên chuyễn quá* : Từ Hiên tây rời qua, *Đào môn-dinh* : Đến cửa sân. Đầy nằng Ngọc-Xuân dạo vườn hoa trước cửa sân.
2. *Nhàn lai vô sự* : Nhàn tời không bận việc gì, *Khoái ngộ tình* : Vui sướng tình ta.
3. *Hảo khán kỳ hoa* : Tốt lắm xem hoa lạ, *Hoa thịnh mậu* : Hoa tươi tốt.
4. *Chưng chiêm thủy thảo* : Lặng ngắm cỏ tốt, *Thảo tú thanh* : Cỏ xanh tốt.
5. Võ văn sáu thao bảy bước đã chưa Cảnh trên.
6. *Đồ-Trận* : Trận bày theo hình thế, như rồng bay rắn quấn, gọi Long-môn, Sà-trận, Bát-trận-đồ,.. có nhiều phép đánh ghê gớm.
7. Đang văn Đông, Rồng, bồng văn thành thời là sai, mới nói ra sau.
8. *Cấp tróc lai vấn tội* : Kíp bắt lại để hỏi tội nhòm ngó chỗ cấm.
9. *Hoa đường* : Nhà hoa, nơi con gái ở, như Hoa-dinh cũng vậy.
10. *Cấm địa* : Đất cấm, nơi đàn bà con gái ở cấm đàn ông con trai tới.
11. *Thủy thổ* : Đất nước, nói tôi cũng người xứ sở đây.
12. *Sứ điệp* : Con bướm làm Sứ-giả thăm hoa. Ý câu này nói Tôi muốn tới đây không ai giới thiệu mới đường đột, như muốn vào vườn-trà để hỏi liễu thăm hoa mà thiếu Sứ bướm tin ong.
13. Đi ở gốc mạn lại sửa mũ khăn, sẽ bị nghi ăn cắp trái mạn mới để lệch khăn mũ mà sửa lại, do câu : « Lý hạ bất chỉnh quan » ở sách Minh-Tâm Bảo-Giám dạy phải tránh những sự nghi ngờ.
14. *An-vị* : Ngồi yên vào chỗ, nằng mời chàng ngồi ghế hoa.
15. *Tiểu sự* : Việc nhỏ, quá nhi vô hối, có lỗi nhỏ khỏi phải ăn năn.
16. Ra sức đá là muốn thử tài, biết tuổi vàng, để được xem giải đến đâu, vàng đá hai vật cứng rắn vẫn vì lòng vàng đá như giữ được thủy chung. Vàng già có tuổi bền tốt hơn vàng non mà gọi tuổi Vàng.
17. Rồng-xanh thuộc phương Đông, như Hồ-trắng thuộc phương Tây.
18. *Thụ khí kiền khôn* : Khí thiêng trời đất kết nên Rồng là vật Thiêng.

- 18bis. *Võ-môn tam cấp* : Cửa ông Võ ba lớp sóng. Xưa Vua Võ khai hồng-thủy, chia từng khu nước Trung-Hoa. Sau đó học trò thi đỗ vẫn nói Cá nháy vọt qua ba lớp sóng vua Võ, là ý nói đỗ cao khoa.
19. *Tứ-linh* : Bốn vật thiêng là Long, Lân, Quy, Phượng, đều là vật báu ấy là bảo-vật, người da vàng coi bốn vật này làm quý đề tôn thờ.
20. *Tạo* : đang không làm ra có, *Hóa* : đang có bỗng làm mất đi. *Tạo-Hóa* là Thọ-Trời do chữ Thiên-Công. Ý nói Tứ linh do Tạo-Hóa mà nên.
21. *Tú-khâu* : Miệng giấu (bản chính viết làm chữ khẩu ra chữ túc, *Cầm-tám* : Lòng thêu. Ca ngợi văn-sĩ trong lòng chứa cái đẹp như thêu, nhả ra lời văn như miệng giấu vậy.
22. *Kim-đường, ngọc-mã* : Nơi đài các văn chương của Học-sĩ Hàn-Lâm.
23. *Hải giốc* : Góc bể. *Thiên nha* : Chân trời. Nói cao xa rộng lớn vậy.
24. Muốn lòng đơn, ở bản chính viết chữ làng đơn e không đúng lẽ.
25. Muốn hỏi mọi chuyện bốn phương, thì xem những sách từ đời Hán, Đường, Tần, Tấn,.. Là nói muốn biết nhiều hãy học cho rộng.
26. *Gieo đào trả mận* là trao đổi với nhau, ví tình duyên cũng vậy, do chữ Kinh-Thi : Đào ngã dĩ quỳnh-đào, báo chi dĩ lý.
27. *Thung* : Cây linh-thung sống lâu, con muốn cha sống lâu mà gọi là Thung-đường, tức nhà thung vậy. (Ở trên Lưu-Tú nói song thân cách non xanh, đây lại chỉ riêng có cha mất hay sao?).
28. Tần xứ Tây bắc Trung-Hoa, Tấn xứ Tây Trung-Hoa, xa cách lấy nhau thường gọi duyên Tần Tấn, hay duyên ngàn dặm.
29. *Giai ngẫu* : Lừa đôi tốt đẹp. *Thiên thành* : Trời giúp mới nên đôi.
30. *Lương duyên* : Duyên lành, may. *Túc đế* : Hẹn trước từ mấy kiếp xưa.
31. *Thục-nữ* : Gái nét na đoan chính, *Hảo cầu* : Khéo tìm nên, chữ Kinh-Thi.
32. *Nhất ngôn thuyết quá* : Một lời nói qua rồi, *Tứ mã nan truy* : Bốn con ngựa chạy nhanh khôn kịp để lấy lại lời đã thốt ra.
33. *Ứng thí* : Đi thi.
34. Bảng vàng tức đỗ cao từ Tiến-sĩ trở lên, như bảng-hồ, bảng-rồng.
35. *Đông sàng* : Giường bên đông, theo tích nói con rề xúng đáng.
36. *Nam-giản* : Bờ ao bên Nam, nói cô dâu hiếu kính, hái rau Tần bờ ao về đem dâng cúng. Thơ Thái-Tần Kinh-Thi.
37. Nghĩa nhớ nghĩa nhau mà ngâm bài Biệt một khúc để chia ly.

38. *Nhất phiến biệt tống* : Một phen đưa tiễn, *lưỡng Sâm, Thương*, như 2 ngôi sao mọc buổi sớm buổi tối cách biệt không hề gặp nhau.
39. *Hà thời Ngẫu Nữ* : Bao giờ ả Chức chàng Ngẫu (trên trời) *hội nhất trường* : họp nhau một chỗ (sông Ngân-hà bên cầu Ô-Thước).
40. *Tình trung úo nã* : Trong tình buồn bã, *Tâm liên quân tử* : Lòng sạo đứt.
41. *Giai hạ trú tri* : Dưới thềm dùng dằng, *Bộ nan đi* : Khó cất bước đi.
42. *Khả liên quân tử* : Đáng thương chàng ấy, *Tâm nan giải* : Lòng khó gỡ.
43. *Thống niệm uyên ương* : Đau nghĩ vợ chồng, *Phối ngẫu thi* : Khi cùng kết đôi (Uyên ương giống vịt, trống mái đi liền nhau, thấy nó mà đau lòng).
44. *Sạ hợp sạ ly* : Chợt họp chợt tan, *Tâm tự bảo* : Lòng tự giữ lấy.
45. *Tình hoài linh vọng* : Tình nhớ tình mong, *Diện nan tri* : Mặt khó hay.
46. *Ký kỳ* : Giống ngựa tốt chạy nhanh, nhân tài cũng ví như ký kỳ. Chữ kỳ trong bản chính đã thừa, theo vận đến chữ kỳ là hết.
47. *Trường-an* : Kinh vua. Bởi Trường-an là yên ổn lâu dài, nơi vua đóng đô từ đời Tần đã đặt tên như vậy, ý muốn yên mãi kinh vua.
48. *Điều tích* : Vết chim. *Hồ tung* : Dấu cáo, thỏ. Khi đi trong rừng không biết đường nào mà lần ra, phải theo vết đi của cầm thú mới biết.



CẢNH THỨ BA

LƯU-TỬ GẶP THANH-ĐỒNG Ở GIỮA ĐƯỜNG TRAO DIỆU-PHÁP

THANH-ĐỒNG *bài viết :*

Long-môn đón thủ phượng-kim-bài, phượng-kim-bài (1),
Diệu diệu tuyên thiên phóng khí khai, phóng khí khai (2).
Huy hoàng chiếu diệu tông phong hỏa, tông phong hỏa (3),
Hoang mang đoạt [5a] lộ tâu sơn nhai, tâu sơn nhai (4).

Hựu viết :

Linh-Tiêu điện an cư (5),
Ngô nãi Thanh-Đồng thị dã (6).
Vàng Ngọc-Hoàng sắc hạ,
Tương kiếm hứa Lưu-sinh (7).
Khai lộ thượng khinh khinh (8),
Thừa phong hành tật tật (9).

Loạn viết :

Giá vũ đẳng vân lai lĩnh hạ (10);
Di sơn đảo hải tự tung hoành (11).

LUU-TÚ *viết* :

Sơn thủy ngàn trùng chan chứa,
Cỏ cây muôn dặm nồn nương.
Biệt lĩnh thượng mang mang (12);
Vọng sơn đầu khứ khứ (13).

Loạn viết :

Thủy tú sơn thanh chân tịnh mậu (14),
Còn trùng, phi, tẩu thị thành quần (15).
Khán quá sơn đầu tiêu chân tử (16),
Đáo lai hà sự xử vô nhân (17) ?

THANH-ĐỒNG *loạn viết* :

Tiểu sinh hà sứ bất thung dung (18).
Đẳng đãi chàng lai giáo hóa công (19).
Khai hạp kiên khôn đồ chưởng thượng (20),
Giáo ký diệu pháp giảng trình-từơng (21)!

LUU-TÚ *viết* :

Tiểu-sinh chân lộng ngữ (22);
Nhự-tử thị loạn ngôn (23)!
Tuổi tác người thơ ấu trên non,
Thấy ta hỏi hoàng lời khinh mỗ ?

THANH-ĐỒNG *viết* :

Người chê ta còn nhỏ,
Coi cho biết tiểu-sinh.
Xuất Lục long, v.v... (Hóa phép sáu rồng bay ra)

LUU-TÚ *viết* :

Đạ! Phàm dân nhãn nhục (24),
Đạ tạ tiên nhân.

Loạn viết :

Đa tạ [5b] tiên nhân,
 Bất chấp ngu phu thất lễ (25),
 Khuyển liên thần hạ vô tri,
 Bách bái khát thứ dung (26)!

THANH-ĐỒNG *loạn viết :*

Ngò nãi thị Linh-Tiêu Ngọc-Đế (27),
 Tương lai bảo kiếm,
 Đáo sơn dương hứa nhữ linh-phù (28),
 Khả đãi kỳ thời trừ yêu thuật (29),
 Truyền lai diệu pháp tá minh quân (30).

Hựu viết :

Thầy ngời đà trở lại cung tiên,
 Ngời tua khá tìm qua Bắc-lĩnh (31).
 Trước là tìm bạn, sau dung dưỡng sở thân.
 Máy thiêng đà biện bạch rõ ràng,
 Ngời tua khá giữ lời chứa dạ.
 Dặn thôi biến hóa,
 Trở lại Thiên-đình.

LƯU-TÚ *viết :*

Thình không đa tạ,
 Vạn vọng Tôn-Linh (32)!
 Giữ lời thầy đã dặn ân cần,
 Âu ta kíp tìm qua Bắc-lĩnh.

Vãn viết :

Ta kíp tìm qua Bắc-lĩnh,
 Cúi đầu từ bái tạ thình không.
 Những lăm trả nghĩa đền ân,
 Ngay vua dốc báo thảo thân vẹn đền.

Xúc lòng nhớ đến ơn thầy,
Trăm năm ghi tạc nào hề dám quên!

CHÚ-GIẢI :

1. *Long môn đốn thủ* : Cửa-Rồng (Trời) cúi đầu. *Phượng-kim-bài* : Lĩnh thê bài kim-phượng (Giọng hát 2 lần theo bản chính).
2. Câu này không có nghĩa, hoặc giả viết sai và không dám sửa chữa.
3. *Huy hoàng chiếu diệu* : Rõ ràng soi sáng. *Tông phong tỏa* : Theo gió lửa.
4. *Hoang mang đoạt lộ* : Vội vàng cướp đường (đi nhanh) *Tàu sơn nhai* : Chạy tới đầu núi.
5. Ở yên điện Linh-Tiêu (điện Trời ngự).
6. *Thanh-Đồng* : Trẻ tuổi xanh, vì lúc nào cũng trẻ mới gọi Thanh-Đồng.
7. *Lưu-sinh* : Gã học-trò họ Lưu, vì chưa có danh phận với xã-hội.
8. *Khai lộ thượng khinh*,... : Mở trên đường đi nhẹ nhàng cho chóng.
9. *Thừa phong hành tạt*,... : Cưỡi gió đi nhanh chóng.
10. *Giá vũ dằng vân* : Xe mây cưỡi mưa, *Lai lĩnh thượng* : Lại trên núi.
11. *Di sơn đảo hải* : Quay non rời bể ra nơi khác. *Tự tung hoành* : Mình dọc ngang muốn sao cũng được theo ý muốn.
12. *Biệt lĩnh thượng mang mang* : Từ giả trên núi vội vàng.
13. *Vọng sơn đầu khứ khứ* : Ngóng đầu non chạy đi tới.
14. *Thủy tú sơn thanh* : Non xanh nước biếc. *Chân thịnh mậu* : thực tốt đẹp.
15. *Côn-trùng* : Sâu-bọ, *Phi* : loài bay, *Tầu* : Thú chạy, *Thị thành quần* : Ấy nên đàn.
16. *Khán quá sơn đầu* : Xem qua đầu núi. *Chân tiêu-lử* : Thực trẻ con.
17. *Đáo lai hà sự* : Đến đây việc gì, *Xử vô nhân* : Coi không có ai.
18. *Tiểu-sinh hà xứ* : Con nhỏ ở đâu, đi đến đâu. *Bất thung dụng* : Lại chẳng thanh nhàn. Bản chính viết chữ *Thông* là thung là sai. Thung.
19. *Đẳng dãi* : Đứng đợi. *Chàng lai* : Chàng viết nôm lại sai vì đương nói chữ, viết chữ *Nhữ* là mây mới đứng. *Giáo hóa công* : Công dạy dỗ.
20. *Khai hạp kiên khôn* : Mở đóng đất trời. *Đồ chưởng thượng* : Đều ở trên tay ta.

21. *Giáo kỹ diệu pháp* : Dạy cái phép lạ. *Giáng trình-trường* : Đem lại những điềm hay là sẽ ra phò chúa lúc nguy nan sau đây.
22. *Tiền-sinh chán lộng ngữ* : Trẻ con thực nói rồn, nói láo nữa.
23. *Nhụ-tử thị loạn ngôn* : Con nhỏ thực nói lằng loàn (nói liều).
24. *Phàm dân nhữn nhục* : Dân phàm tục này mất thịt, nên không biết ra Thần-tiên như mắt sáng (tuệ-nhãn) của bậc đại đạo.
25. Tạ ơn nhiều người tiên, đừng chấp kẻ ngu-phu này mất lễ đón.
26. Khuyến bảo kẻ dưới không biết, trăm lạy xin dung tha thứ cho.
27. Ta là người của Ngọc-Đế ở điện Linh-Tiên. Câu này sẽ làm tưởng *Ngô nữ thị Linh-Tiên Ngọc-Đế* : Ta là Ngọc-Đế (Trời) ở điện LT.
28. *Tương lai bảo kiếm* : Đem gươm báu lại. *Đáo sơn dương* : Đến đầu núi, *Hứa nhữ linh-phủ* : Cho người cả bùa thiêng.
29. *Khả dĩ kỳ thời* : Hãy khả đợi lúc, *trừ yêu-thuật* : Trừ phép yêu quái.
30. *Truyền lai diệu pháp* : Truyền phép khéo lại, *Tá minh quán* : Đề sẽ giúp vua sáng có chân mạng sau này.
31. *Bắc-lĩnh* : Núi phía bắc này. Thanh-Đồng bảo Lưu-Tú nên tới đó để tìm bạn rồi ở đó, không về núi cũ nữa vì thầy chàng đã về Trời.
32. *Lạy tạ lên thính không* : Muốn điều ngóng lạy Tôn-linh (Bạc Tiên).



CẢNH THỨ TƯ

VUA TỔNG LÂM TRÀO, PHƯỢNG-CỬU-CÔNG
XIN ĐI DẸP GIẶC

VƯƠNG *viết* :

Nổi ngôi Thiên-tử (1),
Trẫm hiệu Tống-Vương.
Oai ra chẳng trận mà an (2);
Đức hóa vô vi nhi trị (3)!

Hạ viết :

Thanh-Y! Truyền Thanh-y [6a] nữ-nhạc (4),
Mau ca nổi tiệc hồng!

NỮ-NHẠC *viết* :

Dạ! Thanh-Y nữ-nhạc,
Lễ thọ Thánh-quân (5).
Ngưỡng thánh đức hoàng ân,
Chúc Tung hô vạn tuế! Vạn vạn tuế (6).!!!

Ca viết :

Lâu-đài thập nhị vũ sênh ca, vũ sênh ca (7),

Tịnh xưởng phù hoa chuốc tử ba, chuốc tử ba (8) !
 Thụy ứng Cảnh-tinh do đế đức, do đế-đức (9) ;
 Hy du hóa nhật lạc vương-gia, lạc vương-gia (10) ;
 Nhân nhân cộng lạc hàn thịnh trị, hàn thịnh trị (11) !
 Xứ xứ khai thời hiển thọ hoa, hiển thọ hoa (12).
 Đệ-tử lệ-viên đồng hiếu lạc, đồng hiếu lạc (13),
 Xương kỳ hà dĩ chúc Tam Đa, chúc Tam Đa (14) !

VƯƠNG viết :

Lệnh truyền nữ-nhạc,
 Mau bãi tiệc hồng.

BÁO viết :

Dạ ! Cúi tàu qua các-hạ (15),
 Ngửa mặt rộng ngai vàng !
 Quận Đông-di dấy động Phiên bang (16),
 Vậy tôi phải hồi triều phi báo.

VƯƠNG viết :

Loài Phiên bang vô đạo,
 Đẳng Đông khấu tác loạn (17).
 Lời phán hỏi bách quan,
 Hà nhân đương lĩnh mệnh (18) ?

PHƯỢNG-CỬU-CÔNG viết :

Văn ngôn thậm hỷ ;
 Thịnh đắc hân hoan (19) !
 Nguyên ra tay tảo tận Phiên bang,
 Thề hết sức khử trừ Đông khấu.
 Trên thánh-thượng ủy sai sắc hạ ;
 Dưới ngu-thần nguyên lĩnh chiếu-văn.
 Xin lui về kiểm điểm binh nhung,
 Ra Đông [6b] địa tảo thanh Phiên khấu.

VƯƠNG *viết* :

Lão-Tướng đã niên cao kỹ trưởng (20),
 Lại dày công đắp lũy bồi thành.
 Hết chi người tuổi trẻ mày xanh,
 Phụ-Chính phải hưng binh Đông địa (21)?

CỬU-CÔNG *viết* :

Muốn tàu! Tòì còn hăng khi huyết ;
 Già chẳng sút lược thao.
 Nguyễn ra tay tảo tận Phiên trào,
 Nhược thất sự tội cai vạ tử (22)!

VƯƠNG *viết* :

Phụ-Chính đà quyết sự,
 Trăm tứ hạ sắc-văn (23).
 Bách quan lại dinh lang (24);
 Trăm lui vào ngọc-các.

TIẾT-HOÀN-CÔNG *viết* :

Nay Quốc-lão hưng binh Đông-địa,
 Tòì kính đưa hai chữ công thành.
 Như nội triều dầu có lẽ bất bình (25),
 Lấy ai chống thanh nghiêng vạc ngã (26)?

CỬU-CÔNG *viết* :

Lão dầu có viên chinh Đông khấu,
 Việc nước nhà gọi lại cho anh.
 Tống triều dù một mối chẳng an,
 Tin cho lão tường trong lợi hại.
 Dinh-lang anh ở lại ;
 Ắi-sói lão hưng binh (27).

Hạ viết :

Truyền đấng đấng chư dinh,

Tự trưởng tiền thính lệnh(28)!
 Đồng cử động qua màu,
 Tự Đông-thành tiến phát.

QUÂN *ban viết:*

Phấn kim-qua, phấn kim-qua (29);
 Dương kiếm kích, dương kiếm kích(30)...
 Tái ngoại thanh di trần bắt [7a] động, trần bắt
 động (31);
 Hoàng-hà tầy giáp khái hoàn ca, khái hoàn ca (32)!

CỬU-CÔNG *loạn viết:*

Khâm thừa sắc chỉ diệt Phiên bang (33),
 Lãm liệt thần uy tráng mã an (34).

BỘ TƯỞNG *loạn viết:*

Nỗ lực tung hoành cầm nghịch khấu (35);
 Quyết dương bạch nhận định sơn hà (36)!

CỬU-CÔNG *loạn viết:*

Anh hùng thế thượng vô nhân địch (37),
 Dũng lược bào hao mạc cảm đương (38)!

BỘ TƯỞNG *loạn viết:* —

Huy chiến đoạt lộ phấn thần uy(39),
 Tảo tận Hồ man định bang gia (40).

CỬU-CÔNG *viết:*

Quân! Đây đà giáp cõi Phiên bang (41),
 Truyền dữ tam quân hạ trại(42).

CHÚ-GIẢI:

1. *Thiên-lử*: Con của Trời, Vua thay Trời làm Đạo mà xưng là con của Trời, để làm chúa cả thiên hạ.

2. Oai ra thì chẳng đánh giặc cũng yên, tức bắt chiến tự nhiên thành.
3. Lấy dưng cảm hóa, không làm gì mà yên trị. Vua chỉ cũng thủ vô vi nói làm những điều đạo-lý, mọi việc có bách quan lo là vô vi.
4. *Thanh-Y nữ-nhạc* : Đám con gái hát múa mặc áo xanh.
5. *Thành-quản* : Vua là Thành, bởi phải tu thân theo đạo cho đúng.
6. *Tung hô lời chúc* : Xưa Hán-Võ-Đế dạo núi Tung (cao nhất Trung-Hoa) nghe tiếng Thần-Núi hô vạn tuế là muôn năm, nên Tung-hô là chúc vua.
7. *Lầu-dài thập nhị* : Mười hai tòa lầu-dài, *Vũ, sênh ca* : Múa hát.
8. *Tịnh vương phủ hoa* : Đều hát giọng đẹp nổi lên. *Chuồn tửu-ba* : Chuồn rượu thơm.
9. *Thụy ửng Cảnh-tinh* : Sao Cảnh ửng điềm tốt. *Do dế-dưc* : Bởi dưng của nhà vua, mà sao Cảnh sáng rực lên.
10. *Hỷ du* : Mừng dạo chơi. *Hóa nhật* : Ngày một hóa điều hay. *Lạc Vương-gia* : Vui mừng nhà vua.
11. *Nhân nhân cộng lạc* : Mọi người đều vui. *Hán thịnh trị* : Mừng đời trị.
12. *Xử xử khai thời* : Mọi chỗ lúc mở ra. *Hiển thọ hoa* : Chúc tuổi thọ.
13. Đám đệ-tử ở vườn lê. *Đồng hiếu lạc* : Cùng muốn dự tiệc vui.
14. *Xương kỳ hà dĩ* : Thời kỳ tốt lấy gì. *Chúc Tam đa* : Chúc được ba điều nhiều tốt đẹp là đa thọ, đa nam, đa phúc quý, do lời người đất Phong chúc vua Nghiêu đời xưa. Cũng có ý là Đa Phúc, Đa Lộc, Đa Thọ.
15. *Các-hạ* : Tàu dưới gác thì không đúng bằng tàu dưới bệ vua, thường gọi là tàu Bệ-Hạ. Các-hạ mà tàu lên từ quan Đại-thần mà thôi.
16. *Đông-di* : Rợ mọi bên Đông. Phiên là nước làm phen - rượu cho Trung-quốc.
17. *Khấu* : Giặc từ kẻ dưới nổi lên chống lại nhà vua. *Khấu* còn là ăn cướp.
18. *Hà nhân dương lĩnh mệnh* : Người nào đứng lên lĩnh mạng này ?
19. *Văn ngôn thậm hỷ* : Nghe nói rất mừng. *Thính đắc hân hoan* : Nghe được ra vui mừng, vì được ra tay đánh kẻ làm giặc.
20. *Niên cao* : Tuổi nhiều. *Kỷ* : Hàng chục tuổi trở lên.
21. *Phụ-Chính* : Quan giúp chính-trị cho vua phải cần đến, cạy nhờ.
22. *Nhược thất sự* : Nếu việc thua. *Tội cai vạn tử* : Tội đáng muôn phần chết.
23. *Trẫm* : Lời vua xưng là ta. *Từ hạ* : Cho xuống sắc-văn của vua.

24. Đinh-Lang như trưởng hồ nơi cửa quan võ ở, và làm việc.
25. Có lẽ bắt binh, là đoán ra sẽ chẳng yên bởi tay ai cướp ngôi đây?
26. *Vạc* tức cái Đỉnh, là ngôi vua. Xưa Tần-Thủy-Hoàng thống nhất lục quốc diệt luôn nhà Đông-Châu, rồi chín đĩnh của vua Thiên-Tử về Tần xưng Đế. Hai chữ *Định đĩnh* : là ngôi vua, chữ *Vạc* đây nghĩa ấy.
27. *Ải sói* : Ải ngăn giặc dữ như lang sói, nơi ải quan trọng của nước.
28. Truyền cho mọi cấp bậc các dinh. Tới trước trưởng nghe hiệu-lệnh.
29. Gắng sức múa kim-qua, cái mác bằng đồ kim-khí.
30. *Dương kiếm kích* : Giở ra những gươm, kích,..
31. *Tái ngoại* : Ngoài cửa ải. *Thanh di trần bất động* : Sạch lũ mọi đi như quét sạch bụi như không bảm đến.
32. *Hoàng-hà tẩy giáp* : Rửa áo giáp vấy máu giặc ở sông Hoàng-Hà. *Khải-hoàn-ca* : Hát khúc thắng trận đem binh trở về.
33. *Khâm thừa sắc-chỉ* : Kinh vàng sắc vua. *Diệt Phiên bang* : Giết nước Phiên.
34. *Lãm liệt thần uy* : Oai thần dữ dội ghê gớm, *Tráng mã an* : Lên yên ngựa tốt, khi ấy ra tay đi đánh giặc đã khiếp oai rồi.
35. *Nỗ-lực tung hoành* : Gắng sức vẫy vùng, *Cầm nghịch khấu* : Bắt giặc ngộ nghịch.
36. *Quyết giờ ra, bạch nhận* : Mũi nhọn sắc trắng, định non sông.
37. *Anh hùng, thế thượng* : Trên đời, *Vô nhân địch* : Không ai đánh nổi.
38. *Dũng dục* : Mạnh mẽ, *bào hao* : Gầm thét. *Mạc cầm dương* : Chẳng ai dám cựa.
39. *Huy chiến đoạt lộ* : Vẫy-đội ngựa chạy nhanh cướp đường đi. *Phấn thần uy* : Cố gắng oai thần, lên ngựa chạy nhanh đánh giặc giỏi rồi.
40. *Tảo tạn* : Quét sạch. *Hồ man* : Mọi rợ Hồ, *Định bang gia* : Định lại nước nhà.
- 41-42. *Giáp cõi* : Chỗ ranh giới. *Tam quân* : Ba quân, xưa cứ ba vạn người lính là một Quân. *Ba quân* : Chín vạn binh. *Hạ trại* : Cắm trại để đánh giặc, tức chỗ đóng binh.



CẢNH THỨ NĂM

PHƯỢNG - CỬU - CÔNG ĐỆP XONG PHIÊN - CHÚA HỒ - OAI

HỒ-OAI *bạch viết* :

Uy đẳng điện chế trấn lòi oanh (1),
Lầm liệt thòi sơn nhiệm tung hoành (2).
Hống hống tuyên thiên kinh ngạc lực (3);
Bào hao sắt sá hoãn tiệp hành (4).

Hựu viết :

Quyền xưng chúa tể Phiên-triều,
Ngô nãi Hồ-Oai thị dã.
Đức hóa nhân nhân giai phục (5);
Danh lưu cá cá tâm hàn (6) !
Chi min lăm thu hợp Tống-triều,
Hỏi chư đệ như hà khả phủ (7) ?

TỨ ĐỆ *viết* :

Văn ngôn đại tiểu liên thanh (8);
Thỉnh đắc tâm trung khoái lạc (9).

HỒ-OAI *viết* :

Trận tiền khan kiến,
 Lão tặc hưng sư (21)
 Đã hết kẻ mày xanh;
 Nên sai người đầu bạc.
 Thử một phen cho biết,
 Khi lực ấy nhường nào?
 Tuổi tác già đã sút lược thao;
 Hay là hãy còn hăng thần võ?

CỬU- [8a] CÔNG *viết* :

Quân! Hạ lệnh truyền bản bộ (22),
 Đồng bố trận cầm chi (23)!

Hựu viết :

Mới ra oai bắt đặng Đông-di,
 Truyền dân lại thành trung vấn tội (24).

Hựu viết :

Hỡi Phiên-bang lão hỏi,
 Sao chẳng xét thân mình?
 Một phen này dĩ đức nhiều sinh (25),
 Đừng quen thói lấy lưng mũi bạc.

HỒ-OAI *viết* :

Ủây à! Ân đồng nhật nguyệt;
 Đức phối thương lang (26)!
 Lệnh truyền dũ Phiên-bang,
 Tạ Gia-gia hồi cố (Phiên) quốc (27).

Bài viết :

Đốn thủ tạ trại trung (28); Đốn thủ tạ trại trung;
 Khuynh thân tạ Trương-Công (29)! Khuynh thân tạ
 Trương-Công!

Nguyện giao lân lưỡng quốc (30), Nguyện giao lân
lưỡng quốc,
Thệ hàm thảo xưng thần (31). Thệ hàm thảo xưng
thần.
Hoan hoan tai! Bất tận; Hoan hoan tai! Bất tận;
Khoái lạc dã! Vô cùng (32)! Khoái lạc dã! Vô cùng!

CỬU-CÔNG *viết:*

Đã trừ yên Phiên-khấu,
Chẳng còn đẩy động binh nhung.
Tu biểu-văn hồi tấu triều trung,
Cho Thiên-tử rõ thông tin tức.

QUÂN *viết:*

Thầy có lòng giúp chúa,
Tôi há nại tặc công.
Lĩnh biểu-văn hồi tấu triều trung
Cúi đầu lạy già từ gia-lão.

Hựu viết:

Vàng Gia-gia trở lại Tống-bang,
Lên tráng mã trông chừng triều nội.

Văn viết:

Tráng mã trông chừng triều nội,
Đạo nhân thân nào nại công lao!
Xa xem [8b] ác đã thò cao (33),
Phút đầu đã đến triều trung hầu gần.

Hựu viết:

Dạ! Chúng tôi Bộ-tốt (34),
Ở với Cửu-Công,
Đệ văn biểu hồi tấu (35),
Vọng Thánh-Hoàng tường khán.

VƯƠNG viết :

Bách quan ! Nay đã yên Phiên-khẩu,
 Chẳng còn giấy động can qua (36).
 Bách quan lại dinh lang;
 Trăm lui vào gác ngọc (hạ) (37).

CHÚ-GIẢI :

1. *Uy dằng diện chế* : Oai ra như sấm chớp. *Trấn lôi oanh* : Như sấm vang rền. Nói oai thần khi gầm thét lên mà khiếp sợ.
2. *Lãm liệt thời sơn* : Ghê gớm xô núi phải đổ. *Nhiệm tung hoành* : Mặc sức dọc ngang, hay vẫy vùng cũng vậy.
3. *Hồng hồng luyên thiên* : Vang dội rầm trời, phải là chữ *huyền thiên* mới đúng. *Kinh ngạc lực* : Sức mạnh như cá kinh ngạc to lớn.
4. *Bào hao* : Gầm gừ. *Sắt sá* : Thét máng. *Hoãn tiếp hành* : Đi nhanh chậm.
5. Lấy đức hóa người này người khác đều phục.
6. Danh lưu đến đầu kẻ ấy kẻ khác ớn lạnh cả lòng tức sợ hãi.
7. *Chư đệ* : Các em. *Như hà khả phủ* : Nền hay không thế nào cho biết ?
8. *Văn ngôn đại liễu liên thanh* : Nghe nói cười to luôn tiếng (vì đã thích chí).
9. *Thỉnh đắc tâm trung khoái lạc* : Nghe được ra trong lòng mừng sướng, bởi con nhà võ ham muốn đánh nhau để trở tài.
10. *Thống ẩm tam bôi* : Uống cho đã ba chén, *Hề* : Tiếng đèm là chừ. *Chuồn tử diên* : Chuồn rượu tiệc. *Thống* là đau, đây có nghĩa uống cho đã.
11. *Đồng bả trản hề* : Cùng cất chén chừ. *Nhân kiệt lực* : Hết sức người.
12. *Phấn thần uy hề* : Cố gắng oai thần chừ. *Cá cá tranh tiên* : Kẻ này kẻ khác tranh làm trước. Nhà võ ganh đua làm trước.
13. *Truy tàn bại trận* : Đuổi kẻ bị đánh thua. *Vô nhân địch* : Không ai dám chống.
14. *Sện mã* : Ngựa rảo nhanh vội. *Hoành đao* : Ngang lưỡi đao tức khua múa đao. *Sát thiên viên* : Giết ngàn viên trượng.

15. *Triển thân-uy* : Giở oai thần ra, *Trừ vạn đội* : Trừ được trăm đội binh. *Cấp tranh liên* : Vội gấp tranh nhau đánh trước.
16. *Kim chiếu* : Hôm nay. *Kim quốc* : Nước này. *Cử hùng binh* : Đem binh dõng.
17. *Lãm liệt tinh kị* : Cờ xi oai dữ đầy ra. *Tễ nhật tinh* : Che cả mặt trời, và các ngôi sao. Ý nói rợp trời coi thấy khiếp.
18. *Sát lai Tống tướng* : Lại giết tướng nhà Tống. *Sàm biên địa* : Lấn lấy đất nhà Tống. Không phải giết tướng Tống đã cướp đất xứ mình.
19. *Nguyện đoạt cơ-dồ* : Nguyên cướp cơ-dồ. *Tráng đế kinh* : Làm oai đẹp kinh vua.
20. *Khải ải đồng* : Mở cửa ải vững như đồng. *Cự chiến* : Đánh lại.
21. *Lão lục hưng sư* : Giặc già nổi binh. *Sư* cũng là quân như Sư-đoàn.
22. *Bản bộ* : Binh số của đơn vị mình. Như nay Tiểu-đoàn có bao nhiêu *Đội* là mấy trăm người. Mỗi viên *Tướng* có từng binh số vậy.
23. *Đồng bố trận cầm chi* : Cùng bày trận ra để đánh bắt lấy.
24. Chữ *Dẫn* đúng hơn là chữ *Đạo* ở trong bản chính. *Dẫn* về trong thành để hỏi tội giặc mọi bên *Đông* sao dám nổi binh.
25. *Dĩ đức nhiều sinh* : Lấy đức để tha cho sống.
26. Ân cũng như Mặt-Trời, Mặt-Trăng cho muôn vật sinh sống. *Đức sánh Thương lang* là rộng như bể xanh, mới dung cho được sống.
27. *Gia-gia* : Cha đẻ, tôi tớ, bộ hạ thường kêu ông chủ là Gia-gia vậy. Trở về cố quốc theo văn trác đúng hơn chữ cố *Phiên* ở bản chính.
28. *Đón thủ hạ trại trung* ; Cúi đầu tạ ơn cả trại (gồm cả ba quân).
29. *Khuyh thần tạ Tướng-Công* : Nghiêng mình tạ ơn ông là *Tướng quốc*.
30. *Nguyện giao lân lữ quốc* : Nguyên xin hai nước đi lại với nhau.
31. *Thệ hàm thảo xưng thần* : Thề cắn cỏ xin làm bề tôi chịu hàng.
32. *Hoan hoan tại bất tận* : Vui vui thay chẳng hết ; *Khoái lạc dã vô cùng* : Vui sướng vậy không bao giờ cùng. (Được tha tội đáng chết).
33. Ác do chữ Kim-ô là quạ vàng, tức gọi mặt-trời như vậy.
34. *Bộ-tốt* : Lính trong bản bộ của một viên tướng.
35. *Đệ văn-biểu hồi tâu* : Dâng biểu văn về tâu. Ý nói đánh xong giặc lại phải giữ luôn ở đó, không về là có dụng ý sâu xa, phòng trong triều biến loạn phải lấy đó làm căn cứ sau này như xảy ra chẳng?
36. *Can qua* : Giáo mác : nói đến can qua là có chiến tranh hay loạn.
37. Lui về gác ngọc mới đúng, chứ lui về các hạ là dưới gác thì sai, bởi lẽ chữ *ngọc* viết làm chữ hạ, thường xảy ra nhiều như vậy.

CẢNH THỨ SÁU

LƯU-TỬ GẶP TÔ-HẮC-LÂN RỜI KẾT BẠN

TÔ-HẮC-LÂN *bạch viết* :

Sơn mịch mịch thủy thanh thanh (1),
Hưu hưu phú quý bãi công danh (2).
Nhự mao ẩm huyết thiên thu chí (3);
Trúc hồ đoạt kinh bách thú kinh (4)!

Hưu viết :

Quê nhà ngụ Kỳ-son,
Tô-Hắc-Lân là mỗ!
Như ta, Văn chen người đấu hổ;
Võ vi kẻ tranh long!
Đã tham vui trên núi dưới sông,
Lòng chẳng tưởng công danh tài lợi...
Nương hang núi vắng hùm qua lại;
Dựa bên, kinh đã lánh khỏi xa.
Lấy chi dùng một tiệc hơi hà (5),
Kéo lòng mỗ lâu ngày sẽ trạnh.
Ấu là, Cung tên mang cánh;

Điu húa giắt lưng.
 Ngộ phi cầm ta hãy dương cung;
 Phùng tẩu thú tay khua bằng phủ.

Loạn viết:

Biệt tự sơn-trại vọng làm trung (6),
 Tróc lai mãnh hổ diệt quần hung (7).
 Nhận hành cá cá phi [9a] như vũ (8);
 Ác thú trùng trùng tẩu nhược phong (9).

LUU-TU *viết:*

Vọng sơn-kỳ tâm thừa bặt lạnh,
 Trông bắc-lĩnh đường chim nhẹ gót.
 Vạn trượng hôn đặng tâm mạc nại (10),
 Bất tri ngọc-hữu tại hà phương (11)?

Hựu viết:

Mãnh-hổ hựu tẩu tẩu;
 Độc trùng vật hành hành (12)!

Loạn viết:

Bộ bộ bôn lai trừ ác thú;
 Khinh khinh ngô thủ bất nhiều sinh (13).

Hựu viết:

Mới ra oai siển chí tung hoành,
 Mãnh-hổ đã thấy phoi lâm nội:

HẮC-LÂN *viết:*

Gã kia, Thăng ở mò rất quá,
 Đánh hùm mõ chết đi.
 Ai biểu đó thày lay,
 Sao không kiêng có mõ?

LƯU-TÚ *viết* :

Giống ấy là thú dữ,
 Gặp há dễ thứ tha.
 Chớ cậy tài khoe sức lướt ta;
 Đừng lớn tiếng khua môi múa mỏ!

HẮC-LÂN *viết* :

Tâm trung trấn nộ (14),
 Diện thượng sinh hoa (15)!
 Người có tài đối địch cùng ta,
 Cho biết sức anh hùng hào kiệt?

Hựu viết :

Hảo hảo tai võ dũng (16);
 Khoái khoái giả kỳ-tài (17)!

Loạn viết :

Điều-trận lẳng lẳng dương hồ lực (18);
 Xà-đồ hống hống phẫn hùng anh (19)!

LƯU-TÚ *loạn viết* :

Bào hao nhuệ khí dương ngã [9b] võ (20),
 Dũng được tung hoành sát cường phu (21).

HẮC-LÂN *loạn viết* :

Ngô sát nhĩ trận trung tử khí (22),
 Mạc khinh ngô lực bạt vô năng (23)!

HẮC-LÂN *loạn viết* :

Tại nhĩ sự sinh phi tại ngã (24),
 Bất oán thiên hề mạc oán nhân (25)!
 Xuất Lục long, vân vân... (Lưu tung phép
 sáu rồng ra).

Hạ viết :

Vậy cũng rằng hùng cứ tranh long (26);
 Phải một phép hết tài đầu hổ.
 Muốn cùng chàng giao cấu,
 Mà kết nghĩa đệ huynh,
 Tinh có khùng tinh,
 Nói cho nghe thử?

HẮC-LÂN *viết :*

Tâm đại độ, tâm đại độ (27);
 Thị hồng-ân, thị hồng-ân (28)!
 Nguyên khắc cốt minh tâm (29),
 Thệ bất vong đại nghĩa (30).

Hạ viết :

Dạ! Xin rước về sơn-trại,
 Ngõ đáp nghĩa ân-nhân (31).

Hạ viết :

Chẳng hay người quê quán phương nào,
 Xin anh tỏ-tính danh trần thuyết?

LƯU-TÚ *viết :*

Quận Lương-thành quê ở,
 Đinh-Lưu-Tú là danh.
 Tuổi vừa mới đôi mươi,
 Song thân đã chéch bóng (32).

HẮC-LÂN *viết :*

Người hai mươi tuổi lớn;
 Tôi mười chín niên-canh (33).
 Đó lớn hơn nhượng lại làm anh,
 Còn tôi, tuổi nhỏ xin làm tiểu-đệ.

Có thích huyết đòi ta đoan thệ (34),
 Mới rõ tin một tấm lòng thành.
 Xin [10a] nhân-huynh an tại thảo-trang (35),
 Mặc tiêu-đệ dùng phương mận nhạt (36).

CHÚ-GIẢI :

1. *Sơn mịch mịch* : Núi lặng lẽ. *Thủy thanh thanh* : Nước trong xanh.
2. *Hưu hưu phú quý* : Thôi thôi sự giàu sang. Bãi bỏ cả công danh.
3. *Như mao ồm huyết* : Ăn lòng uống máu tức còn cồ lỗ. *Thiên thu chi* : Chi ấy còn ngàn thu, là sống quê mùa cồ lỗ mãi cũng được hay !
4. *Tróc hồ* : Bắt cộp, *Đoạt kinh* : Bắt cả kinh, chữ Đoạt là bắt đúng hơn chữ đoan là dứt, vì âm đoạt đoan mà viết ra làm ở bản chính.
5. Tiệc hơi hà không rõ nghĩa, theo tiếng nôm của từng địa hạt.
6. *Biệt tự sơn-trại* : Giã từ nhà ở núi rừng, vọng làm trung : Trông vào trong rừng.
7. *Tróc lai* : Bắt lại, *diệt quần hung* : Giết đàn, giống dữ.
8. *Nhạn hàng cá cá* : Hàng nhạn bay từng con, *Phi như vũ* : Bay như mưa.
9. *Ác thú trùng trùng* : Thú dữ lẫn lượt. *Tẩu như phong* : Chạy như gió.
10. *Vạn trượng bốn dằng* : Muôn trượng xa ruồi rong. *Tám mạc nại* : Lòng chẳng nại bao tức ngại ngần khó nhọc.
11. *Bất tri ngọc-hữu* : Chẳng hay ai là bạn ngọc. *Tại hà phương* : Ở chỗ mò ?
12. Mãnh-hổ chớ chạy chạy. Giồng độc ác chớ đi mất.
13. Bước bước chạy lại trừ thú dữ, Tay ta nhẹ nhàng chẳng tha chết.
14. *Tám trung phấn nộ* : Trong lòng nổi giận.
15. *Diện thượng sinh hoa* : Trên mặt sinh ra đóa như hoa vì tức khí.
16. Tốt tốt thay võ dũng, câu khen đối thủ rất tài.
17. Sướng sướng vậy bậc tài lạ. Vì tự cho mình tài lại gặp kẻ tài.
18. *Điều-trận* : Trận bày ra như chim, *lăng lăng dương hồ lực* : Vượt qua như gió ra sức cộp mạnh mẽ dữ dội.
19. *Xà-dồ* : Trận thế như rắn, *Hống hống phấn hùng anh* : Gầm thét vang dội kinh khiếp, khi cố gắng sức anh hùng.

20. *Bào-hao* : Gầm lên, *Nhệ khí dương ngã vũ* : Sắc bén giở võ ta ra.
21. *Dũng đực* : Mạnh khỏe, *Tung hoành sát cường phu* : Vẫy vùng giết kẻ điên.
22. *Ngó sát nhĩ* : Ta giết mày, *Trận trung tử khí* : Chết uất giữa trận.
23. *Mạc khinh ngộ* : Đùng khi đề ta, *Lực bạt vô năng* : sức đánh không hay.
24. *Tại nhĩ sự sinh* : Sinh sự ở mày, *Phi tại ngã* : Chẳng phải ở ta.
25. *Bất oán thiên hề* : Chừ giận trời chừ, *Mạc oán nhân* : Chớ giận người.
26. *Hùng cử* : Giữ một chỗ xưng hùng, tranh long đấu hổ đã rõ nghĩa.
27. *Tâm đại độ* : Tâm lòng rộng lớn. Độ tức độ lượng bao dung.
28. *Thị hồng ân* : Đó là ơn rộng. Đáng chết lại tha mà còn kết bạn.
29. *Nguyện khắc cốt minh tâm* : Nguyên khắc xương ghi lòng nhớ ơn ấy.
30. *Thề bất vong đại nghĩa* : Thề chẳng quên nghĩa lớn.
31. *Sơn-trại* : Nhà ở núi rừng gọi sơn-trại, đáp nghĩa người có ơn.
32. Chếch bóng tức là chết, như khuất bóng không thấy âm dung nữa.
33. *Niên canh* : tuổi bao nhiêu, cũng như chữ canh-thiếp là nói về tuổi.
34. *Thích huyết* : Chích máu, *Đoan thệ* : Lập lời thề đoan chính.
35. *Nhân-huyñh* : Người anh, phải ra viết chữ Nhân là nhân nghĩa để tôn người anh bạn tốt không phải chữ Nhân là người. *An tại thảo trang* : Ở yên chốn nhà tranh ở sơn trại, sau khi Lưu kê rõ mình nấu ăn.
36. Phương mặt nhạt tức có ăn uống, từ nay ở với Hắc-Lân ăn uống đạm bạc để chờ thời, sau khi nghe Thanh-Đông dặn bảo.



CANH THỨ BẢY

TIẾT - HOÀN - CÔNG VÀ CON GÁI
NGỌC - XUÂN NÓI VỀ TÌNH DUYÊN

HOÀN-CÔNG *viết* :

Nay lão đà nhàn lạc,
Truyền chúng tướng áp hầu.
Mau kíp tới hoa-lâu,
Thăm ấu nhi bao nả?

NGỌC-XUÂN *thán viết* :

Hồi tưởng tình sâu tự biệt thì,
Tương tư ngã ý trực đê mê.
Thiên cao đặng đặng sàu vô hạn;
Nguyệt lý quang huy chiếu bất tri?
Mộng tàn bán chằm mê hồ-điệp;
Xuân tận tam canh oán tử-quy!
Cầm la trướng lý hồng trần mãi,
Hà nhật tình nhân phản bộ quy (1)?

Hựu viết :

Ý khòn lấp nẻo tương tư (2),

Phận khổ phai rồi duyên trái.
Bớ Tinh-nhân ôi!
 Chẳng nhớ thừa núi nguyên sông giải,
 Vội quên cầu giao ước Tấn Tần.
 Người lấp lưng lời cũng lấp lưng (3),
 Mới hiện (hẹn) đó vội quên lòng đó.
 Năm canh sàu vò vớ;
 Sáu khắc lệ mang mang...
 Lương-nhân hỏi lương-nhân (4);
 Lưu-Tử ôi Lưu-Tử?
 Phận trái bởi ai cắt cứ,
 Sui làm chi những sự vợ chồng?
 Khiến đêm trường đau xót tấm lòng,
 Ta quân-tử hà thời tương hội (5)?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tác quái chân tác quái (6);
 Hoặc ngôn thị hoặc ngôn (7)!
 [10b] Không tưởng đạo cha con,
 Việc nghe đã tỏ tường,
 Chớ giả hàm đòi chối!
 Ngọc-Xuân! Con cùng ai rằng vợ rằng chồng;
 Nghe những lời than lời thở?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Con chẳng than duyên trách nợ;
 Lòng không tưởng vợ ước chồng.
 Than cha già tuổi quá tri thiên (8),
 Nèn con trẻ đêm ngày ái ngại!

HOÀN-CÔNG *viết* : (9)

Lộng ngữ, lộng ngữ (10);

Khinh ngòn, khinh ngòn (11) !
 Không tưởng đạo cha con ;
 Chẳng đền ơn nhũ-bộ (12) ?
 Ngọc-Xuân ! Lời ngay tua khá tỏ lòng ;
 Lẽ vậy chớ toan giấu dạ.
 A-Hoàn ! Lệnh truyền dữ A-Hoàn !
 Nã tróc lai vắn tội (13) !

Loạn viết :

Hận nhữ cuồng nhi chân tác nghiệt (14) ;
 Thù tha nghịch tử thị dâm ô (15).

NGỌC-XUÂN *loạn viết :*

Tạ quá nghiêm-thân thi hải giốc (16),
 Thù tha ấu tử nguyện trần ngòn (17).

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Tội dĩ doanh thiên chân bất thứ (18),
 Cam vi bất nghĩa mạc vuu tha (19).

NGỌC-XUÂN *loạn viết :*

Tịch nhật Tây-hiên phùng Đinh-thị (20),
 Kiến tha tài tri phối tao-khang (21).

HOÀN-CÔNG *viết :*

Ờ ! Con nói rằng thừa trước Tây-hiên,
 Có gặp một sĩ người có tài tri,
 Con lại sánh duyên cùng Đinh-thị. Đó phải a ?

Hạ viết :

[11a] Thôi, Phút nghe qua lời nọ,
 Xây nhớ lại lòng này.
 Thừa xưa cha kết nghĩa Đào-công (22),

Cùng Đinh-thị giao hôn chỉ phúc (23).
 Nền cách trở hai phương bình tặc,
 Phút lại quên những sự lương-duyên.
 Việc chẳng qua to đở buộc chân,
 Sự ngấm bởi trăng-già lẻo mách.
 Con khá tua chớ trách,
 Già lẫn lộn tại cha.
 Con trở lại trường hoa ;
 Cha lui về công phủ.

Hạ viết :

Lệnh truyền dữ Bộ-thần,
 Sao chưa thu ứng thi ?

BỘ-THẦN viết :

Khám thừa chỉ-sắc,
 Biến vãng chư châu (24).
 Sao chưa thu lai chiếm ngao đầu (26),
 Truyền hán tử tỵu tranh hồ-bảng (27) ?

Loạn viết :

Khám thừa chỉ sắc vãng quận châu (28),
 Truyền lai hán-tử chiếm ngao đầu.
 Cá cá tài năng lai ứng cử,
 Nhân nhân tri dững đáo công thu (29).

CHÚ-GIẢI :

1. Xin dịch theo vần thơ cả 8 câu như sau :

*Tưởng lại tình sâu từ lúc biệt,
 Tương-tư ta luống những mê mang !
 Trời cao lồng lộng sâu không hạn ;*

*Trăng tỏ dầu dầy canh chẳng màng.
 Nửa giấc mộng tàn hồn bướm vẫn ;
 Ba canh xuân hết tiếng quỳn vang!
 Bụi bay bám khắp màn thêu gấm,
 Chàng đến khi nao trở lại chàng ???*

2. *Tương-lư* : Cùng nhờ nhau, trai gái nhờ nhau thành bệnh là bệnh TT.
3. *Lấp lửng* mà chẳng đúng lời, vì vắn mới gọi lấp lửng.
4. *Lương nhân* : Người tốt lành, chỉ vào người yêu vậy, chữ Kinh-Thi.
5. *Ta quân-tử* : Hỡi chàng quân-tử, *Hà thời tương hội* : Bao giờ cùng gặp.
6. *Tác quái* : Làm ra khác thường, như ma quỷ không đúng tình hợp lẽ.
7. *Hoặc ngôn* : Nói làm người làm tưởng, vì không chân chính.
8. *Tri thiên* : Biết mệnh trời, sách Luận-Ngữ nói, *Ngũ thập nhi tri thiên mệnh* : Tuổi năm mươi mà biết mạng trời mà biết phận mình.
9. Bản chính thiếu ba chữ «HOÀN-CÔNG viết» mới thêm vào cho đúng.
10. *Lộng ngữ* : Nói đùa rồn, nói liều lĩnh cùng một nghĩa ấy.
11. *Khinh ngôn* : Nói coi thường lẽ phải, nói dễ dàng việc ấy cũng vậy.
12. *Nhũ bộ* : Bú móm, cha mẹ nuôi con từ thừa mới sinh ra.
13. *Nữ tróc lai vấn tội* : Theo bắt về để hỏi tội. Vậy theo bắt chàng trai nào đã dám cùng Ngọc-Xuân hẹn ước.
14. *Hận như cuồng nhi* : Giận mảy đưa con điên, *Chán tác nghiệt* : Thực làm ra oan nghiệt (nghiệt là sự xấu, tai hại, như yêu nghiệt là quái ác).
15. Không tha thứ được. *Nghịch tử thị dám ó* : Con trái ngược đã dám ó.
16. *Tạ quả nghiêm-thần* : Tạ lỗi cha nghiêm, *Thi hải giốc* : Đem lượng bề bao dung. *Hải giốc* : góc bề tức nói rộng lượng như bề xưa kia.
17. *Thử tha, ấu-lử* : Con trẻ dại, *Nguyện trản ngôn* : Xin bày lời thực.
18. *Tội dĩ doanh thiên* : Tội đầy trời, *Chán bất thứ* : Thực chẳng tha.
19. *Cam vi bất nghĩa* : Dám làm sự bất nghĩa, *Mạc vuu tha* : Chớ oán ai.
20. *Tích nhật Tày-hiên...* Ngày trước ở hiên Tày gặp họ Đình.
21. *Kiến tha tài trí* : Thấy hẳn (chàng) có tài trí, *Phối tao khang* : Sánh làm vợ chồng. (*Tao khang* : Tắm mắt, nói vợ chồng nghèo ăn tắm vẫn thương nhau, nên chàng dù nghèo cũng kết nghĩa).
22. *Kết nghĩa Đào-Công* : Ông nhờ lại có kết nghĩa với cha chàng đây.
23. *Giao hôn chỉ phúc* : Trao đổi gả con cho vào bụng mang thai của hai bà vợ bạn, sau để bên trai bên gái gả cho nhau, từ lúc mang thai.

24. *Khâm thừa sắc chỉ* : Kính vâng lệnh vua, *Biến vãng chư châu* : Đi khắp nơi châu quận.
25. *Chiếm đầu cá ngao* vi như đồ cao (Trạng-Nguyên).
26. *Hán-tử* : Người giải văn nói hảo-hàn (đưa tốt) anh hùng, *Tựu tranh hồ-bảng* : Tới tranh lấy bảng hồ, là đồ cao từ Tiến-Sĩ.
27. Kính vâng sắc vua đi khắp châu quận, dao cho hán-tử chiếm đầu cá ngao.
28. *Kẻ kẻ tài năng lại đề thi* : Người người tri dừng đến đề thu lấy công lao dự thi văn của mình, tức cố học thi mong lấy đỗ.



CẢNH THỨ TÁM

LƯU-TỬ BIỆT HẮC-LÂN ĐI THI, GẶP CĂN ĐƯỜNG QUAY TRỞ LẠI

LƯU-TỬ *viết* :

Mảng tai nghe thánh đức,
Người mở hội cầu hiền (1).
Anh em ta bước tới kinh-thành,
Họa may gặp danh đề bảng hồ?

HẮC-LÂN *viết* :

Lòng anh còn sở mộ;
Dạ em muốn thanh nhàn.
Thưa anh! Dung cho em ở lại sơn-trang,
Miễn anhặng danh thơm hoa hạ (2).

LƯU-TỬ *viết* :

Vậy thôi, Em đã quyết lòng ở lại,
Anh nguyện xin ra tới Tống-thành.
Trước là cầu sở công danh ;

Sau ngô tìm duyên ngư thủy (3)

Hựu viết :

Nay chia nhau hai ngã ;
Mai cũng họp một nhà.
Em ở lại trang-gia ;
Anh trông chừng kinh-địa.

Văn viết :

Anh kíp trông chừng kinh-địa,
Rắp ranh từ tểch dậm Trường-an.

HẮC-LÂN *văn viết :*

Vời trông mấy dậm quan sơn,
Xúc tình sẽ tránh nghĩa nhơn kim băng (4).

Hựu viết :

Tây-kỳ phân biệt ngô huynh đệ (5),
Hậu nhật công thành tái hợp hoan (6)!

Văn viết :

Nhân-huynh! Đò đây lòng chữa sai lòng,
Kinh-sur anh đến vân-trang em về.

LƯU-TÚ *viết :*

Tiêu-đệ đã trở lại vân-trang,
Rời chân mỗ trông chừng kinh-địa.

Văn viết :

Gót mỗ trông chừng kinh-địa,
Đừng anh hùng chí dốc giềng ba (7).
Lợi danh dạ đã mơ màng,
Đai xuân mong cướp thẻ vàng dốc lý (8).

Hựu viết :

Mãnh hồ chân tác quái,
 Đón mỗ chẳng cho đi.
 Đón đó ta đi ngõ khác, Lạ này,
 Dị sự chân dị sự (9);
 Kỳ tai thị kỳ tai (10)??
 Thối thối, Người đã đón đường này,
 Thời ta qua nẻo khác.
 Thời ta đã cạn lời phân giải,
 Cớ chi [12a] người quyết dạ trở đương?
 Cớ sự này là tại người,
 Tại nhà người đem dạ chẳng lành,
 Nguyễn ra sức đánh cho biết mặt.

Hựu viết :

Quả thị thần nhân đương trở (11);
 Chân vi hiện ứng dị thường (12)!
 Mãnh-hồ kia phút đã biến thân,
 Thơ nào có chữ đề tỏ rõ?
 Việc dữ lành chưa tỏ,
 Mau đọc lại cho tường.

Độc viết :

Vật tầm danh lợi tiến văn-trường (13),
 Tam ần nhất thời đãi phụng xương (14).
 Tứ nhĩ song đao tùy tự bả (15),
 Phù chân diệt nguy tá quân-vương (16).

Hựu viết :

Thơ bốn câu đề đã rõ ràng,
 Dẫn ta rằng trở lại trang gia.
 Chờ tới vạn sẽ ra phò chúa,

Phải nghe theo lời nọ,
 Lui gót lại trang gia.
 Tếch dậm hòe quay quả hôn ba,
 Cáp trở gót trông chừng tuấn lĩnh.

Văn viết :

Trở gót trông chừng tuấn lĩnh,
 Giữ lời truyền gắng sức lòng ta.
 Những lăm bồi đắp Tống-gia,
 Trước là giúp chúa sau là hợp duyên.
 Xử toàn này nghĩa này nhân (17),
 Kính dâng nhất văn xin trình hồi hai.

CHÚ-GIẢI :

1. *Cầu hiền* : Tìm người hiền-tài, do mở hội thi lấy đỗ.
2. *Hoa hạ* : Sáng sủa đẹp, nơi Trung châu nhất là kinh thành ánh sáng, gọi là nơi Hoa-Hạ, nước Tàu mới xưng hiệu Trung-Hoa (Văn-Minh).
3. *Ngư-thủy* : Cá nước, duyên vợ chồng như cá với nước, vì cá phải sống với nước.
4. *Kim bằng* : Bạ vàng là bạ quý, có ý giao kết bền lâu nữa.
5. Đất Tây-kỳ nay chia tay anh em ta.
6. Ngày sau nên công danh lại hợp hoan (vui vẻ).
7. *Giếng ba tấc Tam cương* : Vua tôi, cha con, vợ chồng phải xử theo đạo.
8. Chữ dốt ly không hiểu nói gì.
9. Việc lạ thực việc lạ, vì cộp dừ đón đường không tránh nổi.
10. Lạ thay mới lạ thay, không hiểu ra làm sao gặp sự này.
11. *Quả thị thần-nhân dương trở* : Hẳn là người Thần cản lại mới sinh dị sự, vì tránh ngõ nào cũng gặp mà ra sức đánh cũng không xong.
12. *Chân vi hiện ứng dị thường* : Thực làm ra hiện ứng khác thường.
13. *Vật tầm danh lợi* : Chờ tìm danh lợi, *tiến văn-trường* : Tôi trường Văn.
14. *Tạm ần nhất thời* : Tạm lánh một thời, *dĩ phụng xương* : Đợi lúc tôi tốt đẹp, xương là tốt, còn phụng không đúng nghĩa.

15. *Tứ nhĩ song đao* : Cho người hai đao tức như gươm báu, *Tùy lự bả* : mang theo để tự cầm lấy dợi khi dùng.
16. *Phù chân* : Giúp vua chân chính, *Diệt nguy* : Giết kẻ gian nguy, *Tà quân vương* : Giúp nhà vua. Với thơ này Lưu-Tú sẽ biết có loạn tời đây, nên không thể dự thi đề làm quan nữa.
17. *Nhân* : Lòng yêu mọi người, *Nghĩa* : Làm theo phận sự của mình, như xử với vua với nước phải trung-nghĩa, nổi lên giết giặc là khởi-nghĩa, xử với cha mẹ là hiếu nghĩa, đối với vợ chồng là tình nghĩa, tiết nghĩa, đối với anh em là tình nghĩa, đối với bạn bè phải là tín nghĩa, vẫn gọi là trả nghĩa. Do đấy, Lễ sinh ra đề phân thứ bậc yêu người gần trước xa sau, khi đối xử mọi sự phải có Trí xét cho mình bạch, và làm việc gì cũng thủ Tín cho được tời nơi, đó là *Ngũ Thường* : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, theo nho-học khi nói tời Nhân Nghĩa là gồm có Lễ Trí Tín ở trong rồi.



QUYỂN THỨ NHẤT

HỒI THỨ HAI

(Gồm 10 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử nhớ Tiết-Ngọc-Xuân, Hắc-Lân khuyên giải.
- * 2. Chánh-Cung ám mưu với gian-thần, Tiết-Hoàn-Công bị hại.
- * 3. Tiết-Hoàn-Công dục tha tội, di dẹp giặc lập công.
- * 4. Tiết-Hoàn-Công dẹp xong giặc Hắc-Lôi-Phong Tây-Phiên.
- * 5. Lưu-Tử, Hắc-Lân thất lạc nhau sau cuộc du thuyền.
- * 6. Tiết-Ngọc-Xuân giữa đường gặp binh-gia họ Hồ giết.
- * 7. Tô-Hắc-Lân cứu Ngọc-Xuân chết giữa đường sống lại.
- * 8. Tống-Vương sau cơn ác-mộng mất di, Hồ-thị cướp ngôi.
- * 9. Tiết-Hoàn-Công bị binh Hồ đuổi đánh.
- * 10. Tiết-Hoàn-Công chạy giặc, được Lưu-Tử cứu thoát nạn.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TÚ NHỚ TIẾT-NGỌC-XUÂN,
HẮC-LÂN KHUYÊN GIẢI

LƯU-TÚ *bạch viết* :

Ngựa dội dờ sông Lạc (1) ;
Chim vỗ cánh non Châu (2) !
Sáng đèn Nam tề tề phượng mao (3) ;
Ngời đất Việt trăn trăn Lân chỉ (4) !
Quận [12b] Lương-thành quê ở,
Đình-Lưu-Tú là danh.
Song thân đà sớm viếng non xanh,
Một mình hãy nấu nướng nhà bạc (5).

Hạ viết :

Chênh chếch trăng già điêu trác,
Nỡ sui loan phượng rẽ phân.
Tuởng tình nhân thương cả xiết thương ;
Nhớ ngọc hữu lệ tuôn quá lệ.

HẮC-LÂN *viết* :

Thưa anh ! Hề người trong thế sự,

Lễ lý hợp cũng thường tình.
 Thưa anh! Hàng đọc sử kinh (6).
 Sách có chữ: «Thư trung hữu nữ,..» (7).

LUU-TU viết:

Vốn anh đã vầy duyên ngư thủy;
 Người còn chờ gặp hội phong vân (8).
 Nếu lỗi nguyên ai gọi nam nhân,
 Bằng bội ước ai rằng chỉ tin (9)?

HẮC-LÂN viết:

Thưa anh! Lỗi hẹn ấy anh rằng thất ước,
Chẳng qua, Việc ở trời há dễ tại ai?
 Xin anh gác nỗi sầu bi,
 Cũng có thừa rút giây phiến não.

LUU-TU viết:

Đình tiền điều đao,
 Hà sứ phi lai (10)?
 Trương cung nổ bài khai,
 Sạ bạch cầm lĩnh hạ (11).

Tán viết:

Hèn chi miệng thế nói rằng, nhân vật dữ đồng dà phải. Hai ta trở lại phòng văn, tha bạch hạc trường phi lĩnh hạ (12).

CHÚ-GIẢI:

1. Ngựa đội đồ do chữ *Long-mã* phụ đồ ở sông Lạc *Đồ-thư*: Sách vở, nhân đó kinh Dịch ra đời cũng như Mai-Rùa có hình Bát-quái.
2. Chim vỗ cánh tức phượng bay ra ở Kỳ-son, đều chua ở hội nhất.
3. *Tê lê phượng mao*: Rõ ràng lòng phượng, nói con nói cao quý, giống chim đẹp ở lòng, lòng phượng, đề ví nói nào giống ấy.

4. *Trần trần Lân-chỉ* : Rờ rờ gót lân chừ kinh Thi nói gót con Kỳ-Lân không dầy xẻo sinh vật kể cả giống cỏ, là một vật rất nhân-tử, đề vi bậc Thánh, gót lân ở kinh Thi nói nời giống quý, nời cái chân, cái gót con Lân trung hậu như lòng con Lân. Nay chim vỗ cánh bay từ non Kỳ, ngựa đội đồ từ sông Lạc, mà sang đất Việt-Nam sinh ra Phượng với Lân là chức Việt-Nam sinh Thành-quân đem lại thịnh trị.
5. Nhà bạc dầy tức nhà nghèo sống đơn giản vậy.
6. Sữ-ký học đề biết chinh-trị từng thời ; Kinh học đề biết đạo-lý.
7. *Thư trung hữu nữ nhan như ngọc* : Trong sách có gái đẹp như ngọc, là nói do học trong sách làm nên sẽ có gái đẹp, có cả phú quý nhà vàng do cầu : *Thư trung tự hữu hoàng-kim ốc*, đề khuyên cố chi học hành.
8. *Phong* : Gió, *Vân* : Mây, do câu *Hồ tọng phong long tọng vân*, có gió mây là có cạp rồng, vì vua tôi gặp gỡ cho cơ hội làm nên.
9. Chỉ tin, chữ sách Đại-Học dạy : *Bằng hữu chỉ ư tin*, là bè bạn phải giữ tin nghĩa với nhau, không sai lời mới kết giao với nhau được.
10. *Đình tiền điều đạo* : Trước sân đường chim, *Hà xứ bòn lai* : Ở đâu bay tới ?
11. *Trương cung nỗ bài khai* : Giở nỗ cung bày ra, *Sạ bạch-cầm lĩnh hạ* : Bắn chim trắng (hạc) xuống dưới núi.
12. *Tha bạch hạc trường phi lĩnh hạ* : Thả hạc trắng bay xa dưới núi.



CẢNH THỨ HAI

CHÁNH-CUNG ÂM MƯU VỚI GIAN-THẦN, TIẾT-HOÀN-CÔNG BỊ HẠI

BỘ-THẦN *viết :*

Tôi vâng lời Thừa-Tướng,
Dạy đem bức tâm-thư (1).
Muôn [13 a] việc đã rõ ràng,
Bà xem qua thời biết.

CHÁNH-CUNG *viết :*

Xem thư nội lòng mừng chi xiết,
Thái-Nữ! Thái-nữ mau đòi ả Cơ-Chu. *Đày!*

CƠ-CHU *viết :*

Thần Cơ-Chu ứng hậu cung-vi (2),
Ngưỡng vạn vọng Mẫu-hoàng vạn tuế! Vạn vạn
tuế (3) !!!

CHÁNH-CUNG *viết :*

Cửa nhật phân tình tử muội (4),

Kim chiều hạnh ngộ nhất trường (5) !
Thái-Nữ! Truyền mở tiệc hồng,
 Mau nhất chám chén nhận.

CƠ-CHU viết :

Bầm lệnh bà! Bà từ vào cấm-viện,
 Tôi trở lại phùng dân.
 Người quyền cao dẫu dám tới gần,
 Thán hạ tiện phải theo phận bạc.

CHÁNH-CUNG viết :

Ngẫm lòng ta cũng biết,
 Lọ người phải cạn lời.
Hễ là, Tổ phú quý hành hồ phú quý (6);
 Tổ bần tiện hành hồ bần tiện (7).
Cũng phải, nhưng mà,
 Nay ta đã có lòng tưởng đến,
 Lại e người không dạ kính thờ?

CƠ-CHU viết :

Thưa, Lòng người đã rộng suy,
 Tôi dám dẫu hẹp dạ.

CHÁNH-CUNG viết :

Lòng người đã quyết tưởng,
 Khả phụ nhĩ thính lai (8).
 Việc chớ lậu sáu tai (9),
 Mà làm chưng hoạn nạn.

CƠ-CHU viết :

Bà đã cậy dạ!
 Tôi phải hết lòng.

Mặt già chón lâu-hồng;
Chán [13b] lui ra các hạ (gác ngọc) (10).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Lão vãng lời thành-đế,
Ra tuyền sĩ cầu hiền.
Vấn-trường nay đã mười ngày,
Sao Đinh-thị tuyết vô âm-tin (11)?
Xúc tình già nhớ đến,
Trạnh nổi trẻ trái duyên.
Ngưỡng diện khiêu thiên thương (12);
Đề đầu ta địa hậu (13)!

CƠ-CHU *viết* :

Tôi vãng lời thành-đế,
Đòi Lão-tướng ứng hầu.
Khá vào chón long-lâu,
Giảng Võ-kinh ngự khán (14)!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Khâm thừa vương mệnh,
Tu chính y quan (15).

Tán viết :

Như lão nay, Phò Tống-trào từ thừa thanh my, chỉ
ư bạch phát, giai vô thứ lý, do hà thánh-đế đòi lão
dèm khuya, lòng lão phứt hồ-nghi, lẽ chưa tường cơ
sự, sách xưa hằng có chữ rằng: « Thần sự quân dĩ lễ,
quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành, dạ gian dĩ chúc
cầu minh » (16).

Hựu viết :

Quán! Truyền đăng chúc huy hoàng (17),

Đặng cho lão ứng hầu Kim-khuyết (18)!

Hựu viết :

Này, Ngự-giá vắng nơi long-các (19),
Xe rồng không thấy tây-lầu?
Khôn biết ngự phương nào,
Vội vàng mau lui bước.

CHÁNH-CUNG viết :

Tàn ngược chán tàn ngược (20);
Gian hung thị gian [14 a] hung (21)!!!
Cả tiếng kêu lục viện tam cung (22),
Cuồng phu tới thám cung dâm loạn (23).

HOÀN-CÔNG viết :

Lâm đại biến, lâm đại biến (24);
Quả nguy tai, quả nguy tai (25)!!!
Thiên táng ngô Tiết-thị;
Địa mai ngã Hoàn-gia (26).
Bình địa khởi phong ba (27);
Vô đoan tào ngộ hại (28)!

Hựu viết :

Khai bả đặng giải thoát,
Túng bộ tâu khinh khinh (29).

VƯƠNG viết :

Sao Hoàn-Công đem thối bạc tình,
Tội đã đáng phân thân muôn đoan.

HOÀN-CÔNG viết :

Muôn tâu! Luận lẽ tội kia đã đáng,
Nghiem tình rất ngấm hàm oan.

Như tôi, Thường tắm lửa Thành-Thang (30);
 Từng soi gương Thái-Sử (31),
 Dễ chẳng hết lòng phò chúa,
 Dám đâu học thói Tào-Man (32).
 Cúi đầu nhờ lượng thánh-hoàng,
 Xin xét tình ngu hạ (33)?

VƯƠNG viết :

Hữu lệnh sắc hề hữu ác đức (34);
 Hữu sảo ngôn hề hữu phản tâm (35)!
 Trẫm khôn thứ loạn thần,
 Gã chớ che lượng thánh.
 Nội-Thị mau vâng lệnh,
 Đòi Thái-sư cùng gã Hàn-Khanh.
Hai người, Việc chớ khá riêng tình,
 Phó hai người lĩnh mệnh.
 Hỏi cho ra cung án,
 Rồi trẫm sẽ duyên hình (36).
 Tra trở lại long-đình,
 Bách quan lui gác tía.

HỒ-NGẠN viết :

Quân! Hạ lệnh [14b] truyền quân sĩ,
 Dẫn tù gã Hoàn-Công.

Hữu viết :

Hoàn-Công! Vả ta anh em đồng liêu (37),
 Lời ngay vậy khá tua nói thử?
 Lệnh trên thiên-tử,
 Người đã nãi ban (38).
 Khuyên anh tua tỏ thừa lòng vàng;
 Kéo sau lại mễch chung bạn ngọc?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Nghe lời xét mặt,
 Thấy nói nực cười!
 Mèo mang xuyên hạt ấy người;
 Khỉ đội đầu khăn là gã (39).
 Chối thây ai mưu trá,
 Làm cho mõ mắc hình.
 Như lão dầu hồn xuống suối vàng,
 Đặng cho gã ra vào bệ-ngọc.

HỒ-NGẠN *viết* :

Gan dầu sôi sùng sục;
 Mặt lửa dậy hàng hàng!
Quán! Lệnh truyền dữ quán nhân,
 Đốt lửa hồng khảo gã.

HÀN-KHANH *viết* :

Quán! Quán nhân tua khoan dã,
 Đặng cho lão phân qua.
 Đã hay rằng vàng lệnh Hoàng-gia,
 Tinh cũng có đồng liêu chi nghĩa.

HỒ-NGẠN *viết* :

Lời anh phân thậm phải;
 Lòng tôi cũng biết thương!
 Vì Lão-tướng lớn gan,
Quán! Đốt lửa hồng cấp khảo!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Thái-Sư! Kiến căn voi chỉ ngựa;
 Ngao lường bề dẽ sòn (40)!
 Vì dầu người trăm giạ mười hờn,

[15 a] Nhọc quân chúng chi mòn dạ lão.

HÀN-KHANH viết :

Tôi phân lời nhân đạo,
Giúp anh cũng chẳng nghe.
Giã Thừa-Tướng còn ngồi (41),
Tôi trở về dinh liêu.

HỒ-NGẠN viết :

Người Hàn-Khanh nghịch ý,
Tra mình mỗ khôn đương.
Quân! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Giám gã vào ngục nội.

CHỮ-GIẢI:

1. *Tâm-thư* : Thư nói kín về tâm sự không cho ai ngoài biết.
2. *Ứng hậu cung-vi* : Ứng hầu chốn cung cấm bà Hoàng ngự.
3. *Ngưỡng vạn vọng Mẫu-Hoàng,..* : Ngửa lên muôn điều trông Bà Vua.
4. *Cửu nhật phân tình tỷ muội* : Lâu ngày chia tình chị em.
5. *Kim chiêu hạnh ngộ nhất trường* : Buổi nay may gặp một nơi.
6. *Tố phú quý hành hồ phú quý* : Vốn giàu sang làm theo giàu sang.
7. *Tố bần tiện hành hồ bần tiện* : Vốn nghèo hèn sống theo nghèo hèn.
Đây chữ sách *Trung Dục* dạy gặp cảnh-ngộ nào xử theo cảnh ngộ ấy.
8. *Khả phụ nhĩ thỉnh lai* : Nên kè tai nghe nói tới (vì việc kín).
9. *Lậu sáu tai là đồ người thứ ba biết, bởi sáu tai tức có ba người.*
10. *Lui ra gác ngọc nhà vua, hay lui ra dưới gác, nguyên bản* : các hạ.
11. *Tuyệt vô âm-lin* : Đứt đi không tin tức nghe tiếng ở đầu.
12. *Ngưỡng diện khiêu thiên thương* : Ngửa mặt lên kêu trời xanh.
13. *Đé đầu ta địa hậu* : Cúi đầu than đất dày (Cao dày không thấu cho).
14. *Giảng Võ-Kinh ngự khán* : Giảng sách dạy võ cho vua nghe (Ngự : Vua).
15. *Tu chính y quan* : Sửa áo mũ chỉnh tề.

16. *Từ chữ : Thần sự quân dĩ lễ* : Bày tời lấy lễ thờ vua. *Quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành* : Mạng vua vời (mời) có khi gấp chẳng kịp lễ nghi xe cộ phải đến ngay. *Dạ gian dĩ chúc cầu minh* : Ban đêm lấy đuốc soi cho sáng, cho khỏi có sự gi ám muội.
17. *Truyền dưng chúc huy hoàng* : Sai phải đèn đuốc rõ ràng.
18. *Kim-khuyết* : Cửa đèn vàng, nơi vua ngự gọi là Kim-khuyết.
19. *Ngự-giá* : Xe vua, vua đi dạo cung này diện khác phải có xe rồng.
20. *Tàn ngược* : Tàn hại, làm hại, ngược lại, trái lẽ, như làm đảo lộn.
21. *Gian hung* : Kẻ gian bất chính làm mờ ám, hung tợn như cừơng hiệp.
22. *Lục viện* : Sáu viện của các bà phi, mỗi viện có một bà đứng đầu để lo mọi việc trong cung vua, về áo quần, ăn uống... *Tam cung* : Hoàng-Hậu vợ Chánh, Thứ của nhà vua, ở trên lục viện phi tần.
23. *Cưỡng phu* : Kẻ điên khùng. *Thâm cung dám loạn* : Dám hỗn đâm vởi vợ vua ở cung sâu kín.
24. *Lâm đại biến* : Tội lúc biến lớn. Bản chính viết sai chữ *Lâm* : Rừng.
25. *Quả nguy tai* : Hẳn là nguy lắm thay! Bị sa vào cạm bẫy.
26. Trời chôn danh họ Tiết ta ; Đất vùi dập khí tiết nhà Hoàn ta.
27. *Bình địa khởi phong ba* : Đất bằng bỗng nổi sóng gió như sóng bể.
28. *Vô doan tào ngộ hại* : Không manh mối gì mà bị gặp tai hại.
29. *Tùng bộ lâu khinh khinh* : Cất bước chạy đi nhẹ nhẹ cho chóng.
30. Tám lửa Thành-Thang không thấy diễm, sách Đại-Học chỉ chép vua Thang có đề chữ ở chậu rửa mặt là : *Nhật tân, nhật nhật tân* : Ngày mới, ngày ngày mới, mới về tu đức để lo cứu giúp thiên hạ.
31. Gương Thái-Sử là lấy Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên làm gương soi chính vởi tà, bởi gian là Sử-Ký còn lưu tiếng mãi.
32. Tào-Man tức Tào-Thức, làm Thừa-Trưởng đời Tam-quốc, đã uy hiếp vua Hán để cho con là Tào-Phi cướp ngôi, y là một tay gian hùng nhất.
33. *Ngu-hạ* : Kẻ dưới ngu dốt, các quan vẫn tôn vua là Thánh còn mình là ngu-hạ.
34. *Hữu lệnh sắc* : Có sắc đẹp hay hình thức đẹp, *Hữu ác đức* : có nét xấu ở trong nhan sắc, hình thức đẹp để che ngoài.
35. *Hữu hảo ngôn* : Có lời tốt, nói hay, *Hữu phản tâm* : Có lòng phản bội.
36. Hối cung khai thành án, rồi mới làm-tội là *duyễn hình*.
37. *Đồng liêu* : Cùng làm quan vởi nhau, tức là bạn.
38. *Nãi* : bèn, tiếng chữ dùng lẫn vào nhiều chỗ, xin cứ theo bản chính.

39. Mèo mang xuyên hạt, khỉ dội đầu khăn, đều loài thú không đáng vận y phục loài người, cầu chười Hồ-Ngạn gian dối như loài thú.
40. Con kiến nhỏ cắn voi, vôi lấy ngao (cái đầu, cái ca,..) mức nước bề như không thấm vào đầu. Vậy tra khảo ông cũng chẳng biết đau, mà hỏi ông cũng khôn lường được như ngao mức nước bề.
41. Hồ-Ngạn khi viết là Thừa-Tướng lúc viết Thái-Sư đều là chức to đứng đầu trăm quan như Thủ-Tướng đời nay vậy.



CẢNH THỨ BA

TIẾT-HOÀN-CÔNG ĐƯỢC THA TỘI,
ĐI DẸP GIẶC LẬP CÔNG

QUÂN BÁO *viết* :

Kim Tây-di giấy động hùng binh,
Sách tuần mã hồi triều phi báo (1).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ vọng triều nghi (2),
Báo lai cơ sự đặc tường tri (3).
Vi thần tử tận tâm báo chủ (4);
Vi tử đương kiệt lực sự thân (5).
Dạ! Ngai vàng phủ phục,
Bệ ngọc khấu đầu.
Kim Tây di phấn phát qua mâu,
Sát Tổng tướng đoạt thâu quan ải (6).

VƯƠNG *viết* :

Loài Tây-di khởi nguy;
Đảng Hồ tặc tác loạn!

Lời phán hỏi bách quan,
Ai ra trừ Tây tặc?

HÀN-KHANH viết :

Cắt mũ tâu qua Thiên-tử,
Cởi đai nộp trước ngai vàng.
Xem nội triều ít mặt anh hùng ;
Nhắm dưới trướng không người hào kiệt.
Xin lệnh trên xuống phúc,
Tha tội gã Hoàn-Công,
Trước là chàng tảo tạn Tây-nhung (7),
Sau nhà gã dĩ công thực tội (8) !
[15b] Vậy mới đặng vững bền cơ hội ;
Vậy mới yên thiên hạ bốn phương !
Lời tâu trước Tòa-chương (9),
Xin Thánh hoàng nhậm tấu (10) !

VƯƠNG viết :

Lời lão-quan tâu thậm phải,
Chính hợp trăm tâm trung.
Võ-Lâm ! Hạ lệnh truyền cho Võ-Lâm-quân (11),
Tuyên Lão-tướng Hoàn-Công nhập các (12).

Hạ viết :

Lão-quan ! Trăm nay xuống phúc,
Dĩ đức nhiều sinh,
Sắc sai người bình khẩu Phiên-thành,
Quản vạn đội dẹp an Tây địa.

HOÀN-CÔNG viết : *Phụng mệnh*

Hạ viết :

Con ! Nay cha vàng sắc-chỉ,

Ra dẹp đảng Tây di.
 Con ở nhà gìn giữ gia-đường,
 Dặng cha đến biên-thùy phủ trấn (13).

NGỌC-XUÂN viết :

Dạ! Sợ nỗi cha già tuổi lớn,
 È khi gởi mác' năm sương.
 Con trẻ xin theo rỗi Thung-đường,
 Ngõ đợi thuở phò nguy trợ nhược (14).

HOÀN-CÔNG viết :

Con bao lăm thao lược,
 Khiến ra chốn chiến trường?
 Liệu mình già trạc mã đề thương,
 Nát thân lão chọn ngay cùng chúa.

QUÂN-NHÂN viết :

Cúi thân qua trường hồ,
 Quan Thiếu-Phó tới dinh (15).

HOÀN-CÔNG viết :

Hoang mang lễ tiếp bạm vàng,
 Cung thỉnh nhập vu đường thượng!

HÀN-KHANH viết :

Nay anh vàng thánh chỉ,
 Ra Tây địa phủ an.
 [16a] Nhìn kim băng lệ nhỏ chứa chan,
 Tưởng ngọc hữu lòng thêm áo não!
 Trách mấy Hồ-gia vô đạo (16),
 Làm cho nhà nước đảo huyền (17).
 Nay anh ra trọng trấn giới biên,
 Việc trào nội không ai tin thấu.

HOÀN-CÔNG viết :

Một phen mang tiếng xấu,
 Ngàn thuở nghĩ khó mua.
 Xấu hổ này triều sĩ khôn che,
 Nhớ nhục ấy thần dân khó giấu.
 Ngay thẳng nào ai có biết,
 Tiếng phản thần vốn lão chịu oan!
 Như sau dầu vừng đặt giang san,
 Lão-phu nguyện xuất gia đầu Phật (18).
 Tôi ra trấn phủ an Tây tặc,
 Anh ở nhà cho lo việc Tống triều.
 Sau dầu có lẽ tiêu hao,
 Tin cho lão tùy cơ toán biện (19).
 Anh trở về dinh liêu,
 Tôi ra trận hưng binh.
Chúng Tướng! Lệnh truyền tiến mã binh,
 Vọng đồng-quan trực chỉ.

QUẢN bàn viết :

Dương xích si, dương xích si (20),
 Phấn hùng binh, phấn hùng binh (21).
 Nguyễn táo thanh Phiên khấu, Nguyễn táo thanh
 Phiên khấu (22),
 Phấn lực tung hoành, phấn lực tung hoành (23).

HOÀN-CÔNG loạn viết :

Phụng lệnh Hoàng-gia vãng Tây biên (24),
 Thân pha thiết giáp độ tranh tiên (25).
 Dương oai phá địch trừ hung bối (26),
 Trục tiến Tây-phiên khử bạo tàn (27)!

CHỮ-GIẢI :

1. Sách tuần mã : Ra doi đánh ngựa khỏe đề chạy.

2. *Hoang mang đoạt lộ* : Nội vàng cướp đường đi. *Vọng triều nghi* : Ngóng về trào nghi.
3. *Đắc tường tri* : Được rõ biết cơ sự khi lại báo.
4. *Vì thần tử* : Làm tòi như con, *Tận tâm báo chủ* : Hết lòng báo ơn chúa.
5. *Vì tử dương kiệt lực sự thần* : Làm con nên hết sức thờ hai thần.
6. *Sát Tổng Trường đoạt thu quan-ải* : Giết Trường nhà Tổng cướp ải-quan.
7. *Tây-nhung* : Rợ mọi bên Tây gọi là nhung địch, như Nam man, Đông di.
8. *Dĩ công thực tội* : Lấy công kia chuộc tội này.
9. *Tòa-Chương* : Cung điện vua cũng gọi Tòa-chương.
10. Nhậm tấu như nhậm ngôn là bằng lòng lời tâu, lời nói của Bè-Tôi.
11. *Võ-Làm-quân* : Quân canh ở cung điện vua, như Ngự-Làm-quân.
12. *Nhập các* : Vào trong Nội-các, tức bàn giấy nhà vua đặt ở trong các.
13. *Biên-thùy* : Ven cõi đất nước, *Phủ-trấn* : Võ yên dân và giữ ở đó.
14. *Phò nguy* : Giúp lúc bị nguy, *Trợ nhọc* : Đỡ khi yếu sức.
15. *Thiếu-Phó* : Quan làm thầy vua thuộc *Tam-Công* : Thái-Sư, Thái-Phó, Thái-Bảo, và *Tam Cố* : Thiếu-Sư, Thiếu-Phó, Thiếu-Bảo, Cố-Vấn Tối Cao.
16. *Hồ-gia vô đạo* : Họ Hồ làm điều trái đạo, các quan đã biết rõ rồi.
17. *Đảo huyền* : Lộn ngược lại. Phe trung-thần này đã không chịu được.
18. *Xuất gia* : Ra khỏi nhà, không theo đời sống với xã-hội nữa, đề đầu Phật tức theo Phật tu cho siêu thoát thế gian.
19. *Tùy cơ* : Lựa theo chiều, *Toán biện* : Tính toán ứng đối.
20. *Dương xích lại* : Giỡ ra cò đở.
21. *Phấn hùng binh* : Đưa sức binh dòng.
22. *Nguyện tẩy thanh Phiền khấu* : Thề quét sạch giặc Phiền.
23. *Phấn lực tung hoành* : Cố gắng sức vẫy vùng.
24. *Phụng mệnh Hoàng-gia vãng Tây biên* : Vâng lệnh nhà vua ra bên Tây.
25. *Thần pha thiết-giáp độc tranh tiên* : Minh mặc giáp sắt tranh đi trước.
26. *Trực tiến Tây phiên khử bạo tàn* : Tới thẳng nước Phiên bên Tây để trừ lũ bạo tàn, làm loạn Trung-quốc.



CẢNH THỨ TƯ

TIẾT - HOÀN - CÔNG DỆP XONG GIẶC
HẮC - LÔI - PHONG TÂY - PHIÊN

LÔI [16 b] -PHONG *xướng viết* :

Uy dăng vũ trụ trấn hùng hào (1),
Dững dợc thòi sơn chi khi cao (2).
Hống hống uy phong dương sắt sá (3);
Lăng lăng nhuệ khí nhiệm bào hao (4)!

Hựu viết :

Quyền phụ tá Liêu-triều (5),
Ngò nãi Hắc-Lôi-Phong thị dã.
Tự phụng mệnh hưng binh quan hạ (6),
Sâm giới biên đoạt thủ Tây-kinh (7).
Nhân sao vắng bắt Tống binh,
Không kể ra tài đấu hổ?

QUÂN-BÁO *viết* :

Dạ! Chúng tôi bộ tốt,

Tuần thú ải đồng.
 Bình Tống triều mẫn dã lác sơn (8),
 Vậy nên phải về đây phi báo.

LÔI-PHONG viết :

Văn ngôn chán khoái ý (9),
 Thính thuyết thậm hán hoan (10)!
Quán! Lệnh truyền dữ quán nhân,
 Khai thành môn cự chiến.

Hạ viết :

Trận tiền khan kiến,
 Đại tiểu liên thanh (11)!
 Sao cả gan dám đến nộp mình,
 Không sợ chữ «Nhục huyền hổ khẩu» (12)?

HOÀN-CÔNG viết :

Cầm thay loài Phiên khấu,
 Sao chẳng xét thừa mình?
 Đã dung cho một cõi biên-thành,
 Sao còn hãy xâm lăng giới địa?
Phiên tặc! Đem binh về Phiên quốc,
 Thời ta hãy thứ tha.
 Bằng dấy động mâu ma,
 Ất khôn dung mạng gã?

LÔI-PHONG viết :

Tâm trung [17a] khởi hỏa,
 Diện thượng thông hồng (13).
Chúng Tướng! Truyền đại tiểu tam quân,
 Bỏ trận cầm lão tặc!

Hạ viết :

Hảo hảo tại dũng được;

Khoài khoài đã kỳ lai!

Loạn viết:

Lưỡng quốc bài khai chiến trận trung (14),
Đề thương trạc mã tự thần-long (15).

HOÀN-CÔNG *loạn viết:*

Lãng lãng phấn kích dẫu anh hùng (16),
Lâm liệt giao phong nhĩ ngã công (17).

LÔI-PHONG *loạn viết:*

Sắt sá huyền thiên uy hống hống (18);
Bào hao động địa lực oanh oanh (19)!

HOÀN-CÔNG *loạn viết:*

Hồ lữ tung hoành dương bạch nhận (20);
Sà-dồ tằm sát phấn kim-sang (21).

LÔI-PHONG *viết:*

Chúng nó đà tầu thoát vọng phong (22),
Truyền kích cồ tiến công quan ải (23)!

HOÀN-CÔNG *viết:*

Quân! Truyền tam quân trá bại,
Ngò cản hậu sát lai (24).

Hựu viết:

Đã trừ an cường khấu Tây di,
Truyền chúng tướng nhập thành an tức.
Quân! Trao tam quân tướng sĩ;
Cùng các ấp thôn dân.
Phát lương tiền bố thí bần dân (25),
Truyền lê thứ an cư lạc nghiệp (26).
Nay lão đã trừ an Phiên khấu,

Nó chẳng còn dấy động qua máu.
 Giờ phải, Tu biểu-văn hồi tấu triều-đó,
 Cho Thánh-thượng ngộ thông tin [17b] tức.

QUÂN-NHÂN viết :

Khám thừa trưởng phủ (27),
 Phụng mệnh lai triều.

HOÀN-CÔNG viết :

Chu-Thanh! Chu-Thanh người sá gáp,
 Đem thơ lại gia đình.
 Rước ái-nhi tề tựu Tây-thành,
 Ngõ phụ tử nhất trường hoan lạc.

CHU-THANH viết :

Vâng Gia-gia trở lại gia đình,
 Thượng tráng mã trông chừng kinh địa.

Vãn viết :

Tráng mã trông chừng kinh địa,
 Cúi đầu từ bái biệt rời chân.
 Nhọc nhằn chi sá thân tôi,
 Thảo cha ngay chúa nghĩa nhân vẹn toàn.

CHÚ-GIẢI :

1. *Uy dăng* : Oai ra, *Vũ trụ* : Bờ cõi đất nước, *Trấn hùng hào* : Nổi tiếng anh hùng hào kiệt khắp trong bờ cõi.
2. *Dũng dục thời sơn* : Mạnh mẽ xò non đồ, *Chi khí cao* : Chi tâm và khí thế cao cả, muốn thâu gồm thiên hạ.
3. *Hống hống* : Gào thét vang rầm, *Uy phong dương sắt sá* : Oai phong nổi giận lên thét mắng, nhà võ nóng tính không vừa ý gầm lên mà khiếp.

4. *Khí sức bén vượt lên, nhiệm* : Thả sức tự mình. *Bào hao* : Gầm gừ dữ dội.
5. Liâu, xứ xa, triều Tây nhưng ở xa Trung-quốc cũng gọi là nước Liâu.
6. *Tự phụng mệnh hưng binh quan hạ* : Từ khi vàng mạng đem binh ra ải quan.
7. *Sâm giới biên đoạt thủ Tây-kinh* : Lấn ven cõi cướp lấy Tây-kinh.
8. *Mãn dã* : Đầy đồng, *Tắc sơn* : Chật lấp lối đi như núi cản.
9. *Văn ngôn chân khoái ý* : Nghe nói thực sướng cho ý ta.
10. *Thính thuyết thậm hân hoan* : Nghe nói rất vui mừng (được đánh giặc).
11. *Trận tiền khan kiến, đại tiểu liên thanh* : Nom thấy trước trận, cười to luôn tiếng. Có ý ngạo nghễ tự đắc coi thường.
12. *Nhục huyền hồ khẩu* : Thịt treo cửa miệng hùm sẽ bị nuốt tươi ngay.
13. *Tâm trung hỏa khởi, diện thượng thông hồng* : Trong lòng lửa bốc vì giận, trên mặt đỏ suốt cả lên, vì tức khí như thẹn quá.
14. *Lưỡng quốc bài khai chiến trận trung* : Hai nước bày ra trong chiến trận.
15. *Đề thương trạc mã tự thần-long* : Cầm sang nhảy ngựa tựa con rồng thần, biến hóa nhanh mạnh.
16. *Lãng lãng phấn kích* : Vượt lên đánh kích, đấu với bậc anh hùng.
17. *Lãm liệt giao phong* : Dữ dội đua nhau, *Nhĩ ngũ công* : Ta người đánh.
18. *Sất sà huyền thiên* : Thét mắng rầm trời, *Uy hống hống* : Oai vang dội.
19. *Bào hao động địa* : Gầm lên động đất. *Lực oanh oanh* : Sức ghê khiếp.
20. *Hồ lý tung hoành* : Đoàn binh hồ vẫy vùng. *Dương bạch nhận* : Giơ mũi sắc bén.
21. *Sà đồ trần sát* : Trận rã bày ra chém giết. *Phấn kim-sang* : Đua ganh cái kim sang, quyết trừ đối địch.
22. *Vọng phong* : Nghe ngóng tiếng gió bụi quân địch mà khiếp chạy.
23. *Kích cổ* : Đánh trống, đề đánh lên cửa ải. Bản chính 6 chữ, thêm chữ công là tấn công, nếu đề chữ thu vào là tiến thu cũng có lẽ.
24. *Truyền tam quân trá bại* : Giả vờ thua nó, đề ta cần sau giết tời.
25. *Bổ thí bần dân* : Giúp cho dân nghèo tiền lương thu được của giặc.
26. *Lê* : dân đen, *Thứ* : Dân đông; *An cư* : Ở được yên. *Lạc nghiệp* : Vui làm ăn.
27. *Trướng phủ* : Nơi làm việc nghiêm cần gọi là màn-trướng, hồ-trướng...



CẢNH THỨ NĂM

LƯU - TỬ, HẮC - LÂN THẬT LẠC NHAU SAU CUỘC DU THUYỀN

THỦY-TRIỀU *xương viết :*

Lộng lạc du sơn thế giới trung(1),
Hoang mang hải ngoại điềm khi hùng(2).
Sơn thủy tú thanh đồng nhật nguyệt(3);
Âm dương tạo hóa quán kiên khôn(4)!

Hạ viết :

Quyền chưởng giới long-cung,
Ngô nãi Thủy-Triều thị dã.
Nay tỉnh Tống-triều xã tắc
Thế đà mới nước phân vân.
Giả Xa! Truyền Giả-Xa lên rước Hắc-Lân,
Về Thủy-diện đặng truyền điện kể.

LƯU-TỬ *viết :*

Thồn thức bấy lòng vàng;
Mơ màng thay dạ ngọc!

Nhớ tới nhân tình hồn dục đoạn (5),
 Trương tư nhan sắc mộng bất thành (6)!

HẮC-LÂN viết :

Xin nhân-huynh gác nổi sầu bi,
 Cũng có thươ [18a] ly trung sạ hợp (7).
 Tạo thuyền loan một chiếc,
 Huynh đệ xuống du hồ.
 Mặc chí vui bến bạc non xanh,
 Dẫn thông thả cầm xoang thơ vịnh.

LƯU-TÚ viết :

Hề-dồng! Hề-dồng con sá gấp,
 Mau sắm sửa thác nang (8).
 Đều bước xuống thuyền lan (loan),
 Giã từ nơi sơn lộ.

Vãn viết :

Sơn lộ trông chừng Vị-thủy,
 Giải cơn buồn phỉ chí lãng vân (9).

HẮC-LÂN vãn viết :

Giữ lòng gắng sức keo sơn (10),
 Hiếu trung dốc tạc nghĩa như lo đèn.

LƯU-TÚ vãn viết :

Lèo đưa gió thuận đau phiền,
 Tránh lòng nhớ đến thuyền quyên lại buồn!

HẮC-LÂN vãn viết :

Đoái nhìn non nước hữu tình,
 Kia câu Hàn-Tin nọ ghềnh Lã-Công (11).

LƯU-TÚ *viết* :

Thấy bốn phương sóng bủa trùng trùng,
Nhìn tám hướng nước sôi rờn rợn,

Hữu viết :

Chân ngộ hại, chân ngộ hại(12);
Thị nguy tai, thị nguy tai(13)!!!
Thiên táng ngộ huynh đệ(14);
Địa mai ngã anh hùng(15)!

HÈ-ĐỒNG *viết* :

Bớ Bác! Giống chi đã lớn lại dài,
Ngăn thuyền lại không cho đi tới?

HẮC-LÂN *viết* :

Kinh ngư chân tác quái, tác quái(16);
Ngạc ngư thị bắt nhân, bắt nhân(17)!
Ta cùng ngroi vô cứ vô căn,
Ngăn [18b] thuyền mỗ phòng toan hại mỗ?
Ngroi khá tua dây đó,
Đặng cho mỗ qua đây,
Quyết siền chí thần oai,
Sát lý ngư hải đề.

LƯU-TÚ *viết* :

Ta hiền đệ, ta hiền đệ(18);
Mệnh tảo vong, mệnh tảo vong(19)!
Thống thiết đã kim bằng;
Ai tai hồ ngọc hữu!!!

Thán viết :

Ai hồ ngọc hữu lệ sần sần(20),
Áo nảo tình thâm cát đoạn tràng(21)!

Thống hận lý ngư chân tác nghiệt (22),
Ta hồ hiền đệ mệnh hư nhiên (23)!

HÈ-ĐỒNG *viết :*

Thưa bác! khi nầy tôi,
Can chú chẳng nghe,
Chú hạ nhẹ xuống sông,
Lý-ngư nuốt còn chi là chú?

Hự viết :

Đã bớt con phong vũ,
Xin cậu giám sàu bi.
Tôi xuống thuyền chèo dọc theo sông,
Đặng tìm kiếm cốt hài an táng (24).

LƯU-TỬ *viết :*

Dòng châu tuôn lộp độp,
Mắt ngọc ứa chan chan.
Huỳnh đệ bản nhất đường (26),
Kim chiêu, phản lưỡng lộ (27).

Hự viết :

Hè-đồng con chịu khó,
Đạo thầy, tứ gắng công.
Trương huồm loan tếch dậm sông ngân,
Họa may gặp táng an hài cốt (28).

Vãn viết :

May gặp táng an hài cốt,
Người ở đời như bọt nước sôi.

Hự viết :

Chùng chiêm hải đề tâm nhược cát (29),
Trực khán thanh vân chí [19a] mấn sàu (30).

Văn viết :

Đòi người khác thẻ phù-vàn(31),
Sớm còn tối mất công phu lỗ làng.
Ngửa than thời vận gặp ghềnh,
Rẽ phân nhân nghĩa đoạn tình biệt ly.

THỦY-TRIỀU *viết :*

Linh dược ba hòn đưa gã,
Bảo đao một cái cho chàng.
Dầu gặp ai tử tại lộ đồ (32),
Chàng ra sức cứu người làm nghĩa.

Hựu viết :

Truyền Giả-Xa mau gấp,
Đưa gã lại dương-trần.
Giữ lời dặn ân cần,
Ta hồi Linh-Thủy-động (33).

HẮC-LÂN *viết :*

Thiên hà hại, thiên hà hại (34);
Địa nhân nhân vong, địa nhân vong (35)!
Kham thán dã nhân huynh,
Ai ta hồ ngọc hữu!

Thán viết :

Khả tích kim-bằng tư ly biệt (36),
Bất tri hà xứ mịch tầm chi (37)!
Tích niên thích huyết đồng tương thệ (38),
Kim nhật ai tình độc tảo quy (39)!

Hựu viết :

Việc ngấm đà hiền hách (40),
Khi nầy thấy một người.

Bèn cho ta linh dược, bảo đao,
Dẫn sau để cứu người tử lộ.

Hựu viết :

Cát đoạn ngô phủ phế (41);
Thống thiết ngã kim bằng (42).
Đoái ba vôi lạ cảnh khác đường,
Lần dậm liễu ngô tim ngọc hữu.

Văn viết :

Dậm liễu ngô tầm ngọc hữu,
Trạnh lòng vàng khô [19 b] héo đòi con.
Tuyết dậm tin nhận lũng sâu,
Nước nhờ dòng sóng trắng chim vì mây.

Hựu viết :

Chùng chiêm giang hải thủy du du (43),
Nảo thống ngô tinh tâm đoạn đoạn (44).

Văn viết :

Tưởng là kết nghĩa tình giao,
Keo sơn lòng dạ chi người mạch sâu!

CHỮ-GIẢI :

1. *Lộng lạc* : Sênh sang chơi đây đó, *Du sơn* : Chơi non núi, *Thế giới trung* : Trong cõi đời. Ý nói dạo chơi khắp cõi đời.
2. *Hoang mang hải ngoại* : Có nghĩa mơ màng ngoài bể, *Điềm khí hùng* : Điềm thắm khí hào hùng của một vị thần-tiên.
3. *Sơn thủy tú thanh* : Non nước tốt xanh. *Đồng nhật nguyệt* : Cùng mặt trời mặt trăng. Có nghĩa khi nhật nguyệt lỏ thì non nước tốt xanh.
4. *Âm dương* : hai khí nóng lạnh. *Tạo hóa* : Hóa có tan không là trời đất. *Quán kiến khôn* : Khắp trời đất.
5. *Hồn dục đoạn* : Hồn muốn rút tức muốn lia khỏi xác là chết đi.

6. *Trong tư nhan sắc* : Cùng nhớ nhan sắc người đẹp. *Mộng bất thành* : Nằm mơ muốn gặp mà không thể gặp nhau. Mơ mộng cũng không thành.
7. *Lý trung sự hợp* : Trong lúc chia lìa chợt hợp mặt, Là sự không ngờ.
8. *Thác nang* : Túi đầy đựng đồ dùng, như hành-lý đời nay.
9. *Chi lừng vản* : Chi muốn vượt lên tới mây xanh là nói chi cao.
10. *Keo sơn* là sơn keo gắn chặt hai thứ, đề ví không thể rời nhau.
11. *Câu Hàn-Tin*, tích xưa Hàn-Tin lúc hàn vi phải câu cá kiếm ăn, sau làm nên Nguyễn-Nhung tạo cơ nghiệp nhà Hán; *Lã-Công* tức Khương-Thượng khi còn nghèo câu cá sông Vị, sau ra giúp Võ-Vương nhà Châu diệt vua Trụ nhà Thương. *Ghềnh Lã-Công* là nhớ lại lúc còn câu cá.
12. *Chân ngộ hại* : Thực là gặp tai hại.
13. *Thị nguy tai* : Hẳn nguy thay! Tức không cứu vãn lại được.
14. *Thiên tàng ngộ huynh đệ* : Trời chôn chết anh em ta.
15. *Địa mai ngã anh hùng* : Đất vùi rập anh hùng của ta.
16. *Kinh-ngư tác quái* : Cá kinh to lớn thực làm tai quái.
17. *Ngạc-ngư thị bất nhân* : Cá ngạc ấy bất nhân (chẳng nhân) gì hết.
18. *Ta hiền-đệ* : Hỡi ôi em hiền.
19. *Mệnh tảo vong* : Mạng mất sớm. Lưu-Tú cho Hắc-Lân đã chết rồi.
20. *Ai hồ ngọc hữu* : Thương ôi bạn ngọc. *Lệ sần sần* : Lệ chảy đầm đìa.
21. *Áo não tình thâm* : Buồn bã tình sâu. *Cắt đoạn trường* : Cắt ruột gan.
22. *Thống hận lý-ngư* : Đau giận cá lớn (lý đây một dặm tạm nói cá to, nó chính cá thần không trừ nổi). *Chân tác nghiệt* : Thực làm tai nghiệt.
23. *Ta hồ hiền-đệ* : Hỡi ôi em hiền. *Mệnh lưu nhiên* : Mạng trôi rồi.
24. *Cốt hài an táng* : Táng yên xương hình người chết.
25. *Huynh đệ bản nhất đường* : Anh em vốn ở một nhà.
26. *Kim chiếu phân lưỡng lộ* : Ngày nay chia đôi ngã.
27. *Sông Ngân* là sông nước bạc tức sông nước bạc màu lên.
28. Như bọt nước sôi là nổi lên có rồi lại tan ngay đi như không.
29. *Chừng chiêm hải dề* : Lặng xem đáy bể. *Tâm như cát* : Lòng như cát.
30. *Trực khán thanh vân* : Xem thẳng mây xanh. *Chi mẫn sầu* : Chi đây buồn.
31. *Phù-vân* : Mây nổi rồi lại tan đi, không được bền lâu.

32. *Tử tại lộ đồ* : Chết ở đường đi.
33. *Hồi Linh-Thủy động* : Về động nước-thiên của vua Thủy.
34. *Thiên hà hại* : Trời sao nỡ hại.
35. *Địa nhãn vong* : Đất nỡ làm mất đi.
36. *Khả tích kim-bằng tư lý biệt* : Đáng tiếc bạn vàng nay lia biệt.
37. *Bất tri hà xứ mệnh tâm chi* : Chẳng hay chỗ nào để tìm kiếm đây.
38. *Tích niên thích huyết đồng trong thệ* : Năm xưa uống máu cùng thề.
39. *Kim nhật ai tình dục lão quy* : Ngày nay tình thương một mình mất sớm đi.
40. *Hiền hách* : Sự thiên liêng rõ rệt, vì chàng chết rồi sống lại.
41. *Cát đoạn ngô phế phủ* : Cát đứt ruột phổi ta.
42. *Thống thiết ngã kim bằng* : Đau đớn bạn vàng của ta.
43. *Chừng chiêm* : Lặng xem, *Giang hải thủy du du* : Sông bể nước mênh mang.
44. *Não thống ngô tình* : Đau đớn tình ta, *Tâm đoạn đoạn* : Lòng đứt rứt.



CẢNH THỨ SÁU

TIẾT-NGỌC-XUÂN GIỮA ĐƯỜNG GẶP GIA-BINH HỌ HỒ GIẾT

NGỌC-XUÂN *thán viết* :

Ngưỡng diện khiêu thiên sầu đoạn đoạn(1);
Đê đầu phủ địa lệ manh manh(2)!
Hoài vọng phụ thân tâm áo nảo(3),
Ai tai! Lưu-sĩ biệt tình nhân(4).

Hạ viết :

Cha kể từ ra dẹp Tây-phiên,
Con lo nổi thiên khê viễn thiệp(5).
Thương nghiêm-phụ tấm lòng dẽ xiết,
Nhớ tình nhân tác dạ héo hon!
Biết bao giờ cha đặng thấy con;
Trông bao thuở chồng cho gặp vợ?
Đêm năm canh vò võ;
Ngày sáu khắc chiu chiu...
Khôn ngơ nổi mạch sầu,
Nên hao phiền má phấn.

CHU-THANH *viết :*

Tôi vâng lời Gia-lão,
 Dạy đem bức tám thư.
 Muốn việc phải trình qua,
 Xin Công-nương khán quá.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Hảo dã, hảo dã (6);
 Chí hoan, chí hoan (7)!!!
 Mừng phụ-thân đẹp đặng Phiên-bang,
 Toại ấu tử tâm trung hỷ lạc!

Hữu viết :

[20 a] Người tạm lui mặt thất (8),
 Ta sấm sửa thác nang.

HỒ-NGẠN *viết :*

Nghe Hoàn-Công đẹp đặng Phiên-bang,
 Cho Bộ-hạ về nghinh Công-nữ (9).
 Ta chẳng toan làm dữ,
 Rửa sao đặng thù nhà?
Hiền-đệ! Hiền-đệ mau phấn phát màu ma,
 Đón yếu lộ tảo trừ Tiết-thị (10).

THÁI-HÀ *viết :*

Thừa nhân-huynh lệnh dạy,
 Quyết lĩnh mệnh thi hành.
 Quản hổ-lữ phục binh (11),
 Báo Tiết-gia chi hận.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Quán! Lệnh truyền quân chúng,
 Kịp rẽ xe loan.

Vàng lệnh cha ra chốn ải-quan,
 Noi đường nhận trông chừng dấu thỏ.

Văn viết :

Đường nhận trông chừng dấu thỏ,
 Gió lèo đưa khi thuy thành thoi.
 Phấn vua quyền cả tay đòi,
 Trăm hoa đua nở chốn nào cũng xuân.
 Kia mai nợ liễu đòi ngàn,
 Gấm kia ai dệt rõ ràng thức máy?

THÁI-HÀ *viết :*

Ngọc-nữ cấp bó tay,
 Chu-Thanh mau chịu trời.
 Anh mỡ sắc sai vấn tội,
 Nhữ tào (12) tua khả lai hàng?
 Nhược phấn động can qua,
 Ất đầu treo mũi bạc!

NGỌC-XUÂN *viết :*

Ta người trong thủy thỏ,
 Vốn không thói gian thần.
 Ngâm không có tội chi,
 [20b] Xin Tướng-quân giảm nợ?
 Cấp trở về mặc mỡ ruồi rong,
 Chớ đón lại ất làm tay thiệp!

THÁI-HÀ *viết :*

Xung quang cạnh phát,
 Diện thượng lời oanh (13)!
 Xúc phạm ngã uy phong,
 Thệ bất dung thốn thảo (14).

Hựu viết :

Mồ hôi chưa ướt giáp,
 Chu-Thanh đã mạng vong.
Quân! Lệnh truyền dữ quân nhân,
 Kịp (bữa) phủ vảy Tiết-thị.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Nguy tiền chí, nguy liền chí (15);
 Khổ đương nhiên, khổ đương nhiên (16)!
 Hoàng-Thiên hỏi Hoàng-Thiên!
 Sinh ngã hà hại ngã?

Hựu viết :

Tiền tiền binh lai mãn dã (17);
 Hậu truy chi tứ hương giao công (18).

THÁI-HÀ *viết :*

Khôn thoát khỏi lưới hồng,
 Khả thẳng thân hạ mã (19).

NGỌC-XUÂN *viết :*

Cầm thay loài yến lược,
 Dám đua sức phượng-hoàng (20)!
 Quyết vạ đoạn toái phân (21),
 Nguyễn nhất trường thành bại (22).

THÁI-HÀ *viết :*

Mới ra oai một phút,
 Tiết-thị đã mạng vong.
Quân! Lệnh truyền dữ quân trung,
 Khả hồi thành an tức.

CHÚ-GIẢI :

1. *Ngũông diện khiếu thiên sâu đoan đoan* : Ngửa mặt kêu trời sâu dứt dứt. Đứt ruột gan đau lòng mọi nỗi.
2. *Đề dầu phủ địa lệ manh manh* : Cúi đầu xuống đất lệ đầm đìa.
3. *Hoài vọng phụ thân tâm áo não* : Mong nhớ cha mình lòng buồn bực ;
4. *Ai tai ! Laru-sĩ biệt tình nhân* : Thương thay Laru-sĩ mối tình kia.
5. *Thiên khê viễn thiệp* : Lặn lội xa ngàn khe suối.
6. *Hảo dã* : Tốt vậy, hay lắm.
7. *Chi hoan* : Rất sướng.
8. *Mật thất* : Nhà kín, nhà riêng. Thác nang đã chua.
9. *Công-nữ* : Con gái Quan-Lôn. Vậy họ Tiết là tước Công sao mà gọi là Hoàn-Công, con gái cũng là Công-nương, hay lối hát quen miệng?
10. *Yếu lộ* : Ngõ hẻm chỗ nào đó không ai biết, đề trừ họ Tiết đi.
11. *Quản hồ liễu* : Coi đám binh dữ như cọp, *Phục binh* : Binh nấp sẵn chờ đánh bất ngờ.
12. *Nhữ tào* : Lũ người.
13. *Xung quang cạnh phát* : Giận sáng mắt nảy lửa mạnh ra. *Diện thượng lôi oanh* : Trên mặt thét lên vẻ mặt dữ dằn như sấm sét.
14. *Xúc phạm ngữ uy phong* : Nói chạm đến oai phong ta. *Thệ bất dung thốn thảo* : Thề chẳng dung tha tấc cỏ, là chết hết sạch.
- 15-16. *Nguy tiến chí* : Nguy đưa đến ; *Khô dương nhiên* : Khô hẳn rồi.
17. *Tiền tiến binh lai mãn dã* : Binh đầu tới trước đầy đồng.
18. *Hậu truy chi tứ hướng giao công* : Sau đuổi theo tám mặt đánh về.
19. *Khả thẳng thân hạ mã* : Nền xuống ngựa trời mình lại.
20. *Loài yến tước* : Chim chích, *Phượng hoàng* : Chim lớn thuộc Tứ Linh.
21. *Quyết vạn đoan toái phân* : Quyết xé tan muôn mảnh thịt mây ra. Bản chính viết *Tối* phân sai với chữ *Toái* là xé. *Tối*, *Toái*.
22. *Nguyện nhất trường thành bại* : Nguyên một phen thua được.



CẢNH THỨ BẢY

TÔ - HẮC - LÂN CỨU NGỌC - XUÂN CHẾT GIỮA ĐƯỜNG SỐNG LẠI

HẮC-LÂN *viết* :

Phụ-nhân đầu tử tại lâm trung,
Mà mình có trùng lâm thương-tích (1)?

Hạ viết :

Nghĩ lại bây giờ mới biết,
Tiên nhân người có dặn ta.
Linh được nợ kíp hòa,
Đồ cho người làm nghĩa.

NGỌC-XUÂN *thán viết* :

[21a] Châu chìm lĩnh bắc;
Khói tỏa hồ Tây (2) !
Ta thiên ý do hà bất chiếu (3);
Thán hồng nhan bọ khởi vô tri (4)?

Hạ viết :

Quyết vạ đoạn toái phân,

Thệ bất dung đảng nịnh (5)!

HẮC-LÂN viết :

Tu định tỉnh, tu định tỉnh;
Vật kinh tâm, vật kinh tâm (6)!!!

NGỌC-XUÂN viết :

Mặt nhìn đã thiệt,
Đa tạ ân nhân!
Ân đã so cúc dục chi ân (7);
Đức ấy sánh kiền khôn chi đức (8).

HẮC-LÂN viết :

Nàng khá bày căn tích;
Cho ta tỏ rõ nguyên do (9)?
Duyên nào đến chốn lộ đồ,
Mà lại tử nơi chiến địa (10)?

NGỌC-XUÂN viết :

Quê nhà thành thị,
Danh hiệu Ngọc-Xuân.
Cha tôi Tiết-thị Hoàn-Công,
Quyền biên ngoại Tây-thành trọng trấn.
Tôi đã vầy duyên Tần Tấn,
Nguyễn cùng Đinh-thị Lưu-sinh (11).
Vâng lệnh cha ra chốn Tây-thành,
Bị Hồ-thị tiên thù sát hại (12).

HẮC-LÂN viết :

Phút nghe qua lời nọ,
Nhường đao cát tâm can (13)!
Kim-bằng hỏi kim-bằng;
Ngọc-hữu ói ngọc-hữu!!!

NGỌC-XUÂN *viết* :

Do hà tráng sĩ (14),
Lệ nhiễm sàu bi?

HẮC-LÂN *viết* :

Dạ thưa chị! Luru cùng tôi kết nghĩa kim-bằng,
Hằng nương ngu vãn sơn thác tích (15).

Như anh tôi, Bữa [21b] bữa luống trông giai
ngẫu (16);

Ngày ngày nhớ đến quý-nương.

Bèn tạo chiếc thuyền lan,

Huynh đệ du hồ thưởng nguyệt (17) ...

Nổi phong ba cách biệt (18),

Tự nhiên hạ lạc giới hà (19).

Tư thời huynh đệ biệt ly,

Thử sự tồn vong vị hiệu (20)?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Phản phử phủ, phản phử phủ;

Thống can trường, thống can trường (21)!!!

Kim nhật tồn vong phản ~~lưỡng~~ lộ (22),

Thiên thu cát đoạn táng Sâm, Thương (23)!

Thán viết :

Kham tích lương nhân tâm áo não (24),

Thống thiết can trường lệ lâm ly (25)!

Đã ước bách niên nghi gia thất (26),

Thùy tri kim nhật tảo hà quy (27)?

Hạ viết :

Chấn thâm khê lòng lại trưng tư,

Bệnh còn hầy trùng lâm yếu đuối.

Tướng-quân đã có lòng thương tôi,

Đưa thiệp ra chón Tây-thành.
 Kéo ở đây sơn dã một mình,
 Bằng qua đó khôn thông đường sá.

HẮC-LÂN viết :

Thưa chị! Tuy một ngày gá nghĩa,
 Song cũng đạo chị em.
 Xin ở đây nương náu qua ngày,
 Tiểu đệ sẽ đưa ra tới đó.
 Kéo Tây địa đường xa diệu vợi,
 Chị vốn thời yếu đuối đàn bà.
 Minh lại thêm thương tích bôn ba,
 Đã nhường ấy đi sao cho [22a] tiện?
 Xin chị tua gắng sức,
 Nương ngụ chón vãn sơn.
 Bệnh chị lành em hãy đưa sang,
 Vì anh phải nghĩa đền cho chị.

NGỌC-XUÂN viết :

Buồn bực tấm lòng thồn thức,
 Bâng khuâng dạ tự kim châm.
 Nhớ thân sinh lưỡng mục ứa dầm,
 Thương bạn ngọc song màu lã chã.

Hựu viết :

Em chị ta, ngụ chón vãn sơn,
 Chờ mạnh khỏe lần qua Tây địa.

NGỌC-XUÂN thán viết :

Trường dạ cô miên chăm bán khuyh (28),
 Sầm văn cổ lậu tiệm lê-minh (29).
 Giác lai vị đồ trình chân mộng (30),
 Yếu xứ nan lường họa phúc sinh (31)!

CHÚ-GIẢI:

1. *Tử tại lâm trung*: Chết ở giữa rừng nơi vắng. *Trùng lâm thương tích*: Làn lượt lấm vết thương grom máu.
2. Đứng ra thì châu chìm hồ Tây, khói lửa núi bắc, mà nói ngược lại.
3. *Tu thiên ý do hà bất chiếu*: Than ý trời bởi đâu chẳng soi xét.
4. *Thán hồng nhan họa khởi vô tri*: Than mà hồng nhan tội không hay?
5. *Thê bất dung đảng nịnh*: Thê chẳng tha đảng nịnh là phải giết.
6. *Tu định lĩnh*: Nên định tâm lĩnh lại. *Vật kinh tâm*: Chớ sợ, yên tâm.
7. *Cúc dục*: Nuôi nấng, so cứu sống lại vì bằng cha mẹ;
8. *Kiên khôn*: Trời đất, đức sánh che đất chở. Nàng sống lại thấy một thanh niên cứu sống phải tạ ơn bằng những lời này, bởi nàng đã có chồng, nếu như kẻ khác chưa chồng vẫn nói suốt đời đáp lại tức lấy nhau.
9. *Căn tích*: Cõi rễ. *Nguyên do*: Nguồn gốc từ đâu?
10. Sao lại chết giữa đường rừng, lại nhiều vết thương như bị trận mạc đánh nhau với binh tướng?
11. Đây nàng nói rõ chồng là Lưu-Tú, cho thiếu niên kia khỏi bắt đền ơn bằng cách kết duyên khi cứu tử.
12. *Tiền thù xác hại*: Vì thù xưa mà giết hại nàng.
13. *Đao cắt tâm can*: Dao cắt ruột gan, là đau xót trong lòng.
14. *Tráng sĩ*: Người ít tuổi khỏe mạnh lại hào hiệp vì nghĩa nữa.
15. *Thác tích*: Gửi thân ở đó, như để dấu vết (tích) sau này, đi ăn dật thường gọi thác tích, bởi chỉ không ở mãi chỗ này, còn mong làm quan giúp nước, lúc còn ở chỉ gọi thác tích mà thôi.
16. *Giai ngẫu*: Lừa đôi tốt đẹp.
17. *Huỳnh đệ du hồ thưởng nguyệt*: Anh em chơi sông thưởng trăng trên thuyền.
18. *Phong ba cách biệt*: Sóng gió mà cách xa nhau, tức bị đắm thuyền.
19. *Tự nhiên hạ lạc giới hà*: Bồng đầu rơi xuống cõi sông đáy nước.
20. *Thử sự tồn vong vị hữu*: Việc này sống chết chưa rõ. Hắc-Lân đầu đảm chắc Lưu-Tú chết, còn mời Ngọc-Xuân ở với mình để trị bệnh.
21. *Thống can trường*: Đau ruột gan.
22. *Kim nhật tồn vong phân lưỡng lộ*: Ngày nay chia đôi ngã mất còn.
23. *Thiên thu cát đoạn lúng Sâm Thương*: Ngàn năm cát đứt mất đi như hai sao Hôm Mai không bao giờ gặp nhau được.

24. *Kham tích lương nhân tâm áo não* : Đáng tiếc người yêu lòng buồn bã.
25. *Thống thiết can trường lệ lâm ly* : Đau xót ruột gan lệ đầm đìa.
26. *Đãn ước bách niên nghi gia thất* : Những ước trăm năm nên nhà cửa.
27. *Thùy tri kim nhật lão hà quy* : Ai hay hôm nay sớm mất đi.
28. *Trường dạ cô miên chầm bán khuyh* : Đêm dài ngủ mình nghiêng nửa gối.
29. *Sâm văn cổ lậu liệm lê minh* : Chợt nghe Đồng-hồ đã tạm sáng ra.
30. *Giác lai vị dĩ trình chân mộng* : Tỉnh ra chưa rõ báo mộng thực.
31. *Yếu xú nan lường họa phúc sinh* : Chỗ cần khó đoán ra họa hay phúc đưa tới.



CẢNH THỨ TÁM

TỔNG-VƯƠNG SAU CƠN ÁC-MỘNG MẮT ĐI,
HỒ-THỊ CƯỚP NGÔI

VƯƠNG *viết* :

Nội-Thị! Lệnh truyền Nội-Thị,
Đòi gã Hàn-Khanh!

HÀN-KHANH *viết* :

Thần Hàn-Khanh ứng hậu hoa-đình,
Chúc Thánh-thượng tung hò vạn tuế! Vạn vạn
tuế!!!

VƯƠNG *viết* :

Mời Lão-quan an vị,
Rồi trăm sẽ trần tình.
Nhân rày tiều-dạng chẳng an (1),
Bèn thấy chiêm bao quái-nghiệt (2)!

HÀN-KHANH *viết* :

Cho kẻ hạ-thần hầu bút chỉ.

VƯƠNG viết :

Nội-Thị! Bút chỉ,
 Thấy hùm nọ choán vào cấm-hạç,
 Rõng kia phút bay dài.
 Thấy học trò cầm viết ca tay,
 Chỉ rõng nọ tự nhiên trở lại.
 Như điềm ấy khôn thông [22b] lợi hại, ;
 Luận lẽ kia khó định cát hung (3)?
 Lão-Trưởng từng vạ quyền thiên kinh,
 Đoán nhất mộng quả-nhàn (4) nghe thử?

HÀN-KHANH viết :

Thoảng nghe qua tự sự,
 Điềm ấy ắt chẳng lành.
 Thấy hùm kia đột nhập mòn thành,
 Tội e nổi Hồ-gia phản chúa.
 Luận hẳn lẽ Rõng là Vương vị,
 Thấy học trò cầm viết chỉ rõng.
 Học trò ấy chẳng là chữ Sĩ?
 Luận cho đến minh ư trên dưới,
 Loạn Tống-triều nhất thập nhất niên (5).
 Rõng trở lại để đồ khôi phục (6).

VƯƠNG viết :

Lão-quan phân hơn thiệt,
 Trâm giác liễu tâm trung (7).
 Thứ-Phi mạch dựng thai-bào (8),
 Hậu sản hùng bi vị xác (9)?
 Trâm đầu có sớm rời xe hạç,
 Biết lấy ai chống vững nghiệp hồng? (10)
 Nhìn ngoài màn thiết kẻ văn-phòng (11);
 Xem trong trường không người (12) mưu lược.

Hạ viết :

Trăm cái chưng quốc mạch (13),
 Ngọc-ấn nãi cho chàng,
 Khả hết lòng gìn giữ miếu-đường (14),
 Cho chọn chữ trung quân ái quốc.

HÀN-KHANH *viết :*

Chịu ấn ngọc trăm chiều ruột thắt,
 Nhìn Hoàng-gia mấy đoạn đau lòng!
 Cúi đầu bái tạ sân rồng,
 Trở gót lui nơi [23a] cấm-hạ.

VƯƠNG *viết :*

Đoái giang sơn bát ngát,
 Tưởng sự nghiệp mơ màng.
 Lệnh truyền dữ Thị-Thần,
 Đòi Hàn-Khanh ứng hậu.

HÀN-KHANH *viết :*

Thần Hàn-Khanh ứng hậu cung trung,
 Chúc Thánh-thượng tung hô vạn tuế! Vạn vạn
 tuế!!!

VƯƠNG *viết :*

Mặt nhìn Quốc-Lão,
 Lệ ngọc chứa chan!
 Trăm thế đà ngũ tạng chẳng an (15),
 Đòi chàng tới ký cò thác tử (16).

HÀN-KHANH *viết :*

Muòn tàu Bệ-hạ,
 Điều dưỡng tâm thần.
 Đã có tôi giúp máy sẵn dùng,
 Xin lượng thánh dưỡng an quý-thề!

VƯƠNG viết :

Giã từ triều-sĩ,
 Khấp hết bách quan.
 Vin đầu rồng thoát hóa xe loan;
 Nương tán phượng xa rời Thánh-giá (17).

TAM CUNG đồng thân viết :

Ta Bệ-Hạ, ta Bệ-Hạ;
 Thân Hoàng-gia, thân Hoàng-gia (18)!!!
 Hà nhãn vong xã tắc;
 Hà nhãn biệt sơn hà???

HÀN-KHANH viết :

Vật ai bi, vật ai bi;
 Tu yếm lệ, tu yếm lệ (19)!
 Nào giờ tôi, Biết mưu chi thi kế,
 Mà cứu lấy Mẫu-hoàng?
 Đứng ngồi rất khó toan,
 Tôi lui đà khó liệu.
 Đã khòn phương quyền biến (20);
 Lại khó chước phò nguy.
 Ngoài thành lửa cháy muốn xe;
 Trong trướng nước voi một gáo (21).

Hạ viết :

Thậm hảo, thậm hảo;
 Chi [23b] hoan, chi hoan (22)!
 Quán! Truyền kích cổ đặng văn (23),
 Hội bách quan thương nghị.

BÁCH QUAN viết :

Do hà kích cổ,
 Thần đặng nan tri (24)?

HÀN-KHANH viết :

Nay Thánh-hoàng tiên cảnh xa chơi,
Kịch cồ hội bách quan thương nghị.

HỒ-NGẠN viết :

Ta Bệ-Hạ, ta Bệ-Hạ;
Thán Tiên-hoàng, thán Tiên-hoàng (25)!!!
Thần kim nan kiến diện,
Phụ tử biệt Sàm, Thương!

Hựu viết :

Bách quan! Lời hỏi hết bách quan,
Lo kể nào nói thử?
Sách xưa còn có chữ,
Câu: «Nhất nhật vô Vương,.. (26)
Ai nấy dễ chẳng lường,
Phải phân cho cạn tiếng?

HÀN-KHANH viết :

Lệnh trên Thánh-Dế,
Cưỡi hạc châu trời.
Nội triều tôi xem cũng ít người,
Ngôi Thiên-Tử phải lo cho đáng mặt.
Một người cầm mỗi nước,
Trăm họ khỏi đảo huyện.
Có chẳng Thừa-Tướng mới nên,
Trong triều sĩ không người đáng mặt.

HỒ-NGẠN viết :

Lẽ ấy ta đầu quyết trước,
Sự này lo mặt dễ từ.

HÀN-KHANH viết :

Truyền văn võ bách quan,

Tôn Hồ-gia tước vị (27).

HỒ-VƯƠNG viết :

Thay đời ra trị,
Trẫm hiệu Hồ-Vương.
Nói hiền xưa lập kỷ trần cương (28);
Rồi thành trước khai cơ dựng nghiệp (29).

Hạ [24a] viết :

Hiền đệ mau sá gấp,
Quản hồ-lữ thiên viên.
Cấp tới chốn trần biên,
Tróc Hoàn-Công vấn tội!

CHỮ-GIẢI :

1. *Tiền dạng* : Thần thể, chẳng an là yếu đau.
2. *Quái nghiệt* : Là lòng quái gỡ, khác những sự thường.
3. *Lợi hại* : Hay gỡ, lợi thiệt. *Cát hung* : Tốt xấu, lành dữ.
4. *Quả-nhân* : Vua tự xưng mình với mọi người như tiếng ta, tôi,..
5. *Nhất thập nhất niên* : Mười một năm. Chữ *Thập* trên chữ *Nhất* là chữ Sĩ, *Hùm nhập thành ứng vào họ Hồ* là cáo như cọp dữ, *Rồng* là vua, Tống-trào bị mất ngôi 11 năm, sau dòng nhà Tống trở lại Đê-dò lấy lại, dòng nhà Tống phải chạy ra ngoài.
6. *Rồng trở lại Đê-dó*, tức là Rồng con sau này, mà sĩ cầm viết tức là Lưu-Tử một thư-sinh chưa thi đỗ làm quan.
7. *Giác liễu tâm trung* : Tỉnh trong lòng nghĩ ra.
8. *Mạch dựng bào-thai* : Có mang thai.
9. *Hậu sản hùng bi vị xác* : Sau đẻ con trai chưa chắc. Kinh-Thi nói : nằm mơ thấy con hùm gấu (hùng bi) là điềm đẻ con trai.
10. *Nghiệp hồng* : Nghiệp lớn, tức làm vua, *hồng* là lớn vậy.
11. *Văn phòng* : Quan văn, ngoài màn trướng lo mưu kế.
12. *Mưu lược* : Tính toán. *Màn trướng* tức Cơ-Mật-viện thăm nghiệm.

13. *Quốc-mạch* : Vận nước, cải quốc mạch đoán sự đổi thay.
14. *Miếu-Đường* : Nhà vua ngự nơi cung điện, xưng *Miếu* là nơi tôn kính phụng sự cho cả thiên hạ, mà Vua Thay Trời Làm Đạo.
15. *Ngũ tạng* : Tim, gan, phổi, cật, lá-lách trong bụng người.
16. *Kỳ cò* : Gửi con mồ côi cha. *Thác tử* : Gửi việc khi chết. Đây Thứ-Phi chưa sinh Hoàng-nam mà vua sắp mất đã dặn lời Hàn-Khanh.
17. *Thánh-giá* : Xe vua như Ngự-giá.
18. *Ta Bệ-Hạ* : Hối ỏi Bệ-Hạ. *Thán Hoàng-giá* : Than tiếc nhà vua.
19. *Vật ai bi* : Chờ sầu thương quá. *Tu yếm lệ* : Nền gạt lệ để lo tang sự.
20. *Quyền biến* : Lựa theo nhiều đề xử, có khi phải trái đạo thường.
21. Lửa cháy ngoài thành, gáo một chút nước khó tưới tắt, trong Trường tức người thân của vua là Ông khó cứu mọi việc sây tới.
22. *Thậm hảo* : Rất tốt. *Chi hoan* : Thực vui sướng.
23. *Kích cỡ* : Đánh trống. *Đưng văn* : Khiến trăm quan nghe việc gấp.
24. *Do hà kích cỡ* : Vì sao đánh trống. *Thần dẳng nan tri* : Lũ tôi khó biết.
25. *Tiền Hoàng* : Vua đã mất, thường gọi vua đời trước là vậy.
26. *Nhất nhật vô Vương, bách linh giai huyền đảo* : Một ngày không có vua, trăm họ đều đảo lộn, ai cũng nuôi mộng làm vua sinh rối loạn.
27. *Tức vị* : Lên ngôi vua.
28. *Lập kỷ trần cương* : Gày dựng mới giường trị nước, kỷ cương như Hiến-pháp; người ta vẫn nói : Thời nào kỷ cương ấy.
29. *Khai cơ dựng nghiệp* : Tức làm vua nhân Thánh-Vương trước mà đặt ra lễ chế, pháp luật cho nghiệp lớn lâu dài.



CẢNH THỨ CHÍN

TIẾT-HOÀN-CÔNG BỊ BINH HỌ HỒ ĐUỔI ĐÁNH

HOÀN-CÔNG *viết* :

Từ sai kẻ phản hồi gia nội,
Do sao vắng lại ăi-lang?
Thồn thừe bấỵ lòng vàng;
Bàng hoàng thay tấc dạ!

Hựu viết :

Ta mới trông nơi trướng hạ (1),
Tin nhà phút đã về đây.
Nhân sao có Chu-My,
Nói đặng ta nghe thử?

BỘ-THẦN *viết* :

Dạ! Từ vàng lời Gia-lão,
Trở về rước Công-Nương.
Bị Hồ-gia sát hại giữa đường,
Con nguy hiểm thế cô nan địch (2).
Tam quan đà bại tầu,

Trăm tướng cũng vong thân.
 Một mình thoát khỏi trận trung,
 Về thừa lại Gia-gia đặng tỏ!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tam hồn táng loạn (3);
 Ngũ tạng hồn mê!
 Thống thiết đã ngộ nhi,
 Ai tai hồ ấu-tử!

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thân qua trường hồ,
 Có Sứ đảo ngoài thành (4).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Hạ lệnh dữ tam quân,
 Khai thành môn tiếp sứ.

THẠCH-HỒ [24b] *viết* :

Nay lệnh trên Thiên-Tử,
 Đà cưỡi hạc: châu trời.
 Anh mô lên sửa trị Tống-triều,
 Tróc Lão-tướng hỏi triều vấn tội?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Ta sự nghiệp, ta sự nghiệp;
 Thán Hoàng-Thiên, thán Hoàng-Thiên (5)!!!
 Tiên-Hoàng hỏi Tiên-Hoàng;
 Bệ-hạ ôi Bệ-hạ!!!

THẠCH-HỒ *viết* :

Lão tướng vật ưu phiền,
 Khá bó tay chịu tội?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Thỉnh thuyết tâm trung khởi hỏa (6);
 Văn ngôn ngữ nội yên phi (7).
 Cầm mấy đảng muông dè,
 Giận thay loài khuyển mã (8)!

THẠCH-HỒ *viết* :

Ngô văn hỏa phát,
 Thỉnh thuyết yên phi (9).
 Lệnh truyền dữ tam quân,
 Bó trận cầm lão-tặc (10)!

Hưu viết :

Hoàn-Công chân dững dưng,
 Lão tướng thị đại tài!
 Truyền chúng tướng sát lai,
 Tiến truy binh giả mại (2).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Ngò đại bại, ngò đại bại;
 Tặc tiến truy, tặc tiến truy (12)!
 Sách thần-mã cao phi,
 Tầm sinh phương tầu thoát (13).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ tầu sinh phương (14),
 Bòn đảng thiên lý thoát tai ương (15).
 Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ (16),
 Ai tai! Bệ-hạ lệ nan can (17)!

LƯU-TỬ *viết* :

Hề! Mặt giả từ bến bắc,
 Cấp trở lại non nam.

Hề-đồng! Hề-đồng con ở lại giang biên,
Ta lui gót trông chừng kinh địa.

Vãn viết:

Lui gót trông chừng kinh địa,
Non dầu mòn dạ mỗ nào khuây?
Muốn cho danh chói đài Mây (18),
Nước ngồi sông Tứ nắng [25a] chầy non nhàn (19).

Hựu viết:

Mảng lân mấy khúc quanh co,
Bỗng thấy thảo-trang một khóm:
Suối cầm nước chảy thanh thanh,
Mặc sức dầu ta tắm mát.

Ca viết:

Sơn mệnh mệnh hề, thủy thanh thanh (20),
Thủy ai ai hề, nhất nhất diêm hành (21).
Tả trạc thủ hề, hữu trạc túc (22),
Thanh tẩy diện hề nhất thân khinh (23).

CHÚ-GIẢI:

1. *Trưởng hạ*: Dưới trưởng, gọi những kẻ dưới hầu hạ mình.
2. *Nguy hiểm thế cô nan địch*: Nguy dữ thế mình ít người khó địch họ.
3. *Tam hồn*: Ba hồn ở trong người. Hồn-Gửi Phật gọi A-Li Da-thức, Tiên gọi Nguyên-Thần, Hồn-Khôn Phật gọi Mạt-La-thức, Tiên gọi Thức-Thần, Hồn-Dại Phật gọi Ý-thức, Tiên gọi Ngoan-tâm, hồn khôn hồn đại vẫn tranh làm chủ, đến khi tới sự Hồn-Gửi xô vào quyết định theo sẵn nghiệp hay giở mà làm, mới lẫn người nghĩ thế này khi làm ra lại khác.
4. Sứ đây của nhà Vua, nên phải ra nghinh tiếp.
5. *Hỡi ôi sự nghiệp Đế-Vương bị mất. Thần Hoàng-thiên*: Kêu Ông-Trời.

6. *Thính thuyết tâm trung khởi hỏa* : Nghe nói trong lòng nổi lửa.
7. *Văn ngôn ngữ nội yên phi* : Nghe lời năm tạng bốc khói lên vì giận.
8. *Khuyển mã* : Chó ngựa, với muông dê đều chưởi bởi họ Hồ.
9. *Cũng như lời Hoàn-Công* : Nghe lời bốc lửa, thấy nói khói bay lên.
10. *Bổ trận càn lão-tặc* : Bày trận ra đề bắt tên giặc già.
11. *Tiến truy binh giả mại* : Tiến lên đuổi giặc, chữ Mại không hiểu.
12. *Ngô đại bại* : Ta thua to. *Tặc tiến truy* : Giặc đuổi tới.
13. *Sách thần-mã cao phi* : Giặc ngựa-thần bay cao. *Tâm sinh phương tâu thoát* : Tìm nơi sống đề chạy khỏi giặc.
14. *Hoang mang đoạt lộ tâu, sinh phương* : Vội vàng chạy cướp đường đi chạy tới nơi sống.
15. *Bôn dằng thiên lý thoát tai ương* : Ruồi rong ngàn dặm khỏi tai ương.
16. *Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ* : Đau giận họ Hồ cắn răng lại.
17. *Ai tai Bê-hạ lệ nan can* : Thương thay vua mất lệ khôn khô cạn.
18. *Đài Mây tức Vân-Đài*. nơi kỷ niệm công-thần đời Hán-Quang-Võ.
19. *Sông Tứ nơi sinh Thánh-Khổng*, nói sông Tứ Thù là đất Thánh sinh, non nhân theo sách Luận-Ngữ nói người nhân vui với núi non.
20. *Sơn mịch mịch hề thủy thanh,..* : Núi lặng lẽ chừ, nước trong xanh.
21. *Thủy ai ai hề nhất,..* : Nước chảy róc rách chừ một giòng chôi.
22. *Tả trạc thủ hề hữu trạc túc* : Bên tả rửa tay chừ, bên hữu rửa chân.
23. *Thanh tẩy diện hề, nhất thận khinh* : Trong rửa mặt, một mình nhẹ nhàng sau khi tắm mát.



CẢNH THỨ MƯỜI

TIẾT-HOÀN-CÔNG CHẠY GIẶC, ĐƯỢC LƯU-TÚ CỨU THOÁT NẠN

LƯU-TÚ *hựu viết* :

Vẳng tai nghe chuông trống vang trời,
Sực nhìn thấy mã binh lộ sú (1)
Tiền bôn tẩu nhất nhân đoạt lộ (2),
Hậu tiến binh vạn đội thiên viên (3).
Chưa phải mặt anh hùng;
Còn sót chưng hào kiệt!

Hựu viết :

Việc người thời người biết,
Giặc già chối thây ai.

Hựu viết :

Nếu ta chẳng ra tài,
Sao phải người quân tử?
Sách xưa có chữ rằng :
Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã (4);
Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng (5)!

Mau lướt đến trận trung,
Gấp cứu người đại nạn.

Hữu viết :

Tôi vốn người sơn dã,
Chưa quen đến kinh-thành.
Xin chú khá tỏ tình,
Việc chi nên truy tróc?

THẠCH-HỒ *viết :*

Hoàn-Công là lên,
Gã quyền trọng trấn đồng-quan,
Nay Hồ-gia sửa trị ngại vàng,
Bắt Tiết-thị toàn gia [25b] chu lục (6). *Đó con!*

LUU-TU *viết :*

Thấy nói đầu xôi sùng sục ;
Nghe lời mặt đỏ bằng bằng.
Lời mỗ hỏi Trương Quân,
Tội chi nên theo bắt?
Có ai, Trước một gã tuổi cao đầu bạc,
Người quản trương vạn đội hùng binh.
Chẳng phải người quá hải đoạt kinh (7),
Vật truy tróc thân làm tử địa?

THẠCH-HỒ *viết :*

Loài thất phu khởi chí ;
Đảng tiều-tử loạn ngôn (8).
Quân! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Cấp động rời qua mác.

LUU-TU *viết :*

Mỗ mới ra thừa sức,
Chúng nó đã mạng vong.

Mau kịp rồi đồ trung,
Đặng truy tìm lão trượng (9).

Hựu viết :

Tu đình bộ, tu đình bộ;
Vật kinh hoàng, vật kinh hoàng (10)!
Đầu đa tạ Lão-quan,
Xin rước về sơn trại.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Ơn chi đại, ơn chi đại;
Nghĩa vô cùng, nghĩa vô cùng (11).
Nay lão đà thoát khỏi trận trung,
Ơn tráng-sĩ thiên niên bất phụ (12).

Hựu viết :

Tráng-sĩ! Tinh danh già chưa rõ;
Tòng tích khả bày tường?

LƯU-TÚ *viết :*

Đạ! Như tôi, Lương-thành quận nấu nương,
Tèn tôi Đình-Lưu-Tú.
Chưa gặp thời phò chúa,
Nèn còn ần danh tôi.
Thưa, Song thân sớm đã chầu trời,
Một mình hãy [26a] nấu nương nhà bạc.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Nghe tỏ tường sau trước,
Phút xói động tâm thần.
Tự trẻ thơ kết nghĩa Châu-Trần (13),
Cùng tráng-sĩ duyên vầy cầm sắt (14).
Từ Tây địa dẹp an Phiên tặc,
Cho người về rước ấu-nhi,

Bị Hồ-gia binh phục sơn khê,
Ngô nhi dĩ vong thân tử mệnh (15).

LƯU-TỬ viết :

Thống can trường đoạn đoạn (16);
Sái lệ ngọc uông uông (17)!
Kham thân giả Quý-Nương;
Ai tai hồ ngọc hữu!!!

Thán viết :

Nhất thời giai ngẫu lưỡng Sàm, Thương (18),
Xử ngã sâu tình dục đoạn trường (19)!
Thống hận Hồ-gia thiên tải oán (20),
Khả liên ngọc-hữu thụ hàm oan (21)!

Hựu viết :

Vì ai sui khiến nổi lở làng,
Nên phu phụ cách phân đôi ngã.

Hựu viết :

Phản-tặc ôi phản-tặc;
Loạn-thần hồi loạn-thần (22)!
Quyết đề tam xích kiếm,
Thệ vạn đoạn toái phân (23).
Xin Nhạc-gia ở lại vãn-sơn,
Cho con xuống Trường-an trừ nịnh.

HOÀN-CÔNG viết :

Trẻ thơ lòng khoan giận,
Sao chẳng biết thế thời?
Muốn cho rửa đặng thù kia,
Thời phải tính lo kế nọ.
Chốn kinh-kỳ về đó,
Thăm quốc-sự nhường nào?

Tả tâm-thư [26b] vội chỗ đường mây,
 Về chốn ấy thử tình Lã-thị.
 Thử lòng người gian nguy;
 Hay có dạ trung vua.
 Đến đó thời tỏ căn do,
 Khả cần thận kẻo làm phản tặc. *Nghe a!*

LƯU-TỬ *viết:*

Ngửa vàng liêng ngọc;
 Cúi chịu lời vàng.
 Bái Nhạc-gia ở lại sơn-trang,
 Cho nhục-tế (24) trông chừng thượng lộ.

Vãn viết:

Nhục-tế trông chừng thượng lộ,
 Cúi đầu từ nhạc-phụ rời chân.
 Bách tòng chi cả trượng phu,
 Trượng phu đã luyện tuyết dò mây xanh.
 Bị hoan ly hợp sự thường,
 Kính dâng nhị thứ xin trình hồi ba.

CHỮ GIẢI:

1. *Lộ xá*: Đường hẻm hay đường gí, chữ xá không rõ nghĩa.
2. *Tiền môn tâu nhất nhân đoạt lộ*: Đàng trước chạy một người cướp lối.
3. *Hậu tiến binh vạn đội,..*: Đàng sau ngàn viên muôn đội binh đuổi theo.
4. *Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã*: Thấy việc nghĩa không làm không phải người dũng (dùng về tinh-thần) câu sách Luận-Ngữ.
5. *Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*: Thấy kẻ nguy chẳng cứu sao gọi anh hùng, câu thường nói.
6. *Toàn gia chu lục*: Giết chết cả nhà.

7. *Quá hải đoạt kinh* : Qua bể bắt cá kinh. Chữ *Đoạt* viết *Đoạn* là sai.
8. *Thất phu khởi chi* : Kể đàn phu nổi chi. *Tiền-lữ loạn ngôn* : Trẻ con nói liều.
9. *Lão-trượng* : Già chống gậy, tiếng tôn kính ông già.
10. *Tu đình bộ* : Hầy ngưng bước. *Vật kinh-hoàng* : Chờ hoảng sợ.
11. *Ôn chí đại* : Ôn đến lớn. *Nghĩa vô cùng* : Nghĩa không bao giờ cùng.
12. *Thiên niên bất phụ* : Ngàn năm chẳng phụ ơn, tức chẳng quên.
13. *Châu, Trần* hai họ đời đời lấy nhau, ở Tàu có thôn Châu Trần.
14. *Cầm sất* : Hai thứ đàn hòa tấu nhạc, ví vợ chồng vui vẻ thuận hòa.
15. *Bình phục sơn khê* : Bình nắp sẵn núi khe đánh bắt ngò. *Vong thần tử mệnh* : Mất xác chết đi, mạng chết vậy.
16. *Thống can trường đoạn đoạn* : Đau ruột gan đứt rứt.
17. *Sài lệ ngọc uông uông* : Rơi nước mắt ngọc chan chan.
18. *Nhất thời giai ngẫu lưỡng Sâm, Thương* : Một thuở lứa đôi tốt cách xa như sao Hôm sao Mai không bao giờ gặp.
19. *Xử nữ sầu tình dục đoạn trường* : Khiến ta sầu tình muốn đứt ruột.
20. *Thống hận Hồ-gia thiên tử oan* : Đau giận họ Hồ ngàn thuở kết oán.
21. *Khả liên ngọc-hữu thụ hàm oan* : Đáng thương bạn ngọc chịu ngậm oan.
22. *Phản tặc* : Giặc phản vua bội nước. *Loạn-thần* : Bề tôi gây rối loạn.
23. *Quyết đề tam xích kiếm* : Quyết cầm ba thước gươm. *Thê vạn đoạn loài phán* : Thề xả thân tan muôn đoạn quần thù.
24. *Nhục-tế* : Con rẻ xấu hổ chưa làm nên gì, lời nói khiếm tốn vậy.



QUYỂN THỨ HAI

HỒI THỨ BA

(Gồm 9 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử tới Trường-An, gặp Lã-Hàn-Khanh cùng mưu cứu Thử-Phi.
- * 2. Họ Hồ trầm hà Thử-Phi, Lưu-Tử ra tay cứu thoát.
- * 3. Thử-Hậu chạy giặc cùng Lưu-Tử sanh Hoàng-nam rồi mất.
- * 4. Hoàn-Công, Ngọc-Xuân, Lưu-Tử, Hắc-Lân xum họp một nơi.
- * 5. Đám Hoàn-Công, Lưu-Tử,.. thất lạc vì binh Hồ truy nã.
- * 6. Lưu-Tử, Tử-Hoàng chạy loạn, được dò qua sông, Thử-Phi linh hiển.
- * 7. Thú rừng nuôi sống Hoàng-tử ; Thần-linh cứu sống Thử-Phi.
- * 8. Phương-Thử-Phi bị Thạch-Hùng bắt giam trong chùa.
- * 9. Hoàn-Lãng giết tướng cướp, cùng sư Khánh-Vân phủ Thử-Hậu.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TỬ TỚI TRƯỜNG-AN,
GẶP LÃ-HÀN-KHANH CÙNG MƯU CỨU THỨ-PHI

LÃ-HÀN-KHANH *bạch viết* :

[27a] Cá trương vây hóp nguyệt (1);
Chim vỗ cánh hừng sương!
Trên chủa vững nền nhân;
Dưới tôi trồng cây đức (2)!
Quyền Thượng-Thư nãi chức,
Lão Lã-thị Hàn-Khanh.
Dòi gan son giúp vững Tống-thành;
Trau mặt nghĩa giữ gìn chân vạc.

Hạ viết :

Tranh ngọc ẩn hăng ngày thiết thiết;
Thương Hoàng-phi đòi bữa chiu chiu (3).
Khá tiếc bấy Tống-gia,
Cảm thương thay xã tắc.

Thán viết :

Tinh di Bắc-ly (4);

Nguyệt lạc Nam-Kha (5).
 Khả tích công danh phủ vân kỳ (6),
 Kham ta sự nghiệp hoán tinh di (7)!
 Khổ tìm Chư-Cát kỳ mưu kế (8),
 Thủy dục Hoàng-gia thoát thử nguy (9)?

LUU-TU *viết* :

Giả giả! Nguyệt dương vi, nguyệt dương vi;
 Thần kiệt lực, thần kiệt lực (10).

HÀN-KHANH *viết* :

Phản-tặc ôi phản-lặc;
 Gian-thần thị gian-thần (11)!
 Quyết vạ đoạn toái phản,
 Bạt kiếm trừ nghịch bối (12).

LUU-TU *viết* :

Khuất Đại-quan giảm nộ,
 Thần hạ vọng thuyết lai (13).
Dạ! *Dám bằm Thượng-Quan, như tôi là,*
 Chính thị Tiết-gia chi bán-tử (14),
 Phụng kỳ nhạc-phụ thám Trường-an (15).

HÀN-KHANH [27b] *viết* :

Tác quái chán tác quái;
 Hoặc ngôn thị hoặc ngôn (16)!
 Hoàn-Công người đã mất con,
 Sao nhà gã lại xưng rằng rề???

LUU-TU *viết* :

Đại-quan chưa rõ ý, tôi phân lại cho tường.

Loạn viết :

Thần phụng lĩnh tâm-thư mật,

Thăm tỹ-phù, Mẫu-hậu tại hà phương (17).
 Phục vọng Đại-quan nghi tường khán (18).
 Nhạc-gia thư nội dĩ đình ninh (19).

HÀN-KHANH *viết* :

Hảo dã, hảo dã ;
 Hoan nhiên, hoan nhiên (20) !
 Quan tường liễu đặc căn nguyên (21),
 Khán thư trung khoái lạc (22). *Xanh a!*

LƯU-TÚ *viết* :

Đạ! Đại-quan phân sau trước,
 Cho tôi tỏ tấm lòng!
 Nào Thứ-phi lại với ấu-rồng,
 Tồn lưu tại hà nhân sở thủ (23)?

HÀN-KHANH *viết* :

Hoàng-Phi tôi nuôi dưỡng,
 Ấu-ngọc hãy sẵn đây.
 Lo kể nào dặng chước giải nguy,
 Phiền tráng-sĩ thi công trợ lực (24)?

LƯU-TÚ *viết* : *Giờ thời* ;

Mai Quốc-lão vào tàu phản-tặc,
 Đặng xin đem lịch sát Mẫu-hoàng (25).
 Tôi ra tay chu lục loài gian,
 Nguyên hết sức phò an mẹ phượng (26).

HÀN-KHANH *viết* :

Không tiện, Lão e ngồi thủng khôn bề cất thủng
 (27),

Lo cho chàng, gỡ tơ khó nổi xong tơ!
 Lão nghi chàng trí thiên tài [28a] sơ,
 Mà lưỡng bỏ ba giường nghiệp cả.

LƯU-TỬ *viết* :

Dạ! Người quyết chi phò an Tống xã,
 Tôi lại không lòng giúp vững giang san?
 Lão-tướng hãy chưa tin,
 Tôi ra tay cho biết.

*Khâu niệm đồng chân-ngón, Lục long nghi giàng
 hạ!*

HÀN-KHANH *viết* :

Hiền hách, hiền hách;
 Kỳ tài, kỳ tài (28)!
 Như vậy thời cơ nghiệp lâu dài,
 Nhường ấy ắt giang san chẳng mất.

Hưu viết :

Lòng người đã quyết một,
 Dạ chớ khá đổi hai.
 Ta ứng hậu kim-giai;
 Người tàng hình cung thất (29).

CHÚ GIẢI:

1. Cá trong vảy hộp nguyệt, do chữ Lý-ngư vọng nguyệt, Cá chép dớp mặt trắng dưới nước chỉ là cái bóng. Ý đây nói Hàn-Khanh nuôi hy vọng Thứ-Hậu sinh Hoàng-nam để khôi phục Tống triều, chẳng hay có được như nguyên, hay chỉ ảo ảnh như Cá kia hộp nguyệt. Câu dưới Chim vỗ cánh để hứng lấy sương không hiểu nói gì.
2. Trên chúa đây họ Lã nói công đức vua Tống, và dưới tôi là ông một lòng nhân với nghĩa, không phải trên chúa là họ Hồ.
3. Họ Lã đã giữ kín ấn-ngọc, lại nhận nuôi cả Thứ-Phi.
4. *Tinh di Bắc-lý* : Sao rời miền Bắc, ý nói vua đã băng hà.
5. *Nguyệt lạc Nam-kha* : Trăng lạc về cảnh Nam cũng ý đó hay sao. Xét chữ Nam-kha là tích giấc mơ phú quý. Xưa có anh học trò thi

không đỗ về hàng quán ngủ, mơ thấy Sứ-giả nước Nam-Kha mời đi làm quan phú quý một thời, tỉnh dậy nằm dưới gốc cây hòe, nom lên cành bên Nam thấy một ỗ kiến, mới hay mình đã làm quan ở trong kiếp kiến.

6. *Khả lịch công danh phủ ván kỹ* : Đáng tiếc công danh như mây nổi.
7. *Kham ta sự nghiệp hoán tinh di* : Những than sự nghiệp đổi rời sao.
8. *Khô làm Chư-Cát kỳ mưu kế* : Khô công tìm ai mưu lạ như Chư-Cát, mà chưa có. Chư-Cát quân-sư đời Hán mặt có kỳ tài, giúp Lưu-Bị tranh với Ngụy, Ngô, được thành cái thế chia ba chân vạc tức đời Tam-Quốc.
9. *Thùy dực Hoàng-gia thoát thử nguy* : Ai giúp nhà vua khỏi nguy này?
10. *Nguyễn dương vi* : Nguyễn nhận làm việc ấy. *Thần kiệt lực* : Tôi hết sức để làm việc ấy.
11. *Phản lực* : Tên giặc phản nước phản vua. *Gian thần* : Bè tôi gian ác.
12. *Bạt kiếm trừ nghịch bối* : Tuốt gươm trừ lũ nghịch.
13. *Khất Đại-quan giám nộ* : Xin Quan-Lớn bớt giận. *Thần hạ vọng thuyết lai* : Dưới tôi mong được nói ra cho rõ ràng.
14. *Bán-tử* : Nửa phần con tức là con rề vạy.
15. *Phụng kỳ nhạc-phụ thám Trường-an* : Vàng lời cha vợ đi thăm kinh-đô.
16. *Tác quái* : Làm ra quái gỡ. *Hoặc ngôn* : Nói làm người ta sai lầm. Nói liều.
17. *Ấn-ngọc, Thử-phi, tại hà phương* : Ở chỗ nào?
18. *Phục vọng Đại-quan nghi tường khán* : Cúi mong Quan-Lớn nên xem kỹ.
19. *Nhạc-gia thư nội dĩ đình ninh* : Trong thư cha vợ tôi đã dặn nhiều.
20. *Hiảo dã* : Tốt vậy. *Hoàn nhiên* : Sướng hẳn rồi.
21. *Quan tường liễu dắc căn nguyên* : Xem kỹ rõ gốc nguồn rồi.
22. *Khán thư trung khoái lạc* : Xem trong thư mà vui sướng.
23. *Tồn lưu tại hà nhân sở thủ* : Còn lưu ở người nào đã giữ?
24. *Thi công trợ lực* : Ra công giúp sức.
25. *Lịch sát* : Giết bằng đim sông nước chết đi.
26. *Mẹ phượng* : Bà vợ vua sinh con là rồng, mẹ vua gọi là Mẹ Phượng.
27. Ngồi trong thúng thuyền khó cất nổi thúng thuyền lên.
28. *Hiển hách* : Rõ rệt, phép hô sao thấy vậy. *Kỳ tài* : Giỏi lạ khác thường.
29. *Kim-giai* : Thềm vàng vua ngự. *Tàng hình cung thất* : Giấu mình không ai thấy, khi vào cung thất của vua.

CẢNH THỨ HAI

HỌ HỒ TRẦM HÀ THỨ-PHI,
LƯU-TÚ RA TAY CỨU THOÁT

HÀN-KHANH *hựu viết* :

Muôn tàu! Từ vàng lời gang lặc (1),
Lĩnh huấn dụ Mậu-hoàng (2).
Ấn-ngọc thời chẳng có kêu oan,
Lời ần-nặc (3) dạ còn giấu dạ!
Tội đã ưng hồn xuống chín sông,
Xin lượng thánh đừng dung ba ~~thước~~ (4).

HỒ-VƯƠNG *viết* :

Vậy đã ưng xử thác,
Mụ chó khả nan than.
Đô-Đốc! Đô-Đốc em lĩnh mệnh nhà-vàng,
Dẫn Thứ-Hậu giang tân lịch tử.

THIỆT-HỒ *viết* :

Khâm thừa ngọc-sắc,
Lĩnh mệnh thi hành.
Nguyễn ra tay lịch sát Thứ-Phi,

Minh nhật sẽ lĩnh tù Thứ-Hậu.

HÀN-KHANH viết :

Cơ quan bà chưa thấu (5),
 Mưu kế phải tỏ lòng.
 Có Lão-quan Tiết-thị [28b] Hoàn-Công,
 Người nguyện cứu hết lòng hết dạ.
 Ngày mai giao cho phản-tặc,
 Đem lịch sát giang tân (6).
 Ấy là mưu hồ xuất sơn làm (7);
 Ấy là kế dẫn sà nhập huyết (8).

THỨ-HẬU viết :

Người ngay thẳng quý thần dê giết;
 Kẻ gian tà trời đất đau dung!
 Lão-tướng nay đã tỏ tấm lòng,
 Dầu sống thác chẳng sòn tắc dạ!

HỒ-KHANH viết :

Bầm Lệnh-Bà! Xin theo chân thần-hạ,
 Giao cho kẻ phản thần.
 Rời gót ngọc Mẫu-Hoàng,
 Đặng giao cho phản-tặc.

Hựu viết :

Gia-Tướng! Gia-Tướng cho kiệt lực,
 Giữ Thứ-Hậu đào sinh (9).
 Làm sao cho trên chúa đặt an,
 Vậy mới gọi dưới tôi tiết sáng.

LƯU-TỬ viết :

Tiêu thần nguyện chỉ quân chi mệnh (10),
 Tôi nghiêng mình chịu lĩnh ấn rồng.
 Tạ Thượng-quan an tại dinh trung,

Phấn thần lực tiến vu giang khẩu (11).

THIỆT-HỒ *viết* :

Lệnh truyền dữ quân-nhân,
Vị-hà mau dẫn tới.

THỨ-HẬU *viết* :

Sao rời vật đổi,
Nước chảy hoa hay.
Đoái giang san lệ nhỏ giọt rơi,
Nhìn sự nghiệp châu rơi lai láng.
Ngưỡng thán thiên cao đấng đấng (12);
Phủ ta địa hậu mang mang (13)!

[29a] Tiên-Hoàng hỏi Tiên-Hoàng,
Có hay chăng nổi thiệp?

Văn viết :

Ngửa than kiên tượng xét soi,
Mượn gươm thần huệ rút rời trái oan (14).
Phù-dung sớm nở tối tàn,
Đời người khác thề bóng đèn dấm sao?

LƯU-TÚ *loạn viết* :

Nỗ lực tung hoành sà điều đạo (15),
Giải khai quân sĩ cứu Mậu-Hoàng (16).

THỨ-HẬU *viết* :

Người gian nan bởi số,
Non bạc tóc vì sương.
Đã hết trông dự chốn Tòa-chương;
Theo quân chúng đến miền thệ thủy (17).

Văn viết :

Theo quân chúng đến miền thệ thủy,

Vực nên còn bến ruộng hóa sông.
 Ngửa than Tạo hóa nhắc cân,
 Người đời há dễ mấy lần gian nan!

THIỆT-HỒ viết :

Chúng Tướng! Đây đã đến biên cương,
 Đợi tới giờ lịch sát.

LUU-TỬ viết :

Phấn thần uy củ củ;
 Đoạt Thử-Hậu khinh khinh (18).

Hựu viết :

Xin Bà gấp lên an,
 Đặng tâm phượng hầu thoát.

THIỆT-HỒ viết :

Tàn ngược chân tàn ngược;
 Hung đồ thị hung đồ (19)!
Bộ-tốt! Bộ-tốt mau hồi tấu triều đồ,
 Đặng cho mỗ hưng binh truy tróc.

Hựu viết :

Khi này thừa cơ đột nhập (20),
 Bây giờ khôn phép cao phi.
 Gấp bó tay chịu thừa tội kia,
 Cãi lời mỗ [29b] ắt vong mạng đó.

LUU-TỬ viết :

Anh gã đã đem lòng phản chúa;
 Chúng người còn theo đảng bội quân.
 Thề một đó một đây,
 Quyết một còn một mất.

Hạ viết :

Vậy mà cũng lấy lưng mũi bạc,
 Phải một đao nó đã vong thân.
 Bắt ngựa chàng theo rồi Hoàng-phi,
 Kéo Mâu-Hậu lộ đồ chờ đợi.

QUÂN BÁO *viết :*

Cấp báo, cấp báo ;
 Chí nguy, chí nguy (21) !!!
 Thiết-Hồ đem lịch sát Thứ-Phi,
 Bị gian tặc nó đã đoạt liễu (22).

HỒ-VƯƠNG *viết :*

Cắm thay loài phản-tặc ;
 Giận bậy kẻ khi quân (23) !
Thái-Hà, Thạch-Dũng !
 Phó Thái-Hà, Thạch-Dũng mau mau,
 Theo truy tróc gian nhân đầu nạp (24) !

HÀ, DŨNG *đồng viết :*

Khâm thừa chỉ sắc,
 Phụng mệnh kim-ngôn (25).

HỒ-VƯƠNG *viết :*

Chu-Linh ! Phó Chu-Linh hậu-tập xuất chinh (26),
 Tiếp nhị vị nhường nào cho biết?

LƯU-TÚ *viết :*

Tâm đại khoái, tâm đại khoái ;
 Ngộ Hoàng-nương, ngộ Hoàng-nương (27) !!!
 Xin Bà gấp buông cương,
 Đặng tìm qua non lĩnh?

Văn viết :

Non lĩnh trông chừng giờ vọt,
Đạ chi sòn rãi tuyết rằm sương.

THỨ-HẬU *văn viết :*

Lo sao nhà nước đặt an,
Công người thể bạc bìa vàng tạc ghi (28).

LƯU-TỬ *văn viết :*

[30a] Vang trời tặc chúng binh truy,
Nguyên ra công cả quyết trừ loài gian.

HÀ, DŨNG *đồng viết :*

Gấp xuống an lai nạp Hoàng-phi,
Bằng nghịch mệnh vong thân tử lộ?

LƯU-TỬ *viết :*

Nguyên hai người mõ,
Quyết một mất một còn.
Người sống phò Hồ-thị giang sơn;
Ta thác cũng phò an xã tắc.

Hạ viết :

Chém Thạch-Dũng đầu roi xuống ngựa,
Phút tự nhiên đầu khác mọc lên;
Đàm Thái-Hà lửa cháy rõ bằng,
Nhắm mình gã xương kêu đặng đặng.
Đã nên tài cái thể (29),
Lại đáng mặt an bang.
Nguyên hết lòng phò hộ Mẫu-Hoàng,
Nát thân mõ chi sòn cùng chúa.

Văn viết :

Thân mõ chi sòn cùng chúa,

Vài cùng trời phò hộ Tống-gia.

THỨ-HẬU *văn viết* :

Người đời khác thề như hoa,
Sớm làn tối nở xuàn qua thu hồi.

LƯU-TÚ *văn viết* :

Đoái nhìn khói lửa ai ai,
Bình reo ong ồng ngựa người vang ràn!

CHỮ-GIẢI :

1. Gang tặc là gần gũi, do chữ Chỉ xich Thiên-nhan, được gần vua là thân, lời gang tặc là lời dận thân-thần.
2. Lĩnh mạng đề huấn-dụ (khuyến bảo) Mẫu-Hoàng, ông mời nuôi ở dinh ông.
3. *An nức* : Giấu kín. Họ Lã giả danh đem Thứ-Hậu về nuôi để đồ dành hỏi ẩn-ròng đề đầu, hầu lấy cho Hồ-Vương.
4. Đứng dung ba thước đất chôn, chìm xuống sông cho về chín suối.
5. *Cơ quan* : Máy móc tức mưu cơ tinh khéo như cái máy đề làm việc.
6. *Lịch sát giang tàn* : Chìm xuống bến sông cho chết.
7. *Hồ xuất sơn lâm* : Cọc ra rừng núi, không ai làm gì được.
8. *Dẫn xà nhập huyệt* : Đưa rắn vào hang. Thứ-Phi ra khỏi tay giặc.
9. *Đào sinh* : Trốn lúc sống. Dận giữ cho khỏi chạy hay giữ đề cho chạy?
10. *Chi quận chi mệnh* : Đem mạng sống lo tới nơi cho vua (Hậu cũng vậy).
11. Giở sức thần tiến nhanh tới cửa sông (giang-khẩu).
12. *Ngưỡng thân nhiên cao dăng dăng* : Ngửa thân với trời cao lồng lộng.
13. *Phủ ta địa hậu mang mang* : Cúi kêu với đất dày mờ mịt.
14. Gươm thần-huệ đề chém đứt nợ oan này.
15. *Nỗ lực tung hoành và điều đạo* : Gắng sức vẫy vùng theo lối chim bay rắn chạy, nó khéo léo khôn ai giữ kịp để cứu Mẫu-Hoàng.
16. *Giải khai quần chúng cứu Mẫu-Hoàng* : Làm tan quân ra để cứu Thứ-

Phi mới được. Vậy một đám đông quân Lưu-Tử phải có phép lạ, chứ lẽ đầu ngang tay cướp lấy bà Hoàng, cho phạm tội nan sắc.

17. *Thệ thủy* : Nước chảy.
18. *Phấn thân uy củ củ* : Giở oai thần ghê gớm mạnh bạo. *Đoạt Thứ-Hậu khinh khinh* : Cướp được Thứ-Hậu một cách nhẹ nhàng.
19. *Tàn ngược* : Hại đến, làm ngược lại. *Hung đồ* : Lũ dữ tợn.
20. *Thừa cơ đột nhập* : Nhân dịp vô ý mà nhảy bổ vào.
21. *Cấp báo* : Báo gấp; *Chi nguy* : Rất nguy hiểm.
22. *Gian tặc* : quân giặc gian không rõ từ đâu. *Đoạt liễu* : Cướp rồi.
23. *Khi quân* : Lừa dối nhà vua. Dám trái mạng cướp Thứ-Hậu (tù nhân).
24. Bắt kẻ gian nào về để dâng nộp.
25. *Kim ngôn* : Lời vàng, vua nói ra lời vi như vàng.
26. *Hậu-lập* : Cảnh quân đi sau giúp những cánh quân trước bị thua.
27. *Tàn đại khoái* : Lòng sướng lắm. *Ngộ Hoàng-nương* : Gặp bà vua.
28. Thẻ bạc bìa vàng để nhớ ơn người có công lao lớn.
29. *Cái thế* : Chùm lợp cả mọi người phải nhờ đến. Anh hùng cái thế là chùm lợp cả đời, khi vấy vũng đem lại trị loạn cho thiên hạ.



CẢNH THỨ BA

THỨ-HẬU CHẠY GIẶC CÙNG LƯU-TÚ
SANH HOÀNG-NAM RỜI MẮT

CHU-LINH *viết* :

Vàng Thánh-Hoàng tiếp chiến nhị khanh,
Trong thắng bại như hà minh thuyết (1).

HÀ, DŨNG *đồng viết* :

Lưu-Tú chân quán cò;
Đình-thị quả nan hùng (2) !
Đã nhiều trận tranh long;
Lại trăm phen [30b] đấu hồ.
Cái thắng làm sao ?
Tuổi tác tuy còn nhỏ,
Thao lược ngấm rất già.
Ta trạc mã thời già dề thương (3);
Chàng huy đao thời ta áp chiến (4).
Lui tới tựa long phi Giáp Ất (5);
Qua lại nhường hồ cứ Bình Đình (6).
Bởi hiềm vì già có một mình,

Phải đồng binh mã thời ta hết sức.

CHU-LINH *viết* :

Ba ta đều ra sức,
 Đồng hợp lực cầm chi.
 Sá chi đảng tiều-nhi,
 Quyết tróc lai trận thượng (7).

Hạ viết :

Sực nhìn tiều-tướng,
 Đại tiều liền thanh!
 Khả xuống ngựa nộp mình,
 Khoan ròi qua lộ thượng.

LƯU-TỬ *viết* :

Bay cạy nhiều binh tướng,
 Mà lừng lẫy theo tao.
 Ta ví như cá cạn ở ao,
 Bằng chỉ một người còn thua mỗ.

TAM TƯỚNG *viết* :

Xung thiên chi nộ;
 Diện thượng thông hồng (8).
Quản! Lệnh truyền dữ quân trung,
 Bỏ trận cầm phản-tặc!

CHU-LINH *viết* :

Tiêu-sinh chân dũng được,
 Lưu-Tướng thị anh hùng.
 Ấu là, Hóa ngũ hồ sơn trung,
 Cấp tróc lai Lưu-thị (9)!

LƯU-TỬ *viết* :

Quái sát tha tặc tướng (10),

Nó lại dụng phép thần.
 Mô chuyên pháp đẳng vân,
 Hóa lục long đầu hổ (11).

CHU-LINH [31a] viết :

Khen cho Tiều-tướng,
 Tài phép tinh thông!
 Ta hóa phép lửa hồng,
 Đốt Đinh-thị vô phương khả đảo (12).

LƯU-TÚ viết :

Cắm thay loài tàn bạo,
 Cũng tài phép tinh thông!
 Sái vũ thủy đẳng vân (13),
 Giải lửa hồng nhi thoát.

Hựu viết :

Những mảng lớt xồng mũi bạc,
 Phút đà thất lạc Mẫu-Hoàng.
 Mau mau đục ngựa lên an,
 Chóng chóng trận tiền tầm kiếm.

Loạn viết :

Huy chiến đoạt lộ nhiệm mang mang (14),
 Đáo lai trận thượng phần mã an (15).
 Thống hận Hồ-gia đa diệu pháp (16),
 Ai ta Mẫu-Hậu lạc hà phương (17)?

THỨ-HẬU viết :

Những mảng lánh nơi nanh sấu,
 Phút đà thất lạc Lưu-sinh.
 Khôn thông việc dữ lành,
 Khó tường trong chung thủy?
 Cấp lánh nơi nước lửa (18),

Mau tìm chốn thoát thân.
 Nguyễn hai vầng phù hộ Tống-gia,
 Nương tráng mã cao phi giờ vọt.

Vãn viết :

Tráng mã cao phi giờ vọt,
 Tai nghe ròi hỏa pháo huyền thiên (19).

Hựu viết :

Thống tâm can, thống tâm can;
 Chuyển phúc nội, chuyển phúc nội (20).
 Quận đau nhường mãn nguyệt;
 Bụng chuyển động khai hoa (21)!
 Trời đất nở hại ta,
 Quỷ thần dung dăng nịnh?

Vãn viết :

[31b] Xúc quận đau tâm bào chuyển động,
 Miệng vái trời soi xét người ngay.
 Tống-Hoàng người hỏi đầu đây,
 Có hay thân thiệp lạc loài này chăng?

Hựu viết :

Mặt nhìn đã hẳn,
 Sinh đặng Hoàng-nam (22).
 Mẹ đã không bớt nỗi sầu bi,
 Sinh con lại mắc trong vòng gian nan.

Hựu viết :

Mặt nhìn con chưa hẳn,
 Sao ngũ tạng bàng hoàng!
 Cả tiếng kêu trời hỏi là trời,
 Đã sinh ngã nhỡn hà hại ngã?
 Phẳng phát ba giường vạc cả,

Mơ màng một mối giang san.
Giã con còn ở lại dương-quan,
Nương bóng hạc mẹ về cảnh ngoại (23).

LƯU-TÚ *viết* :

Mẫu-Hoàng hà tại ?
Can trường đoạn, can trường đoạn;
Lệ làm ly, lệ làm ly (24)!
Ai tai hồ Mẫu-Hậu;
Thống thiết dã Hoàng-phi (25)!!!

Thán viết :

Kham thán Mẫu-Hoàng kim vật hoán (26),
Lộ đồ hà nhân đoạn cò nhi (27)?
Tống thất giang san tào di loạn (28),
Khả liên sự nghiệp dĩ tinh di (29)!

Hựu viết :

Tôi mắng chống ngăn binh sói,
Người đà xa vắng cõi tiên.
Đoài nhìn sinh dạng Tử-Hoàng,
Quả thị Tống-gia hậu phúc (30).
Tặc tử theo thậm cấp,
Một mình mỗ khôn đương.
Cối đai ra học lấy Tử-Hoàng,
Khai huyết nọ táng an [32a] Mẫu-Hậu.

Vãn viết :

Huyết nọ táng an Mẫu-Hậu,
Cúi đầu từ phần mộ an cư.
Anh hùng thời có gian nan,
Ngay vua dốc báo nát gan chi sòn!

THÁI-HÀ, THẠCH-DŨNG đồng viết :

Quyết phân động can qua,
Thệ bất dung thốn thảo (31).

CHU-LINH viết :

Lưu-Tử truy mã, trực đảo cầm chi (32).

Hạ viết :

Đầu Lưu-Tử mỏng treo ngọn mác,
Hoàng-long đầu bay đến đờ thương (33)?
Quả lòng trời còn trợ Tống-gia,
Nền nhà gã thoát chưng bạch nhận (34).
Chúng Tướng! Lệnh truyền chúng tướng,
Đồng khóa mã tiến truy (35).

LƯU-TỬ viết :

Những tưởng hồn về cõi thọ,
Ơn nhờ có sức hoàng-long.
Sá bao nài tếch dậm gai chông,
Phò ấu-chúa hạt châu lai láng!

Vãn viết :

Phò ấu-chúa hạt châu lai láng,
Rãi gan này gánh vác giang san,
Xảy qua mấy dậm nước non,
Ve kêu thánh thót héo hon mạch sần!

CHỮ-GIẢI :

1. *Như hà minh thuyết* : Như sao nói rõ ?
2. *Quán cổ* : Suốt từ xưa. Thường nói quán cổ anh hùng.
3. *Trạc mã* : Nhảy ngựa. *Đề thương* : Múa sang.

4. *Huy đao* : Múa đao. *Áp chiến* : Đánh giáp lại mạnh.
5. *Long phi Giáp Ất* : Rồng bay phương Giáp Ất, là phía Đông thuộc về rồng.
6. *Hồ cử Bình Định* : Cọp giữ phương Bình Định là bên Nam. Ý nói phép đánh biến hóa như rồng tranh cọp chọi theo đúng phương vị.
7. *Tróc lai trận thượng* : Bắt lại ở trên trận.
8. *Xung thiên chi nộ* : Khí giận bốc tới trời. *Điện thượng thông hồng* : mặt tức thẹn đỏ suốt cả lên.
9. *Hóa ngũ hồ sơn trung* : Hóa ra năm cọp ở rừng, để bắt lấy Lư-Tú.
10. *Quái sát* : Quái lạ muốn giết ; *Tha tặc tướng* : hấn là tướng giặc.
11. *Đằng vân* : Nhảy lên mây. *Hóa lục long đấu hồ* : Hóa sáu rồng chọi hồ.
12. *Vô phương khả đảo* : Không phương nào cầu cứu nổi.
13. *Sài vũ thủy đằng vân* : Vẩy nước mưa theo mây.
14. *Huy chiến đoạt lộ* : Ra doi cướp đường. *Nhiệm mang mang* : Tùy ý vội vã.
15. *Đáo lai trận thượng* : Đến tới trên trận. *Phấn mã an* : Cố gắng trên yên ngựa.
16. *Thống hận Hồ-gia da diệu pháp* : Đau giận họ Hồ nhiều phép khéo.
17. *Thương thay mẫu hậu lạc phương nào*.
18. Nước lửa đều dữ dội, khi nói đến nơi chiến trận là nước lửa.
19. *Hỏa pháo huyền thiên* : Pháo súng và khói lửa bốc đầy rằm trời.
20. *Thống lâm can* : Đau gan ruột. *Phúc nội* : Trong bụng mình.
21. *Mãn nguyệt* : Đầy tháng mang thai là sắp đẻ. *Khai hoa* : Hoa nở vì đẻ.
22. *Hoàng nam* : Con trai vua.
23. *Dương quan* : Cõi dương người sống. *Cảnh ngoại* : Cõi ngoài tức chết.
24. *Can trường đoạn* : Đứt ruột gan đau lòng.
25. *Thống thiết dữ Hoàng-phi* : Đau đớn vậy bà vua.
26. *Kham thân Mẫu-hoàng kim vật hoán* : Đáng than bà vua nay vật đổi.
27. *Lộ độ hà nhãn đoạn cô nhi* : Giữa đường sao nở rút con cô.
28. *Tống thiết giang san lao di loạn* : Non sông nhà Tống gặp loạn đời.
29. *Khả liên sự nghiệp dĩ linh di* : Khả thương sự nghiệp đã sao rời.

30. *Quả thị Tống gia hậu phúc* : Hẳn là phúc về sau của nhà Tống.
31. *Thê bất dung thốn thảo* : Thê không tha tặc cỏ (giết hết) đã chua.
32. *Lưu-Tử truy mã trực đáo cầm chi* : Lưu-Tử té ngựa đến ngay bắt lấy.
33. *Hoàng-long* : Rồng vàng. Tức tinh của Hoàng-tử sau làm vua ra cứu.
34. *Bạch nhật* : Mũi dao gươm sắc bén sáng trắng.
35. *Đồng khóa mã liến truy* : Cùng nhảy ngựa đuổi tời.



CẢNH THỨ TƯ

HOÀN-CÔNG, NGỌC-XUÂN, LƯU-TỬ,
HẮC-LÂN XUM HỌP MỘT NƠI

NGỌC-XUÂN *viết* :

Nay ta đã mạnh khỏe,
Khí lực lại điều hòa.
Đã lâu ngày con cách mặt cha,
Phiền hiền hữu đưa ra Tây địa.

HẮC-LÂN *viết* :

Chị đã an quý-thê (1),
Tòì há dễ tiếc công.
Vầy một đoàn chỉ dặm quan-trung (2),
Noi dấu thỏ chị mau [32b] rời gót.

Vãn viết :

Dấu thỏ chị mau rời gót,
Tiếc dặm hòa xông lướt nài bao!

NGỌC-XUÂN *vãn viết* :

Mảng lần mấy dặm sơn khê,

Vàng ó thoát đã gác kê đầu non.

Hựu viết :

Em ! Đường tăm tối khôn đi,
Khó biết phương rời gót ?

HẮC-LÂN *viết :*

Thưa chị ! Xa thấy ngọn đèn leo lắt,
Vời trông một khóm thảo-lư.
Xin chị gấp rời chân,
Tơi đó nhờ nghỉ gót ?

Hựu viết :

Bớ ai ở trong lều !
Xin Lão-trượng ra lòng làm phúc,
Cho chị tôi an nghỉ một đêm.
Kẻo đường sá chưa quen,
Lại lạ lưng non nước ?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Người lỡ bước như ta lỡ bước,
Mới một phen há dễ mấy phen.
Cho tạm chốn thảo-hiền,
Kẻo lỡ đường sơn lộ.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Ta thân phụ, ta thân phụ ;
Thống ấu-nhi, thống ấu-nhi (3)!!!
Do hà cha đến sơn khê (4),
Khá nói con tường cõi rã ?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Lão khôn tường thử ý,
Già khó biện tấm lòng !

Con lão đà tử tại lộ trung,
Ai tới đó xưng rằng ấu tử?

NGỌC-XUÂN viết :

Thưa cha! Gian nan khôn xiết kể,
Hoạn nạn đã bao phần.
Nhờ ơn có Hắc-Lân,
Cứu con toàn tính [33a] mạng (5).

HOÀN-CÔNG viết :

Mặt nhìn đã hấn,
Quả thị ngô nhi! Đầy mà,
Thống thiết lệ lưu ly,
Ai tai hồ ấu tử!

Hựu viết :

Nghe con bày tự sự,
Già rất quá mừng lòng!
Ơn hoàn sinh (6) ơn ấy đại công,
Lão phu nguyện khuynh thân đa tạ (7)!

HẮC-LÂN viết :

Vì lỗi nhân luân chi đạo (8),
Vậy nên lệ ứa hai hàng!

Hựu viết :

Tôi vả là thủ hạ (9),
Xin người chớ ngại lòng.
Vi anh tôi nên phải ra công,
Chữ: « Ái ốc cập ô » phải vậy (10).

Hựu viết :

Lòng em mừng cho chị,
Nay cha đã gặp con.

Tưởng kim bằng thương rất đôi thương,
Nhớ ngọc hữu tiếc đà quá tiếc!

HOÀN-CÔNG viết :

Nguồn cơn già chưa biết,
Tông tích khá bày qua?
Tur sần châu lệ nhỏ sa,
Mà có đem lòng áo não?

HẮC-LÂN viết :

Vi lỗi nhân luân chi đạo,
Vạy nên lệ ứa hai hàng.
Tur kết bạn vân san,
Cùng anh tôi Lư-Tú.
Sẩy bị cơn phong vũ,
Đà thất lạc hai phương.
Lẽ sinh tử chưa tường,
Nên tấm lòng áo não!

HOÀN-CÔNG viết :

Thấy nói vui thay lòng lão,
Nghe lời lão lại [33b] mừng thêm!
Mừng là mừng anh lại gặp em;
Vui là vui chồng đà gặp vợ!

Hựu viết :

Tướng-quân còn chưa tỏ,
Lão phân lại cho tường.
Thánh-hoàng đà cười hạc tầm tiên,
Hò-gia nó tranh ngôi thánh-đế.
Sai binh ra quan ải,
Khiến bắt lão đem về.
Lão hèn nỗ lực công chi,

May gặp chàng Đinh-Lưu-Tú.
 Lão đã sai hồi triều nội,
 Thăm quốc sự nhường nào?
 Trái hai trăng vắng biệt âm hao (11),
 Trong thành bại doanh hự khôn tỏ (12)!

LƯU-TÚ *viết* :

Cả tiếng kêu nhạc-phụ,
 Nay con đã về đây.

HOÀN-CÔNG, LƯU-TÚ, HẮC-LÂN, NGỌC-XUÂN *viết* :

Thậm khoái tai, thậm khoái tai;
 Chân hảo dã, chân hảo dã (13)!
 Tưởng cách nhau hai ngã,
 May lại đặng trong phùng (14).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Con nhà ai mà lại ôm bông,
 Khá nói lại cho già đặng biết?

LƯU-TÚ *viết* :

Người thực Tống triều Hoàng-Tử,
 Báu này tỹ-ngọc ẩn rồng.

HOÀN-CÔNG *viết* :

Lão nghe rất mừng lòng,
 Đưa cho già coi thử?
 Tay hồng Hoàng-Tử,
 Mắt lệ chứa chan.
 Tiên-hoàng hỏi tiên-hoàng;
 Bệ-hạ ôi Bệ-hạ!!!
 Bao nữ sớm rời nghiệp cả,
 Đề cho [34a] con chịu gian nan!
 O này, Con rồng hãy còn đây,

Mẹ phượng sao vắng đó?

LƯU-TỬ viết :

Nhạc-phụ còn chưa rõ,
 Tôi phân lại cho tường.
 Đã lắm phen rã tuyết dầm sương,
 Lại nhiều trận xông tên đột pháo,..
 Tôi những mãi chống ngăn binh sói,
 Mẫu-Hoàng đà sản hậu vong thân (15).
 Tôi bèn quyền táng lâm trung,
 Phù Hoàng-Tử băng ngàn lãnh nạn.

HOÀN-CÔNG viết :

Khỏi mình mẹ đã chịu khổ,
 Biết bao giờ cho dựng thành thoi?
 Vắng cổ kêu kêu chẳng thấu trời;
 Nhỏ hơi khóc khóc khôn thông đất.

Hạ viết :

Phản-tặc ôi phản-tặc;
 Nghịch thần hỡi nghịch thần (16)!!!
 Xin trời còn phù hộ Tống triều,
 Chúng bay ắt thay phơi không đất.

CHÚ-GIẢI :

1. *Quý thể* : Lời tôn xưng thân-thể cao quý, như quý hữu,..
2. *Quan-trung* : Cũng như Tây địa, nơi Hoàn-Công trọng trấn ở đó.
3. *Ta thân phụ* : Hỡi ôi cha tôi. *Thống ấu-nhi* : Đau thương con trẻ.
4. *Sơn-khê* : Núi và suối nước. Cha trọng trấn sao ở chỗ này?
5. *Tính mạng* : Mạng sống, tính là nét, con người sống về nét, như hàn, thử, ôn, lương trong người, và sở thích,.. mới sống, mà gọi tính mệnh.

6. *Hoàn sinh* : Sống trở lại, sau khi đã chết hẳn rồi.
7. Lão phu, tiếng ông già tự xưng. Nghiêng mình xin đa tạ ơn.
8. *Nhân luân gồm năm điều* : Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn, vì có lỗi như sao đây, Hắc-Lân nuôi chị dâu e mang tiếng chằng.
9. *Thủ hạ* : Dưới tay, tức kẻ dưới như tay chân vậy.
10. *Ái ốc* : yêu cái nhà, *Cấp ó* : Thương đến con quạ. Ý nói thương anh mến đến chị, nên không phải nói đến ơn.
11. Hai trăng tức hai tháng. *Âm hao* : Tin tức, hơi tiếng nói đồn.
12. *Thành bại* : Nên thua. *Doanh hư* : Đầy voi, cũng như hay dở vậy.
13. *Thậm khổi tai* : Rất sừng thay. *Chân hảo dã* : Thực tốt vậy.
14. *Tương phùng* : cùng gặp nhau, không biết trước mà hẹn.
15. *Sản hậu vong thân* : Để xong mình mẹ chết.
16. *Nghịch thần* : Kẻ bề tôi trái ngược, làm loạn do ở phản nghịch.



CẢNH THỨ NĂM

ĐÁM HOÀN-CÔNG, LƯU-TỬ,..
THẤT LẠC VÌ BINH HỒ TRUY NÃ

HOÀN-CÔNG *hựu viết* :

Đoái thấy tinh kỳ tế nhật (1);
Sực nhìn kiếm kích lãng (2) thiên!
Lưu-Tử mau phò lấy Tử-Hoàng;
Hắc-Lân gấp giữ gìn ngọc-ấn.
Chỉ Đồng-quan trực tiến,
Đồng thượng mã nhi hành.

Đồng loạn viết :

Huề thủ đồng hành khóa mã an (3),
Khinh thân đoạt lộ vọng ải-quan (4).
Trung quân mạc nại thân lao khổ (5),
Vị quốc hà sâu bạt bộ nan (6)!

THÁI-HÀ, THẠCH-DŨNG, CHU-LINH [34b] *viết* :

Bốn người tua dẹp mác,
Đừng lừng lẫy can qua.
Quyết bất động máu ma,

Lấy đầu treo ngọn giáo.

Hạ viết :

Đã vô phương lầu thoát,
Khá thúc thủ lại hàng?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Cầm bẫy đảng sai lang (7),
Giận thay loài tàn bạo!
Hồ thị đã quên niềm cơm áo;
Bay lại không tưởng đạo quân thần?
Mồ cha đũa phi ân;
Chối kệ đồ bất nghĩa.

CHU-LINH *viết :*

Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Bất hướng phát tinh kỳ (8);
Hò tốc khiêu linh linh,
Chuyền thiên hôn địa ám (9).
Lưu-Tử, Hắc-Lân thoát miễn nhi tẩu (Thoát khỏi
mà chạy).

Hạ viết : (Chu-Linh)

Khá khen cho Lưu-tướng,
Mời Tô-thị anh hùng!
Phá Thiên-hôn thoát khỏi trận trung,
Phân tam đạo truy tầm nam bắc (10).

LƯU-TỬ *viết :*

Hai phương đã thất lạc,
Một mình mỗ khôn đương.
Mau dục ngựa buông cương,
Ngõ lánh nơi nước lửa.

Văn viết :

Ngõ lánh nơi nước lửa,
 Đấng anh hùng dày đạn sá bao!
 Xông tên đột pháo chi nào,
 Nâng vai gánh vác Tống trào giang san.

CHU-LINH *viết :*

Khôn rong ruồi dậm ngàn,
 Khó nẻo về đường nhạn.

Hữu viết :

Bắn ba mũi Luru-sinh bắt đặng,
 Thiệt nèn trang dũng [35a] được đại tài.
 Truyền chùng tướng sát lai,
 Tiến binh truy phản-tặc.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Những mắng xong nơi thỉ thạch (11),
 Phút đà lạc mắt con rồng.
 Mau mau trở lại trận trung,
 Chóng chóng mệnh tầm Hoàng-lữ.

Loạn viết :

Trường đồ bạt bộ tầu mang mang (12),
 Kham thân Luru-tướng dữ Tử-Hoàng (13)!
 Nguyễn thi công lực tầm ấu-chúa (14),
 Hạnh ngộ trương phùng thoát nạn nguy (15).

THẠCH-DŨNG *viết :*

Quật địa vò nha thảo;
 Thăng thiên khiếm vũ mao (16)
 Chặt đầu nọ tay trao,
 Kéo nhọc min rời mác.

Hạ viết :

Khá khen thay phụ nữ,
Tài sánh gấp nam nhân (17)!
Trá bại chốn vân san,
Phi đao ngô lạc mã (18).
Chúng Tôi! Lệnh truyền cho chúng tướng,
Thay ngựa khác tiến binh.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Con khá gấp dăng trình,
Cha cản lại lộ thượng (19).

Hạ viết :

Con mới buông đao nọ,
Chúng nó đã lui binh.
Dục vó lừa tìm kiếm Lưu-sinh,
Họa may gặp ngô phò ấu-chúa.

Văn viết :

May gặp ngô phò ấu-chúa,
Quyết rã lòng chèo đờ giềng ba.

NGỌC-XUÂN *văn viết :*

Khôn cùng khiết sỉ ta nha (20),
Mới nhìn thấy đó bồng đà rẽ phàn.

HẮC-LÂN *viết :*

Phút đà [35b] lạc mắt nhân-huynh,
Trận nội khôn thông lảnh dữ?
Mau mau trở ngựa,
Lại chốn trận trung.
Đặng tìm kiếm nhân huynh,
Cùng Tử-hoàng hà tại?

Loạn viết :

Phản mã bôn lai đảo trận tiền (21),
 Ai tai huynh trưởng lạc hà phương (22)?
 Thống hận Hồ-gia ta khiết sĩ (23),
 Oán tha tặc tử tội doanh thiên (24)!

THÁI-HÀ *viết :*

Thăng thiên khiếm vũ mao,
 Quạt địa vô nha chảo!

HẮC-LÂN *viết :*

Quyết sát tha tặc đảng,
 Bất dung nhĩ toàn sinh (25)!
 Nguyễn một đó một dày,
 Quyết một còn một mất.
 Mô đánh chưng kiếm phép.
 Chúng nó đã lui binh.
 Dục vó lừa tìm kiếm nhân huynh,
 Họa may gặp tường trong lợi hại.

THÁI-HÀ *viết :*

Thống thiết ngò phế phủ,
 Oán ác nhĩ cường nhi! (26)
 Bị linh-kiếm hại ngò tả tý (26),
 Mãn thân giai huyết xuất lâm ly (27)!
 Quán! Truyền tả dục hữu chi (28),
 Thoái binh hồi Trung-quốc (29).

CHÚ-GIẢI :

1. *Tình kỳ tế nhật* : Cờ xí nhiều che lấp mặt trời.
2. *Kiếm kích lăng thiên* : Giương kích,.. nhiều mà giơ cao lên đầy trời.

3. *Huề thủ đồng hành khóa mã an* : Đan tay cùng đi chầy lên yên ngựa.
4. *Khinh thân đoạt lộ vọng ái-quan* : Nhẹ mình đi nhanh ngóng quan ái.
5. *Trung quán mạc nại thân lau khô* : Ngay vua chẳng ngại mình khó nhọc.
6. *Vị quốc hà sâu bại lộ nan* : Vì nước buồn cho bước đi khó khăn.
7. *Sài lang* : Thú rừng hung dữ, vì lòng người gian ác.
8. *Bát hướng phát tinh kỳ* : Tám phía phát cờ xi đề ra oai.
9. *Hồ tốc khiểu linh linh* : Gọi sức thiêng nhanh tới. *Chuyển thiên hòn địa âm* : Xoay ra trời mờ đất tối tăm.
10. *Phân tam đạo truy lâm nam bắc* : Chia ba ngã đuổi tìm nam bắc.
11. *Thử thạch* : Tên cung bắn, và đạn gọi là đá.
12. *Trường đồ bại lộ tâu mang mang* : Đường dài rảo bước chạy vội vàng.
13. *Kham thân lưu-tướng dữ Tử-Hoàng* : Đáng than Lưu-Tướng với Hoàng-tử.
14. *Nguyện thi công lực làm ấu-chúa* : Xin đem sức để tìm chúa nhỏ.
15. *Hạnh ngộ tương phùng thoát nạn nguy* : May cùng gặp nhau khỏi nạn nguy.
16. *Quạt địa vô nha thảo* : Xuống đất không móng vượt đề cào bới đất ; *Thăng thiên khiếm vũ mao* : Lên trời thiếu cánh lông, ý nói lũ người khôn chạy dăng nào thoát khỏi tay ta.
17. Thạch-Dũng khen Ngọc-Xuân con gái tài sánh với con trai.
18. *Trá bại* : Vờ thua. *Phi đao ngộ lạc mã* : Tung đao làm ta té ngựa.
19. *Đứng trình* : Lên đường. *Cản lai lộ thượng* : Cản giặc lại trên đường.
20. *Khiết sỉ ta nha* : Nghiến răng, cắn răng vì tức giận.
21. *Phản mã bôn lai đáo trận triều* : Quay ngựa chạy lại vào giữa trận.
22. *Ai tai huynh trưởng lạc hà phương* : Thương thay anh cả lạc nơi nào ?
23. *Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ* : Đau giận họ Hồ răng cắn lại.
24. *Oán tha tặc tử tội doanh thiên* : Giận người là con giặc tội đầy trời.
25. *Bất dung nhĩ toàn sinh* : Chẳng tha người sống vẹn.
26. *Thống thiết ngô phế phủ* : Đau đớn tọng phổi ta. *Oán ức nhĩ cuồng nhi* : Căm hờn mày là đứa điên khùng đặc chí.
27. *Bị linh-kiểm hại ngô tả tý* : Bị gươm thiêng chém hại cánh tay trái của ta bị thương nặng mới lui binh vậy.

28. *Mãn thân giai huyết xuất lâm ly*: Đầy mình đều máu chảy đầm đìa.
29. *Tả-dực*: Cánh quân bên tả (tay trái) giúp sức; *Hữu chi*: Cánh quân bên hữu (tay phải) cũng giúp vào như chim hai cánh gọi là dực (giúp).
30. *Thoái binh hồi Trung-quốc*: Lui binh về trong nước. Đầy đánh nhau chỗ giáp núi rừng.



CẢNH THỨ SÁU

LƯU-TÚ, TỬ-HOÀNG CHẠY LOẠN,
ĐƯỢC ĐÒ QUA SÔNG THỮ-PHI, LINH HIỀN

CHU-LINH *viết* :

Lộ tiền khán kiến,
Vật khả bôn phi (1).
Nap Tử-Hoàng vẹn thừa mình kia,
Cãi lời mò ắt làm mũi bạc.

LƯU-TÚ *viết* :

Ét giếng cười trời rặng hẹp;
Gà rừng chẳng sợ nước sôi!
Ngươi dầu [36a] có sức bào hao,
Ta há dễ sút chưng nhuệ khí.

Hạ viết :

Đã khỏi nơi hồ huyết (2);
Lại thoát chốn long-đàm (3).
Vái cùng trời bảo hộ Tống-bang,
Xin cho mỗ phò an long-tử (4)!

Văn viết :

Cho mỗ phò an long-lử,
 Quyết ra tài phò chúa an bang.
 Người đời có nhục có vinh,
 Hết cơn bĩ cực tới tuần thái lai (5).

Hạ viết :

Diện tiền kiến giang tàn (6),
 Hậu truy binh điệp điệp (7).
Bớ độ-phu! Bộ-phu người gắng sức,
 Mau chèo rước ta cùng!
 Kéo lăm đảng quần hung,
 Đả không phương lánh nạn.

ĐỘ-PHU *viết :*

Nghe nói thiệt hư chưa biết,
 Thấy lăm nguy lão cũng khá thương!
 Mau mau bước xuống thuyền lan,
 Chóng chóng đưa qua giang hạ.

Bài viết :

Phiêu phiêu nhất chạo ba (8),
 Khinh khinh lãng trực qua (9).
 Thừa phong hành phất phất (10),
 Huy trạo nhập giang ba (11).

Hạ viết :

Tôi dám hỏi qua,
 Xin người nói lại.
 Việc chi có nhất nhân nhất mã;
 Mà theo sau thiêng tướng thiên binh (12).
 Độ-phu chưa tỏ lòng,
 Tướng-quân phân nghe thử?

LƯU-TÚ *viết* :

Người thực Tống-triều Hoàng-Tử,
Lâm nguy phải quá giang tàn.

ĐỘ-PHU *viết* :

Cúi đầu [36b] đa tạ Tử-Hoàng,
Ngu phu cam thất lễ.

LƯU-TÚ *viết* :

Ồn ấy nhường như hải đê (13);
Nghĩa này ví tựa thanh san.
Mai sau dầu đem lại Tống-bang,
Người cũng đừng thẹn danh vạn đại.

CHU-LINH *viết* :

Độ-phu sao tác quái,
Đưa phản tặc quá giang (14).
Hạ lệnh dữ quân nhân,
Tạo phù-kiều tiến phát (15)?

LƯU-TÚ *viết* :

Xem bốn phương xao xác,
Nhìn tám hướng rõ bằng.
Gấp dục ngựa băng chùng,
Mau tìm phương lánh nạn.

Vãn viết :

Mau chóng tìm phương lánh nạn,
Mặt trông chùng đường nhận giờ doi.
Đời người khác thề như thoi,
Đã qua thời lại mới vui lại buồn!

CHU-LINH *viết* :

Cá kia khôn thoát lưới;

Chim nọ khó xỏ lòng,
Ta quyết lấy đầu người,
Truyền tam quân hỗn chiến (16).

LƯU-TỬ viết :

Những mảng xông nơi trận thượng,
Mặt trời phút đã hoàng-hôn (17).
Tối đường khó nổi giờ doi,
Lạ nẻo ngựa không rời vó.

Hạ viết :

Ngâm người thuở trước,
Cũng có như ta.
Nhờ một ngọn đèn hoa,
Cũng thoát nơi nanh sấu (18).

HỒN THỨ-PHI viết :

Vốn ta nay Thứ-Hậu,
Đưa chàng khỏi bèn non.
Tướng-quân gấp lên an,
[37a] Khá rồi theo đường hạnh.

LƯU-TỬ viết :

Hiển hách chân hiển hách ;
Anh linh thị anh linh (19) !
Tử như tư tử diệt tận tình (20) ;
Sinh như thị sinh vi thượng-tri (21) !
Cấp lên an thẳng chỉ,
Nơi đèn hạnh bốn ba.
Nguyên nâng vai gánh vác Tống-gia,
Thề hết sức tài bồi xã tắc.

Văn viết :

Hết sức tài bồi xã tắc,

Cảm thương người dày dạn tuyết sương.
 Lo sao nên đắp nền nhân,
 Dưới trồng cây đức nước an lợi nhà.
 Đoái xem đã khỏi non hoa,
 Đèn lê phụt tắt ác đà mọc lên.

CHU-LINH viết :

Đã mất dấu lạc đường,
 Khôn biết phương tìm kiếm.
 Quả trời hãy phù tri Tống-thất,
 Nên sui chàng thoát khỏi tay min.
Quân! Truyền yên tức can qua (22),
 Trao tam quân hạ trại.

Hựu viết :

Bộ-thần mau trở lại,
 Đệ văn-hiền hồi triều,
 Dặng cho mô đón ngấn (23),
 Ngõ trừ an phản tặc.

QUÂN-NHÂN viết :

Khâm thừa sắc-chỉ,
 Phụng lĩnh chiếu-văn (24).
 Phụng Tướng-quân hồi tấu triều trung,
 Thượng tráng mã trông chừng kinh địa.

Loạn viết :

Sách mã gia chiên vọng kinh-đô (25),
 Tấu lai cơ sự đặc tường tri (26).
 Vi thần tử tận tâm [37b] báo quốc (27);
 Vi tử đương kiệt lực sự thân (28).

Hựu viết :

Dạ! Tôi nay bộ-hạ,

Ở với Chu-Linh.

Tử-Hoàng đã xa lánh non xanh,
Đệ văn-biêu hồi trào bầm tấu!

HỒ-VƯƠNG viết :

Trời còn dung Tống-thất,
Nên thoát khỏi long-đàm.
Mai sau dầu khôi phục Tống-hang,
Ắt Hồ-thị giang san hưu hỹ (29)!
Trẫm lui vào mặt-các;
Bách quan lại dinh-lang.

CHÚ-GIẢI :

1. *Lộ tiền khán kiến, vật khả bôn phi* : Nom thấy trước đường, chớ khá bay chạy. Chu-Linh đuổi tìm thấy Lưu-Tử.
2. *Hồ huyết* : Hang cộp, sa vào giữa trận giặc ví vào hang cộp dũ.
3. *Long-dam* : Đầm rồng, nơi đầm ao nhiều rồng rắn dữ, ví như trận giặc.
4. *Phò an long tử* : Giúp yên cho con rồng tức con vua
5. *Bĩ* là quẻ Bĩ trong kinh Dịch, gặp lúc bĩ cực thì khổ lắm đưa lại hoạn nạn nghèo nàn,.. *Thái* là quẻ Thái trong kinh Dịch, gặp lúc Thái thì sướng lắm đưa lại sung sướng nên mọi việc, vậy Bĩ là bế tắc, mà Thái là thông suốt thịnh vượng
6. *Diện tiền kiến giang tân* : Trước mặt thấy bến sông ngăn lại.
7. *Hậu truy binh diệp diệp* : Sau binh đuổi theo lũ này lượt khác.
8. *Phiêu phiêu nhất chạo ba* : Phơi phới một con chèo lướt sóng.
9. *Khinh khinh lãng trực qua* : Nhẹ nhàng sóng đẩy đưa qua.
10. *Thừa phong hành phất phất* : Theo gió đưa vèo tới (như phẩy nhẹ),
11. *Huy trạo nhập giang ba* : Vẫy lái chèo giữa sóng sông.
12. *Thiên tướng thiên binh* : Ngàn binh ngàn tướng đuổi theo một người một ngựa, *Độ-phu* : Lái-đò chở giúp mà hỏi.
13. *Hải dũ* : Đáy bể tức sâu xa, ý nói ơn sâu khôn xiết.

14. *Phản tặc quá giang* : Giặc phản qua sông. Họ Hồ cùng gọi bèn Tống là phản tặc.
15. *Tạo phù kiều tiến phát* : Dựng cầu nổi tiến sang.
16. *Hồn chiến* : Đánh nhau giáp lá cà, mạnh ai nấy được, Luru-Tú một ngựa chõng lại hàng vạn binh dõng.
17. *Hoàng-hòn* : Chiều tối trời vàng lên. Luru-Tú lại chạy lấy thoát.
18. *Nanh sáu* là nanh vuốt cả sáu kinh khủng, ví như giặc dữ lúc ấy.
19. *Anh linh thị anh linh* : Thiêng linh ấy mới thiêng liêng. *Đổi hiền hách chán hiền hách* : Rõ ràng sự linh ứng cứu nguy bất ngờ.
20. *Tử như tử tể diệt tận tình* : Chết như vậy chết cùng hết tình.
21. *Sinh như thị sinh vi thượng-tri* : Sống như thế sống là bậc thượng-tri.
22. *Yên tức can qua* : Dẹp yên khí giới cò xí, để đóng trại ngay đó.
23. Đón ngăn, trừ phản-tặc thì Chu-linh đóng quân bao vây khu rừng Luru-Tú Tử-Hoàng trốn đó, cố tìm kiếm cho ra để trừ đi.
24. *Sắc-chỉ, chiếu-văn* là vua ban tờ lệnh ra mời gọi như vậy, đối với quan tướng chỉ có phụng mệnh lệnh mà thôi, chỗ này phải là : Tuân hành chỉ-giáo ; *Phụng lĩnh biểu-văn*, bề-tôi dâng thư (đơn lên vua gọi là biểu (tỏ sự thực). Phải chăng kếp hát quen miệng đọc làm ?
25. *Sách mã gia chiến vọng kinh-dò* : Dục ngựa ra voi ngóng về kinh-dò.
26. *Tâu lai cơ sự đặc tởng tri* : Tàu lại việc binh cho được rõ.
27. *Vi thần tử tận tâm báo quốc* : Làm tòi-con hết lòng báo nước ;
28. *Vi tử dương kiệt lực sự thân* : Làm con nên hết sức thờ cha mẹ. Câu này đã chưa ở trên hồi hai.
29. *Giang san hưu hỹ* : Nghiệp làm vua có non sông thời hết rồi.



CẢNH THỨ BẢY

THỨ RỪNG NUÔI SỐNG HOÀNG-TỬ:
THẦN-LINH CỨU SỐNG THỨ-PHI

THẦN-HOÀNG *xương viết* :

Lộng lạc kiên khòn thế giới hành (1),
Ngò thụ Linh-Tiên độ chúng sinh (2).
Dương gian uổng tử ngò cứu tử (3);
Thế giới bị trong ngã giải trong (4)!

Hạ viết :

Chiếm Linh-miếu an cư,
Ngò nãi Thần-Hoàng thị dã (5).
Kim Tống-triều Thái-Tử (6),
Đà thất lạc tha bang (7).
Đã khát sữa đói cơm,
Lại không nơi đình đỗ.
Xướng lệnh khiến sơn-hầu, mãnh-hồ (8),
Các người khá hết lòng.
Kẻ lên non kiếm trái đem dâng;
Người xuống núi tìm cơm về nộp.

Mau mau phân các chức;
 Chóng chóng chớ chầy.
 Nếu lỗi thừa tội kia,
 Ất khôn dung mệnh đó.

THANH-ĐỒNG viết :

Thỗ-Thần! Thỗ-Thần vâng lệnh dạy,
 Xuống cứu mệnh Thứ-Phi.

TIÊU-PHU viết :

[38a] Nương ngụ nơi nhà bạc,
 Tôi biểu tự Tiêu-phu (9).
 Thường ngày đón củi non vu,
 Đòi bữa qua nơi bạch-lĩnh.
Chi nữa, Gói cơm mang cánh (tay);
 Riu búa cầm tay.
 Đè sơn lĩnh chạy ngay,
 Đón củi về đỡ bữa.

Loạn viết :

Biệt từ gia nội thẳng lên non,
 Đón củi đem về bán chợ đòng.
 Ít nhiều miễn đặng cho đủ bữa,
 Mắc rẻ nài chi của ít nhiều.

Hựu viết :

Rất dở, rất dở:
 Quá hung, quá hung!
 Hùm ở đâu sinh sự,
 Thu hết cá hết cơm.
 Hô bầy vía ba hồn,
 Xuýt nữa đà ngay cồ.
 Mau mau trở lại,

Chóng chóng hồi gia.

LƯU-TỬ *viết* :

Tưởng sự nghiệp châu rơi lai láng,
Nhìn Tử-Hoàng ruột nọ đắng cay.
Đã không cơm khát sữa lâu ngày,
Lấy chi đỡ con-trời hoạn nạn.

Hựu viết :

Giống chi mang trong cánh,
Cùng gói đội trên đầu.
Thiệt là mãnh-hồ sơn-hầu,
Cắp bè trái đem cơm tới nộp.

Hựu viết :

Cơm kia mau bón,
Hoàng-Tử khỏe lòng.
Giã sơn-hầu các gã dày còng,
On mãnh-hồ các người đại nghĩa.

Hựu viết :

[38b] Phút lòng vàng tưởng lại,
Căm giận đảng phản thần.
Hưởng trước quyền phản quốc bội quân,
Bay thực chẳng bằng loài cầm thú!
Các người! Các người đã có lòng thương chủ,
Coi cho biết mặt ta.
Giờ thời, Nrong ngu chốn non hoa,
Đặng chờ ngày khôi phục.

THỒ-THẦN *viết* :

Chưởng nhân gian họa phúc (10).
Ngã biểu tự Thồ-Thần.
Nay vâng lệnh Ngọc-Hoàng,

Cứu Thứ-Phi tinh Phượng.
 Mau biệt từ Linh-Điện,
 Chỉ vãn lĩnh bốn lai (11).

Loạn viết :

Thừa Linh-Tiêu diện giảng hạ trần (12),
 Cứu lai Phượng-thị đặc hoàn sinh (13).
 Giá vũ đẳng vãn hành tạt tạt (14),
 Thanh sơn bích thủy khứ mang mang (15)!

Hựu viết :

Đáy đã đến vãn san,
 Mau cấp khai phần-mộ.
 Hô tam hồn thất phách (16),
 Tốc tốc nhập bản thân (17).

THỨ-PHI *thán viết :*

Khởi tỏa non Nam,
 Châu trầm lĩnh Bắc.
 Kham thân lộ đồ tao ly loạn (18),
 Ta hồ! Ấu-tử lạc hà phương (19)?

THỜ-THẦN *viết :*

Bây giờ nàng thần thể hoàn sinh,
 Khả nghe dặn kiếm tìm Hoàng-Tử,
 Cùng nhau sẽ chiêu binh mãi mã (20),
 Rồi liệu toan khôi phục Tống-trào.
 Lời dặn chớ lãng sao,
 Ta dao thân biến hóa (21).

THỨ-PHI *viết :*

Thình không đa tạ,
 Vạn [34a] vọng Tiên-ông,
 Lần gót tới sơn vãn,

Đặng kiếm chôn mai danh ần tích (22).

Văn viết :

Tìm chôn mai danh ần tích,
 Dặm bao nài đập tuyết dày sương.
 Bơ vơ khác nẻo lạ đường,
 Đã noi dấu thỏ lại lần đường dè.
 Xúc tình nhớ đến Hoàng-nhi,
 Khôn ngăn lệ ngọc khó ngợ mạch sầu!

CHỮ-GIẢI :

1. *Lọng lạc kiền khôn thế giới hành* : Sênh sang dạo chơi trong bầu kiền khôn thế giới tức đi lượn đó đây.
2. *Ngô thụ Linh-Tiêu độ chúng sinh* : Ta nhận lệnh của điện Linh-Tiêu (đền Trời) để cứu độ chúng sinh (mọi loài sinh sống).
3. *Dương gian ưỡng tử ngô cứu tử* : Ở cõi dương này ai chết ưỡng thì ta độ cho khỏi chết ưỡng có thể sống lại!
4. *Thế giới bị vương ngã giải vương* : Cõi đời này ai bị vương (nạn) thì ta sẽ giải bỏ cái vương cho, tức cứu mọi người khỏi oan ưỡng.
5. *Thần Hoàng* : Vị thần có miếu thờ ở một địa hạt, đề phù hộ cho dân.
6. *Thái-Tử* : Con vua sau được nối ngôi, khác mọi con vua không được nối ngôi, chỉ gọi là Hoàng-tử không mà thôi.
7. *Thất lạc tha bang* : Lạc mất về nước khác, xứ khác, đang bị ở rừng.
8. *Sơn-hầu* : Khỉ núi, những thú rừng này được lệnh nuôi Thái-Tử.
9. *Tiêu-phu* : Kẻ đón củi. Biểu-tự là tên chữ ngoài. Tiêu phu là danh-tự chung đám đón củi, cũng rằng biểu-tự là sai vậy.
10. *Chưởng nhân gian họa phúc* : Nằm trong tay về họa phúc của loài người.
11. *Chỉ vân lĩnh bốn lai* : Chỗ thẳng núi mây chạy tới.
12. *Thừa Linh-Tiêu điện giáng hạ trần* : Vâng lệnh đền Linh-Tiêu xuống cõi trần.
13. *Cứu lai Phượng-thị đắc hoàn sinh* : Cứu họ Phượng lại cho được sống, chết rồi lại sống do lệnh trời mới làm được.

14. *Già vũ dằng vác hình lạt lạt* : Cười mây theo mưa đi nhanh chóng.
12. *Thanh sơn bích thủy khí mang mang* : Nước biếc non xanh bước vội vàng.
16. *Tan hồn dã chua. Thất phách* : Bầy vía người ở tai, mắt, mũi, lưỡi, mồm,.. Vía là những chất đặc biệt tiếp nhận với mọi hình, thanh, vị, khí,.. để tai nghe, mắt thấy,.. khi chết nó tan mất đi, nay cải tử hoàn sinh phải hô nó trở lại mới sống được.
17. *Tốc tốc nhập bản thân* : Nhanh chóng vào thể xác.
18. *Kham thân lộ đồ tao ly loạn* : Đàng than giữa đường gặp ly loạn.
19. *Ta hồ! Ấu tử lạc hà phương* : Hỡi ôi! Con trẻ lạc nơi nào?
20. *Chiêu binh mãi mã* : Gọi người vào lính mua ngựa để đánh giặc.
21. *Dao thân biến hóa* : Rừng mình rồi tự biến mất đi.
22. *Mai danh ẩn tích* : Chôn vùi danh tính, giấu cả cõi rỗi, không để ai biết mình đã là người thế nào.

Bản Tuồng diễn theo lần lượt, không rõ Thứ-Phi chết đã bao nhiêu ngày thì được sống, rồi ẩn tích ở đâu bao năm, đây tiếp diễn gặp lâu-la bắt, rồi Thạch-Hoàn-Lăng cứu ở chùa ra, xong cùng nhà sư và Hoàn-Lăng đi tìm tới quan-ải Cửu-Công, sau đó gặp Hoàng-Tử đã mười tuổi cùng ở ải-quan. Vậy khoảng 10 năm xa cách Thứ-Phi đã ở những nơi đâu, chỉ biết lần lượt diễn ra không được rõ.



CẢNH THỨ TÁM

PHƯỢNG-THỨ-PHI BỊ THẠCH-HÙNG BẮT GIAM TRONG CHÙA

THẠCH-HÙNG *xương viết* :

Lực bạt thời sơn nhuệ khí cao (1),
Đoạt kinh quá hải tận bào hao (2).
Hùng cứ sơn trung vô địch thủ (3),
Nhiều nhưong lệ thứ nhiệm hùng hào (4).

Hựu viết :

Chiếm vân sơn quản chúng lâu la (5),
Ngô biểu-tự Thạch-Hùng thị dã.
Nghe tiếng mõ người đều khiếp dạ.
Thấy mặt min chúng thấy kinh tâm!
Lâu la! Truyền lâu-la kíp xuống nhân dân,
Đón thương khách tận thu tài vật (6).

LÂU-LA *viết* :

Tôi tìm khắp đông tây nam bắc,
Chẳng có ai buôn bán tiền tài...
Gặp một người nhan sắc tốt tươi,

Đem về nạp mặc người tha giết.

THẠCH-HÙNG viết :

Ngó khoái lạc, ngó khoái lạc ;
 Thâm hoan tình, thâm hoan tình (7) !
 Quả thời trời giúp mỗ nhân duyên,
 Nên ta mới gặp trang thực nữ.
 Nàng khá bày tự sự,
 Đặng cho mỗ hẳn tương.
 Nhân việc [39b] chi đến chốn sơn lâm,
 Lại dày rã nhất thân phụ nữ?

THỨ-PHI viết :

Ta thực Tống-triều Thứ-Hậu,
 Lánh nạn lạc đến sơn trung.
 Lời thực đã tỏ tình,
 Cho Trướng-quân tỏ dạ.

THẠCH-HÙNG viết :

Nem vị Tiên-dế,
 Nên rất tốt tươi.
 Khéo chọn khó đặng người,
 Nhan sắc nên xinh lạ !
 Tiên-Hoàng đà yển-giá (8),
 Nàng lánh nạn vân sơn,
 Đi làm chi dày rã tuyết sương,
 Về cùng mỗ kết duyên phu phụ.
Lâu-la! Truyền lâu-la các gã,
 Đem gọi lại am mây (9).

HOÀN-LĂNG viết :

Non Kỳ-sơn ần tích dưỡng thân (10),
 Xưng tình Thạch-Hoàn-Lăng là mỗ :

Vấn sảo sảo chen người thất bộ;
 Võ dò dò bì kẻ sáu thao.
 Chưa gặp thời còn ần Cồn-sơn;
 Còn lỗ vận hương tàng u cốc (11).

Hựu viết :

Ác vàng đã ló mọc,
 Thổ bạc lại về tây.
 Chi nĩa, Cắp cung tên đạo chốn sơn Khê,
 Dầu hừng chí bạn cùng cày cáo;

Loạn viết :

Dao vọng trường đồ quá lĩnh trung (12),
 Nhàn khan san thủy lạc vô cùng (13)!
 Nhược ngộ phi cầm tùy sạ lạc (14);
 Hữu phùng tàu thú tật nan dung (15).

Hựu viết :

Những [40a] mảng non xanh xông dột,
 Phút đầu trời đã hoàng hôn.

Hựu viết :

Mau mau cắt gánh,
 Chóng chóng đưa chân.
 Trời tối chẳng thấy đường,
 Ta khôn phương rời bước.
 Âu ta sả gập,
 Ghé lại am mây.

TĂNG-NHÂN viết :

Chú ở đầu rất chường rất ngang,
 Gánh thịt lại vào chùa vào miếu.
 Mau gánh ra cho khỏi,
 Kéo mà thối mà hôi.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Khuyên đó chớ đuổi xua,
 Cho mô quyền tạm nghỉ.
 Vả đạo Phật cứu dân độ thế (16),
 Người tu hành đi khát ngọ khen hiền (17).

TĂNG-NHÂN *viết* :

Chú còn lạ chưa quen,
 Tôi nói cho chú biết.
 Nơi am tự có người ma nhát (18),
 Nó thường ngày đến phá trong chùa.
 Ngủ thời ngủ hiền tây,
 Đừng vào nơi am tự.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Nghe khi sớm sãi phân cùng mô,
 Rằng am này tà quỷ nhiều nhưong (19).
 Ấu là ta bước lại hậu-đường,
 Coi thử nhiều nhưong hà sự?

THỨ-PHI *thán viết* :

Kham thán thiên thương khởi họa thâm (20),
 Xứ ngò điên đảo khổ sầu tâm (21) !
 Ngò nhi bất ngò yên năng cứu (22),
 Hốt bị cường phu tróc hãm dâm (23).

HOÀN-LĂNG *viết* :

*Sãi rằng, am-tự [40b] tà quỷ nhiều nhưong, quý
 làm sao mà tiếng khóc tiếng than, lạ này ?
 Quả sầu vãn thảm vũ chi bi (24) ;
 Phi quý mị ngoan tinh chi loại (25) ?
 Hay tăng chúng đem lòng bất nghĩa,
 Thói ngang tàng những sự hãm dâm.*

Trèo bích môn tróc vắn (26) cho tường,
Ngõ đặng biết chân tà tự sự.

Hựu viết :

Sùng sục dầu sòi lẳng cật,
Bằng bằng lửa dậy tâm can.
Quả thực đặng ác-tằng (27),
Nó sinh lòng khuyển mã.
Bạt trường trụy loạn đả (28),
Nan thứ tội dâm ô (29)!

Loạn viết :

Nhĩ khi phạt tịch tự quai vi (30),
Nguyên sát cường tăng toái tử-thi (31).

CHÚ-GIẢI :

1. *Lực bạt thôi sơn* : Sức khỏe xò non đồ, nhuệ khí cao cường.
2. *Đoạt kinh quá hải tận bào hao* : Qua bể bắt kinh hết gài dũ chống.
3. *Hùng cử sơn trung vô địch thủ* : Dữ trong rừng núi không ai địch.
4. *Nhiều nương lễ thứ nhiệm hùng hào* : Quấy rối đàn đen mặc sức mình.
5. *Chiếm vắn sơn quân chủng lâu la* : Giữ non mây coi bọn lâu la (cướp).
6. *Thương khách* : Người buồn bán. *Tận thu tài vật* : thu hết tiền của.
7. *Ngô khoái lạc* : Ta vui sướng. *Thậm hoan tình* : Tình rất vui.
8. *Yến giá* : Xe mây đã châu trời. Vua mắt gọi là yến giá.
9. Am mây chùa cao mà gọi. Bản chính viết am vắn xin đổi *am mây*.
10. *Ẩn tịch* : Ẩu đời sống của mình. *Dưỡng thân* : Nuôi mình sống.
11. *Hương tàng u cốc* : Mùi thơm hoa lan mọc hang tối, ví kẻ sĩ đi ẩn.
12. *Dao vọng trường đồ quá lĩnh trung* : Xa ngóng đường dài qua trong núi.
13. *Nhàn khan san thủy lạc vô cùng* : Rồi xem non nước vui khôn kể.

14. *Nhược ngộ phi cầm tùy sự hạ* : Nếu gặp chim bay theo bản xuống.
15. *Hữu phùng lâu thú tạt nan dung* : Có gặp chú chày cũng khó tha nó.
16. *Cứu dân độ thế* : Cứu mọi người, vớt đời chim đắm bể khổ.
17. *Khất ngộ* : Xin cơm cúng ngộ mà được khen là hiền tức cao quý.
18. *Ma nhất tức ma trêu ghẹo làm mê cả tâm hồn.*
19. *Tà quỷ nhiều nhưng* : Ma quái quấy rối.
20. *Kham thân thiên thương khởi họa thâm* : Thân nổi trời xanh để vạ sâu.
21. *Xử ngộ diên đảo khô sâu tám* : Khiến ta quay lộn bởi lòng sâu !
22. *Ngộ nhi bất ngộ yên năng cứu* : Con ta chẳng gặp sao hay cứu.
23. *Hốt bị cuồng phu tróc hãm dâm* : Chợt bị thằng điên bắt hãm dâm.
24. *Quả sâu vãn thâm vũ chi bi* : Hẳn khóc than như mưa sâu mây thâm.
25. *Phi quỷ mị ngoan tình chi loại* : Chẳng phải loài yêu ma chi hết.
26. *Trèo bích môn* : Trèo lườn cửa vách. *Tróc vứn* : Bắt lại đề hỏi.
27. *Ác-tăng* : Lũ thầy tu độc ác.
28. *Bạt trường-trùng loạn dã* : Gió trùng dài đánh túi bụi.
29. *Nan thứ tội dâm ó* : Khó tha tội ép dâm với đàn bà.
30. *Nhĩ khi Phật tích tự quái vi* : Mày coi thường đạo Phật tự làm trái.
31. *Nguyện sát cuồng-tăng loái tử-thi* : Thề giết lũ tăng liều này xé tan thầy mới hả. Chẳng nghe đàn bà khóc mà nghi thầy chùa là ác-tăng mới nổi giận.



CẢNH THỨ CHÍN

HOÀN-LĂNG GIẾT TƯỚNG CƯỚP,
CÙNG SƯ KHÁNH-VÂN PHÙ THỨ-HẬU

HÒA-THƯỢNG *viết :*

Nam-mò A-Di Đà-Phật!
Bình địa khởi phong ba,
Vô đoan tao khổ hại!
Đa tạ Tướng-quân tu giảm nộ,
Khất dung bản-sĩ tổ tòng tri (1).

Loạn viết :

Giá lý sơn trung hữu Thạch-Hùng (2),
Tằng lai nhưng nhiên ký tự trung (3).

HOÀN-LĂNG *loạn viết :*

Giá ban nhân đấng chân hung bối (4),
Bình tố hành hà tác sự duyên (5)?

HÒA-THƯỢNG *loạn viết :*

Quản xuất chúng nhân đương yếu lộ (6),
Đoạt thu tài vật tróc lê dân (7).

HOÀN-LĂNG *loạn viết* :

Am trung phụ-nữ tàng phòng thất (8),
Thử tội duy thùy khả thuyết minh (9)?

HÒA-[41a] THƯỢNG *loạn viết* :

Đa tạ Tướng-quân kim thử tội (10),
Bần-tăng an cảm hữu đàm ô (11)!

Hựu viết :

Tội đầu dám hoặc ngôn,
Vốn một lòng thành thực.
Hằng tụng câu Bát-Nhã (12);
Lòng niệm chữ Ma-Ha (13).
Cũng biết ghét gian tà,
Nhưng mà, Thế yếu khôn trừ quỷ.

THẠCH-HÙNG *viết* :

Truyền lâu la các gã,
Trở lại chốn am vân,
Tróc phụ-nữ mỹ nhân (14),
Đặng điệu hồi sơn-trại.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Tác quái chán tác quái;
Cuồng phu thị cuồng phu (15).
Quyết trừ đảng khuyến du (16);
Chi dung loài tàn ngược!
Hoàn-Lăng đá tử Thạch-Hùng, vân... vân...

Hựu viết :

Nàng khá bày sau trước,
Đặng ta rõ căn do?

THỨ-PHI *viết* :

Quyền Thứ-Hậu Tống-triều,
Ta Kim-Anh tính Phụng.
Bị Hồ-tặc đoạt ngôi Tống-đế,
Nền lãnh mình lạc đến vãn-san,
Phúc lâm phải loài gian,
Ơn Tướng-quân cứu viện.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Khuynh thân đa tạ,
Vạn vọng Hoàng-nương.
Bản ngu-thần thường ân sơn lâm,
Bất tri chúa khát tình miển chấp!

Hạ viết :

Phản tặc ôi phản tặc;
Loạn thần hồi loạn thần!
Ngươi làm sao phản bội quân ân,
Vây thời chẳng bằng loài cầm [41b] thú?
Xin rước về trang gia nương ngự,
Ngõ chờ ngày phục nghiệp Trưng Hưng (17).
Tiền-thần (18) quyết gắng công,
Phoi gan phò Tống-chúa.

THỨ-PHI *viết* :

Tướng-quân đã có lòng bảo hộ,
Khả đưa ra tới ải Đồng-quan.
Ngõ tìm kiếm Tử-Hoàng,
Rồi sẽ hưng binh khôi phục.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Thoảng nghe qua tự sự,
Đà thấu đặng cơ quan.

Ài Đồng còn có Tử-Hoàng,
Lo chi chẳng đem về nghiệp Tống?

HÒA-THƯỢNG *viết* :

Chư láng các chúng,
Bãi tạ Mậu-hoàng!
Tôi nay Bạch-Khánh-Vân,
Chốn am mây thác lịch.
Tuy xuất gia đầu Phật,
Nhưng cũng ở đất vua.
Quyết hết sức kuông phò,
Ngõ đem về đó cụ.

HOÀNG-LĂNG *viết* :

Người cùng đi, vậy thời :
Người khá tua sấm sữ,
Mà chính bị thác nang.
Đồng thượng mã một đoàn,
Chỉ Đồng-quan nhẹ gót.

Vãn viết :

Nhẹ gót trông chừng Đòng-địa,
Đấng anh hùng nào nại gian nan.
Lo sao đem lại giang san,
Khử trừ đảng nịnh đặt an nghiệp hồng.

KHÁNH-VÂN *vãn viết* :

Phật-đạo dữ đồng Vương-đạo (20),
Gặp hiểm nghèo phải báo công tôi (21).
Bao giờ cơ nghiệp phục hồi,
[42a] Về làm tôi Phật mới rời tiền căn (22).

THỨ-PHI *vãn viết* :

Riêng hờn thời vận đảo điên,

Tấm mưa trải gió thuyền-quyền dễ sòn!
 Phật trời phù hộ Tống-bang,
 Mẹ con gặp gỡ giang san đem về.

TAM NHÂN *đồng văn viết:*

Bĩ qua rồi lại thái lai,
 Dắt trời xin chứng cho người trung lương!
 Thứ này chưa đặng hợp hoan,
 Thứ tư mới đặng một đoàn trung-hưng.
 Bĩ hoan ly hợp sự thường,
 Kính dâng tam văn xin triềng (trình) hồi tu.

CHÚ-GIẢI:

1. *Khuất dung bần-sĩ lộ trường tri*: Xin dung cho kẻ tu sĩ nghèo này bày tỏ cho biết. Bần là nghèo đây là nghèo về đức-hạnh.
2. *Giả lý sơn trung hữu Thạch-Hùng*: Ở trong núi này có Thạch-Hùng.
3. *Tằng lai nhiều nhưỡng kỳ tự trung*: Từng lại đây quấy rối trong am.
4. *Giả ban nhân dặng chân hung bối*: Cái đám người ấy thực là lũ dữ.
5. *Bình tổ hành hà túc sự duyên*: Suốt đời bọn đó làm những gì?
6. *Quản xuất chúng nhân dương yếu lộ*: Cõi đám người giữ đường hẻm.
7. *Đoạt thu tài vật tróc lê dân*: Cướp lấy của tiền bắt cả dân đen.
8. *Am trung phụ nữ tàng phòng thất*: Trong am chứa đàn bà trong phòng ấy ra sao?
9. *Thử tội duy thù khả thuyết minh*: Tội ấy vì ai hãy nói rành.
10. *Đa tạ Vương-quân kim thứ tội*: Tạ ơn Vương-quân nay tha tội.
11. *Bần-lãng an cảm hữu dâm ô*: Kẻ tu này đâu dám việc dâm ô. Bần-lãng, lối khiêm tốn của thầy chùa, nói mình nghèo về đạo-học.
12. *Bát-Nhã*: Tên bộ kinh Phật, dạy về đường tu chân chính.
13. *Ma-Ha*: Nước Ma-ha dịch là cam lộ tức mưa ngọt, như vậy nước Ma-ha vào cảnh dương-liễu, gọi là vậy nước Cam-lộ vậy.
14. *Tróc phụ nữ mỹ nhân*: Bắt người đàn bà đẹp ấy.

15. *Cường-phu* : Đưa diên khùng dám làm liều lĩnh.
16. *Khuyển du* : Loài chó mà, tức giống thú không phải là người.
17. *Trung-Hưng* : Ở khoảng giữa dấy lên, thí dụ một dòng vua dầy mấy đời không may bị mất ngôi, thế rồi con cháu lấy lại ngôi báu truyền lại về sau, khi lấy lại ấy là Trung-hưng hay Trưng-hưng nghiệp cũ.
18. *Tiểu-thần* : Bề tôi hèn nhỏ, bởi Hoàn-Lang còn là dân chưa làm quan, nay xưng với vua chúa là Tiểu-thần cho đúng nghĩa.
19. *Tự sự* : Bày công việc ra. *Cơ-quan* : Bộ máy, ở đây có nghĩa là sự thế.
20. Phật-đạo là tu hành siêu thoát cõi trần tức xuất thế, lại dừ đồng là cũng như Vương-đạo phải nhập thế, bởi sự tùy duyên có giúp đời mới yên để tu thân, cho nên hai đạo phải đi đôi với nhau vậy.
21. *Công tói* là công khó nhọc của bề-tôi, đi tu song vẫn là thần dân của vua chúa, khi ra sức giúp dù thầy tu vẫn danh phận con dân.
22. *Tiền căn* : Cái rễ trước, có rễ mới sinh cây rồi kết quả về sau, đây nói căn của Khánh-Vân là kiếp trước nguyện tu hành, đến kiếp này sẽ tu cho đúng với tiền căn mong thành chánh quả.



QUYỂN THỨ BA

HỒI THỨ TƯ

(Gồm 9 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử dạy văn võ Tử-Hoàng, Chu-Linh thấy đuổi mà chạy.
- * 2. Lưu-Tử, Tử-Hoàng được Phiên-chúa Hồ-Oai đưa về lánh ẩn.
- * 3. Cha con Hoàn-Công lời quan ải, hợp lực cùng Phụng-Cửu-Công.
- * 4. Hắc-Lân phá trận-dờ, gặp Hoàn-Công ở quan-ải Cửu-Công.
- * 5. Nơi quan-ải, quán thàn, phụ tử, phu phụ, huynh đệ,.. trùng phùng.
- * 6. Tử-Hoàng phục quốc, chia năm đ̄ō binh lãn công.
- * 7. Sau Thạch-Dũng, Thái-Hà, Chu-Linh,.. Binh Hồ bị Lưu-Tử dẹp tan.
- * 8. Hồ-vương thất bại, Hoàng-Tử lên ngôi, phong chức bách quan.
- * 9. Lễ tiễn đưa Phiên-chúa về xứ, và Hoàn-Công đi tu.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TỬ DẠY VĂN VÕ TỬ-HOÀNG,
CHU-LINH THẤY ĐUÔI MÀ CHẠY

LƯU-TỬ *bạch viết* :

[43a] Động vót vàng diệt nguy (1);
Rời mũi bạc phò chân (2) !
Tống-trào đà một mối hưng vương;
Nguyễn-chúa lại khỏe bền nổi thánh (3) !
Võ Tôn, Ngô tài sánh (4);
Văn Tử-Kiến chi nhường!
Quần thần đã chọn đạo trung lương,
Phò Hoàng-Tử tôi Đinh-Lưu-Tử.

Hựu viết :

Như tôi, Đã nhiều trận tranh long đấu hổ;
Lại lắm phen lược địa đồ thành (5).
Thần thức trông đem lại nghiệp hồng,
Nâng vai gánh Tống-trào thồ vũ (6).

HOÀNG-TỬ *viết* :

Dạ! Dám trình qua thân phụng,

Xin bày tỏ tấm lòng.
 Bày lớn nường một khóm thung-dường,
 Sao khuya sớm vắng cảnh huyền thất (7)?
 Xin tỏ bày trong đục,
 Cho con hãn căn nguyên?
 Do hà ngu chồn làm tuyền (8),
 Tri kỳ phụ bất tri kỳ mẫu (9)?

LUU-TU viết :

Thấy nói tấm lòng áo nã;
 Nghe lời dạ tựa kim châm.
 Chẳng phải đạo cha con;
 Vốn thực niềm tôi chúa.
Bầm Điện-hạ (10) chưa rõ, tôi phàn lại cho tường.
 Tự Thánh-hoàng án giá,
 Hồ-gia đoạt ngôi Kiền.
 Nó lại, Đem Mẫu-Hoàng ra chồn [43b] bèn sông,
 Truyền chúng tướng chờ giờ lịch sát.
 Tôi ra tay cứu thoát,
 Mới khỏi chồn long đàm.
 Bà bèn sản xuất Tử-Hoàng,
 Phút lại tử u huyết vận (11).
 Tặc truy binh chí cận (12),
 Tôi bèn táng tại vãn san.
 Đã mấy thu kẻ bắc người nam,
 Mười năm chẵn một tôi một chúa.

HOÀNG-TU viết :

Đoạn phế phủ, đoạn phế phủ;
 Thống tâm can, thống tâm can!!!
 Kham thán dã phụ-hoàng;
 Ai tai hồ Mẫu-Hậu!

Thán viết :

Phụ-mẫu sở sinh hà nhân đoạn (13),
 Ai hồ! Thời vận oán tình di (14)!
 Thập nguyệt hoài thai ân võng cực (15),
 Tam niên nhũ bộ lệ lâm ly (16)!

Hựu viết :

Nghiệp Tống dù còn nổi tông chi (17),
 Vi dưỡng-phụ (18) có lòng phù giúp.
 Biết bao thừa mười ân báo đáp (19),
 Cho thỏa tình sinh dưỡng đạo đồng (20).
 Riêng trách bởi Thiên-công,
 Khả tích ta sự nghiệp!

LƯU-TỬ *viết :*

Xin Điện-hạ đừng roi nước mắt,
 Mà ngu-thần xối động chứa chan.
Thưa Điện-hạ! Giờ thời,
 Xin gắng công luyện tập kinh luân (21),
 Ngõ chờ vận phục hồi thổ vũ.

HOÀNG-TỬ *viết :*

Kim dưỡng-phụ thao văn luyện võ (22),
 Tôi phải theo giáo huấn nhi hành.

[44a]

Bài viết :

Vạn đội sum la hề, kim-kê độc lập, kim-kê độc
 lập (23),
 Nhất xoang kiếm kích hề, mãnh-hổ ly sơn, mãnh-
 hổ ly sơn (24).
 Phấn thân dũng được hề, đẳng giao phượng vũ,
 đẳng giao phượng vũ (25),
 Nỗ lực bào hao hề, hổ đấu long tranh, hổ đấu
 long tranh (26).

Nhuệ khí lôi oanh hê, tinh kỳ bố liệt, tinh kỳ
 bố liệt (27),
 Vệ thân vũ dục hê, kiếm kích dương uy, kiếm
 kích dương uy (28).

LƯU-TÚ viết :

Hảo hảo dã kinh quyền (29),
 Hoan hoan tai Hoàng-Tử!
 Như vậy ắt Tống trào đồ số (30),
 Nhường ấy thời Tống quốc miền trường.
 Vậy thời ta trở lại sơn trung,
 Chờ đến vận chiêu binh phục nghiệp (31).

QUÂN BÁO viết :

Chúng tôi bộ-hạ,
 Tuần thú non xanh.
 Thấy Tử-Hoàng cùng gã Lưu-sinh,
 Ân sơn thượng thao văn luyện võ.

CHU-LINH viết :

Tâm trung nộ phát,
 Điện thượng thông hồng!
 Quân! Lệnh truyền dữ tam quân,
 Cấp phủ vây sơn thượng.

LƯU-TÚ viết :

Chợt nhìn kiếm kích ngưng sương (32),
 Đoái thấy bốn phương vây phủ.
 Xin Điện-hạ lên yên đoạt lộ,
 Sau ngu-thần ra sức đỡ ngăn.
 Mặt từ giả miếu môn,
 Mau thoát nơi thử thạch.

CHU-LINH *viết* :

Tử-Hoàng xem đã thiệt,
 Lưu-Tú ngộ rõ ràng.
 Quyết [44b] chém gã xuống an,
 Chẳng cho ngồi trên ngựa.

LƯU-TÚ *viết* :

Xưa túng tiểu trong vòng chẳng sợ;
 Nay thành thoi ngoài trận sá bao?
 Người dầu khoe dũng lực tài cao,
 Ta cũng biết thôi phong nhuệ khí (33).

CHU-LINH *viết* :

Khá khen thay Lưu-Sĩ,
 Sức quán cỡ anh hùng!
Chúng Vương! Truyền chúng tướng phủ vây,
 Hóa phép tróc lai Hoàng-Tử.
 Úm! Khiếu hỏa xa tốc tốc,
 Cộng hỏa hồ, hỏa lân (34)...
 Đồng áp tỵ vãn sơn,
 Cấp tróc lai Hoàng-Tử.

HOÀNG-TỬ *viết* :

Thậm cấp chân thậm cấp;
 Chí nguy thị chí nguy (35)!!!
 Thiên xử ngộ đã ngoại táng thi (36);
 Địa xử ngã sơn trung mai cốt (37).

LƯU-TÚ *viết* :

Xin Điện-hạ đừng roi lệ ngọc,
 Đề có tôi diệu pháp linh thông (38).
 Thư kiểm phù hóa phép Ngũ Long,
 Niệm thần chú giải vây đồ-trận (39).

CHU-LINH *viết* :

Lệnh truyền chúng tướng,
 Dương cung thí sạ chi (40).

QUÂN-NHÂN *viết* :

Hoàng-Tử đã cao phi,
 Thừa hoàng-long đầu thoát (41).

CHU-LINH *viết* :

Tướng một mìn diệu pháp;
 Hay nhiều kẻ tài cao.
 Truyền chúng tướng sát lai,
 Trao tam quân truy tiến.

Hữu viết :

Những mảng tham rời còn [45a] mác,
 Phút đà áp cõi Phiên-bang.
 Lệnh truyền dũ quân nhân,
 Thoái binh hồi Trung-quốc.

LUU-TU *viết* :

Dặm liễu sương bay lác đác,
 Đường dề tuyết nhuộm láng lai.
 Đã khỏi chốn chông gai,
 Mau lần qua dặm tía.

Văn viết :

Dặm tía trông chừng giờ vọt,
 Thoát khỏi vòng hồ huyết long đàm.

HOÀNG-TỬ *văn viết* :

Cầm hờn con giặc tòi loạn,
 Sui hao mạch nước phá tan dân lành.

LƯU-TÚ *văn viết* :

Trách thay thời vận gập ghềnh,
Thân này đập sỏi dày sành sá bao?

HOÀNG-TỬ *văn viết* :

Lần theo suối thăm non cao,
Lánh nơi nước lửa cả ao khỏi nghèo.

CHÚ-GIẢI :

1. *Vót vàng* là binh khí, *Diệt kẻ nguy* là giặc tức họ Hồ.
2. *Mũi bạc* đồ binh-khí sắc trắng loáng, *Phò chúa* là chàn chúa là Tống.
3. Chúc Chúa Nguyễn Việt-Nam sau khi nói qua bản tường triều Tống.
4. *Tôn-võ-Tử* đòi Đông-Châu làm Binh-Thư cũng Tồ-sur về phép chiến trận, *Ngô-Khởi* đòi Đông-Châu giỗ phép hành quân nên võ giỗ thường nói đến Tôn, Ngô.
5. *Lược địa* : Mưu tính lấy đất. *Đò thành* : mưu tính chiếm thành.
6. *Thò vủ* : Bò cũi đất nước, như chữ lãnh-thỏ đòi nay.
7. *Huyên-thất* : Nhà Huyên tức người mẹ. *Cổ Huyên* đeo vào lưng thì đỡ lo vì như người mẹ, do chữ *Kinh-Thi* An đắc huyên thảo, thụ chi hậu bối.
8. *Làm tuyền* : Suối rừng. Lưu-Tú dạy Hoàng-Tử về Kinh Sĩ, nên Hoàng-Tử đã khôn lớn mà hỏi qua lai lịch.
9. *Tri kỳ phụ bất tri kỳ mẫu* : Biết người cha chẳng biết người mẹ.
10. *Điện-hạ* : Dưới điện, khi tâu với Thái-Tử, Vương trước đều xưng tâu ở dưới điện, do đẩy mà thành danh tâu lên.
11. *Tử ư huyết vận* : Chết vào lúc để xong máu còn chưa khô ráo.
12. *Phụ mẫu sở sinh hà nhân đoạn* : Cha mẹ sinh ra sao nữa đứt.
13. *Ai hồ ! Thời vận hoán tinh di* : Thương ôi ! Thời vận đổi rời sao.
14. *Tặc binh truy chí cận* : Binh giặc đuổi tới gần.
15. *Thập nguyệt hoài thai án võng cực* : Mười tháng mang thai on to ví trời cao kia không biết đầu là cùng cực.
16. *Tam niên nhũ bộ lệ lâm ly* : Ba năm bú mớm lệ đầm đìa. Thái-Tử để

- ra mẹ chết, nhưng bản phận làm con vẫn khóc theo điệu này.
17. *Còn nổi tống chi* : Tức nhà Tống còn được làm vua theo nghiệp tổ.
 18. Thái-Tử từ đây kêu Lưu-Tử là cha nuôi tức *Dưỡng-phụ* vậy.
 19. Mười ân của cha mẹ nuôi con, kể ra từ nhỏ cho nên người.
 20. *Sinh dưỡng đạo đồng* : Để ra, và công nuôi từ nhỏ, cùng một đạo làm cha, sự hiếu kính coi ngang nhau vậy.
 21. *Kinh luân* chữ kinh Dịch quẻ Chuân, nói về làm chính-trị như gờ rồi mối tơ của hàng muôn chính sự cho dân được nhờ.
 22. *Thảo văn luyện võ* : Rèn luyện văn võ cho thành tài.
 23. *Vạn đội xum la hề* : Muôn đội binh xô lại hợp về chừ ! *Kim kê độc-lập* : Gà vàng đứng một mình, muôn đội binh kính phục tuân theo.
 24. *Nhất xoang kiếm kích hề* : Một khi múa gươm kích chừ ! *Mãnh hồ ly sơn* : Như cọp dữ ra khỏi rừng làm mọi người khiếp sợ !
 25. *Phấn thân dũng được hề* : Ra sức mình mạnh khỏe vẫy vùng chừ ! *Đẳng giao khởi phượng* : Như phượng múa con cù (rồng nhỏ) bay như biển.
 26. *Nỗ lực bảo hao hề* : Gắng sức thét gầm lên chừ ! *Hồ đấu long tranh* : Như cọp chọi rồng tranh, cũng như phượng giao đều xuất quỷ nhập thần.
 27. *Nhục khí lôi oanh hề* : Khí thế sắc bén như sấm ran chừ ! *Tinh kỳ bố liệt* : Cờ xí bày hàng đầy rẫy.
 28. *Vệ thân vũ dực chừ* : Như lông cánh giúp mình chừ ! *Kiểm kích dương uy* : Như gươm với kích giờ oai ra.
 29. *Hảo hảo dã kinh quyền* : Tốt tốt vậy khi xử thường lúc lựa biển.
 30. *Đồ số* : Cũng như cơ nghiệp chẳng. Đây Lưu khen tài Hoàng-Tử.
 31. *Chiêu binh* : Mộ quân cho đồng. *Phục-nghiệp* : Lấy lại nghiệp chúa.
 32. *Kiểm kích ngưng sương* : Gươm kích đọng lại như sương tức nhiều.
 33. *Thôi phong* : Đầy sức gió tới tức khỏe. *Nhục khí* : Khí thế sắc bén.
 34. *Úm là lời hô Thần-chú*, *Khiếu hỏa-xa tốc tốc* : *Kêu xe lửa nhanh chóng*, *Cộng hỏa hồ* : Cùng con hùm lửa, *Hỏa lân có lẽ con lân lửa*, vì chữ viết Hỏa-lân, chưa hiểu thú lửa của giống gì.
 35. *Thậm cấp* : Rất gấp ; *Chỉ nguy* : Đến nguy tới nơi rồi khó thoát.
 36. *Thiên xử ngô dã ngoại láng thi* : Trời khiến ta chôn thân ngoài đồng nội.
 37. *Địa xử ngã sơn trung mai cốt* : Đất khiến ta vùi xương trong núi.

38. *Diệu pháp* : Phép khéo biến hóa như thần. *Linh thông* : Linh mà thông suốt không ngừng trệ, không cái gì cản trở như thể thần-thông.
39. Niệm thần-chủ, để giải trận thế bày ra vây quanh cho được thoát.
40. *Dương cung thử sạ chi* : Giờ cung tên bắn đây.
41. *Thừa Hoàng-long tâu thoát* : Cưỡi rồng vàng bay chạy mất. Đến đây mới rõ binh họ Hồ vây khu rừng tìm kiếm vua tôi Hoàng-tử vào khoảng mười năm, đến bây giờ mới thoát.



CẢNH THỨ HAI

LƯU-TỬ, TỬ-HOÀNG ĐƯỢC PHIÊN-CHÚA
HỒ-OAI ĐƯA VỀ LÁNH ẦN

HỒ-OAI viết :

Quyền xưng chúa tể Liêu-triều,
Ngò nãi Hồ-Oai thị dã.
Như ta, Tự hưng binh quan hạ,
Mong thu đoạt Tống-triều.
Phút sa thừa máy binh (1),
Bị Lão-gia sinh hoạch (2),
Nhờ Lão-gia đại đức,
Tha mỗ lại Phiên-bang,
Nguyện khắc cốt minh tâm,
Thệ kết vi thần sĩ (3).
Mỗi tam thu một lễ,
Lần kể đã sáu đòng (4).
Trạnh lòng vàng sầy nhớ tướng-công,
Roi mắt ngọc sui buồn dạ mỗ.
Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Mau [45b] vác lưới chài muông.

Đạo sơn dầu hứng chi từng làm,
Sấn cày cáo giải tình phiền não.

Loạn viết :

Chùng chiêm sơn linh khứ mang mang (5),
Túc bộ ta đà chi tự hoan (6)!
Nhiệm ngã tiêu dao mi lộc hảo (7),
Khoái ngô nhân lạc điều cầm da (8)!

Hựu viết :

Quản! Truyền mở đài tiệc hồng,
Mau chúc chám chén nhận.

Bài viết :

Âm tửu tam bôi chúc tửu diên (9),
Quản tề bả trần lạc hoan nhiên (10).

Hựu viết :

Dục phá thành sầu,
Chi cho bằng dụng tửu bình (11).

Bài viết :

Lục thủy thanh sơn chân hảo cảnh (12),
Kỹ hoa thụy thảo phá sầu tình (13)!

Hựu viết :

Say vừa quên sầu nộ phút tan,
Cảnh rất hảo thú thêm vui thú.

Vãn viết :

Cảnh rất hảo thú thêm vui thú,
Cảnh tình này thoát giải sầu tây.
Rõ ràng gấm dệt thừc mây,
Sông Ngân một giải ánh trời nên xanh.

LƯU-TÚ *viết* :

Suối cầm chầy thanh thanh,
Cối lũng am bóng mát.
Xin Điện-hạ xuống yên tạm gác,
Đặng cho tôi vào đó nghỉ chân.

Hữu viết :

Điện-hạ đà bàn thạch giãc an (14),
Ta cũng cối tũng nghỉ mát.
Như ta nay; Kề từ thửa hai phương phiêu lạc,
Nôi gia tình [46a] một lẽ khôn thông.
Nhớ hiền-thê lệ nhuộm dòng dòng,
Trông ngọc hữu tuôn châu lộp độp.
Biết bao thửa một nhà xum họp,
Bỏ những khi thân mỗ lao đao.
Ngưỡng diện khiêu Hoàng-thiên;
Đề đầu ta địa hậu!

Thán viết :

Phu phụ Sâm Thương hà nhật hội (15),
Uyên ương giai ngẫu kỷ thời phùng (16)?

HỒ-OAI *viết* :

Nhìn xem nhị vị tư dung,
Nhắm lại khác người phạm tục (17),
Quán! Quán-nhân đừng dao động,
Đề mỗ ngó cho tường.
Một gã thời bạch-hồ ần thân (18);
Một người lại hoàng-long phụ thê (19).
Như hai người này là,
Phi tầm thương ty bỉ (20),
Quả quốc-sĩ, vương-gia (21).
Đáy quán! Lệnh truyền giệp can qua,

Đáo cận tiền khán quá (22)!

LƯU-TỬ *viết* :

Tác quái chân tác quái;
Loạn thần thị loạn thần!
Quyết vạn đoạn toái phàn,
Thệ bất dung súc nghiệt (23)!

HỒ-OAI *viết* :

Khoan khoan rời phủ việt (24),
Chớ chớ động đao sang.
Mỗ là kẻ vô can,
Sao gọi rằng tác quái?

LƯU-TỬ *viết* :

Ngươi vốn còn lạ mặt,
Ta chẳng phải bạn my.
Do sao binh mã tới đây?
Danh tính khả bày bản mặt (25)?

HỒ-OAI *viết* :

Thụ sắc phong [46b] nhất quốc,
Mỗ tước hiệu Liêu-Vương.
Như binh mã đến đây, chẳng qua là,
Nhớ Cửu-Công tác dạ thêm buồn,
Đi sẵn bản giải tình sầu muộn.
Lời hỏi cùng hai vị,
Danh tính khả bày tường?
Nhân việc chi nhân mã độc hành (26),
Tới sơn lĩnh sở hành hà sự?

HOÀNG-TỬ *viết* :

Tổng triều Hoàng-Tử,
Ốc hiệu Thái-Xương.

Bị Hồ-gia chiếm đoạt ngôi kiền,
 Nền tòi chúa tằm phượng lãnh nạn.

HỒ-OAI viết :

Nghe lỗ bày sau trước,
 Mới biết nỗi căn nguyên.
Bộ-Thần! Truyền khai tiệc yến diên,
 Lễ kính mừng Hoàng-Tử!

Hạ viết :

Tặc tử ôi tặc tử;
 Gian thần hỡi gian thần!!!
 Sao chẳng kiêng búa nguyệt phân thây;
 Lại không sợ gươm trời xả thịt (27).

Hạ viết :

Hạ lệnh truyền chúng tướng!
 Mau tuyền lấy mười tên.
 Đưa Tử-Hoàng trở lại Đòng-thành,
 Cùng quốc-sĩ dưỡng an khi lực.
Chúng tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
 Mau phấn động qua màu.
 Quyết thẳng tới Tống-đô,
 Ra tay trừ sức nghiệt!

LƯU-TÚ viết :

Xin giảm con tích lịch (28),
 Khoan động xử binh đao.
 Vả Hồ-gia tướng rất cao cường,
 Thêm nhiều tướng tài cao phép lạ!
 Ta nay [47a] hãy binh cô lương quả (29),
 Biết mưu chi dĩ nhược chế cường (30)?
 Chi cho bằng sức tích binh lương,

Chờ vận thái đem binh khôi phục.

HỒ-OAI viết :

Hồi tâm liễu đặc, liễu đặc (31);
 Thỉnh thuyết hoan nhiên, hoan nhiên (32)!
 Huề thủ lại bản thành,
 Trạch lương nhật tống hồi Đông địa (33).

CHÚ-GIẢI :

1. *Máy binh tức binh cơ*, nói việc binh như bộ máy làm việc.
2. *Lão-gia sinh hoạt* : Tức Cửu-Công bất sống tha cho, coi như cha-già
3. *Kết vi thần sĩ* : Kết bạn coi như môi với răng, một khi môi hở răng lạnh, nó liên quan mà phải giúp đỡ lẫn nhau, tha thứ cho nhau.
4. *Tam thu* : Ba mùa thu tức ba năm, sáu mùa đông cũng sáu năm vậy.
5. *Chừng chiêm sơn lĩnh khứ mang mang* : Lặng xem non núi đi vội vàng.
6. *Túc bộ ta đà chỉ tự hoan* : Chân bước chậm chày chỉ tự vui sướng.
7. *Nhiệm ngã tiêu dao mi lộc hảo* : Tùy ý ta dạo chơi sẵn hưu nai mà thích.
8. *Khoái ngộ nhàn lạc diều cầm da* : Ta sướng vì nhàn rồi sẵn được lằm chim muông.
9. *Ấm tửu tam bôi chúc tửu diên* : Uống ba chung rượu chúc rượu mừng!
10. *Quản tề bả trần lạc hoan nhiên* : Cùng đều cất chén vui mừng vậy.
11. *Dục phá thành sàu* : Muốn phá cái sàu như thành vững. *Dụng tửu binh* : Dùng binh bằng rượu cho say quên cả sàu đi. *Do câu thơ* : Dục phá thành sàu dụng tửu binh.
12. *Lục thủy thanh sơn chân hảo cảnh* : Nước biếc non xanh cảnh thực tốt.
13. *Kỳ hoa thụ thảo phá sàu tình* : Hoa thơm cỏ tốt phá tình sàu.
14. *Bàn-thạch* : Tảng đá. Giấc an đã ngủ trên đó cho đỡ mệt.
15. *Phụ phụ Sâm, Thương,..* Vợ chồng như Sâm Thương không bao giờ gặp.

16. *Uyên ương giai ngẫu kỷ thời phùng* : Lừa đòi đẹp như uyên ương kia bao giờ lại gặp. Uyên ương đã chưa ở trên.
17. *Tư dung* : Bóng dáng. *Phàm tục* : Mọi người cỏi tục không có gì hay.
18. *Bạch hồ ần thân* : Cọp trắng ẩn trong người, đây nói Lư-Tú.
19. *Hoàng-long phụ thê* : Rồng vàng ộp vào mình, tinh Rồng là Hoàng-Tử.
20. *Phi làm thương ty bỉ* : Chẳng phải kẻ xoàng, hèn kém hạng dưới.
21. *Quả quốc sĩ, vương gia* : Hãn là bậc quốc-sĩ (nhất nước), và dòng vua.
22. *Đảo cộn lai khán quá* : Đến lại gần xem qua.
23. *Thê bất dung nghiệt súc* : Thê chẳng dung tha giống nuôi làm hại.
Súc sinh : Nuôi sống như gà chó. *Nghiệt* : Làm quái gỡ đem lại sự xấu.
24. *Phủ việt* : Búa rìu thuộc binh khí, nói đến phủ việt đều là dữ dội.
25. *Bản mặt* : Gốc ngọn, là trước sau tinh sự như sao.
26. *Nhân mã độc hành* : Người với ngựa đi, không ai có đầy tớ tùy theo.
27. *Búa nguyệt* : Cái lưỡi búa cong hình như vành trăng, đối với gươm trời là gươm của trời, cũng là của phe Quốc-gia chân chính.
28. *Tích lịch* : Sấm sét, khi nổi giận gầm thét lên như sấm đáng sợ.
29. *Binh cô* : Binh ít như lẻ loi. *Lương quả* : Lương ít cũng thiếu sự trợ tá.
30. *Dĩ nhược chế cường* : Lấy yếu mà thắng được mạnh.
31. *Hồi tâm liễu dác* : Quay đầu nghĩ lại được rồi, được rồi là phục lắm.
32. *Thính thuyết hoan nhiên* : Nghe nói vui thay vui thay là hay.
33. *Huê thủ* : Dắt tay, *bản thành* : Thành của mình (Phiên-chủ). *Trạch lương nhật tống hồi Đông-dịa* : Chọn ngày tốt đưa về Đông-địa của Cửu-Công.



CẢNH THỨ BA

CHA CON HOÀN-CÔNG TỚI QUAN-ẢI,
HỢP LỰC CÙNG PHƯỢNG-CỬU-CÔNG

CỬU-CÔNG *bạch viết* :

Uy trấn Đông-thành mạc cảm đưng (1),
Thôi phong hãm nhuệ lực tung hoành (2).
Tâm trung nghĩa khí hào vô táng (3),
Tái ngoại hồng trần tận tảo thanh (4)!

Hựu viết :

Quyền trọng trấn ải Đông,
Phượng-Cửu-Công là mỗ.
Từ vàng sắc chỉ,
Ra trấn thủ Đông-thành.
Khuất chỉ (5) đà nhị thập dư niên,
Sao không thấy đòi về bái yết?

Hựu viết :

Hạ lệnh truyền bản-bộ,
Mau chuốc tửu kim bôi.

Uống vài chén cho vui,
Kéo lâu ngày nhớ chúa.

Tán viết :

*Bây giờ ta mới nhớ lại, Thuở trước người Giới-Tử-Thôi ra phò giúp nước theo chúa Văn-Công, chinh đồng phật bắc, lược địa đồ thành, đến khi an rồi, chúa Văn-Công phong các quan Công thần, ai ai vậy cũng đều có quan chức, còn người Giới-Tử-Thôi, *thôi thời quên đi*. Bởi vậy cho nên, [47b] nhà gã bèn trở lại non Cầm tú ẩn thân. *Đến chừng*, chúa Văn-Công nhớ lại người Giới-Tử-Thôi, thời nhà gã đã về non rồi. *Chúa Văn-Công không biết răn dặng*, chúa Văn-Công mới tương xa mã, lên rước một đôi phen không dặng, người Giới-Tử-Thôi ần nhi bất xuất, chúa Văn-Công không biết làm sao, *cho nhà gã ra*, chúa Văn-Công mới giận, bèn phóng hỏa đốt non Cầm-son, *cho nhà gã ra*, nhà gã lớn gan không ra, mẹ con bèn bão thụ nhi tử chi (6). *Hay là*, lão như người Giới-Tử-Thôi chẳng, bởi vậy nên không vời đến lão? *Đày mà thôi*.*

QUÂN *viết :*

Cúi thưa dưới trướng,
Ngửa tỏ bèn màn.
Có hai người đứng trước dinh lang,
Đồng một tiếng gọi vào ra mắt!

CỬU-LONG *viết :*

Hạ lệnh truyền bản bộ,
Hứa thỉnh nhập khách-đường (7).

HOÀN-CÔNG *viết :*

Thánh-hoàng đà xa lánh cõi tiên,
Hồ-gia lại đoạt kỳ để vị.

CỬU-CÔNG *viết* :

Mục hạ thị quan trường (8),
 Tâm trung giai kinh cụ (9)!
 Do hà sự, do hà sự;
 Khả tổ ngôn, khả tổ ngôn (10)?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Thánh hoàng đà xa lánh,
 Hồ-thị lại đoạt ngôi,
 Gian nan kè không cùng;
 [48a] Hoạn nạn bày khòn xiết.
 Mẫu-hoàng đã tử ư sản hậu,
 Mười năm chầy tòi chúa phiêu lưu (11).

CỬU-CÔNG *viết* :

Nghe lời biến sắc,
 Thấy nói hồn phi.
 Kham thán hồ Thiên-tử, Hoàng-phi,
 Khả tích giả Tống-triều sự nghiệp!

Thán viết :

Hoài niệm ngô quân cát thảo nha (12),
 Khả liên Điện-hạ lệ sinh ba (13)!
 Đăn ước bách niên trường quốc mạch (14),
 Thủy tri nhất đán mộng Nam-Kha (15)?
 Thống hận Hồ-gia chân oán ác (16),
 Nhẫn tranh sự nghiệp chiếm Hoàng-gia (17)!

Hựu viết :

Quân! Truyền quân nhân tu chính hương đăng,
 Đặng cho lão cư tang đại hiệu (18).

Văn tế viết :

Hoa bay nước chảy, máy tòn vong khác tựa héo
 hon ;
 Vật đổi sao rời, đường sinh tử mau như rồng thắm
 thoát.

Điện-Hạ ! Nhớ linh xưa :

Sơn thủy chung linh (19) ; Miếu đường bảo vật (20) !
 Ngăn thành đồng, bồi lũy sắt, ngàn thu vững đặt
 phong cương ;
 Sửa mối nước, cầm giếng trời, trăm họ thủy đều
 ca lạc !
 Những ước trời Nam nên tỏ rõ, nhà nước hãy
 vững bền ;
 Nào hay ải Bắc nhận vợi về, chúa tòi đã phân
 biệt.
 Rượu ba tuần voi chúc, Cúi lạy tấm [34b] lòng
 thành !
 Dám tin tỏ xét. Thương thay ! Thương hưởng !

Hạ viết :

Gian thần hồi gian thần ;
 Phản tặc ôi phản tặc !!!
 Nguyên đề tam xích kiếm,
 Nan dung vạn đoạn thi !
Chúng tướng ! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
 Mau tu chỉnh đao sang.
 Nghi tốc tựu trước tiên,
 Cấp thỉnh ngô chi mệnh.

HOÀN-CÔNG viết :

Xin Đại-quan giảm nộ,
 Dừng ngục hạ lời can.

Khá luyện tập sức tích binh lương (21),
 Ngõ sai kẻ kiếm tìm Hoàng-Tử.
 Khi ấy mới cử đồ đại sự,
 Kéo chúa tôi thất lạc đôi phương.
 Hễ là ta binh xuất hữu danh (22),
 Nhường ấy ắt sở chinh vô địch (23)!

CỬU-CÔNG *viết :*

Hồi tâm thính đắc, thính đắc ;
 Hợp ý tông chi, tông chi (24) !
Quân! Hạ lệnh dữ quân nhân,
 Khá hết lòng cần mật.
 Gã nào ra sức,
 Kiếm đặng Tử-Hoàng.
 Đem về tới dinh lang,
 Bạc vàng ta trọng thưởng.

Hạ viết :

Lão-tướng lui vào cầm-trướng,
 Ta ra tập trận sơn đầu.

CHỮ-GIẢI :

1. *Uy trấn Đông-thành mạc cảm dương :* Oai trấn thành Đông ai dám địch cùng ta. Tức trí dũng không ai sánh kịp.
2. *Thôi phong hãm nhuệ lực tung hoành :* Đây mũi nhọn, do khí thế sắc bén, bởi sức vẫy vùng, ra tay đã phá hết thầy sức mạnh.
3. *Tâm trung nghĩa khí hào vô lượng :* Nghĩa khí trong lòng không mất đi một chút.
4. *Tài ngoại hồng trần tận tẩy thanh :* Bụi nhơ ngoài cửa ải quét sạch hết, tức không dám giặc nào dám xâm phạm.
5. *Khuất chỉ :* Đếm ngón tay, bấm đốt tay, tính xem bao nhiêu ngày.

6. *Bão thụ nhi tử chi* : Ôm cây mà chết đấy.
7. *Hứa thỉnh nhập khách-dương* : Cho mời vào nhà khách.
8. *Mục hạ thị quan tướng* : Xem rõ dưới con mắt ấy, đúng Hoàn-Công sao lạc tôi mình.
9. *Tâm trung giai kinh cụ* : Trong lòng đều kinh sợ!
10. *Do hà sự* : Bởi việc gì. *Khả tố ngôn* : Khả bày tỏ nói ra.
11. *Phiêu-lưu* : Chôi rạt. Đây Hoàn-Công sau khi cách biệt Lưu-Tú, Tử-Hoàng đã mất mười năm. Trong khoảng đó sao không tới ải Đồn, hay bị mắc địch vây xó rừng như Lưu-Tú?
12. *Hoài niệm ngô quân cát thảo nha* : Nghĩ nhớ vua ta cát móng vuốt.
13. *Khả liên Điện-hạ lệ sinh ba* : Đàng thương Điện-hạ lệ rơi thành sóng.
14. *Đã ước bách niên trường quốc mạch* : Những ước trăm năm dài vận nước. Kêu vua là Điện-hạ như Thái-Tử là không đúng.
15. *Thù tri nhất dân mộng Nam-Kha* : Ai hay một sớm như giấc Nam-Kha.
16. *Thống hận Hồ-gia chán oán ác* : Đau giận họ Hồ thực ác vì gây oán.
17. *Nhãn lương sự nghiệp chiếm Hoàng-gia* : Nỡ dành ngôi báu chiếm nhà vua.
18. *Cư tang dài hiếu* : Ở theo tang chử đeo hiếu bên mình.
19. *Sơn thủy chung linh* : Non nước đức nên khí thiêng mà dễ ra người.
20. *Miếu-dương bảo vật* : Cửa báu của nhà vua. Miếu-đường đã chua.
21. *Súc tích binh lương* : Nuôi chứa quân lính lương thảo.
22. *Binh xuất hữu danh* : Đem binh ra phải có danh nghĩa, như phò chân-chúa diệt kẻ gian thần, thì quốc dân mới hưởng ứng.
23. *Sở chinh vô địch* : Đánh đến đâu không ai địch lại được vì Chính-nghĩa.
24. *Hồi tâm thỉnh đắc, thỉnh đắc* : Quay đầu nghĩ nghe được, nghe được; *Hợp ý tông chi, tông chi* : Hợp với ý mình theo đấy, theo đấy.



CẢNH THỨ TƯ

HẮC-LÂN PHÁ TRẬN-ĐỒ,
GẶP HOÀN-CÔNG Ở QUAN-ÁI CỬU-CÔNG

HẮC-LÂN *viết* :

Màu tuyết trải phau phau ;
Suối cầm trong leo lẻo.
Nhớ huynh-trưởng tấm lòng thất thểu ;
Thương kim-bằng tác dạ dè mè.
Phù ấn rồng chỉ dậm đường-đè,
[49a] Tim bạn ngọc ngõ tường chân giả (1).

Vãn viết :

Tim bạn ngọc ngõ tường chân giả,
Phỉ lòng nguyên kẻ dạ lưỡng trùng.
Cắm hòn những đảng bất trung,
Làm cho trăm họ muòn dân chau mày.
Phản thần bay hỡi là bay,
Grom thiêng tuốt bữa chờ ngày trung-hung.

Hựu viết :

Đoái thấy trước lĩnh sơn,

Quan trận đồ nghiêm chỉnh (2).
 Đây quan nào trọng trấn,
 Nên tập luyện thôn dân.
 Trận thế ấy không hai,
 Phép màu nhường có một.
Như ta, Cũng muốn ra thừa sức,
 Song còn bối rối một mình.
 Như thấy vậy mà lại làm thinh,
 Ai gọi kẻ anh hùng hào kiệt!
 Mau mau lướt tới,
 Đánh phá trận-đồ.

CỬU-CÔNG *viết* :

Anh hùng thị anh hùng ;
 Hào kiệt chân hào kiệt (3).
Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
 Đồng trạc mã tiến truy.

HẮC-LÂN *viết* :

Vọng ngạn thượng cao phi (4),
 Chỉ từng lâm trực tâu (5).

Loạn viết :

Trực tâu từng lâm khứ mang mang (6),
 Khoái ngô nhập trận bất tương can (7).
 Huynh đệ chí thâm hà xứ tại (8),
 Quân thần ly tán thử hà phương (9)?

CỬU-CÔNG *viết* :

Tráng sĩ đâu khoe sức cao cường,
 Dám mạn phép phá tan đồ-trận.
 Tội nhà người đã đáng,
 Mau tua khá nợ mình?

[49b]

HẮC-LÂN *viết* :

Nghe lời nói bức tình,
 Phút nổi cười nèn trác. (sước)?
 Tưởng người cao quyền tước,
 Thòi rộng rãi tấm lòng,
 Lập trận ra thử sức anh hùng,
 Nói như vậy ai rằng hào kiệt?

CỬU-CÔNG *viết* :

Thấy nói đầu sôi sùng sục,
 Nghe lời lửa dậy bằng bằng!
 Phá trận-đồ sát hại quân trung,
 Tội đã đáng ứng cái vạ tử (10)!

HẮC-LÂN *viết* :

Vốn lòng người ghi dữ,
 Thòi ta cũng làm lành.
 Thử cho biết anh hùng,
 Kẻo khoe tài hào kiệt.

CỬU-CÔNG *viết* :

Ra vào dư trăm trận;
 Lui tới đã mấy phen!
 Thục nèn tài củ củ anh hùng,
Tráng-sĩ ! Sao không xuống kuông phù kiền tượng?

HẮC-LÂN *viết* :

Như tôi, Thấy Hồ-thị học đòi Đồng-Trác (11),
 Vậy nên tôi chẳng khứng xưng thần (12).
 Phù ấn rồng nhẹ tếch đường dê,
 Tầm Hoàng-Tử bằng chừng dặm liễu.

CỬU-CÔNG *viết* :

Tầm khoái lạc, tầm khoái lạc;

Chí hoan nhiên, chí hoan nhiên (13)!
 Lão Cửu-Công Tổng-Trấn giới biên,
 Quyền Phụ-chính xưng Hoàng-ngoại-tổ (14).
 Tráng-sĩ còn chưa biết,
 Ta phân lại cho tường.
 Xin rước về thành nội nghĩ an,
 Rồi ta [50a] sẽ phân trần hắc bạch (15).

HẮC-LÂN viết :

Mạc lin trực trung trực (16);
 Tu phòng nhân bất nhân (17)!
 Nay Hồ-gia chấp chính cầm quyền,
 Không ngọc ấn sai người hòa dụ (18).
 Lão khá tua dậy đó,
 Dặng cho mô qua đây.
 Nhược hiếp phát máu ma,
 Ất tử vô địa táng (19)?

CỬU-CÔNG viết :

Tu đình bộ, tu đình bộ (20);
 Vật bôn hành, vật bôn hành (21)!
 Truyền quản nhân trở lại cựu thành,
 Bảo Quốc-lão cấp theo chóng chóng.

QUÂN-NHÂN viết :

Dạ! Vàng Trấn-Công trở lại thành tri,
 Trình Quốc-lão truy tầm hào kiệt.

HOÀN-CÔNG viết :

Bôn hành thừa chưa kịp hết lời,
 Chóng chóng gấp phi tinh đái nguyệt (22).

Loạn viết :

Bôn hành thiên lý tự bằng phi (23),

Vấn lai cơ sự dặc tường tri (24)!
 Mộc vũ tuyết phong lao mạc nại (25),
 Phi tinh dải nguyệt tự tầm chi (26)!

HẮC-LÂN *viết* :

Chối thay kẻ lầy lừng nhuộm khi,
 Mạc phen người lẩn lướt uy phong.
 Lòng dạn lòng bảo thủ ẩn rồng,
 Đó ai dô chi siêu thừa dạ!

Vãn viết :

Bách từng liết ấy chi trai,
 Dầu lay chi núng dầu khua chi sòn!
 Quán bao non nước gập ghềnh,
 Miền tìm thấy [50b] chủ bạn lành mới thòi.

CỬU-CÔNG *viết* :

Tu đình bộ, tu đình bộ;
 Vật bòn hành, vật bòn hành (27)!

HẮC-LÂN *viết* :

Đã nói hoài bô bô,
 Cứ theo rồi bon bon.
Ta bảo cho, Cấp ghé lại bèn non,
 Quyết ra tay chu diệt.

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tướng-quân xem đã thực,
 Ngã ý khoái vô cùng.
 Thiên lý vật bòn hành,
 Nhất trường giai hạnh ngộ (28)!

HẮC-LÂN *viết* :

Nay tấm lòng tỏ rõ,

Xưa tác dạ còn ngờ!
 Bái Thượng-quan rộng lượng xét suy,
 Dung thần hạ nhất phiên quá thất (29)!

CỬU-CÔNG viết :

Khen cho chàng lốt sứt,
 Lão theo đã hết hơi.
 Nào Hoàng-Tử con trời,
 Tại hà phương sở chú (30)?

HẮC-LÂN viết :

Tôi đã hết sứt,
 Tìm kiếm Tử-Hoàng.
 Người phiêu lạc hà phương,
 Đà khôn thông lãnh dữ!

CỬU-CÔNG viết :

Hạ lệnh truyền quân sĩ,
 Mau phản mã hồi thành.

Hạ viết :

Công bấy lâu lặn suối trèo non,
 Đã quyết chí tài hời xả tấc.
 Lệnh truyền bộ-tốt,
 Mau mở tiệc yến diên.
 Đãi Tướng-quốc, sĩ hiền (31),
 Cho phỉ tình khát vọng.

CHÚ-GIẢI :

1. *Chán giả* : Thực hay là giả, ý nói Lưu-Tú sống hay chết.
2. *Quan trận-dồ nghiêm chỉnh* : Xem trận-dồ bày ra nghiêm trang chỉnh tề.

3. Sau khi Hắc-Lân phá tan đồ-trận, Cửu-Công khen là hào kiệt.
4. *Vọng ngàn thương cao phi* : Trông trên ngàn bay cao.
5. *Chỉ từng làm trực lâu* : Chở rừng thông chạy thẳng.
6. *Trực lâu từng làm khứ mang mang* : Chạy thẳng rừng thông bước vội vàng.
7. *Khoái ngộ nhập trận bất tương can* : Ta sừng vào phá trận chẳng làm gì nổi được ta. Chẳng phá trận cho biết tài rồi chạy mất.
8. *Huỳnh đệ chi thâm hà xít tại* : Anh em chi sâu ở chỗ nào ?
9. *Quán thần lý tán thử hà phương* : Vua tôi tan rã ấy ở phương nào ?
10. *Ứng cai vạn tử* : Đàng chết muôn phần.
11. Đồng-Trác làm Thái-Sư đòi Hán mạt, toan những cướp ngôi vua Hán.
12. *Tâm khoái lạc* : Lòng vui sừng. *Chi hoan nhiên* : Chỉ mừng thay !
13. *Xưng thần* : Chịu làm bề-tôi. Hắc-Lân không chịu theo Hồ-Ngạn.
14. *Hoàng-ngoại-Tử* : Ông ngoại đẻ ra mẹ Hoàng-Tử, mà Hắc-Lân tìm Hoàng-Tử.
15. *Phân trần hắc bạch* : Trình bày đen trắng, là ông không theo họ Hồ.
16. *Mạc tín trực trung trực* : Chớ tin điều ngay phải ở trong đám người ngay phải, có khi lợi dụng lòng tin mà lừa gạt. Thí dụ không tin cái nhân từ ở trong đám tu sĩ, có khi tu sĩ lợi dụng lòng tin con đạo.
17. *Tu phòng nhân bất nhân* : Nên đề phòng cái nhân của những kẻ bất nhân, kẻ bất nhân vẫn giả hình làm và nói những điều nhân-hậu. Đây là hai câu cổ-ngữ dạy cách xử thế nên thận trọng.
18. *Hòa dụ* : Đồ về hòa với giặc. Hắc-Lân nghi Cửu-Công làm quan với Hồ.
19. *Tử vô địa tàng* : Chết không đất chôn, tức phải tan thây.
20. *Tu đình bộ* : Nên ngừng gót.
21. *Vật bốn hành* : Chớ chạy đi.
22. *Phi tinh* : Sao sa, nói bay nhanh. *Đái nguyệt* : Đội mặt trăng. Ý nói đi gấp như sao sa, theo bóng trăng đi chạy tới đâu vẫn dưới bóng mặt trăng, tức đội mặt trăng, có nghĩa đi suốt đêm theo đuổi.
23. *Bốn hành thiên lý tự bằng phi* : Ruổi rong ngàn dặm tựa bằng bay.
24. *Vấn lai cơ sự đặc tường tri* : Hỏi lại cơ sự được biết rõ.
25. *Mộc vũ tuyết phong lao mạc nại* : Tắm mưa gội gió không e mệt.
26. *Phi tinh đái nguyệt tự tầm chi* : Sao sa nguyệt chiếu tự đi tìm.

27. *Vẫn như lời trước (Chú 21), Cửu-Công gọi vói hai lần* : Nên dừng bước.
28. *Thiên lý vật bốn hành* : Chớ chạy di ngàn dặm. *Nhất trường giai hạnh ngộ* : Một khi đều mừng được gặp nhau. Bởi đã biết rõ ra rồi.
29. *Nhất phiên quá thất* : Một phen lỗi lầm đáng tội nói phạm đến Ông.
30. *Tại hà phương sở chú* : Trọ ở chỗ nào. Ông hỏi thăm Hoàng-Tử?
31. *Tướng-quốc tước Hoàn-Công, Sĩ hiền tước Tô-Hác-Lân.*



CẢNH THỨ NĂM

NƠI QUAN ẨM, QUÂN THẦN, PHỤ TỬ,
PHU PHỤ, HUYNH ĐỆ,.. TRÙNG PHÙNG

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thân dưới trướng;
Ngửa tử bèn màn.
Kim Hồ hung dấy [51a] động binh lang,
Chú địa giới mẫn sơn tắc dã (1).

CỬU-CÔNG *viết* :

Hỡi Đòng-di Hồ lỗ,
Đã làm thói phản thần!
Cấm bấy đảng Hồ mạn,
Sao không kiêng oai mô?

QUÂN BÁO *viết* :

Chúng tôi bản bộ,
Tuần thú ả Đòng.
Binh Hăng-hà mẫn dã tắc sơn (2).
Vậy tôi phải về trình thưa lại.

CỬU-CÔNG *viết* :

Hà binh tác quái,
Giấy động tứ phương?
Hồ man hơi Hồ man;
Tặc tử ôi tặc tử?

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thân qua trường hồ;
Ngửa mặt tỏ bèn màn.
Có Phiến-sứ lai hàng,
Gởi xin vào ra mắt.

CỬU-CÔNG *viết* :

Lễ phong lời chưa tới,
Nhân sao có lai hàng.
Lệnh truyền mở ải lang,
Hứa nhất Hồ-Oai nhập các.

HỒ-OAI *viết* :

Mục kiến Lão-gia tâm khoái lạc (3),
Chứng chiêm ngã ý chí hoan hàn (4)!
Lão-gia mau ra rước Tử-Hoàng,
Kẻo quân chúng nợ không cho nhập các.

CỬU-CÔNG *viết* :

Nghe nói thiệt hư chưa biết,
Vội vàng lòng lão rất mừng!
Quân! Truyền đại tiều tam quân,
Khai ải Đồng nghinh tiếp.

CỬU-CÔNG, HOÀN-CÔNG, HẮC-LÂN, NGỌC-XUÂN, HOÀNG-TỬ, LƯU-TU *viết* :

Tâm [51b] khoái lạc, tâm khoái lạc;
Chí hoan tai, chí hoan tai!!!

Tịch nhật phân ly tâm hữu hận (5);
Kim chiêu hạnh ngộ khoái vô cùng (6)!

CỬU-CÔNG *viết :*

Xin thỉnh lại thành trung,
Cho phỉ tình cao hạ!

Hạ viết :

Mau dâng chén nhận;
Chóng mở tiệc hồng.
Truyền đảng đảng chư công (7),
Lễ kính mừng Điện-hạ.

Hạ viết :

Công Tướng-quân dày dãi (8),
Ơn vi tựa nước non!
Phiên-chúa cũng có lòng,
Mới đặt an việc ấy.
Ta chẳng phân cao hạ,
Đồng tịch thượng cử bôi (9).
Cho phỉ dạ các người,
Đừng ngại chưng lòng lão.

QUÂN-NHÂN *viết :*

Cưỡi thừa dưới trướng;
Ngửa tỏ bên màn.
Có ba người đứng trước ải quan,
Lời xin gởi đặt vào ra mắt.

CỬU-CÔNG *viết :*

Lệnh truyền bộ-tốt,
Hứa nhập các-đường (10).

THỨ-PHI *viết* :

Bắc-cực hạnh tường quang (11),
Tạ Nghiêm-đường bách phúc (12)!!!

CỬU-CÔNG *viết* :

Nhìn tường sau trước,
Quả thị ngộ nhi.
Do hà tử khứ sinh lai (13),
Tua khá phân qua nghe thử?

THỨ-PHI *viết* :

On có quý thần cải tử (14),
Phúc nhờ mới đặng hoàn sinh.
Đã nhiều thưở nghiêng thành;
Lại lắm phen đồ nước (15)...
Tội vốn nhờ thừa sức,

[52a] Thạch-thị với Khánh-Vân.
Đã có lòng ái quốc trung quân,
Lại quyết chí tài hồi xã tắc.

CỬU-CÔNG *viết* :

Ngẫm nhờ hậu phúc,
Mới đặng vương tròn.
Nay mừng cha đã gặp con,
Toại bấy tôi đã hợp chửa.

Hựu viết :

Quân! Truyền mở tiệc quỳnh-trương (16),
Đãi liêu quan hỷ lạc!

CHỮ-GIẢI :

1. *Mãn sơn lộc dữ* : Đầy đồng chật núi đã chua ở trên.

2. *Hàng-hà* : Sông Hằng (Gan) Ấn-Độ. *Kinh Phật nói Hàng-hà sa số* : Số cát sông Hằng nhiều khó kể xiết, để nói Hàng-hà sa số Phật ; Và *phúc dằng hà sa*, tức nói cái gì nhiều, khi quen lời nói cái gì nhiều lấy ngay chữ *Hàng-hà*. Ở đây nói bình nhiều lắm.
3. *Mục kiến Lão-gia tâm khoái lạc* : Mắt thấy Lão-gia lòng vui sướng.
4. *Chừng chiêm ngữ ý chí hoan hân* : Lặng xem ý ta chí vui sướng !
5. *Tịch nhật phân ly tâm hữu hận* : Ngày trước chia lìa lòng có giận.
6. *Kim chiều hạnh ngộ khoái vô cùng* : Hôm nay may gặp sướng khôn cùng.
7. *Dằng dằng chư công* : Thứ bậc các ông cùng làm lễ mừng Điện-hạ.
8. *Tướng-quân là Luru-Tú*, ông đã biết đầu đuôi rồi mà nói câu này.
9. *Dồng tịch thượng cử bôi* : Cùng cất chén trên tiệc.
10. *Hứa nhập các-đường* : Cho vào các-đường của ông là một Công-tước.
11. *Bách-Cự* : Ngôi sao chứa các vì sao, để vì bậc vua cha. *Hạnh trường-quang* : May được sáng láng, ý nói vẫn mạnh khỏe mọi sự như ý.
12. *Tạ Nghiêm-đường bách phúc* : Tạ ơn trăm phúc của cha mà được sống.
13. *Do hà tử khứ sinh lai* : Bởi đâu được sống lại khi đã chết đi.
14. *Quỷ thần cử tử* : Quỷ thần dời chết để cho sống lại, mới được thể xác còn như cũ, hồn lại nhập vào, phải quỷ thần mới làm được.
15. *Nghiêng thành, đổ nước theo lời nói* cô gái đẹp thường làm người say đắm, vua đến mất nước vì cô gái đẹp, nay Thứ-Phi nói hoạn nạn lắm phen cũng vì nhan sắc, ngụ ý nói đã bị tướng cướp bắt giam.
16. *Quyển-trương* : Tهن thứ rượu quý, đây ông vui mừng mà thiết đãi các quan, nói tiệc quyển-trương là vui mừng quá bày tiệc quý để đãi mọi người.



CẢNH THỨ SÁU

TỬ-HOÀNG PHỤC QUỐC,
CHIA NĂM ĐẠO BINH TẤN CÔNG

HOÀNG-TỬ *viết* :

Nay đã binh dòng tướng mạnh.
Lại thêm có chúa sẵn rồi.
Ngoại-tổ xuất binh oai,
Ra tay trừ đảng nguy.

CỬU-CÔNG *viết*:

Trên chúa đà sắc chỉ,
Khá nghe lão phân binh.
Quyền lĩnh ấn Tiên-chinh (1),
Nãi người Đinh-Lưu-Tú.
Phó Tiên-Chinh nãi phó,
Thạch-thị với Khánh-Vân.
Tả chi nãi Hắc-Lân ;
Hữu-dục Hồ-Oai lĩnh mệnh (2).
Tiết-Hoàn-Công phụng ấn,
Quyền Hậu-tập tiếp binh (3).

Lão Hộ-Giá Trung-quân (4),
Nhất đoàn dương nhuệ khí.

QUÂN *ban viết :*

Dương kiếm kích, dương kiếm kích ;
Phấn hùng binh, phấn hùng binh !
Sát lai Hồ-thị xâm lăng địa (5) ;
Quyết đoạt cơ-đồ tráng đế-kinh (6) !

LUU-TỬ *loạn viết :*

Hùng binh vạn đội quân tiên-chinh (7),
Tận sát Hồ-gia định đế kinh (8).
Vạn trượng bôn lai thiên địa ám (9),
Bách ban đồ địa [52b] hãm nhuệ tinh (10) !

HOÀN-LĂNG, KHÁNH-VÂN *loạn viết :*

Lăng lăng hĩnh khí phấn long tranh (11),
Nguyện diệt Hồ-gia định Tống-thành (12).
Nhất cổ công thu như quyền tịch (13) ;
Tam liên tận sát chúng giai kinh (14) !

HẮC-LÂN *loạn viết :*

Thôi phong hãm nhuệ phấn hùng binh (15),
Lãm liệt dương uy định đế-kinh (16).
Hữu-dục nhất chi binh phụng mệnh (17),
Thủ đề tam xích định Tống-thành (18).

HỒ-OAI *loạn viết :*

Bài khai kiếm kích trừ hung bối (19),
Tảo tận Hồ-gia định Tống-triều (20).
Kim chiêu phấn lữ thành sự nghiệp (21),
Thần xỉ chi bang thị thâm tình (22) !

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Thần đề hồ lữ quản thiên viên (23),
 Thống lĩnh tỳ hưu nhuệ khí tiên (24).
 Quyết phần thần uy trừ hung bối (25),
 Tảo thanh Hồ tặc định sơn hà (26)!

CỬU-CÔNG *loạn viết :*

Quản trương bách vạn thống quân trung (27),
 Ngã võ duy dương sát khí hùng (28)!
 Nguyễn tróc Hồ-gia lai vấn tội (29),
 Văn hồi Tống nghiệp định kỳ công (30).

QUÂN-NHÂN *viết :*

Đoái thấy tinh kỳ tế nhật,
 Sự nhìn kiếm kích ngưng sương.
 Phản mã đáo quan trung (31),
 Đặng thân qua Đốc-Tướng.

Loạn viết :

Bôn hành thiên lý nhiệm khinh khinh [53a] (32),
 Báo lai cơ sự đặc tường minh (33).
 Binh đao xừ như vắn tạt tạt (34);
 Tướng lai thời tự vũ oanh oanh (35).

THẠCH-DŨNG *bạch viết :*

Oai trấn dương dương lực bạt thành (36),
 Tung hoành lâm liệt chúng giai kinh (37)!
 Dũng được quá nhân thù cảm địch (38),
 Anh hùng quán cổ xuất quần sinh (39).

Hưu viết :

Quyền trọng trấn Giang-thành,
 Mỗ nay Hồ-Thạch-Dũng.

Oai dấy phủ an dân chúng;
 Nhân ra tưới khắp cõi bờ.
 Ngăn ải Đồng binh chẳng động cò,
 Chống lũy sắt ngựa không rời vó.

QUÂN BÁO *viết* :

Tôi nay bản-bộ,
 Tuần thú ải nhân.
 Bình Hằng-hà mẫn dã tắc san,
 Cờ đề chữ: «Tử-Hoàng Phục Quốc» (40).

THẠCH-DŨNG *viết* :

Thấy nói dầu sôi sùng sục;
 Nghe lời lửa dậy bằng bằng!
 Cấm giận mấy Tử-Hoàng,
 Sao không kiêng oai mô?
 Hạ lệnh truyền bản-bộ,
 Khai thành nội cự chi.

Hạ viết :

Nhĩ phản-tặc hà danh,
 Cầm đao lai tranh đấu (41)?

HOÀN-LĂNG *viết* :

Tiên-Phong nãi chức,
 Mỗ Thạch-Hoàn-Lăng.
 Khả xuống ngựa nộp mình,
 Kẻo nhọc mìn rời kích?

THẠCH-DŨNG *viết* :

Cái thằng con nít,
 Bẻ nạng chống trời.
 Ta quyết [53b] lấy đầu người,
 Cho biết tài thần võ.

Mới ra oai mô,
 Nó đã vọng phong.
 Hạ lệnh dữ quân-nhân,
 Tiến mã lai truy tróc!

KHÁNH-VÂN viết :

Phản-tặc tua xuống ngựa,
 Kéo nhọc mô ra cò.
 Nay Tử-Hoàng khôi phục Tống-đò,
 Chúng bay ắt thấy phơi măn địa.

THẠCH-DŨNG viết :

Đảng bần tăng sinh nguy,
 Lại chống mác ra cò.
 Khá trở về xói nếp công phu,
 Đừng bước tới đua tranh mũi bạc!

LƯU-TÚ viết :

Nhị Tướng-quân cử mác,
 Trong thắng bại như hà?
 Lợi hại khá phân qua,
 Cho ta tường cơ sự?

HOÀN-LĂNG, KHÁNH-VÂN viết :

Hai tôi dương oai hồ,
 Trừ chẳng đặng Hồ-gia.
 Chém ba lần đầu khác mọc ra,
 Đánh một gậy thác bèn sống lại.

LƯU-TÚ viết :

Đã nên tác quái,
 Thiệt đáng anh hùng!
Quán! Truyền cử động tinh kỳ,
 Ra tay trừ phản-tặc.

Hựu viết :

Nhìn cho hẩn mặt,
 Hãy đánh tòi gian.
 Quyết chém gã xuống an.
 Chẳng cho ngồi trên ngựa.

Hựu viết :

Đàm một giáo tướng dà chi tử,
 Phút tự nhiên bão phúc vọng phong (42) !
 Hạ lệnh dữ quân trung,
 Tiến binh vu [54b] quan ải.

THẠCH-DŨNG *viết :*

Ngô nhất trường thụ bại,
 Hồ-gia thiên tải giai hư.
 Chỉ lộ thượng cao phi,
 Tâm sinh phương tẩu thoát (43).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ tự điều phi (44),
 Giải khai sà-trận thoát nan nguy (45) !

Hựu viết :

Ngô làm trận, ngô làm trận ;
 Bị thích thương, bị thích' thương (46) !
 Quan tặc binh vây phủ tứ phương,
 Cấp bão phúc giải khai sà-trận (47).

Loạn viết :

Hận nhĩ Lưu-sinh thương hại ngã (48),
 Ai tai ! Hồ-thị mệnh hư chi (49) !

CỬU-CÔNG viết :

Thạch-Dũng đã phơi thày,
Truyền tam quân tiến phát!

CHÚ-GIAI :

1. *Tiền chinh* : Đi đánh trước, tức Tiền-Quân lập công trước.
2. *Tả-chi* : Cảnh quân bên tả. *Hữu-dực* : Cảnh quân bên hữu, giúp sức cho Chủ-Soái ở hai bên gọi là lòng cánh, ấy là vũ dực.
3. *Hậu-Tập* : Cảnh quân sau, khi các đạo quân trước thất bại, mới đến đạo quân này. Thế là Tiền, Hậu, Tả, Hữu phủ Trung-quân là Chủ-Soái.
4. *Hộ-Giá* : Giúp xa vua ở Trung-quân, đây Hoàng-Tử là Nguyễn-Soái.
5. *Sát lại Hồ-thị xâm lăng địa* : Giết lời họ Hồ đã lấn cướp đất vua.
6. *Quyết đoạt cơ-dò tràng đế kinh* : Lấy lại cơ-dò làm rạng kinh vua.
7. *Hùng binh vạn đội quân tiên chinh* : Muốn đội binh dòng đi trước đánh.
8. *Tận sát Hồ-gia định đế-kinh* : Trừ Hồ-tặc lấy lại kinh vua.
9. *Vạn trượng bôn lai thiên địa ám* : Ruổi rong muôn trượng mờ trời đất.
10. *Bách ban đồ địa hãm nhuệ tinh* : Trăm trận ra oai giặc phải thua!
11. *Lãng lãng hĩnh khi phấn long tranh* : Nổi lên khi mạnh tựa rồng tranh.
12. *Nguyễn diệt Hồ-gia định Tống-thành* : Thề giết Hồ-gia lấy Tống-thành.
13. *Nhất cô thu công như quyền tịch* : Hồi trống thu công như cuốn chiếu.
14. *Tam liên sát tận chúng giai kinh* : Đến đâu được đó mọi người kinh.
15. *Thôi phong hãm nhuệ phấn hùng binh* : Ra sức binh dòng ngăn nhuệ khí.
16. *Lãm liệt dương uy định đế kinh* : Giở oai ra ghè gớm chiếm thành.
17. *Hữu-dực nhất chi binh phụng mệnh* : Cảnh tay phải một chi binh.
18. *Thủ dễ tam xích định Tống-thành* : Cầm grom ba thước Tống-thành lấy xong. Bản chính viết *Thủ dễ tam thốn*,.. Thốn là một tấc thì sai.
19. *Bài khai kiếm kích trừ hung bối* : Bày ra grom kích trừ loài dữ.
20. *Tảo tận Hồ-gia định Tống triều* : Quét bụi Hồ đi định Tống triều.

21. *Kim chiều phấn lữ thành sự nghiệp* : Nay quyết ra binh nên sự nghiệp.
22. *Thần xỉ chi bang thị thám tinh* : Thế nước răng môi mãi kết giao !
23. *Thán đề hồ lữ quân thiên viên* : Tự đem binh cạp ngàn viên tướng.
24. *Thống lĩnh lý hưu nhược khí tiên* : Lĩnh đám tỳ hưu khí thế hàng. *Tỳ hưu* : giống thú rừng như cây cào dũi dũi, có nghĩa thuộc hạ giỏi.
25. *Quyết phấn thần uy trử hung bối* : Quyết mạnh oai thần trử lũ ác.
26. *Tảo thanh Hồ tặc định sơn hà* : Giặc Hồ quét sạch nước non bằng (binh).
27. *Quản trọng bách vạn thống Quán trung* : Quản trọng làm chủ binh trăm vạn.
28. *Ngã vũ duy dương sát khí hùng* : Sức vũ giơ ra mổ rất hùng!
29. *Nguyện tróc Hồ-gia lai vấn tội* : Thề bắt họ Hồ đem hỏi tội.
30. *Văn hồi Tống nghiệp định kỳ công* : Lại gây nghiệp Tống ở kỳ công.
31. *Phản mã đáo quan trung* : Quay ngựa trong cửa quan ải.
32. *Bôn hành thiên lý nhiệm khinh khinh* : Ruồi rong ngàn dặm nhẹ nhàng đi.
33. *Bảo lai cơ sự đắc trường tri* : Trở lại cho hay mọi sự kỳ (cơ).
34. *Bình đảo xít như vân lật lật* : Bình tới dầu như mây vun vút.
35. *Tướng lai thì tự vũ oanh oanh* : Tướng mạnh chàn tựa gió mưa phi.
36. *Uy trấn dương dương lực bạt thành* : Oai trấn giơ ra sức đập thành.
37. *Tung hoành lâm liệt chúng giai kinh* : Vẫy vùng ghè gớm mọi người kinh!
38. *Dũng được quá nhân thùy cảm dịch* : Sức khỏe hơn người ai dám cự.
39. *Anh hùng quán cỏ xuất quần sinh* : Anh hùng đã vượt đám hư sinh.
40. *Tử-Hoàng Phục Quốc* : Con vua lấy lại nước cũ của Tiên-đế.
41. *Nhĩ phản tặc hà danh* : Người là giặc phản tên họ là gì? *Cầm đao lai tranh đấu* : Dám lại đây tranh chọi với mổ?
42. *Bảo phúc vọng phong* : Nghe tiếng gió oai òm bụng sợ mà chạy.
43. *Ngó nhất trường ngộ hại* : Ta một khi bị hại. *Hồ-gia thiên tải giai hưu* : Họ Hồ muôn thừa cơ đồ đều thôi hết. *Chỉ lộ thượng cao phi* : Trỏ trên đường bay cao. *Tầm sinh phương lữ thoát* : Tìm phương sống chạy khỏi.
44. *Hoang mang đoạt lộ tự điều phi* : Vội vàng chạy nhanh cướp đường như chim bay.

45. *Giải khai xà trận thoát nan nguy* : Mở trận rần ra khỏi nạn này.
46. *Ngò lâm trận* : Ta ra trận. *Bị thích thương* : Bị thương đâm tới.
47. *Cấp bão phúc giải khai xà trận* : Kịp òm bụng mở trận rần ra khỏi.
48. *Hàn nhĩ Lưu-sinh thương hại ngã* : Ta giận gã Lưu đâm hại mạng.
49. *Ai tai! Hồ-thị mệnh hru chi* : Thương cho Hồ-thị hết thời rồi.



CẢNH THỨ BẢY

SAU THẠCH-DŨNG, THÁI-HÀ, CHU-LINH,..
BINH HỒ BỊ LƯU-TỬ ĐỆP TAN

THÁI-HÀ *bạch viết* :

Uy trấn anh hùng lực bạt sơn (1),
Tung hoành lâm liệt quán kiên khôn (2).
Thế thượng nhân nhân giai úy cụ (3);
Văn ngô chúng chúng tận kinh hồn (4)!

Hựu viết :

Quyền trọng trấn Khánh-dương,
Hồ-Thái-Hà là mỗ.
Ta, Vàng Tân-chính (5) đón ngăn ải hồ;
Kể mấy thu lại bạt khói lang!
Chính ngã ý hân hoan!
Thị Hồ-gia trường cửu (6).

QUÂN BÁO *viết* :

Cấp sự chân cấp sự;
Chi nguy thị chi nguy!

Nay Tử-Hoàng đẩy động tinh kỳ,
Sát Thạch-Dùng đoạt thâu quan ải.

THÁI-HÀ *viết* :

Giận bầy Tử-Hoàng tác [54b] quái,
Lớn gan bẻ nạng chống trời.
Cắm thay lão hủ khoe tài,
Lại lớn mặt lấy ngao lường bề (7).

Hựu viết :

Em mờ đã hồn về chín suối,
Chúng bay không ngồi đặng giới ba (8).
Quán! Truyền tam quán phần động can qua,
Khai thành nội hưng binh tuyết hạn (9).

LƯU-TỬ *viết* :

Hỡi những loài phản-tặc,
Sao không biết vận thời?
Lẽ thời xuống ngựa cuốn cờ,
Sao còn hãy lấy lưng mũi bạc.

THÁI-HÀ *viết* :

Xưa giang san Tống-thất;
Nay cơ nghiệp Hồ-gia.
Người đầu khoe khảng khái can qua,
Mồ trái biết tung hoành phủ việt (10).
Giết em mờ miệng còn ném mặt,
Oán nhà người cật tựa nằm gai (11)!
Nguyên phần cử hùng oai,
Quyết sinh cầm tặc bối (12).

LƯU-TỬ *viết* :

Quái sự chân quái sự;
Kỳ nhân thị kỳ nhân (13)!

Gã vốn là xương sắt da đồng,
Girom chém gã xương kêu dăng dăng.

Hưu viết :

Chúng nó đã thành trung cố thủ,
Ta vạn nhân nan địch lễ thường!
Dùng thảo bện bù nhìn,
Mau luyện phép phá thành bắt gã.

THÁI-HÀ *viết :*

Ta xem đã thiệt,
Nó luyện phép thảo-nhân (14).
Hạ lệnh áp [55a] hỏa công,
Đốt linh phù tầu tán (15).

LƯU-TÚ *viết :*

Úm! Thiên âm địa hôn,
Tốc vũ lai sái diệt (16).

Hưu viết :

Các người cùng phá thành trì,
Bắt cho được Thái-Hà đầu nạp.

THÁI-HÀ *viết :*

Tặc dĩ công thành đột nhập,
Hoang mang thượng mã bôn phi (17)!

Loạn viết :

Khai phá đông-môn triển hổ uy (18),
Nhất thân hãn xuất miễn làm tai (19).
Hận nhĩ Lưu-sinh thi diện pháp (20),
Ai tai! Hồ-thị mệnh hưu nhiên (21)!

LƯU-TÚ *viết :*

Thái-Hà đà trận thượng vong thân,

Truyền chúng tướng tiến binh Trung-quốc.

QUÂN BÁO *viết* :

Thậm cấp, thậm cấp;
Chi nguy, chi nguy!!!
Nhị tướng đà trận thương phoi thày,
Chúng tôi phải hồi triều phi báo.

HỒ-NGẠN *viết* :

Thỉnh thuyết tâm trung hỏa phát;
Văn ngôn ngữ tạng yên phi (22).
Ai tai hồ! hiền đệ!
Thống hận nhĩ Hoàng-nhi (23)!

Hựu viết :

Nghĩa-tế! Nghĩa-tế (24) mau khai xuất thành trì,
Quản hồ lũ tảo trừ Tống tặc.

CHU-LINH *viết* :

Khâm thừa ngọc sắc,
Lĩnh mệnh thi hành (25).
Thề ra tài tảo tận quần manh (26),
Nâng vai gánh giàng san Hồ thị,

Hựu viết :

Mặt nhìn Lưu-Tú,
Đại tiểu liên thanh.
Ngươi [55b] khoe tài đấu hồ tranh long;
Ta cũng biết thôi phong hãm nhuệ.

LƯU-TU *viết* :

Xưa tủng tiểu răn kia choán ngựa,
Nay đặc thời kiến nọ tha bò.
Phản tặc cấp xướng an,

Kẻo nhọc min rời mác?

CHU-LINH viết :

Tâm sinh tích lịch;
Diện thượng lời oanh (27)!
Nguyên triển chí bình sinh,
Quyết bất dong nhữ mệnh.

Hạ viết :

Chân vi thế thượng,
Hào kiệt đưng tiên (28)!
Hỏa hỏa lân, hỏa hổ trận tiền,
Đốt Đinh-thị vô phương tầu thoát.

LƯU-TÚ viết :

Cầm thay loài phản tặc,
Nó đã dụng phép thần.
Úm! Khiếu xuất lục long,
Nãi tốc lai phún thủy (29).

CHU-LINH viết :

Người có tài phún thủy,
Ta dễ há nhân thua,
Hóa ong nọ bay vô,
Cẩn muôn binh tầu thoát.

LƯU-TÚ viết :

Nó, Hóa ong nọ bay vào bát hương,
Cẩn quân nhân võ chạy bốn phương.
Mau mau hóa phép kim-thân (30),
Châm ong cho hổ ghét.

CHU-LINH viết :

Đã có tài dũng quyết,

Lại nhiều phép diệu linh!
 Úm! Thần-phù niệm chú linh-thông (31),
 Hóa nhất tướng tam đầu lục tý (32).
 Mau mau thừa bạch-hạc,
 Tróc Đinh-thị nạp chi (33).

LƯU-TỬ [56a] *viết* :

Tối dị kỳ, tối dị kỳ;
 Chân cổ quái, chân cổ quái (34),
 Phép xưa còn truyền lại,
 Cấp cấp niệm linh-quang.
 Thư kiếm phù hóa phép lục long (35),
 Nương máy nhiệm sát tha yêu-thuật (36)!

HOÀNG-TỬ *viết* :

Quả thị Hồ-gia diệu pháp,
 Chân vi dưỡng-phụ kỳ tài!
 Tưởng nan nguy khó chạy đường dài,
 Hay đâu có phép màu gỡ rối.
 Sau dầu đặt vững bèn cơ hội,
 Biết lấy chi trả thừa ơn dày.
 Xin dưỡng-phụ ra tay,
 Khử trừ an Hồ-tặc.

HẮC-LÂN *viết* :

Xin một phen ra sức,
 Thay huynh-trưởng công lao.
 Quyết gánh vác Tống-trào,
 Thệ đuyền chu Hồ tặc.

Hựu viết :

Đánh một giã bèn sa xuống ngựa,
 Phút tự nhiên nương gió chạy dài.

Chúng Tướng! Truyền chúng tướng sát lai,
Tiến binh truy phản tặc.

CHU-LINH viết :

Thậm cấp, thậm cấp;
Chi nguy, chi nguy!!!
Nhất thân nan thoát trùng vi (37),
Bồng phút cốt hài lũy liệt.
Mau mau sá gấp,
Chóng chóng huy đao.
Phá thiên binh siễn chí bào hao,
Nỗ thần lực giải khai xà trận (38).

Loạn viết :

Bôn hành thiên lý tự bằng phi (39),
Giải khai xà trận triền thần uy (40).
Thống hận Tô-gia [56b] chân diệu pháp (41),
Trảm ngô ty huyết mãn triêm y (42)!

Hựu viết :

Nó có tài diệu pháp cao kỳ,
Ta há dễ nhân thua mà chịu.
Tốc tốc hô diệu pháp,
Phóng đại hải sơn trung (43),
Ngăn giặc lại bên sông,
Khôn đường qua bến ruộng.

LƯU-TỬ viết :

Ngó thấy ba đào sóng rợn,
Nhìn tường phản tặc quá giang.
Nó có phép di sơn,
Ta dùng phương đảo hải (44).

CHU-LINH viết :

Ngô đại bại, ngô đại bại;
 Tặc tiến truy, tặc tiến truy (45)!
 Áu là, Tốc tốc bôn phi,
 Mang mang tị tử.

Loạn viết :

Trường đồ dao vọng khứ mang mang (46),
 Nhất thân thụ tử lệ nan can (47).
 Kham tích uồng sinh vi hào kiệt (48).
 Khả liên ngô mệnh thụ hàm oan (49)!

LƯU-TỬ viết :

Hóa thiết tỏa (50) mau mau,
 Cấp tróc lai tặc đảng.

Hựu viết :

Đại khiêu hung đồ hựu tị tử (51),
 Tốc hô tiểu bối mạc đào sinh (52)!
 Phóng thiết thẳng trói lại vãn san,
 Quán! Truyền điệu lại đảng dăng Điện-hạ.

HOÀNG-TỬ viết :

Hạ lệnh dữ Võ-lâm,
 Đem gã phân thây thành ngoại.

CHỮ-GIẢI :

1. *Uy trấn anh hùng lực bạt sơn* : Oai trấn anh hùng sức bạt non.
2. *Tung hoành lâm liệt quán kiên khôn* : Vẫy vùng ghê gớm suốt kiên khôn.
3. *Thế thượng nhân nhân giai úy cụ* : Mọi người cõi thế đều e sợ.

4. *Văn ngọc chúng chúng tận kinh hồn* : Hết thấy nghe danh đã hoảng hồn !
5. *Tán-chính* : Chính-trị của triều vua mới tức Hồ vừa cướp ngôi Tống.
6. *Thị Hồ-gia trường cửu* : Đố nhà Hồ dài lâu, vì không ai cựa lại.
7. *Lấy ngao lòng bề* như lấy cái gạo (ca) mức bề bao giờ cạn.
8. *Giới ba là ba cõi*, Trời, Người, Âm cung, tức không đi đâu thoát khỏi.
9. *Khai thành nội hưng binh tuyệt hạn* : Mở trong thành nội binh rửa hận.
10. *Tung hoành phủ việt* : Vẫy vùng riu búa đồ binh khí.
11. Ném mật cho đắng, nằm đồng gai cho khó ngủ, để nhớ kẻ thù bên đạ.
12. *Quyết sinh cầm tặc bối* : Quyết bắt sống lũ giặc.
13. *Quái sự* : Việc lạ khác thường. *Kỳ nhân* : Người lạ hình dung dữ tợn.
14. *Thảo nhân* : Người bằng cỏ bện lại, dù bắn không chết cứ tiến vào.
15. *Hỏa công* : Lấy lửa đốt đánh. *Linh phù* : Bùa thiêng. *Tầu tán* : Chạy tan.
16. *Thiên âm địa hôn* : Trời mù đất tối. *Tốc vũ lai sai diệt* : Mau mưa tới tưới tắt.
17. *Tặc dĩ công thành đột-nhập* : Giặc đã phá thành lọt vào tự nhiên. *Hoang mang mã thượng bốn phi* : Vội vàng lên ngựa chạy bay.
18. *Khai phá Đông-môn triển hồ oai* : Mở phá cửa Đông oai cộp giở.
19. *Nhất thân hãn xuất miễn lâm tai* : Một mình ra khỏi chỗ nguy nan.
20. *Hận nhĩ Lưu-sinh thi diệu pháp* : Giận gã Lưu kia tung phép lạ.
21. *Ai tai ! Hồ-thị mệnh hưu nhiên* : Thương cho Hồ-thị mạng khôn toàn.
22. Hai câu đã chua, nói về tức giận lửa bốc trong lòng mặt đỏ lên.
23. *Thống hận nhĩ Hoàng-nhi* : Đau giận Hoàng-nhi vì đứng lên diệt Hồ.
24. *Nghĩa-tử* : Con rề, vì chữ nghĩa mà cho là con rề lấy gái nuôi.
25. *Ngọc sắc* : Sắc nhà vua. *Lĩnh mệnh đề làm theo*.
26. *Tảo tận quần manh* : Quét sạch lũ dân mất gốc. *Manh với Lưu là dân không cội rễ*, trôi giạt nơi xa làm liễu hóa ra ác tức Lưu-manh.
27. *Đã chua Tích lịch* : Sấm sét vì thét lên ; *Lôi oanh* : Sấm vang vậy.
28. *Chân vi thế thượng hào kiệt dương tiên* : Thực đứng trước những bậc hào kiệt trên đời này. Khen tài kẻ địch với mình là đã tự khen.

29. *Nãi tốc lai phun thủy*: Hãy tới chổng để phun nước, gọi rồng vảy.
30. *Kim thân*: Những kim nhỏ tự động có thần ở trong mà gọi Kim-thần.
31. *Thần phủ niệm chú linh thông*: Bùa thần niệm chú được thiêng, suốt.
32. *Hóa nhất tướng tam đầu lục tý*: Hóa ra ông Tướng ba đầu sáu tay.
33. *Thừa bạch-hạc*: Cưỡi hạc trắng. *Nạp chi*: Đem dâng nộp đấy.
34. *Tối dị kỳ*: Rất lạ lùng. *Chân cổ quái*: Như người cổ quái lạ đáng sợ. Cổ quái là người xưa lông lá sần sùi, sau này mới văn minh vậy.
35. *Thư kiếm phủ*: Cầm bút viết không trên grom theo chữ bùa.
36. Máy nhiệm tức Huyền-cơ như thần-bí. *Yêu thuật*: Phép yêu quái.
37. *Trùng vi*: Mấy lần quân vảy bọc. Từ xa tới gần.
38. *Nỗ thần lực*: Gắng sức thần. *Giải khai xà-trận*: Mở trận rắn ra.
39. *Bôn hành vạn lý tự bằng phi*: Chạy đi muôn dặm tựa bằng bay.
40. *Giải khai xà-trận triển thần uy*: Mở trận xà ra giữ sức hay.
41. *Thống hận Tô-gia chân diệu pháp*: Tức giận Tô-Lân tung phép khéo.
42. *Trảm ngô tý, huyết mẫn triêm y*: Áo đầm máu chảy gây bên tay.
43. *Phóng đại hải sơn trung*: Làm ra bề to có núi ngăn lối đi nữa.
44. *Di sơn*: Rời núi đây tới đó. *Đảo hải*: Đem xoay bề chỗ nào cũng được.
45. *Ngô đại bại*: Ta thua to. *Tặc tiến truy*: Giặc đuổi tới gấp.
46. *Trường đồ dao vọng khí mang mang*: Nom thẳng đường xa hươc vợi vàng.
47. *Nhất thân thụ tử lệ nan can*: Một mình chịu chết lệ rơi hàng.
48. *Kham tích ưởng sinh vi hào kiệt*: Tiếc cho sống ưởng làm hào kiệt.
49. *Khả liên ngộ mệnh thụ hàm oan*: Thương mạng ta đành chịu tội oan.
50. *Đại khiêu hung đồ hư tị tử*: Cả kêu đám dữ đừng lánh chết.
51. *Tốc hó tiểu bối mạc dào sinh*: Gọi mau lũ nhỏ chớ tham sống.
52. *Thiết thuẫn như thiết tảo đều là giầy sắt, khóa sắt.*



CẢNH THỨ TÁM

HỒ-VƯƠNG THẮT BẠI, HOÀNG-TỬ LÊN NGÔI,
PHONG CHỨC BÁCH QUAN

BÁO *viết* :

Chạy ngã ngã (tè);
Năm bò bò.
Đốc-Tướng đã chết trắng cò cò,
Vậy tôi phải hỏi [57a] triều phi báo.

HỒ-NGẠN *viết* :

Văn báo lai phách sáng;
Thỉnh thuyết dĩ hồn phi (1)!!!
Thống thiết dã tế nhi;
Ai tai hồ! Sự nghiệp!!!
Mao-Mành! Ấu nhi tua sá gấp,
Mau lĩnh ấn Tiên-Chinh.
Cha hậu-tập tiếp binh,
Ra tay trừ Tống tặc.

MAO-MÀNH *viết* :

Những tướng như hùm như cọp,

Nó còn giết sống chém tươi...
 Huống chi con bầy lớn ăn chơi,
 Quen đánh bạc không quen đánh giặc.
 Tiên-chinh ấy để cha đi trước,
 Hậu-tập này con lĩnh theo sau.
 Cha có thua con chạy cho mau,
 Nó bắt được nó toan xả thịt.

HỒ-NGẠN viết :

Quán! Truyền rời phủ việt,
 Phấn động đao binh.
 Trăm ngự-giá thân chinh (2).
 Ra tay trừ phản-tặc.

HOÀN-CÔNG viết :

Mặt nhìn đã thiệt,
 Bệ-hạ xuất binh.
 Đã hết người nha trảo Hồ-thành (3),
 Nên Bệ-hạ thân chinh *chúng* nhục thế?

HỒ-NGẠN viết :

Ngươi sao mà nói nhẽ,
 Sách có câu: « Phong tống Đẳng-Vương,.. » (4)
 Thệ nhất cổ giao phong (5),
 Cho biết tài Hồ-thị.

HỒ-OAI viết :

Hưu tị tử, hưu tị tử;
 Mạc đào sinh, mạc đào sinh (6)?
 Chặt đầu nọ trao tay,
 Kéo nhục min rời mác.

[57b] **HỒ-NGẠN** viết :

Thậm cấp chân thậm cấp;

Chí nguy thị chí nguy!!!
 Quan bát hương trùng trùng hỏa phát (7);
 Khán tứ phương điệp điệp yên phi (8)!
 Tiến vô lộ thoái hề vô lộ (9);
 Tiền công chi hậu diệc kích chi (10).
 Kham thân đã vận thời;
 Ai tai hồ! Sự nghiệp!!!

Loạn viết :

Hoàng-Thiên nhân hại ngô hào kiệt (11),
 Địa bạch hà vong ngã trùng quang (12)!
 Ô-hô tam thốn thiên ban dụng (13);
 Nhất đán vô thường vạn sự lưu (14)!

HOÀNG-TỬ viết :

Bách quan! Hồ thị đã trận thương thây phơi,
 Truyền chúng tướng tiến vu Trung-quốc.

HÀN-KHANH viết :

Đồ trung phủ phục,
 Giá-ngự khấu đầu (15)!
 Thần Hàn-Khanh cách mặt bấy lâu,
 Vọng minh chúa, chư khanh vạn tuế! Vạn vạn
 tuế!!!

CỬU-CÔNG viết :

Lão mừng Lã-thị,
 Nay dựng toàn sinh (16)!
Chư Công! Trao chư Công tấu nhập Trường-an,
 Truyền chúng tướng nhất thời tiến phát.

MAO-MÃNH viết :

Xem tường đã thiệt,

Thầy sãi xuất binh.
 Chẳng ở chùa hái Phật tụng kinh,
 Đi đánh giặc hay là phú quyển (17)?

KHÁNH-VÂN viết :

Hỡi bớ loài cây cáo,
 Đến đua sức hùm rồng.
 Quyết một trận giao phong,
 Thệ bát dung Hồ tặc.

Hựu [58a] viết :

Hết khoe tài đảng tử,
 Chẳng còn cậy con quan.
 Phải một chùy thối nát xương tan,
 Nhắm một búa thây phơi khắp đất.
Nam-mô A-Di Đà-Phật!
 Nhẫn, nhẫn, Trái chủ oan gia tòng thử tận (18);
 Nhiều, nhiều, Thiên tai vạn họa nhất tề tiêu (19).

CỬU-CÔNG viết :

Bách quan! Hạ lệnh truyền văn võ bách quan,
 Nhập bảo-điện tôn vương tức vị (20)!

HOÀNG-TỬ viết :

Thay đời ra trị,
 Trăm hiệu Tống-Vương.
 Lấy đức phủ bốn phương;
 Ra nhân nhuần trăm họ.
Nội-Thị! Nội-Thị vâng chiếu chỉ,
 Mau tuyên độc sắc-văn!

NỘI-THỊ viết :

Bách quan thịnh sắc!
 Phụng-Cửu-Công đương chức, sắc phong vi Kinh

quận Đại-Vương. (21) Còn Tiết-thị Hoàn-Công, hữu chi địch khái (22), sắc phong vi Quận-Công Tây-quận. Lã-thị trung quân ái quốc, sắc phong nhất phẩm Thượng-Thư (23). Đinh thị tài pháp quả nhân, sắc phong vi Phụ-Chánh (24). Tái phối duyên Tiết-thị Phu-Nhân. Tò-gia văn võ toàn tài, sắc phong vi Quốc-Trạng (25). Thạch-thị tổ đa võ dũng, sắc phong vi Đò - Đốc triều trung (26). Bạch-thị trung thành dũng liệt, sắc phong vi Hòa-Thượng (27). Độ-phu năng xuất hải hà, [58b] thưởng tứ bạch kim ngân tam thập lạng (28). Phiên-chúa hữu tâm bảo hộ, tha cống lễ vạn niên, gia trọng thưởng thiên kim (29). Tồn văn võ chư dinh, thưởng kỹ-lục gia tăng nhất cấp (30).

Tư Sắc

VƯƠNG viết :

Nội-thị! Nội-thị mau vàng lệnh,
 Truyền khai lập yến diên.
 Đặng thiết đãi quần liêu,
 Cho phẩm tinh tương sĩ.

CHÚ-GIẢI :

1. *Văn báo tai phích sảng* : Nghe báo tới via mè man; *Thính thuyết dĩ hồn phi* : Nghe nói đã hồn bay mất. Quả khiếp sợ.
2. *Ngự giá* : Xe vua đi ra khỏi cung điện. *Thần chinh* : Tự nhà vua đi đánh giặc. Chữ *Thần* là gần gũi tự làm lấy, không phải *Thần* : mình.
3. *Nha trảo* : Nanh vuốt, vì kẻ giúp bên cạnh về Chủ Tướng, nanh vuốt về giống thú dữ, bảo vệ cho bản thân con thú dữ mà gọi ra.
4. *Do câu sách Minh-Tâm Bảo-Giám* : *Thời lai phong lống Đàng-Vương-các* : Khi vận hay tới cái hay tự đâu đưa đến như gió thổi tới gác vua Đàng. Ý Hồ-Vương nói thời vận may rủi người chớ biếm nhê đến ta, khi suy lại như câu đối lại : *Vận khứ lồi oanh Phúc-Kiến bi* : Vận hết bỏ đi như sấm đánh tan bia Phúc-Kiến, không còn gì mong lưu bia đá tới ngàn sau.

5. *Thê nhất cồ giao phong* : Thê trong một hồi trống đánh nhau.
6. *Hưu tị tử* : Thôi đừng lánh cái chết. *Mạc đào sinh* : Chớ trốn để sống.
7. *Quan bát hướng trùng trùng hỏa phát* : Xem tám phía lần này lượt khác lửa bốc cháy lên, tức binh lửa dữ dội.
8. *Khán tứ phương điệp điệp yên phi* : Xem bốn bề lần lượt khói bay.
9. *Tiến vô lộ thoái hề vô lộ* : Tôi không đường chừ lui không lối.
10. *Tiền công chi hậu diệt kích chi* : Trước đánh về, sau cũng đánh về.
11. *Hoàng thiên nhãn hại ngô hào kiệt* : Trời xanh nỡ hại ta hào kiệt.
12. *Địa bạch hà vong ngã trùng quang* : Đất trắng sao quên mỡ dưng gày ?
13. *Ô hô tam thốn thiên ban dụng* : Hỡi ôi ! Ba tấc (quả tim) nhiều mưu tính ;
14. *Nhất đán vô thường vạn sự hưu* : Một sớm không ngờ vạn việc bay. Ý họ Hồ tự phụ hào kiệt, mà trời đất không cho trùng quang tức lấy lại cơ-đồ, xét quả tim chỉ bằng ba tấc mà dưng đến trăm ngàn thứ lo toan, không ngờ một sớm biến đi (không như thường) mà hư hết cả.
15. *Đồ trung phủ phục* : Giữa đường cúi nép. *Ngự-giá khấu đầu* : Cúi đầu trước xe vua.
16. *Toàn sinh* : Sống vẹn khi phải ở với giặc, cứu Thử-Phi mà không tiết lậu cơ mưu, còn sống đến nay, toàn thân là ít có.
17. *Phủ-quyển* : Nhà chùa đi xin tiền gạo,.. của bá tánh để cúng Phật.
18. *Nhãn, nhãn, trái chủ oan gia tòng tử tận* : Nin nhịn, nin nhịn, thì chủ nợ kẻ oan vì mình từ đó hết đi, chống lại tức còn nợ.
19. *Nhiều, nhiều, Thiên tai vạn họa nhất tề liêu* : Dung tha, dung tha, đừng cố chấp, thì ngàn tai muôn vạ một lúc đều tan hết. Hai câu này trong Minh-Tâm dạy về nhân mọi việc thì hay. Nay Hòa-Thượng giết giặc lại đọc câu này, ý nói nghiệp-dĩ mà thầy phải giết để cho hết oan trái với nhau, bản tâm thầy tu không muốn sát sinh.
20. *Nhập bảo-diện tôn Vương tức vị* : Vào đền bái lên ngôi tôn vương.
21. *Kinh* là trong triều, *Quận* là ngoài châu quận tức toàn quốc, đều được tôn xưng Đại-Vương không phải chỉ riêng một nơi trọng trấn.
22. *Hữu chí dịch khái* : Có chí khảng khái như trung dũng vậy. *Quận-công theo ngũ Tróc* : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam như vua Chu-Hầu vậy.
23. *Thượng-Thư* như chức Tổng-Trưởng hiện nay, về một bộ nào.
24. *Phụ-chánh* : Giúp chính-trị cho vua như bậc Cha, Thầy, Đại-Thần vậy.

25. *Quốc-Trang*, chức theo khoa bảng cao tốt, danh hiệu bậc Thiên-tài.
26. *Đô-Đốc triều trung* : Võ quan cao cấp ở ngay trong triều.
27. Phong Hòa-Thượng một chức cao tăng, từ xưa vua phong mới quý.
28. Lái đò đưa qua sông, thưởng 30 lạng vàng tốt.
29. Chúa Phiên tha cống lễ mãi, lại thưởng ngàn vàng.
30. Văn võ các dinh, theo thứ bậc mà thưởng kỹ-lục (ghi chép công lao) đều được thăng một chức. Đây văn võ dù ở với Hồ nhưng tốt với dân. Và văn võ trong chính-phủ lưu-vong của vua từ trước.



CẢNH THỨ CHÍN

LỄ TIỄN ĐƯA PHIÊN-CHỨA VỀ XỨ,
VÀ HOÀN-CÔNG ĐI TU

HỒ-OAI *viết* :

Tống thất đem về đồ cũ,
Chẳng còn chứa Bắc tôi Nam.
Nghiêng mình tạ màn lang (loan mới đứng),
Xin lui hồi cự quốc.

VƯƠNG *viết* :

Bá quan! Truyền văn ban võ bá,
Lễ tiễn biệt phần hồi.
Lưỡng lộ tống tam hồi;
Phiến thời ngâm xô cú (1)!

Biệt viết :

Tam hồi tống biệt lưỡng phân ban (2),
Lưu tình nghĩa trọng cát đoạn trường (3)!

HỒ-OAI *biệt viết* :

Vọng khán minh quân nan yếm mục (4),

Thống ngô phế phủ mạc hân hoan (5)!

CHU CÔNG *biệt viết* :

Mục kim Phiên-chúa hồi cự quốc (6),
Hà nhật ngô tình đặc hợp hoan (7)?

HỒ-OAI *biệt viết* :

Nhất biệt Tống-gia quân thần tại (8),
Ngô tâm hồi quốc bộ mang mang (9).

Văn viết :

Rẽ hai phương kẻ Nam người Bắc,
Rút tình này ruột thắt đời con!

CHU CÔNG (Các Quan) *Văn [59a]-viết* :

Công danh ví tựa Thái-son (10),
Lo sao trả đặng nghĩa hơn vương tròn!

VƯƠNG *văn viết* :

Rút tình phân các nhất phương,
Cự bang đó lại, Tòa-chương đây hồi.

HỒ-OAI *viết* :

Tống-chúa đà trở lại đản-trì (11),
Chúng Tướng! Truyền chúng tướng phản hồi cự quốc.

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ vọng Phiên-thành (12),
Bãi khai kiếm kích sậu mã hành (13).
Báo nghĩa lập công chân hào kiệt (14),
Trùng quang tạo hỷ chí hoan tình (15)!

VƯƠNG *viết* :

Trên dưới đã phỉ tình;

Bé lớn đều toại ý!
Nội-thị! Hạ lệnh truyền *Nội-thị*,
 Mau khai thiết yến-diên.
 Ngõ đãi khắp tôi hiền,
 Cho thỏa tình hoan lạc!

HOÀN-CÔNG viết :

Cất mũ lâu qua Bệ-Hạ;
 Cởi đai nạp trước ngai vàng!
 Thuở ngu-thần chịu tiếng hàm oan,
 Lời trọng nguyện xuất gia đầu Phật.
 Nay đã vững bền quốc mạch,
 Rày đà xum họp chúa tôi.
 Xin Cứu-trùng mở lượng rộng khơi (16),
 Dung ngu-hạ xuất gia đầu Phật!

VƯƠNG viết :

Thấy nói châu rơi lệ chảy.
 Nghe lời xối động gan vàng!
 Quốc-lão đà quyết chí lánh trần,
 Thời ta liệu nhất phương cận tiện.

Hạ viết :

[59b] *Nội-thị!* Truyền bách công chinh hiện (17),
 Mau lập một am vân.
 Đặng Lão-quan tu đó cho gần,
 Ngõ vẹn chữ Dữ đồng Vương-đạo (18).

HOÀN-CÔNG viết :

Muôn tâu! Đà biết hiếu kính quân thân làm trước,
 Tiến vi quan hề, thoái vi sư (19).
 Nhưng mà, Tích trước đã cao giờ,
 Ngàn năm khôn che chở.

Xin Thánh-Hoàng lượng lại,
 Thần hạ đã quyết lòng!
 Tuy rẽ chia chúa Bắc tòi Nam,
 Song cũng nương nhờ quốc-mạch.

VƯƠNG viết :

Nay Quốc-lão tấm lòng hoài vọng,
 Một lay đưa người tới thiên lâm.
 Luống mục lệ lưu liên,
 Phiến tinh tu nan biệt (20)!

Hạ viết :

Lòng người đà quyết một,
 Trẫm hạ sắc Chương-tòa.
 Cho Lão-quan thí phát xuất gia (21),
 Kẻo Quốc-lão mơ lòng tưởng vọng!

HOÀN-CÔNG viết :

Cúi nhờ ơn Thánh-thượng,
 Đã rộng lượng khúc tòng (22).
 Cúi bái tạ triều trung,
 Chân xin lui đã ngoại (23).

LƯU-TỬ, NGỌC-XUÂN viết :

Đạ! Xin nghiêm-đường lượng lại,
 Cho con trẻ thừa qua.
 Cha tám mươi tuổi tác đã già,
 Con mưa nắng biết làm sao đặng?
 Xin cha hãy ở đây an dưỡng,
 Chốn triều-ca sớm tối có con.
 Ngõ [60a] đèn thừa mười ơn;
 Đặng báo tình ba thảo (24)!

HOÀN-CÔNG viết :

Cha quyết dạ lánh nơi trần tục,
 Con đừng lòng rơi lệ gian nan.
 Miễn là con vẹn chữ Tam cương (25),
 Đề mặc lão tim theo Phật-tồ.

QUÂN BÁO viết :

Cúi thưa trưởng hồ,
 Có Nội-Thị tới dinh!

HOÀN-CÔNG viết :

Hai con thoát bộ hậu-đường,
 Đặng cho cha tiếp rước.
 Hoang mang nghinh tiếp,
 Thỉnh nhập Khách-đường (26).

NỘI-THỊ viết :

Vàng trên thánh-đức,
 Lẽ hạ Tướng-Công,
 Cùng đẳng đẳng triều trung,
 Lẽ kính đưa Tướng-quốc (27)!

HOÀN-CÔNG viết :

Muôn ơn thánh đức,
 Bái tạ triều trung.
 Người trở về rằng dám kính hoàng ân,
 Rằng lão dâng bốn chữ : «QUỐC-GIA TRƯỜNG-
 CỬU» (28)!

Hựu viết :

Nay đã phai rồi trần tục,
 Chẳng còn vương vấn oan gia.
 Khẩu niệm A-Di-Đà,

Thủ trì đao thi phát (29).

Bài viết :

Đoạn trái oan hề, đoạn trái oan,
 Vô tình tưởng vọng sự nhân gian!
 Danh sơn độc thụ nhân minh nguyệt;
 Thắng cảnh thiên tầm ý vị khan!
 Y-bát xô tung cơ dưỡng tinh;
 Ma-ha nhất địch tửu kỳ an!
 Kỷ thời thoát đặc mè tâm tục,
 Đại đạo quy đầu [60b] đoạn trái oan (30)!

Hạ viết :

Dốc lách câu Sắc sắc;
 Mau tìm chữ Không không (31).
 Chuốc hài gai chỉ dăm sơn trung,
 Mong nón sậy trông chừng Phật-tịch (32).

Vãn viết :

Nón sậy trông chừng Phật-tịch,
 Thời nào câu Sắc sắc Không không.
 Sáng rồi gương huệ soi lòng,
 Khỏi nơi phạm tục lách vòng trần ai.
 Dốc lòng lên cõi Thiên-Thai (33),
 Máu-Ni áo bả dày gai tu trì (34).
 Bi hoan ly hợp sự thường,
 Kính dâng tuổi chúa Nam-sơn thái bình!

CHÚ-GIẢI :

1. *Truyền văn ban võ bá* : Gồm trăm quan hai hàng văn võ. *Lễ tiễn biệt.*

- phản hồi*: Đã rõ nghĩa. *Lưỡng lộ tổng tam bôi*: Đồi đường kẻ đi người ở đưa vài chén rượu. *Phiến thời ngâm xở cú*: Mỗi lúc ngâm vài câu thơ. Đây tỏ tình tha thiết với Phiến-chúa.
2. *Tam bôi tổng biệt lưỡng phản ban*: Ba chén tiễn đưa chia hai ngã.
 3. *Lưu tình nghĩa trọng cút đoạn trường*: Lưu lại tình nghĩa nặng sau khi chia tay, đau đớn như đứt ruột.
 4. *Vọng khản minh-quân nan yếm mục*: Nom nhìn chúa sáng không chán mắt.
 5. *Thông ngô phước phủ mạc hân hoan*: Ta đau tặng phôi chẳng vui gì!
 6. *Mục kim Phiến chúa hồi cựu quốc*: Trước mắt chúa Phiến về nước cũ.
 7. *Hà nhật ngô tình đắc hợp hoan*: Tình ta bao lại được vui vầy.
 8. *Nhất biệt Tống-gia quân thần tại*: Một phen cách biệt vua tôi Tống.
 9. *Ngô tâm hồi quốc bộ mang mang*: Về xứ lòng tôi bước vội vàng.
 10. *Thái-son*: Núi to lớn ở Đông-Lỗ, nói kẻ có công với nước (làm quan) là phải có danh vọng, khi đó trách nhiệm nặng coi như non Thái.
 11. *Đan-trì*: Bạc thềm đỏ, nơi dưới bệ-ngọc nhà vua.
 12. *Hoang mang đoạt lộ vọng Phiến thành*: Vội đi co đất ngóng Phiến thành.
 13. *Bài khai kiếm kích sậu mã hành*: Gươm giáo giơ ra ngựa chạy nhanh.
 14. *Báo nghĩa lập công chán hào kiệt*: Hào kiệt lập công và trả nghĩa.
 15. *Trùng hoan tạo hỷ chí hoan tình*: Nghiệp vua lại sáng rất vui tình.
 16. *Cửu-trùng*: Chín lần. Vua vi như Trời ở chín tầng mây gọi là Kiền-tượng, nên bệ-ngọc vua ngự có chín bậc trên đặt ngai vàng.
 17. *Bách công chỉnh biện*: Trăm thợ sửa soạn để xây cất chùa.
 18. *Dữ đồng Vương đạo đã chưa cuối hồi thứ ba. Phật đạo dữ đồng Vương đạo.*
 19. *Tiến vi quan hê*: Tiến lên gặp thời mới làm quan. *Thoái vi sư*: Lui về nhà làm thầy, đó là kẻ sĩ, nhưng làm thầy dạy học-trò như đức Khổng sàu khi ngài không đạt chính-trị, còn Hoàn-Công lui làm sư theo đạo xuất gia có khác. Song áp dụng câu này thấy vẫn thông nghĩa.
 20. *Lưỡng mục lệ lưu liên*: Đôi mắt lệ đầm đìa, *Phiến tình tu nan biệt*: Mạnh tình thương nhớ khó mà cách biệt nhau.
 21. *Thí phát*: Cắt tóc. Xuất gia đầu Phật đã chưa ở trên hồi thứ hai.
 22. *Khúc tông*: Chiều theo, dù không đúng lẽ. *Khúc*: Cong không thẳng.

23. *Dã ngoại*: Ngoài đồng nội. Hoàn-Công muốn lánh nơi xa đồng núi.
24. *Ba thảo*: Ba điều hiểu nghĩa đối với mười ân đã sinh thành. Xét ba thảo đây có phải là câu: *Dục trong thốn tâm thảo, báo đáp tam xuân huy* hay không, nghĩa là xin đem ba tấc cỏ báo đáp ba mùa xuân đã nảy ra, như câu Kiều: *Liều đem lất cỏ quyết đền ba xuân*. Vì sách nhỏ chưa thấy cuốn nào nói tam hiểu là ba thảo, hoặc giả bản chính sai làm chăng?
25. *Tam cương*: Ba giềng mối đã nói ở trên, những kẻ triều-sĩ càng giữ Tam cương là vua tôi, cha con, vợ chồng cho phải đạo hơn mọi người.
26. *Hứa thỉnh nhập Khách-dường*: Xin mời vào nhà khách.
27. *Đẳng đẳng triều trung*: Các thứ bậc trong triều. Tướng-quốc, chính ra là Thừa-Tướng, Thủ-Tướng, đây tôn xưng ông là giúp nước mà thôi.
28. *Quốc-Gia Trường-Cửu*: Nhà Nước Dài Lâu, tức ngôi vua cũng còn mãi.
29. *Khâu niệm A-Di-Đà*: Miệng niệm (đọc) Đức-Phật. *Thủ trì dao thí phát*: Tay cầm dao cắt tóc, quyết chí đi tu.
30. Bài thơ này xin theo đúng nguyên-văn chữ, mà tạm dịch sau đây: Rút nợ oan chừ, rút nợ oan! Tinh nào mong tưởng việc nhân gian. Núi, cây, trăng sáng đây là nhất; Cảnh sắc tinh ưa kẻ mấy vòn. Y-bát mấy đời tu được gặp; Ma-ha mấy giọt rượu cầu an. Bao giờ khỏi được mê lòng tục, Đạo lớn theo về rút nợ oan! Y-bát chân truyền phải chân tu mới được, ở đây xô tung không rõ nghĩa. Ma-ha (nước Cam-Lô) nhất đích tửu kỳ an, lại càng không đúng nghĩa, nên tạm dịch ra như vậy.
31. Sắc sắc tức muôn vật có hình, nó chỉ ảo ảnh mới gọi là Sắc. Không thì muôn sự vật tóm lại chẳng có gì. Đây nhà tu lánh cõi Sắc tức trần trung vật sắc, để đi tìm ý nghĩa chữ Hu-Không.
32. *Phật-tích*: Dấu vết đức Phật, tức cửa chùa vậy.
33. *Thiên-thai*: Tên ngọn núi có tiên, khi xưa Lưu-Thần, Nguyễn-Thiệu đi hái thuốc được gặp Tiên-nữ. Ở đây nói cảnh núi chùa đẹp như vậy.
34. *Máu-Ni* nói về nhà Phật, áo bả, giày gai, nón sậy nếp sống sơ sài.

HẾT BỐN HỒI TRỌN VỞ

MỤC LỤC

	TRANG
LỜI NÓI ĐẦU	7
PHẠM-LỆ	9
Những vai tuồng lần lượt xuất hiện	11

ĐÌNH LƯU TÚ DIỄN CA

QUYỂN THỨ NHẤT :

A. Hồi thứ nhất	13
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú từ giả tôn sư đề hạ sơn động . .	15
<i>Cảnh thứ hai</i> : Lưu-Tú tới kinh - sư gặp Tiết - Ngọc - Xuân giao ước	21
<i>Cảnh thứ ba</i> : Lưu-Tú gặp Thanh-Đồng ở giữa đường diêu pháp	31
<i>Cảnh thứ tư</i> : Vua Tống lâm triều, Phượng-Cửu-Công xin đi dẹp giặc	37
<i>Cảnh thứ năm</i> : Phượng - Cửu - Công dẹp xong Phiên chúa Hồ-Oai	43
<i>Cảnh thứ sáu</i> : Lưu-Tú gặp Tô-Hắc-Lân rồi kết bạn . . .	48
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Tiết-Hoàn-Công và con gái Ngọc-Xuân nói về tình duyên	55

<i>Cảnh thứ tám</i> : Lưu-Tú biệt Hắc-Lân đi thi, gặp cản đường quay trở lại	61
B. Hồi thứ hai	
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú nhớ Tiết - Ngọc - Xuân, Hắc - Lân khuyên giải	69
<i>Cảnh thứ hai</i> : Chánh cung âm mưu với gian - thần Tiết - Hoàn - Công bị hại	73
<i>Cảnh thứ ba</i> : Tiết - Hoàn - Công được tha tội, đi dẹp giặc lập công	83
<i>Cảnh thứ tư</i> : Tiết - Hoàn - Công dẹp xong giặc Hắc - Lôi - Phong Tây-Phiên	89
<i>Cảnh thứ năm</i> : Lưu-Tú, Hắc-Lân thất lạc nhau sau cuộc du thuyền	95
<i>Cảnh thứ sáu</i> : Tiết Ngọc-Xuân giữa đường gặp gia-binh họ Hồ giết	103
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Hồ - Hắc - Lân cứu Ngọc - Xuân chết giữa đường sống lại	109
<i>Cảnh thứ tám</i> : Tống-vương sau cơn ác mộng mất đi, Hồ-thị cướp ngôi	115
<i>Cảnh thứ chín</i> : Tiết-Hoàn-Công bị binh họ Hồ đuổi đánh	123
<i>Cảnh thứ mười</i> : Tiết - Hoàn - Công chạy giặc, được Lưu - Tú cứu thoát nạn	129

QUYỂN THỨ HAI :

Hồi thứ ba	135
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú tới trường-an, gặp Lã-Hàn-Khanh cùng mưu cứu thứ-phi	137

<i>Cảnh thứ hai</i> : Họ Hồ trăm Hà Thứ-phi, Lưu-Tú ra tay cứu thoát	143
<i>Cảnh thứ ba</i> : Thứ-hậu chạy giặc cùng Lưu-Tú sanh Hoàng-nam rồi mất	151
<i>Cảnh thứ tư</i> : Hoàn-Công, Ngọc-Xuân, Lưu - Tú, Hắc - Lân xum họp một nơi	159
<i>Cảnh thứ năm</i> : Đám Hoàn-Công, Lưu-Tú,... thất lạc vì binh Hồ truy nã	167
<i>Cảnh thứ sáu</i> : Lưu-Tú, Tử-Hoàng chạy loạn, được dò qua sông, Thứ-phi linh hiền	175
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Thú rừng nuôi sống Hoàng-Tử: Thần-linh cứu sống Thứ-phi	183
<i>Cảnh thứ tám</i> : Phượng Thứ-phi bị Thạch - Hùng bắt giam trong chùa	189
<i>Cảnh thứ chín</i> : Hoàn-Lãng giết tướng cướp, cùng sư Khánh-Vân phù Thứ-hậu	195

QUYỂN THỨ BA :

Hồi thứ tư	201
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú dạy văn võ Tử-Hoàng, Chu - Linh thấy đuối mà chạy	203
<i>Cảnh thứ hai</i> : Lưu-Tú, Tử-Hoàng được Phiên-chúa Hồ-Oai đưa về lánh ẩn	213
<i>Cảnh thứ ba</i> : Cha con Hoàn-Công tới quan-ải, hợp lực cùng Phượng-Cửu-Công	221
<i>Cảnh thứ tư</i> : Hắc-Lân phá trận-đồ, gặp Hoàn-Công ở quan-ải Cửu-Công	227
<i>Cảnh thứ năm</i> : Nơi quan-ải, quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ,.. trùng phùng	235

<i>Cảnh thứ sáu</i> : Tử-hoàng phục quốc, chia năm đạo binh tấn công	241
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Sau Thạch-Dũng, Thái-Hà, Chu-Linh,.. Binh Hồ bị Lư-Tú dẹp tan	251
<i>Cảnh thứ tám</i> : Hồ - vương thất bại, Hoàng - Tử lên ngôi, phong chức bách quan	261
<i>Cảnh thứ chín</i> : Lễ tiễn đưa Phiên-chúa về xứ, và Hoàn-Công đi tu	269
MỤC LỤC	276

Phần nguyên tác từ trang I đến CXXVIII



ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
27	2	[4 b] LƯU-TÚ <i>biệt viết</i>	LƯU [4 b] TÚ <i>biệt viết</i>
33	3	Đa tạ [5 b] tiên nhân	Đa [5 b] tạ tiên nhân
61	15	Vậy thời, Em đã quyết lòng ở lại	Vậy thời [11 b] Em đã quyết lòng ở lại
79	2	[15 a] HÀN KHANH <i>viết</i>	HÀN [15 a] KHANH <i>viết</i>
84	12	[15 b]... Vậy mới yên thiên hạ	[15 b] Vậy mới yên thiên hạ
105	22	[20 b]... Cấp trở về	Cấp [20 b] trở về
124	16	THẠCH HỒ [24 b] <i>viết</i>	HOÀN CÔNG [24 b] <i>viết</i>
126	8	Sông Tứ năng [25 a] chày non nhân	Sông Tứ [25 a] năng chày non nhân
133	2	Tả tâm thư [26 b]	Tả tâm [26 b] thư
138	21	HÀN KHANH [27 b] <i>viết</i>	[27 b] HÀN KHANH <i>viết</i>
144	6	Có lão quan Tiết thị [28 b]...	Có lão quan Tiết [28 b] thị...
148	8	LƯU TÚ <i>văn viết</i> [30 a]	LƯU [30 a] TÚ <i>văn viết</i>
177	6	Cúi đầu [36 b] đa tạ	Cúi [36 b] đầu đa tạ
196	5	HÒA [41 a] THUỘNG <i>loạn viết</i>	[41 a] HÒA THUỘNG <i>loạn viết</i>
215	11	Nổi gia tình [46 a] một lẽ	Nổi gia [46 a] tình mọi lẽ
224	17	... Cúi lạy tấm [34 b] lòng thành	... Cúi lạy tấm [48 b] lòng thành

斷債。竟又曰。篤。另。句。色。色。毛。尋。字。空。空。祝。踏。亥。指。琰。山。
 芒。橫。槿。聲。澄。佛。跡。挽。曰。〳。辰。市。句。色。色。空。空。願。未。詞。惠。燭。
 恚。塊。尼。凡。俗。另。妄。坐。埃。篤。恚。暹。埃。天。台。牟。尼。祇。把。踏。亥。修。
 持。悲。歡。離。合。事。常。敬。對。歲。生。南。山。太。守。

垣所遊息。鄧報情。計。桓公曰。吒決。施。另。尼。塵。俗。昆。行。慧。
 淚。泪。娘。雉。免。昇。昆。論。字。叁。剛。底。麵。老。尋。跪。伏。祖。軍。曰。踰。踈。
 帳。虎。固。內。侍。細。營。桓。公。曰。能。昆。退。步。後。堂。鄧。朱。吒。接。連。荒。
 芒。逆。接。請。入。客。堂。內。侍。曰。哪。蓮。聖。務。禮。賀。將。公。共。等。等。朝。
 中。禮。敬。遂。將。國。桓。公。曰。閉。息。聖。德。拜。謝。朝。中。外。阻。術。浪。濫。
 敬。皇。息。浪。老。毳。翠。字。國。家。長。久。又。曰。於。龜。配。未。坐。俗。庄。群。
 王。問。冤。家。口。念。阿。弥。陀。手。持。刀。刺。髮。排。曰。斷。債。冤。從。無。情。
 望。想。事。人。間。名。山。獨。樹。閑。明。月。勝。景。千。尋。意。味。看。依。鉢。數。
 從。机。養。性。麻。阿。一。的。洒。祈。安。幾。辰。脫。得。迷。心。俗。大。道。祇。投。

待傳百工整辨。毛立沒奄雲。鄧老官修妬朱斯。昨論字此
 同王道。桓公曰開。包別孝敬。君親濫畧。進為官兮退為師。
 仍奏。跡畧包高揣。疥辭坤雯。嗔聖皇量吏。臣下包決恚。虫
 愁分主北碎南。及拱娘迦國脉。王曰。於國老成。恚懷望沒
 拜遙得細林禪。兩泪洒流連。片情修難別。又曰。恚得它決
 沒。朕下敕章座。朱老官刺髮出家。斜國老麻恚想望。桓公
 曰。吟迦恩聖上。包哂量曲從。吟拜謝朝中。真嗔躡野外。刘
 秀玉春曰。嗔。嗔嚴堂量吏。朱昆裨疎戈。吒糞逝歲索包糲
 杆湄爆別濫牢。鄧嗔吒咳於。低安養。準朝哥最最固昆。午

曰功名在何泰山。傲市呂鄧義仁旄論。王挽曰代情分各
 虛方。前那妬夷。座章低回。虎威回宋主。它阻夷丹墀。衆相傳
 衆相反回前國。乱曰荒芒。夺路望番城。排開劔戟驟馬行。
 報義立功真豪傑。重光造喜志歡情。王曰蓮帶也匪情。閉
 者調遂意。侍內下令傳內侍。毛開說晏延。昨待泣碎賢。朱安
 情歡樂桓公曰。拮冒奏戈陛下。捨帶納畧凱鑛課。愚臣鄒
 嗜含冤。廟重愿出家。投伏於每。凭絲國脉。扇它森合主碎。
 噴九重嗎量。瞬開容愚。下出家投伏。王曰体响。誅涑泪足。
 喧浪配動肝鑛。國老它找志另塵。辰些料一方近便。又曰

廣嗣考真次

五七

賞賜白金銀叁拾兩。番主有心保護。他貢禮萬年。加重賞
 千金。存文武諸營。賞紀錄加增一級。茲敕王曰。侍內侍毛
 哪令傳聞。立晏延。鄧說待群僚。朱匪情將士。虎威曰。宋室
 先術都屬。庄群主北碎南。迎駟謝幔。狼噴。躡回首國。王曰。
 百傳文班武伯。禮箋別反回。兩路送叁孟。片辰吟數句。別
 曰。叁孟送別兩分班。留情義重割段腸。虎威別曰。望看明
 君。雄厭泪痛吾肺腑。莫欣歡。諸公別曰。日今番主回首國
 何日吾情得合歡。虎威別曰。一別宋家君臣在。吾心回國
 步茫茫。挽曰。他命方儿南得北。我情尼腓朕隊千。諸公挽

曰歌。嗟才党子。庄群忌。昆官。沛沒。抹。結。淳昌。散任。沒。鍾。屍。

拯泣垣。

南無阿彌陀佛

忍忍債主。冤家從此。尽饒饒于災萬禍一。

齊消。九公曰百官下令傳文武百官入寶殿尊王即位皇子。

曰台。莪。擗。治。朕。号。宋。王。袍。德。撫。眾。方。嚶。仁。潤。慕。戶。內侍

啣。詔。旨。毛。宣。敕。文。內侍曰百官。咱。鳳。九。公。当。賤。敕。封。為。京。龍。

大王。群。雪。氏。桓。公。有。志。敵。慨。敕。封。為。越。公。西。龍。呂。氏。忠。君。

愛。國。敕。封。一。品。尚。書。丁。氏。才。法。過。人。敕。封。為。輔。政。再。配。緣。

雪。氏。夫。人。蘇。家。文。武。全。才。敕。封。為。國。狀。石。氏。素。多。武。勇。敕。

封。都。督。朝。中。白。氏。忠。誠。勇。列。敕。封。為。和。尚。渡。夫。能。出。海。河。

「劉學甫飲」

丁亥子進局

胡彥曰甚急真么。至危是么。蜀人向重重火免。看四方盡
 疊煙影。進無路退兮無路。前攻之後亦戰之。堪咤也。運皆
 哀嗟乎事業。亂曰皇天忍害吾豪傑。地白何亡我重光。嗚
 呼叁寸干般用。一旦無常萬事休。皇子曰官胡氏宅陣上
 屍杯。傳眾相進于中國。翰卿曰途中府伏。駕御叩頭。臣赴
 卿格。極閉。歎望明主。諸卿萬歲。九公曰老懶呂氏。於鄧
 生全。諸公。揮諸公透入塲安。傳眾相一辰進發。毛猛曰。祐詳
 龜舌柴仕出兵。庄於厨拜伏。誦經。趁打賊哈界付緝。度雲
 曰。喚哺頌狺狺。典都飭狺。瑤。决沒陣交攻。誓不容胡賊。又

朝彰報胡彥曰聞報來魄爽。哨說已魂彰痛切也。靖兒哀
 嗟乎事業。毛猛幼兒須舍急。毛頊印先征。吒後習接兵。嚙
 除宋賊。毛猛曰仍將如擒如狻奴群折莊鉗鮮况之昆閉
 吝咳制消打泊空消打賊先征意底吒接畧後習尼昆領
 蹠戮吒固牧昆趨朱毛奴杯鄧奴等薩臨。胡彥曰軍傳移
 斧越奮動刀兵朕銜駕身征。嚙廼除反賊。桓公曰柄認包
 舌陛下出兵。包歌得牙爪胡城。職陛下身征。庄謁休。胡彥
 曰。拷帝麻。唵。册。固。句。風。送。藤。王。誓。一。鼓。交。鋒。朱。別。才。胡
 氏。虎。威。曰。休。避。死。々。莫。逃。生。々。擯。投。奴。拌。廼。斜。辱。綿。移。捕。

「劉秀真飲」

二三

真妙法。斬吾臂血滿霑衣。又曰：奴固才妙法高奇。些呵覷
 忍收麻。速速呼妙法。放大海山中。垠賊夷邊。淹坤唐戈
 凌曠。刘秀曰：存体波濤。演認詳反賊。過江奴固法移山。
 些用方。倒海珠。灵曰：吾大敗。賊進追。毘速速奔。彩芒
 芒避死。乱曰：長塗蓬望去。芒芒一身受死。淚關于堪。惜枉
 生爲豪傑。可憐吾命。受含冤。刘秀曰：化鉄鎖。毛毛急捉來
 賊党。又曰：大叫。凶徒休避死。速呼小輩。莫逃生。放鉄繩。綵
 夷雲山。軍傳調夷。登殿下。皇子曰：下令。典武林。宛。何分
 屍城外。報曰：趨我。餽。捕。督相宅。折鼻。古。不碎。肺。回

秀曰最異奇。真古怪。法習群傳。急急念靈光。書劍
 符化法。六童娘。擯再殺他天。遊皇子曰。果是胡家妙法。真
 爲養父奇才。想雄危苦趨唐。魏哈亮固法。再捧紉。黠油鄧
 僊。結基會。別袍之呂。俠恩苦。嗔養父。驛。去。除。安。胡。賊。黑
 麟曰。嗔沒番。喫飭台兄。長攻勞。決。梗。博。宋。朝。誓。殄。誅。胡。賊。
 又曰。打沒鏑。下沙。釘。馭。發。自然。娘。逾。趨。魏。相。傳。衆。相。殺。來。
 進兵追反賊。朱曰甚急。至危。一身難脫。重圍。俸發骨
 骸。屢。扇。毛。毛。舍。急。擦。擦。揮。刀。破。千。兵。展。志。咆。哮。弩。神。力。鮮
 開。蛇。陣。亂。曰。奔。行。千。里。似。鵬。影。鮮。開。蛇。陣。展。神。威。痛。恨。蘇

一、身、子、也、局、
 三、
 誇才斗虎爭竜。些拱別催尾陷鏡。刘秀曰。習縱笑駱箕象
 馭。矜得肯見奴。他捕反賊急。却安矧辱綿移博。珠灵曰。心
 生霹靂。面上雷轟。愿展志平生。決不容汝命。又曰。直爲世
 上豪傑當先。化火磷火虎陣前。燧丁氏無方走脫。刘秀曰。
 叫台類反賊。奴每用法神。唵叫出六竜。乃速來噴水。珠灵
 曰。卧固才噴水。些剔訶忍收。化驗奴悲無。眼閉兵走脫。刘
 秀曰。奴化驗奴悲。飢八向。眼重人啟。趨眾方。毛毛化法金
 身。針驗朱補晴。珠灵曰。每固才勇決。夷鏡法妙。灵唵神符
 念。註灵通化。一將三頭六臂。毛毛乘白馬。捉丁氏縛之。刘

火攻。燧靈符走散。劉秀曰。掩天暗地昏。連雨來。酒威。又曰。各卽攻破城池。杯朱鄧。大河投納。大河曰。賊已攻城矣。人。羗芒上馬奔彰。亂曰。開破東門。展虎威。一身捍出。免臨災。恨你劉生。施妙法。哀哉胡氏命。休然。劉秀曰。軍。大河。它陣。上身亡。傳衆相進兵中國。報曰。甚急。至危。二相它陣。上拋屍。衆碎沛。回朝彰。報胡彥曰。咱說心中發火。聞言五。內煙彤。哀哉乎賢弟。痛恨你皇兒。又曰。堦。義堦。毛開出城。池。管虎旅。掃除宋賊。珠靈曰。欽承玉敕。領命施行。誓。才。掃。盡。群。萌。攬。鵬。揜。江。山。胡。氏。又曰。稱。認。劉。秀。大。笑。連。聲。卽。

怪。吝肝掖攤擲。至。叫台老朽。誇才。吏吝密袍。驚量。凌。又曰。媿某。包塊。術。珍。海。衆。悲。空。鏖。鄧。界。匪。軍。傳。參。軍。奮。動。干。戈。開。城。內。興。兵。雪。恨。劉。秀。曰。唉。仍。類。反。賊。牢。空。別。運。長。理。皆。邪。馭。捲。旗。牢。群。唉。孔。凌。錡。泊。太。河。曰。誓。江。山。宋。室。矜。基。業。胡。家。自。油。吟。慷慨。干。戈。某。庄。別。縱。橫。斧。越。折。媿。某。嘯。群。唸。密。怨。茹。自。脂。似。頰。羨。愿。奮。拳。雄。威。決。生。拎。賊。輩。劉。秀。曰。怪。事。真。怪。事。奇。人。是。奇。人。媿。本。羿。昌。鉄。膠。銅。劔。鈷。媿。昌。叫。党。党。又。曰。衆。奴。屯。城。中。固。守。些。萬。人。雄。敵。理。常。用。草。卜。捕。認。毛。練。法。破。城。杯。媿。太。河。曰。些。粘。在。舌。奴。練。法。草。人。下。令。押。

關隘。石勇曰：吾一場受害，胡家千載皆休。指路上高影，尋
 生方走脫。亂曰：荒芒奪路似鳥形。解開蛇陣脫雄危。又曰：
 吾林陣被刺鎗，現賊兵圍府四方。急抱腹解開蛇陣，
 亂曰：恨你列生鎗害我哀哉。胡氏命休之九公曰：石勇也。
 拯屍傳三軍進發，大河白曰：威振英雄力拔山。縱橫床列
 貫乾坤。世上人人皆畏具。聞吾衆衆尺驚魂。又曰：權重鎮
 慶陽，胡太河界某。些。哪新政地垠隘虎。計買秋吏拔燒狼。
 正我意欣歡。是胡家長久。報曰：急事真急事。至危是至危。
 盼子皇曳動旌旗。殺石勇奪收關隘。大河曰：陣閉子皇作

三

三

被投卧朱别才神武。買斷威某。奴色望凡。下令與軍人進。
 馬來追捉。慶雲曰。反賊須冠馭。斜辱某。脚旗。矜子皇恢復。
 宋都。眾悲乙屍。抔滿地。石勇曰。党貪。曾生偽。吏據博。脚旗。
 可阻。術軟。糊工夫。行此典。都爭。錐泊。刘秀曰。二相軍。舉博。
 冲勝。敗如何。利害可分戈。朱此。詳机事。桓校。反雲曰。仁碎。
 揚威。虎除。庄鄧。胡家。鉗。臣。各投。恪木。脚打。沒。楊托。下。群。吏。
 刘秀曰。色。械。作怪。舌等。英雄。軍。傳。舉。動。旌。旗。脚。脚。除。反。賊。
 又曰。秘。朱。罕。柄。唉。都。碎。好。決。鉗。如。却。安。庄。朱。銜。遠。駭。又曰。
 鉗。沒。教。想。它。至。死。發。自。然。抱。腹。望。凡。下。令。與。軍。中。進。兵。于。

輕報來机事得詳明。兵到處如雲疾疾。將來反似雨裏。石勇白曰。威振揚揚。力拔城。縱橫宗列。衆皆驚。勇躍過人。誰敢敵。英雄貫古出群生。又曰。權重鎮江城。某於胡石勇。威曳撫安民衆。仁。瞬洒泣。埃坡。垠隘銅兵。庄動旗。擦壘。鉄。馭空移駟。軍報曰。碎於木。部巡守隘。馬兵恒河滿野。塞山。旗提字子皇復國。石勇曰。体。吶。油。濡。瀟。瀟。暄。浪。焔。曳。烱。烱。吶。陣。買。子。皇。牢。空。惊。威。某。下。令。傳。本。部。開。城。內。拒。之。又。曰。你。反。賊。何。名。敢。到。來。爭。閨。桓。稜。曰。先。鋒。乃。我。某。石。桓。稜。可。亦。馭。納。駟。矧。辱。綿。移。戩。石。勇。曰。丐。倘。見。惶。撤。攤。據。丞。些。決。

陷銳精桓稜。廢雲亂曰。凌凌勁氣。奮龍爭。愿威胡家。定宋
 城。一鼓功。牧如卷席。三連殺。尺衆皆驚。黑璘亂曰。催鋒陷
 銳。奮雄兵。宗列揚威。定帝京。右翼一支兵。奉命。手提三寸
 定宋城。虎威亂曰。排開劍戟。除凶輩。掃尺胡家。定宋朝。今
 朝。奮旅成事業。臣。薩之。那是深情。桓公亂曰。身提虎旗。管
 千員。統領。獵伏。銳氣先。決奮。卿威。除凶輩。掃青胡賊。定山
 河。九公亂曰。管將百萬。統軍中。我武惟揚。殺氣雄。愿捉胡
 家。來問罪。挽回宋業。遂奇功。軍人曰。祝體旌旗。弊曰。植認
 劍戟。步霜。反馬到開中。鄧申戈督相。亂曰。奔行千里。任輕

石氏貝慶雲也。固惡愛國。憂君。夷決志栽培社稷。九公曰。錦茹厚福。買鄧旌論。矜惻吒也。及昆。遂閉碎它合主。又曰。軍傳嗎。滿瓊漿。待僚官喜樂。皇子曰。矜也。兵淵將孟夷添。固主產床。外祖出兵威。甥弼除党僞。九公曰。連主它救旨。可賄老分兵。權領印先征。乃帥丁刘秀。副先征。乃付石氏貝慶雲。左支乃黑璘。右翼虎威領命。雪桓公奉印。權後習接兵。老誦駕軍中。一團揚銳氣。軍班曰。揚劔戟。奮雄兵。殺來胡氏。浸凌地。決奪基圖。仕帝京。刘秀乱曰。催兵萬隊。營先征。尽殺胡家。定帝京。萬丈奔來天地暗。百般圖地。

快樂。志歡哉。昔日分离心有恨。今朝幸遇快無窮。玳
公曰。嗔請夷城中。朱匪情高下。又曰。毛毳磯。鳳。擦嗎席紅。
傳等等諸公。礼敬棚殿下。又曰。功將軍苦者。息。否似浩策。
番主拱固。恁買鄧安役意。些庄分高下。同席上。舉盃朱匪
施各外。行碍徵恁老軍人。曰。踰。笈帳。監。訴。邊。慢。固。旺。得
等畧隘開。廁。嗔。改。鄧。飢。啣。相。九。公。曰。令。傳。部。卒。許。人。閣。堂。
次妃曰。北極幸光。詳謝嚴堂百福。九公曰。認詳。茹畧。果是
吾兒。由何死去。生來須可分。戈。喧。此。次妃曰。恩。固。鬼。神。改
死。福。迦。買。鄧。全。生。金。鏡。課。迎。城。夷。誓。番。杜。諾。碎。木。迦。使。飭。

動兵狼任界地滿山塞野。九公曰：「唉！東夷胡虜，無端退反。
 臣叩關，党胡芒牢空堅威某軍報曰：『衆碎本部巡守隘銅，
 兵恒河滿野塞山，不碎佈術低疎夷。』九公曰：『何兵作怪？』
 動四方胡壘，唉胡壘賊子，唉賊子。軍報曰：『陰申戈帳虎語，
 栖訖邊幔，固番使來降。』收噴臥，嚙相。九公曰：『禮封，扇渚細，
 因牢固來降。』令傳嗎隘狼許一虎威入閣。虎威曰：『目見老
 翁心快樂，證祐我意至歡欣。』老翁毛嚙連子皇，矧軍衆奴
 空朱飢閣。九公曰：『喧响舌虛渚別，倍鑛恚老叱棚。』軍傳大
 小三軍開隘銅迎接。九公桓公黑璘玉春皇子，刘秀曰：『心

主伴奪買崔九公曰須行步《勿奔行》黑璘曰奄叨依
 補。據蹀唯奔。些保。急寄東邊。決。罈。誅。威。桓公曰
 將軍祐也。實我意快無窮。千里勿奔行。一場皆幸遇。黑璘
 曰。齡。心。恚。訕。贈。習。粵。施。群。乞。拜。上官。瞬。量。察。推。容。臣。下。一
 番。過。失。九公曰。叨朱私卒。飭老。蹀奄。歇。啼。帝。皇子。昆。丞。在
 何方所佳。黑璘曰。碎它歇飭。尋。釵。子。皇。得。漂。洛。何。方。它。坤
 通。苓。侍。九公曰。下令傳軍士。毛反馬回城。又曰。功。閉。歎。落
 源。撩。鐵。鉞。決。志。裁。培。社。稷。令。傳。部。卒。毛。嗎。席。晏。延。待。將。國
 士。賢。朱。匪。情。渴。望。軍。報。曰。陰。申。亦。帳。語。訕。邊。幔。今。胡。戎。曳

仕分陳。黑白黑璘曰。莫信直中直。須防人不人。矜胡家執
 政。矜權空玉印。差得和誘老。可須曳妬。鄧朱某。戈低若脊。
 發戈牟乙死。而無悔。九公曰。須行步。勿奔行。傳軍人
 阻。夷首城保國。老急蹀。掾。軍人曰。啗。哪鎮公。阻夷城池。
 呈國老。追尋豪傑。桓公曰。奔行踈。渚及歇。廁。掾。掾急。彭星
 帶月。乱曰。奔波千里。似鵝。彭。問來机事。得詳知。沐雨櫛。凡
 勞莫奈。彭星帶月。自尋之。黑璘曰。啖屍几。礼凌銳氣。柄番
 得吝。冽威。凡。恚。吓。恚。保守印。驗。妬。埃。誘。朱。漂。所。施。挽曰。栢
 松節意。志。嚇。油。揀之。農。油。樞之。源。管。包。葉。諾。炭。崇。免。尋。休。

毛須可納。駱黑璘曰。賄廟。叨迫情。發。按。其。賊。驚。想。得。高。權。
 算。辰。瞬。待。心。恚。立。陣。喫。此。飭。英雄。叨。如。丕。埃。浪。豪。傑。九。公。
 曰。体。叨。油。瀟。瀟。喧。浪。焔。曳。焯。破。陣。圖。殺。害。軍。中。罪。也。
 當。應。該。萬。死。黑。璘。曰。本。恚。得。其。其。辰。些。拱。濫。岑。此。朱。別。英。
 雄。斜。吟。才。豪。傑。九。公。曰。臥。喫。餘。梟。陣。躡。細。也。買。番。實。賊。才。
 斜。斜。雄。英。壯。壯。牢。空。寂。匡。扶。乾。象。黑。璘。曰。如。碎。休。胡。氏。學。隊。重。
 卓。丕。賊。碎。庄。肯。稱。臣。扶。印。螭。踞。滑。唐。叛。尋。皇。子。冰。澄。琰。柳。
 九。公。曰。心。快。樂。志。歡。然。老。九。公。總。鎮。界。邊。權。輔。政。稱。
 皇。外。祖。壯。士。群。渚。別。些。分。吏。朱。詳。噴。連。術。城。內。持。安。未。些。

尋伴玉啤詳真似挽曰。匪恣愿科施隨籠。吁恨仍覺不
 忠。濫朱梟戶。閒民珠眉。反臣悲。唉。界悲。鈿。灵。梓。補。除。身。中
 興。又曰。祝。体。畧。嶺。山。現。陣。圖。嚴。整。低。官。帝。重。鎮。賊。練。習。村
 民。陣。助。意。空。台。法。冉。牢。固。沒。些如拱。悶。脚。使。飭。双。群。民。絀。沒
 輪。如。体。丕。麻。夷。濫。声。埃。噲。几。英。雄。豪。傑。毛。毛。冽。細。打。破。陣
 圖。九。公。曰。英。雄。是。《。豪。傑。真。《。眾。相。下。令。傳。眾。相。同。躍。馬。進
 追。黑。璘。曰。望。彥。上。高。步。指。松。林。直。走。乱。曰。直。走。林。松。去。老
 快。吾。人。陣。不。相。干。兄。弟。志。深。何。處。在。君。臣。离。散。此。何。方
 九。公。曰。杜。士。晃。夸。飭。高。强。敢。慢。法。破。散。圖。陣。罪。如。印。鈕。当。

一

四

悉誠。敢信。新察。併台。愿饗。又曰。好臣。唉。奸臣。反賊。喂。反賊。
 願提三尺劍。難容萬段屍。相家下令。傳眾相。毛修整刀鎗。宜
 速就帳前。急咱吾之命。桓公曰。嗔大官滅怒。用愚下。廟干。
 可習鍊畜積兵糧。吓差几劍。尋皇子。欺意買。塞圖大事。料
 主碎失。洛口方。係界些兵。出有名。荒意乙所征。無敵。九公
 曰。同心咱得。合意從之。軍下令。此軍人。可歇。悉謹密。
 呵。市。轔。飭。尋。劍。子。皇。完。術。細。營。狼。泊。鑽。些。重。賞。又曰。老相
 躡。飢。錦。帳。些。轔。習。陣。山。投。黑。璘。曰。牢。雪。硯。拋。以。源。琴。冲。了
 汝。兄。長。彪。悉。失。少。併。金。朋。專。旌。低。迷。扶。印。螭。指。瑛。唐。羝。

患難排坤掣。母皇也死於產後。逝解退碎主漂流。九公曰
 暄浪變色。体叻塊形。堪咬乎天子皇妃。可惜者宋朝事業
 咬曰。恹念吾君割爪牙。可璘殿下淚生波。但約百年長國
 脉。誰知一旦夢南哥。痛恨胡家真怨惡。忍爭事業占皇家。
 又曰。軍傳軍人修整香燈。鄧朱老居喪帶孝。文祭曰。花翹
 浴汜。買存亡恪似棹檝。物耐暈移。唐生死毛荒審脫。殿下汝
 灵習。山水鐘灵。庙堂寶物。垠城銅培壘。鉄。旰秋。僊達封疆。
 使緝。浴矜經丞。暮戶汰調。可樂。仍約至南。賊訴。燴。如浴。咳
 僊絲。市哈隘。北。馬倍。術。碎主。它分別。醅。三旬。塢酌。陰拜。批

茹珂下阻夷。崇錦肅隱身。典主文公汝夷。帥界子衰辰。珂

它術。崇末。主文公空別。嶙。鄧。主文公買將車馬。遠連沒推番。空。鄧。

帥子衰隱而不出。主文公空別。濫牢。朱茹主文公買陣。十

放火。燁。崇。錦山。朱茹茹珂各肝空。螺。媿。昆。下抱樹而死之。

哈老如帥。界子衰。慎。黜。丕。賊。空為典老。低麻軍曰。陰。疎。冠

帳。語。訢。邊。幔。固。訖。得。等。畧。營。狼。同。沒。嗜。改。臥。螺。相。九公曰

下令傳本部。許請入客堂。桓公曰。聖皇它。賒另。埃仙。胡家

夷。奪其帝位。九公曰。目下是。覲。詳。心中皆驚。懼。由何事。《

可。訢。言。《。桓公曰。聖皇它。賒另。胡家夷。奪。難。娘。雉。計。空。窮

唉兵孤糧寡。別謀之以弱制強之。朱明畜積兵糧。除運秦

寇。兵恢復虎威。曰回心了得。咱說欽然。携手夷木城。

擇良日送回東地。九公白曰威振東城。莫敢當催。凡幅銳

力縱橫。心中義氣毫無喪。塞外紅塵尺掃青。又曰權重鎮

隘。銅鳳九公。罪老自哪。敕旨。轔鎮守東城。屈計它二拾餘

年。牢空。休隊。術拜謁。又曰下令傳本部。毛酌酒金盃。吐瀉

磯朱盃。斜歎。尋汝主。讚曰悲除些課畧。帥界子推。轔扶。吡

渚。蹠主文公。征東伐北。畧地圖城。典欺安未。主文公封各

官功臣。埃埃不拱。各有官賤。群帥界子衰。崔辰黜不朱。毓

一 到 考 實 次

四二

一國某節號僚王如兵馬典汝九公掣膺添益劫狃并解

情愁悶廟軒共二位名姓可排詳因役之人馬独行細山

領所行何事皇子曰宋朝皇子沃号太昌被胡家占夺嵬

乾。賊碎主尋方避難。虎威曰。賄訴排難。畏買別後根源。臣部

傳開席晏延禮敬。惘皇子。又曰賊子喂。奸臣。咳。率庄

坚。鉢月分屍。夷空。咋。鈿。至。蔭。酷。又曰下令傳衆相。毛。拱。袍

遊。筭。迳。子。皇。阻。東。東。城。其。國。土。養。安。氣。力。相下令傳衆相。

毛。帝。動。戈。卒。決。端。細。宋。都。野。無。除。畜。孽。刘。秀。曰。噴。滅。干。霹

虛。寬。動。使。兵。刀。斬。胡。家。將。叱。高。強。添。統。將。才。高。滋。遊。些。於

情沒理坤通。汝賢妻淚染涓涓。韞玉友滌殊納納。包課
 沒茹森合。補仍欺身某勞刀。仰面叫皇天。低頭嗟地厚。咬
 曰夫婦參商。何日會鴛鴦。佳偶幾辰逢。虎威曰。認祜貳位
 資容。在夷恪得凡俗。軍人何搖動。底某午朱詳。沒何辰
 白虎隱身。沒得夷黃童附俸。如紅傳非尋常卑鄙。果國士
 王家。低軍令傳押干戈。到近來看過。刘秀曰。作怪真久。乱臣
 是久。决萬段最分。誓不容畜孽虎。威曰。寬寬移斧越。渚渚
 動刀鎗。某界几無干。牢吟浪作怪。刘秀曰。卧本群選。柄些
 庄沛。拜眉由市兵馬細。低名姓。可排本末。虎威曰。受敷封

一 劉秀再次

四六

博經招猿。道山投興志。林松。仙狷狷解情煩。惱。亂日澄。聒
 山領去芒芒。足步嗟蛇志。自飲。在我筵。道麋鹿好。快吾閑
 樂鳥禽多。又曰。軍傳嗎待席紅。毛酌針磯。鴈排曰。飲酒叁
 孟酌酒延。官齊把盞。樂歡然。又曰。欲破成愁之朋。用酒兵。
 排曰。綠水青山真好景。奇花瑞草破愁情。又曰。醒坡消愁
 奴。免散景。叱好趣添。孟趣挽曰。孟趣。景情尼脫解愁。西炤
 殊錦緘式。遠淹銀沒解。煥丞緘撐。刘秀曰。溷琴。泚青青。松
 松庵。膝漠。噴殿下。舒安。暫恪。鄧朱。碎飢。妬。枉直。又曰。殿下
 它。盤石。職安。些拱。松。枵。漠。如。些。計自課。台方。漂洛。妥家。

博發它甲塚番邦。下令與軍人退兵。回中國。劉秀曰。瑛。柳
 霜。翻落達。唐。祇。雪。染。洙。洙。色。塊。準。絲。該。毛。各。戈。瑛。紫。掬。曰。
 瑛。紫。盤。澄。諸。掬。脫。塊。妄。虎。八。潭。帝。皇子。挽。曰。叫。恨。昆。賊。碎
 亂。吹。耗。脉。落。破。散。民。夸。刘。秀。挽。曰。責。台。辰。運。岌。岌。身。尼。踏
 碩。踏。硃。詔。包。皇。子。挽。曰。各。蹀。須。濼。崇。高。另。尼。浴。焯。筋。泐。塊
 饒。虎。威。曰。權。称。主。宰。僚。朝。吾。乃。虎。威。是。也。些。如。自。興。兵。開。下。
 蒙。恢。穿。宋。朝。發。沙。使。質。兵。被。老。翁。生。獲。泐。老。翁。大。德。他。某
 夷。番。邦。願。刻。骨。銘。心。誓。結。為。唇。齒。每。叁。秋。沒。禮。各。計。色。勃
 冬。啣。毒。鏃。仕。汝。將。公。淚。泪。玉。吹。盆。脍。某。相。下。令。傳。衆。相。毛

鉅珂亦安庄朱睽運取。刘秀曰。習縱笑冲安庄。昨。於青台。外陣詫包。卽油。誇勇。方才高些。拱別催。凡鏡氣。珠灵曰。可。咧台。刘士。飭貫古英雄。相傳衆相府。團化法。捉來皇子。嗚。叫火車速速。共火虎火磷。同押就雪山。急捉來皇子。皇子。曰。甚急。真。至危。是。天使吾野。外。整屍地。使我山中埋。骨。刘秀曰。嗔。殿下。竹。淚。淚。玉。底。固。碎。妙。法。灵。通。未。劍。符。化。法。五。童。念。神。况。解。開。圖。陣。珠。灵。曰。下。令。傳。衆。相。揚。弓。矢。射。之。軍。人。曰。皇。子。包。高。彩。乘。黃。龍。走。脫。珠。灵。曰。想。沒。綿。妙。法。哈。繞。几。才。高。傳。衆。相。殺。來。昨。三。軍。追。進。又。曰。仍。奔。資。移。昆。

排曰萬隊森屏兮金鷄獨立。十控劔戟兮孟虎萬山奮身。
 勇躍兮騰交鳳舞。努力咆哮兮虎聞龍爭。銳氣雷車兮旌
 旗布列。衛身羽翼兮劔戟揚威。劉秀曰好好也。經摧歡
 歡哉皇子如不乙。宋朝圖。荒意辰宋國綿長。不辰些阻
 夷山中。除典運招兵復業。甯報曰眾碎部下巡守。堪撐体
 子皇穷何刘生。隱山上。操文練武。珠灵曰心中怒發。面上
 通紅。軍令傳其三軍急。府回山上。刘秀曰。植認劔戟。為霜。
 祝体眾方回府。噴殿下。遣安夺路。齧愚臣。喫飭拖根。極自
 者。庙門。毛脫尼。矢石。珠灵曰。子皇粘也。舌。刘秀。在。糟。煉。块。

丁亥元海司

皇

邊江傳軍衆除辰靖殺碎麟種救脫買塊準竜潭妃卜產
 出子皇發夷死於血運賊追兵至近碎卜莖在雲山包買
 秋几北得南遊解庄沒碎沒主皇子曰斷肺府必痛心肝
 必堪咬也父皇哀嗟乎母后咬曰父母所生何忍斷哀乎
 皆運換星移拾月懷胎息罔極叁年乳哺淚淋膏又日業
 宋油群納宗支爲養父固悉扶嘍別包課遊恩報答朱安
 情生養道同貞責黜天工可惜嗟事業刘秀曰噴殿下行
 煉若粘麻愚臣配動渚瀆疎殿下噴動工練習經綸午除
 運復回土字皇子曰今養父操文練武碎沛蹺教訓而行

丁劉秀演歌卷三

動越鑽威偽。移鉤泊扶真。宋朝已沒。梅興王。阮主夷陸紘。

繼聖武孫吳才銚。文子建之讓。君臣已論道。忠良扶皇子。

碎丁劉秀又曰。如。金甌陣爭。龍騰虎。夷。番畧地圖。城可。

式。隄。宛。夷。業。紅。攬。鶻。拔。宋。朝。土。宇。皇。子。曰。嗜。豎。呈。戈。親。父。

嗔。排。訖。心。恁。閉。各。娘。沒。襟。襟。望。牢。房。盡。空。榭。萱。室。嗔。訖。排。

冲。濁。朱。昆。罕。根。源。由。何。禹。準。絲。泉。知。其。父。不。知。其。母。劉。秀。

曰。休。晦。心。恁。妖。惱。喧。浪。脰。似。金。針。庄。沛。道。吒。昆。本。實。念。碎。

主。稟。殿。下。渚。糟。自。聖。皇。接。駕。胡。家。奪。鬼。乾。奴。先。母。皇。謝。準。

丁劉秀演歌

光緒甲午新鑄

鳳凰油里
明章氏訂正

丁劉秀演歌

三本

佛寶華閣藏板

			丁 各 系 准 册
--	--	--	-----------------------

術濫碎佛買未前根次妃挽曰貞恨康運倒顛沁澗泄逾
 婢娟颯淚伏歪扶訪宋邦媵昆及擗江山宛術叁人同挽
 曰否戈未夷泰來坦歪嗔証朱得忠良次尼渚鄧合歡次
 罰買鄧沒團中興悲歡窩合事常敬豨叁挽嗔呈會罰

獸嗔連夷莊家娘寓昨除尋復業中興小臣決助功拯朕
 扶宋主次妃曰將軍包固悉保訪呵遙躡細隘銅開昨尋
 劔子皇未仕興兵恢復桓棧曰倘暄戈叙事它透鄧机開
 隘銅群固子皇占之庄宛術業宋和尙曰諸曹各衆拜謝
 母皇碎吟白慶雲準奄旋托跡重出家投伏双拱於坦弄
 决歇飭匡扶昨宛術都苗桓棧曰外拱格外可須載使麻
 整辨托囊同上馬沒團指銅開踞踞挽曰踞踞壘澄東地
 等英雄市奈娘雉餒市宛夷江山去除党倭達安業紅慶
 雲挽曰伏道典同王道及枉曉沛報功碎包除基業復回

利尚亂曰多謝將軍今恕罪貧僧安敢有淫污又曰碎鬼
 豎或言本沒恚成實恒誦句般若恚念字麻阿俱別暗奸
 邪仍劫要坤除鬼石碓曰德姿界各何阻夷準庵雲提婦
 女美人鄧調回山寨桓稜曰作怪真么狂夫是么决除党
 犬偷之容類殘虐桓稜打死石碓云云又曰娘可排新畧鄧些空根
 由次妃曰權次后宋朝些金黃姓鳳被胡賊奪位宋帝賊
 另賒洛典雲山發林沛頌奸忽將軍救援桓稜曰傾身多
 謝萬望皇娘本愚臣常隱林山不知主乞情免執又曰反
 賊喂反賊亂臣喚亂臣得濫牢 信君恩不辰庄朋類禽

列傳百次

四一

邪鬼撓攘鬼多牢果愁雲慘雨之悲非鬼魅頑星之類哈
 麻啖哭啗叫選尼
 曾眾究志不義退昂殘仍事陷淫檢碧門捉閻朱詳午鄧
 別真邪叙事又曰瀟瀟油濡潮腎焯焯炤曳心肝果寔党
 惡僧奴生恚犬馬拔長錐乱打難恕罪淫汚乱曰你欺伏
 跡自垂爲愿殺狂僧最死屍和尚曰南無阿平地起風波
 無端遭苦害多謝將軍須滅怒乞容貧仕訴詳知乱曰耶
 理山中有石碓層來攘擄寄寺中桓稜乱曰這般人等真
 古董平素行何作事緣和尚乱曰官率衆人当要路夺收
 財物捉黎民桓乱曰奄中婦女藏房室此罪惟誰可說明

茶巢撐衝突發。晃至色黃昏。又曰：毛毛指柄，擦擦移直。至
 最庄体唐些坤方移趾。些舍急寄夷庵雲。僧人曰：註於
 晃叱彰叱昂。捩齧夷臥厨臥。庙毛捩蟬朱塊。斜麻退麻。咳。
 桓棧曰：勸妬落。遊遊朱某權暫。劫。願道伏救民度世。卽修
 行。趁咕午。墜賢。僧人曰：註群選。齋消。碎。叻朱註別。尼菴寺。
 固得麻洛。奴常尋典。破冲厨。昨辰昨西軒。行臥尼菴寺。桓
 棧曰：暄欺。曩仕分共。某娘奄尼邪鬼。透攘。毆罪些。趾夷後
 堂。視此透攘何事。次妃。咳曰：堪。咳天蒼起。禍深。使吾顛倒
 苦愁心。吾兒不遇。焉能救。忽被狂夫捉。隨淫。桓棧曰：仕浪
 菴寺。

之典準山林夷苔者一身婦女次妃曰些實宋朝太后另
 雜洛曲山中。廟實匱訴情。朱將軍訴脛石確曰貼位先帝
 賊叱卒鮮。窖撰苦歆得顏色。賊擇選。先皇宅接駕娘避雜
 雲山珍滌之苦者雪霜微。其某結祿夫婦。罪傅姿罪各何。
 宥嗽夷庵雲桓校曰策岐山隱跡養身。稱性石桓校罪某。
 文稍稍番得七步。武徒徒皮几步。縮落及皆群隱崑山群
 呂運香藏幽谷。又曰鷗鑿宅路木。貌泊夷術西好。扱弓筈
 道準山溪油興志。彗制狴狴亂曰遙望長傘。過領中閉看
 山水樂無窮。若遇步禽隨射浴。有逢走獸疾難容。又曰仍

望仙翁。苦踏細山雲。鄧尋雉埋名隱跡。挽曰。微談包奈。踏
 雪苦霜。巴為恪。畏遊唐。也跋西魏。夷吝唐。琪促情。汝典皇
 兒。坤垠淚玉。苦魚脉愁。石雉唱曰。力拔催山鏡。氣高斷鯨
 過海。尺咆哮。雉據山中無敵手。摸攘黎庶。任雉豪。又曰。占
 雲山管眾。斐弄。吾表字石雉是也。嗟嗜某得調性。施体柄
 綿眾。汰驚心。斐弄傳斐弄急。邪人民。掩商客。尽收財物。斐弄
 曰。碎尋泣。東西南北。庄園埃。尾半錢財。及沒得顏色。卒鮮。
 究術。納稱得他折石。雉曰。吾快樂。甚歡情。果辰。丕嘸
 某姻緣。賊些買。及菲淑女。娘可排敘事。鄧朱某。字詳。因殺

「則子真飲」

三

享舜樵反國倍君。悲實庄朋。類禽獸。各各外也。固恚併主。

魂朱別稱些。除娘寓準策花。鄧除身恢復。土神曰。掌人間。

禍福。我表字土神。聆哪。救玉皇。救次妃。性鳳。毛別自靈殿。

指雲領奔來。乱曰。承靈肖殿降下坐。救來鳳氏得还生。駕

雨滕雲行疾。青山碧水去茫茫。又曰。低低曲雲山。毛急

開墳塚。呼三塊七魄。速速人本身。次妃曰。冤鎖策南珠。

沉領北。堪唛路塗遭。嗟乎。幼子浴何方。土神曰。悲除

娘身体还生。呵。眩引銀尋皇子。共饒仕招兵。買馬。未料筭

恢復宋朝。廟引渚潮。高些。搖身變化。次妃曰。青空多謝萬

娘寓尼茹泊。碎表字樵夫。常尋純恰。嶺盡隊節。戈尼白領。
 之。衿餌芒更。鈞拈。珣提山。領身。此純恰。衿術。拖節。亂日。別。
 自家內。倘。遷。梭。掩。恰。究。術。半。警。東。也。鏡。免。鄧。罷。節。他。相。奈。
 之。貼。也。鏡。又。曰。叱。其。公。適。凶。公。徐。於。是。生。事。他。歎。歎。歎。餌。
 呼。畢。驪。匹。塊。卒。姓。它。暄。古。毛。毛。阻。爽。操。操。回。家。劉。秀。曰。想。
 事業。珠。滾。來。朗。視。子。皇。脾。怒。慈。諺。無。空。餌。渴。液。歎。身。袍。之。
 拖。是。丕。患。雄。又。曰。棚。之。亡。神。更。共。衿。隊。遠。投。舌。罪。孟。虎。山。
 猴。扱。披。黠。究。餌。細。納。又。曰。餌。箕。毛。噴。皇。子。跬。悉。者。山。猴。各。
 何。苦。功。息。孟。虎。各。卽。太。表。又。曰。發。悉。鑄。想。吏。叫。陣。党。反。臣。

報國爲子。當竭力事親。又曰。噫。碎。碎。部下於貝珠。子。皇。
 它。賒。另。棗。撐。逃。文。表。回。朝。稟。奏。胡。王。曰。至。群。容。宋。室。賊。脫。
 塊。龜。潭。埋。斫。油。恢。服。宋。邦。乙。胡。氏。江。山。休。矣。朕。躡。臥。密。閣。
 百。官。夷。營。狼。神。皇。唱。曰。併。洛。乾。坤。世。界。行。吾。受。靈。霄。度。衆。
 生。陽。間。枉。死。吾。救。死。世。事。被。殃。我。解。殃。又。曰。占。靈。廟。安。居。
 吾。乃。神。隍。是。也。於。宋。朝。太。子。它。失。國。他。邦。匱。竭。餽。餽。夷。
 寇。尼。行。杜。邪。令。遣。山。候。孟。虎。各。帥。可。歇。恚。几。運。棗。鈔。駛。完。
 豨。得。邪。崗。尋。餌。術。納。毛。毛。分。各。我。擦。擦。嗎。泥。若。存。使。令。箕。
 乙。坤。容。命。姤。青。童。曰。神。土。神。哪。令。吡。邪。救。命。次。妃。樵。夫。曰。

可唯蹠唐杏。劉秀曰：顯赫真々，黃靈是々，死如斯，死亦良。
 情生如是，生爲上智。急遣安簡詣，跋烟杏，奔波，愿撰，願傾。
 博宋家，誓歎，飭栽培，社稷。挽曰：巡感，併得，古者，雲霜，奴前。
 蓮塔，埤仁，赫，權，核，德，浩，安，利，苑，倪，祐，也，塊，壤，花，烟，梨，發，燧。
 鷓，它，木，蓮，珠，靈，曰：也，跌，凶，落，唐，坤，別，方，尋，鈕，果，吞，喚，扶，持。
 宋室，賊，吹，私，脫，塊，彌，綿。軍傳，偃，息，干，戈，呼，三，軍，下，寨，又，曰。
 部，臣，毛，阻，夷，述，文，表，回，朝。鄧，朱，某，地，垠，吟，除，安，反，賊，軍，人。
 曰：欽，承，敕，旨，奉，領，詔，文，奉，將，軍，回，奏，朝，中，上，牡，馬，籠，澄，京。
 地，亂，曰：策，馬，加，鞭，望，京，都，奏，來，机，事，得，詳，知，爲，臣，子，尽，心。

頭多謝子皇。愚夫耳失禮。劉秀曰。息意荒如海底。義尼否。
 似青山埋。茹油定。夷宋邦。得拱。鄧蒼名萬代。珠。靈曰。渡夫。
 牢作怪。多反賊。遇江。下令。兵軍人。造浮橋。進發。劉秀曰。祐。
 累方。瀉壳。認糝。向。燧。焯。急。逐。馭。冰。澄。毛。尋。方。另。雜。挽。曰。從。
 輛。離。澄。唐。馬。儲。櫓。得。裝。恪。休。如。錐。包。戈。辰。夷。買。孟。夷。盆。珠。
 靈曰。鮐。箕。坤。脫。纏。鮎。怒。苦。數。掩。些。決。袍。投。卽。傳。三。軍。混。戰。
 劉秀曰。仍。莽。衝。尼。陣。上。輛。丕。發。包。黃。昏。最。唐。苦。溪。儲。櫓。選。
 良。馭。空。移。駟。又。曰。錦。得。課。畧。拱。固。如。些。泐。沒。阮。畑。花。拱。脫。
 尼。狩。獲。塊。次。妃。曰。本。些。於。次。后。多。撞。塊。邊。策。將。軍。急。蓮。安。

固飭咆耗些。剗剔卒徵銳氣。又曰。屯塊尼虎穴。夷脫維竜。
 灑。喔共。忝保誦宋邦。喚朱某扶安。童子挽曰。巡決驍才扶。
 王安邦。得裝固辱固榮。歎干否極。細首泰來。又曰。前面見。
 江津。後兵追蚤。夫。咄渡。度夫即動飭。毛掉遠些共。斜林党。
 群凶。它空方另雄。渡夫曰。聒聒舌虛渚。別体林危老拱。可。
 併。毛。之。跳。却。船。蘭。擦。擦。逐。戈。江。下。排。曰。漂。之。一。掉。波。輕。之。
 潮。逐。戈。承。凡。行。弗。之。揮。掉。入。江。波。又。曰。碎。豎。晦。戈。噴。得。聒。
 吏。役。之。固。一。人。一。馬。麻。蹠。黏。干。將。干。兵。渡。夫。渚。訴。恚。將。軍。
 分。隲。此。刻。秀。曰。得。實。宋。朝。皇。子。林。危。沛。遇。江。津。渡。夫。曰。隘。

一 則 秀 曰 大

三

洛埃人兄。陣內坤通。參侍毛。毛阻馭。吏準陣。為尋劍人。
 兄共子皇何在。亂曰。反馬奔來。到陣前。哀嘆。兄長洛何方。
 痛恨胡家。嗟切齒。怨他賊子。罪盈天。大河曰。升天欠羽毛。
 掘地無牙爪。黑璘曰。決殺他賊黨。不容你全生。愿沒妬沒。
 低。誓沒群沒。某打徵劍法。衆奴包躡兵。逐駙駙。尋劍人。
 兄。稿埋及。詳冲利害。大河曰。痛切吾肺腑。怨惡你狂兒。被。
 灵劍害吾左臂。滿身皆血。出林。膏軍傳左翼。右支。退兵回。
 中國。朱灵曰。路前看見。勿可奔。納子皇。援所。輸箕。改廟。
 某乙林。銜泪。刘秀曰。螭蚌。啖。丞浪。夾。鵲。棱。庄。咋。浩。濡。卧。油。

躍大才傳衆相殺來。進兵追反賊。桓公曰。仍奔衝。尼矢石。發它洛。跌昆螳。毛毛阻夷陣中。穰穰覓尋皇子。亂曰。長塗。拔步走茫茫。堪嗟刘將。共子皇。愿施功力尋幼主。幸遇相逢脫難危。石勇曰。掘地無牙爪。升天欠羽毛。攢投奴。珣排。斜辱綿移戟。又曰。可咧台婦女才銚急。男人詐敗準雲山。彩刀吾洛馬。衆相令傳朱衆相。台馭恪進兵。桓公曰。昆可冠登程。吒趕來路上。又曰。昆買差刀奴衆怒。每踏兵逐。點點尋劍刘生。禍埋及昨扶幼主。挽曰。巡决。硯恚。擲拖。綰。玉春挽曰。坤穷切齒。嗟牙買認体。妬佳它。袍分。黑。口。發它。

曰眾外須相博。行凌私干戈。決不動矛麻。袍投撥院教。又
 曰。也無方走脫。可束手來降。桓公曰。呬閉党豺狼。陣台類
 殘暴。胡氏也消念。餌祿悲夷空。想道君臣。戊吒都非。恩喚
 偈徒不。美珠。靈曰。驟下令傳。衆相八向。弗旌旗。呼速叫。靈
 靈轉天昏地暗。劉秀黑璣脫免而走又曰。可明朱劉將。貝蘇氏英雄。
 破天昏脫塊陣中。分叁道追尋。南北劉秀曰。正方它失路。
 沒輪某坤當。毛逐馭奔于午。另尼諾焔。挽曰。諾焔等英雄。
 苦者託包衝筊突砲之市。攪艦篤挾江山。宋朝珠靈曰。坤
 驄驃琰。苦長術唐。鳳又曰。彈匪。鍾劉生。杯登。舌。賊莊勇。

昆貂娘雉。於昆瑤咲群低。妖鳳牢咏妬。刘秀曰。岳父群。潜
 燔。碎分夷朱。詳。缶。晉。晉。鮮。雪。滌。霜。夷。繞。陣。衝。笳。突。砲。碎。仍
 莽。攘。垠。兵。狎。母。皇。它。產。後。亡。身。碎。卞。權。墜。林。中。扶。皇。子。冰
 肝。另。雉。桓。公。曰。塊。輸。媿。它。貂。苦。別。包。除。朱。鄧。青。台。咏。古。叫
 叫。庄。透。丞。乳。啼。哭。哭。坤。通。坦。又。曰。反。賊。喂。々。逆。臣。唉。々。嗔
 丞。群。扶。詎。宋。朝。衆。悲。乙。屍。拯。空。坦。又。曰。祝。休。旌。旗。浴。日。禳
 認。鈞。戟。陵。天。刘。秀。毛。扶。袍。子。皇。黑。璘。急。侍。僊。玉。印。指。銅。關
 直。進。同。上。馬。而。行。同。亂。曰。携。手。同。行。誇。馬。安。輕。身。奪。路。望
 隘。開。忠。君。莫。奈。身。勞。苦。爲。國。何。愁。拔。步。雉。太。河。石。勇。朱。灵

棚添棚。弄棚。爰吏及施。孟界孟。馱它及媯。又曰將軍。薛渚
訢。老分吏朱詳。聖皇它騎鶴。尋仙。胡家奴爭。蠶聖帝。差兵
喫開隘。遺杯老。兜術老。下弩力攻之。埋及撞。丁劉秀。老也
差回朝內。探國事。荒市。庄。仁。膝。咏。別音耗。冲成敗。盈虛坤
訢。劉秀曰。哥。啗。叫。岳父。於。昆。伍。術。低。桓公。劉秀。黑。瑋。玉。春
曰。甚。快。哉。真。好。也。想。格。饑。我。埋。吏。鄧。相。逢。桓。公。曰
昆。茹。埃。麻。夷。措。搯。可。叫。吏。朱。總。鄧。別。劉。秀。曰。得。實。宋。朝。皇
子。寶。尼。玺。玉。印。螭。桓。公。曰。老。暗。叱。棚。惡。遂。朱。總。視。此。拜。逢
皇。子。相。泪。渚。瀕。先。皇。唉。陛。下。喂。包。妾。最。移。業。哥。底。朱

命桓公曰。稱認缶。果是吾兒。麻痛切淚流。哀哉。平幼
 子。又曰。暄。昆排叙事。終叱。透。盡。明。恩。還。生。恩。意。大。功。老。夫。
 愿。傾。身。多。謝。黑曰。為。昇。人。倫。之。道。丕。誠。誤。於。正。行。又。曰。碎。
 鼠。昇。手。下。嗔。得。諸。砭。恚。為。要。成。誠。浦。辨。功。字。爰。屋。及。烏。浦。
 丕。又。曰。恚。掩。惘。朱。姊。矜。吒。包。及。昆。想。金。朋。併。此。對。併。汝。玉。
 友。惜。它。過。惜。桓。公。曰。源。于。糴。諸。別。宗。跡。可。排。戈。思。愁。珠。泪。
 乳。紗。麻。固。宥。恚。祆。惘。黑。隣。曰。為。昇。人。倫。之。道。丕。誠。泪。於。正。
 行。自。結。伴。雲。山。共。要。碎。刘。秀。修。被。杆。尾。兩。它。失。洛。訖。方。禮。
 生。死。渚。詳。賊。賊。恚。祆。惘。桓。公。曰。体。响。丕。台。恚。老。暄。浪。老。夷。

移踏挽曰似借瑛槐衝刺奈旬玉春挽曰毒各買瑛山溪

鞏烏脫包格撰投策又曰唐化最坤珍苦別方移踏黑

璘曰疎除休院烟燎溯舊枯沼標草古曠姊急移真細姪

懶撈踏又曰咱埃於噴老丈騾悉溫雁朱姑碎安焉沒店

辨唐詫渚消吏選透策浩桓公曰得堪趾如些竭趾買沒

番詞號買番朱暫準章軒知堪唐山路玉春曰嗟親父似

痛幼兒似由何吒細山溪可納昆許松楓桓公曰老坤詳

此意惹苦辨龍意昆老宅死在或非埃細姊恨甥子玉

春曰疎娘雄姑筆計老雄幾二分或歸國黑璘救雙全姓

母后挽曰。巡迴頭自墳。塚安居。英雄反國。根淮。誰看篤。根
 滄肝之淚。大河勇固曰。決奮動。千戈。言不容寸草。珠灵曰。
 刘秀隋馬直到。吟之。又曰。殺刘秀。素察。阮博。黃草。亮翎。與
 拖鏟。果恚。至。辭。助。宋家。郭。如。何。脫。微。白。及。下。令。傳。眾。將
 同。跨。馬。進。迫。刘秀曰。仍。想。魂。樹。埃。孝。思。如。面。飭。萬。龍。託。包
 奈。踏。琰。終。亥。扶。幼。主。統。珠。末。禮。挽曰。欲。缺。肝。尼。梗。博。江。山。
 侈。戈。買。琰。洛。策。鳴。叫。清。說。悻。撤。厥。愁。玉。春。曰。於。些。它。陸。孟。
 氣。力。吏。調。和。包。歎。身。昆。格。福。吒。煩。賢。友。逐。嘿。西。地。黑。璣。曰。
 姊。包。妄。貴。体。碎。顛。駝。惜。功。回。沒。團。指。琰。開。中。跋。躅。倪。姊。毛。

嘔。嗔。至。燭。察。得。直。宋。皇。得。唉。竟。低。困。哈。身。妾。洛。陳。足。慎。又。
 曰。柄。認。包。罕。生。鄧。皇。男。嫫。包。空。呀。發。愁。悲。生。昆。夾。相。伸。娘。
 雄。又。曰。柄。認。昆。潘。罕。牢。五。臆。傍。皇。哥。嗜。叫。至。唉。拜。至。包。生。
 我。忍。何。害。我。彷彿。三。程。鑊。哥。麻。芒。沒。籍。江。山。昔。昆。群。於。東。
 陽。開。娘。俸。鶴。嫫。移。境。外。刘。秀。曰。母。皇。在。肝。腸。斷。淚。林。哥。《
 哀。哉。乎。母。后。痛。切。也。皇。妃。嘆。曰。堪。嗟。母。皇。今。物。換。路。塗。何。
 忍。斷。孤。兒。宋。室。江。山。遭。移。亂。可。辦。事。業。已。星。移。又。曰。碎。奔。
 搬。根。兵。猶。得。它。蘇。脉。塚。仙。祝。認。生。鄧。子。皇。果。是。宋。家。後。福。
 賊。子。蹺。甚。急。沒。痛。某。坤。当。恰。帶。真。紉。袍。子。皇。露。穴。奴。楚。安。

曰明朱小將。才法精通些。化法。扇紅。炸了。氏無方。可。神。刻。
 秀曰。唱台類殘暴。拱才法精。口。酒。雨。水。膝。雲。解。炤。紅。而。脫。
 又曰。仍奔。洌。衝。鎗。泊。發。它。失。其。母。皇。毛。毛。逐。獸。進。安。鐵。鐵。
 陣前尋。劍。亂。曰。撞。鞭。守。路。再。走。苦。到。來。陣。上。存。馬。安。痛。恨。
 胡家多妙法。哀嗟。母后。落。何。方。穴。后。曰。乃。奔。吳。他。傳。搜。發。
 它失。洛。刻。生。靖。通。役。共。苓。苦。詳。冲。終。始。急。另。是。浩。炤。毛。尋。
 準。脫。身。愿。能。畫。扶。訪。未。家。娘。忙。馬。高。彩。搗。掙。挽。曰。從。聰。眩。
 移。火。砲。萱。天。又。曰。痛。心。肝。從。轉。腹。內。從。郡。坊。荒。濤。耳。膝。轉。
 動。開。花。丞。坦。妾。害。些。鬼。神。容。覺。倭。挽。曰。促。郡。坊。心。砲。轉。動。

斗虎少可備歲索重群乳縮畧錦叱幾些躍馬辰何提鎗撞
 揮刀辰些厭戰。躡細似童影甲乙。戈吏僂虎據丙丁。黜熾
 為何固沒驗。沛東兵馬辰些歇飭。珠灵曰。些些調蹀飭同
 合力拾之。詫姨党小兒。決捉來陣上。又曰。補忍小將大笑
 連声可。跡馭納驗。寬移戈路上。刘秀曰。悲忌。饒兵相麻凌
 礼蹻蚤些。否如鮐泮於沕。朋尺沒卧群收某。叁相曰。衝天
 之怒。面上通紅。軍令傳。與軍中。布陣拾反賊。珠灵曰。小生
 真勇躍。刘將是英雄。毘毘化五虎山中。急捉來刘氏。刘秀曰
 怪殺他賊將。奴夷用法。神某轉法。騰雲化六龍斗虎。珠灵

秀挽曰。榮移賊衆。兵道原。驛功可決。除頑奸。河勇曰。急部
 安來。納皇。朋道。命亡身死。路。刘秀曰。愿能。仆某。决没。跌没
 群。仆。胜。扶。胡氏。江山。些。托。拱。扶。安。社。稷。又曰。钻。石。更。投。漆
 缸。馭。發。自然。拔。恪。木。蓮。鏡。太。河。焰。炬。燿。燿。唯。輸。刻。昌。叫。党
 党。包。賊。才。蓋。世。夷。当。柄。安。邦。愿。歌。悉。扶。訪。母。皇。溥。身。某。之
 潺。共。主。挽曰。巡。隄。共。吞。扶。訪。宋。家。次。后。挽曰。得。蕞。恪。休。如
 花。曷。殘。最。妾。春。戈。秋。回。刘秀挽曰。祝。認。規。鎖。埃。埃。兵。噉。弁
 弁。馭。得。榮。璘。珠。灵。曰。哪。聖。皇。接。戰。式。卿。冲。勝。敗。如何。明。說
 河勇同曰。刘秀。直。貫。古。丁。氏。果。更。誰。包。繞。陣。爭。畜。吏。暮。番

乙亡命。妬刘秀曰：要姪，包宠恚反主。衆卧牢，蹀党倍君誓。
 没妬没低，决没群没跌。又曰：丕麻拱礼凌，鉞泊沛没刀奴。
 包亡身，杯馭撞蹀唯皇妃。料母后路塗除待軍報曰：急报
 〃至危〃〃鉄虎宠溺殺次妃。倘奸賊奴它夺了。胡王曰：咀
 台類反賊陣，閉几欺君。石勇付大河石勇毛毛。蹀追捉奸
 人投納。河勇同曰：欽承旨，敕奉命金言。胡王曰：珠付珠。灵
 後習出征，接貳位荒旂朱别。刘秀曰：心大快。〃遇皇娘〃
 嗔她急奔干。鄧尋戈策領挽曰：策領箠澄搗搗膈之淚解。
 節淫霜。次后挽曰：奴市茹着達安功。卧徐泊牌，鑽鑿拱刘。

先皇喚先皇固哈換。按妾挽曰。嗚呼。象察燭。曠劍神惠。找株偵寃。美容最安。最殘。得茂格休。漆州鑿。病刘秀。乱曰。努力縱橫。既鳥道。解開軍士救母皇。八后曰。得艰难。難數。炭泊。還為霜。每歌。離預。準塗章。曉軍眾。典汚逝水。挽曰。域。賊。堪。渡。瞬。化。滄。嘯。岐。造化。浴。斤。得。茂。訶。別。余。吝。浪。雄。鉄。虎。曰。相。象。低。色。典。边。江。待。細。除。溺。殺。刘。秀。曰。奋。神。威。糾。糾。夺。次。后。輕。輕。又。曰。嗔。她。急。遣。安。鄧。尋。方。走。脫。鉄。虎。曰。殘。虐。真。凶。徒。是。凶。部。卒。毛。回。奏。朝。鄧。鄧。朱。某。興。兵。追。捉。又。曰。欺。乃。乘。楓。突。入。悲。除。坤。法。高。彰。急。捕。彌。留。使。罪。箕。改。廟。某。

厂劉秀有次

五七

氏桓公得愿救歇恣歇施。身埋交朱反賊。究溺殺江津意。
 罪謀虎出山林。意罪計引蛇入穴。次后曰傳。誼瑞鬼神。
 折几奸邪。忝坦冕容。老將吟。匍訴。航恣油。鞋托。淚。聖施。朝。
 卿曰稟令。嗔蹻真臣。下交朱党。反臣移。踏玉母皇。鄧交朱。
 反賊又曰家。家將朱竭力。侍次后。逃生。濫牢朱連。主達安。
 不買吟。齏碎節。炯。刘秀曰。小臣愿致君之命。碎迎。諭。詔。領。
 印。隆謝上官安。在營中。奮神力。進于江口。鉄虎曰。令傳。
 軍人。渭河毛引。細次后。曰。牢移域。对。诺。泄。花。翹。祝。江山。淚。
 灑。津。沫。忍。事。業。殊。涑。來。溯。仰。吸。天。高。蕩。蕩。府。嗟。地。厚。芒。芒。

疎麻隨補。三程業哥。刘秀曰。嗜得决志扶安宋社。碎夷空

惡。執僥江山老相。喚渚信。碎蚌分朱。别日念洞真言。朝卿

曰。顯赫。奇才。如不省基業。效。荒意。乙江山庄。跌。又

曰。惡。外。它。决。沒。胞。渚。可。對。此。些。應。俱。金。階。卧。藏。形。宮。室。又

曰。自。哪。廟。肝。楚。領。訓。誘。母。皇。印。玉。峇。庄。固。叫。冤。廟。隱。匿

胞。群。酉。胞。罪。也。膺。塊。邪。於。庵。嗔。量。聖。竹。容。旺。楚。胡。王。曰。不

也。膺。俠。托。嗎。渚。可。雜。唆。督都督。都。督。掩。領。命。茹。鑽。引。次。后。江。津

溺。死。鉄。虎。曰。欽。承。玉。敕。領。命。施。行。愿。婢。羈。溺。殺。次。妃。明。日

仕。領。囚。次。后。朝。卿。曰。机。開。她。渚。透。謀。許。沛。訴。悉。固。老。官。雪

「劉秀再次」

三

郭卿曰作怪真么。或言敢么。桓公得龟。块昆牢。茹何吏称。

恨。刘秀曰。大官渚增意。乱曰。臣奉领心书密。探玺符母。

后在何方。伏望大官宜详看。岳翁书内已丁宁。郭卿曰好。

也么。欢然么。观详了得根源。看见书中快乐。撑阿刘秀曰。嗜。

大官分。赍畧朱碎。訢心恚市。次如吏。具印。螭存留在何人。

所守。郭卿曰。皇妃碎。餒養印。玉喉。产低占。计市。鄧斫。解危。

烦。壮士。施功助力。刘秀曰。除辰埋国老。飢奏反。贼鄧。嗔究。溺。

殺母。皇碎。蟬。誅戮。類奸。愿。歇。飭扶安。媿。鳳。郭卿曰。老。

呱。齧。痛。岫。皮。拮。桶。占。朱。撞。擇。絲。苦。委。衝。絲。老。砧。撞。智。浅。才。

丁劉秀演歌卷二

鮪張圃哈月。鮪撫更與霜。連主凭堀仁。鄂碎權核德。權尚
 書乃耽老呂氏。郭卿。挾肝鬪。掘。未城。梓。密義。侍。僊。真。鑊
 又曰。爭玉印。恒。尋。切。切。傷。皇。妃。隊。饒。朝。朝。可。惜。閉。宋。家。感
 傷。台。社。稷。岐。曰。星。移。北。里。月。洛。南。哥。可。借。功。名。浮。雲。寄。堪
 嗟。事。業。換。星。移。苦。尋。諸。葛。奇。謀。計。誰。翼。皇。家。脫。此。厄。劉。秀
 曰。啫。願。當。爲。臣。竭。力。然。郭。卿。曰。反。賊。喂。反。賊。奸。臣。是。奸
 臣。決。萬。段。最。分。拔。劍。除。逆。輩。劉。秀。曰。乞。大。官。減。怒。臣。下。望
 說。來。亂。曰。啫。監。稟。上。官。如。碎。昇。正。是。雪。家。之。半。子。奉。其。岳。父。採。場。安。

光緒甲午新錄

鳳湖
明章氏訂正

丁劉秀乃演歌

二本

鎮寶華閣藏板

共信指唐遷衛準意此請呂氏此悉得奸偽始固胞忠弄
 典妬良訐鄧根由可謹與科林反賊阿賈劉秀曰臨嘶啗玉
 陰昭廟鑄拜岳爺於夷山莊朱厚培鑿澄上路挽曰陰
 頭自岳父移真栢松志聖丈夫在鍊雪徒遷樺悲歡齊合
 事常敬登貳次真呈會

精娘茹泣。桓公曰：「賄訴排妬，累發配動心。神自心疎，結義
 朱陳共壯。土緣回琴瑟，自西地慄。安番賊朱得，將連幼兒
 被胡家兵伏山溪。吾兒亡身死命，劉秀曰：「痛肝腸，斷人
 洒淚。玉汪人堪，嗟者貴。望哀嗟乎玉友，嗟曰：「一辰佳偶，兩
 參商。使我愁情欲斷場。痛恨胡家千載，怨可憐。玉友受含
 冤。又曰：「爲埃吹遣，妾呂。郵城夫婦格分，仁我又曰：「反賊嬰
 亂。臣喚々決提叁尺。郵警窮民最分，嗔忿岳於赤雲山。
 鄧昆亦場安除，佞桓公曰：「地疎義竟陣。牢庄別世辰，闕朱
 呂鄧。登登哀沛，筭戶計奴。準京畿術妬，探國事荒。帝寫心

誅戮^姑劉秀曰。休油痛痛之。耻復補。都輝之。而某晦將

軍罪之。械饒杯^埃。累沒。何素高頭泊。外官相萬隊。確兵庄

沛得過海。斬鯨^{朱保}。勿追。挺身林死地。石虎曰。類匹夫起志。

党小子乱言^軍。令傳其軍人急動。移戈博。劉秀曰。某買。髒

使飭眾奴。奄命亡。毛及唯塗中。鄧追尋丈老。又曰。須行步

勿驚皇^以。頭多謝老官。嗔違術山寨。桓公曰。息至大^以

義無窮^以。於老它脫塊。陣中思忙士。千年不負。又曰。姓

名^姓。緒^緒。渚^渚。燿^燿。宗跡可排詳。劉秀曰。如^如。良城。魏^魏。轉^轉。娘^娘。勃^勃。碎^碎。丁

劉秀^{劉秀}。渚^渚。及^及。辰^辰。扶^扶。主^主。械^械。森^森。隱^隱。名^名。碎^碎。雙^雙。親^親。懸^懸。在^在。朝^朝。奉^奉。沒^沒。脩^脩。喚^喚

曠持策。仁又曰。養者賈曲。迷派。率休草。莊沒。際源。琴。浴。泚。

清清。柄。飭。油。些。沉。漠。歌。曰。山。莫。莫。兮。水。青。々。水。哀。々。兮。一。

點。行。左。濯。手。兮。右。濯。足。清。洗。面。兮。一。身。輕。又。曰。咏。聰。心。鐘。

鼓。榮。移。祖。認。俸。馬。兵。路。鼻。前。每。走。二。人。奪。路。後。進。兵。萬。隊。

千。負。渚。浦。桐。英雄。群。卒。徵。豪。傑。又。曰。役。得。辰。得。別。賊。者。啞。

屍。埃。又。曰。哀。些。庄。界。才。牢。結。得。君。子。册切固見。義。不。爲。無。

勇。也。臨。危。不。救。莫。美。進。毛。洌。典。陣。中。急。救。得。大。雄。又。曰。碎。

本。得。山。野。渚。浦。典。京。城。頭。註。可。訴。情。役。之。輒。追。捉。石。虎。曰。

桓。公。界。筓。河。權。重。鎮。銅。關。吟。胡。家。使。治。凱。績。杯。雪。氏。全。家。

一 則云之月次

三

曰賢弟毛舍急管虎旅于員急細準鎮邊捉桓公問罪桓
 公曰自差几反回家內由前咏夷隘狼寸式閉悲鑽傍惶
 台專施又曰些買纏尼帳下信茹發也術低囚牢固珠眉
 响鄧些暄此部臣曰自邨廟翁老阻術違公娘被胡家
 殺害神唐杆危檢勢無雄敵三軍它走敗霖將拱亡身沒
 輪脫塊陣中術疎吏命鄧訴桓公曰三塊喪乱五臟昏
 迷痛切也吾鬼哀嗟乎幼子軍報日吟申戈帳虎固使到
 外城桓公曰下令共三軍開城門接使石虎曰於今連天
 子宅騎鶴朝至妻某運使治衆朝捉老將回朝問罪桓公

歡公軍傳擊鼓登聞會百官商議百官曰由何擊鼓臣等
 雅知。郭卿曰。於聖皇仙境。除制擊鼓會百官商議。胡彥曰。
 嗟。陛下。先皇。臣。今。雖。見面。父子。別。參商。又曰。百官。
 晦。歎。百官。占。計。市。叻。此。册。聖。群。固。字。句。一。日。無。王。埃。乃。躬。
 庄。詳。沛。分。朱。泚。嗜。郭。卿。曰。令。遠。聖。帝。騎。鶴。朝。丞。內。朝。碎。祐。
 拱。也。傳。位。天。子。沛。若。朱。當。極。沒。得。於。梅。浩。暮。戶。塊。倒。懸。固。
 慎。丞。相。買。賊。冲。朝。土。空。傳。當。極。胡。彥。曰。禮。意。些。亮。決。畧。爭。
 尼。帖。稱。駝。辭。郭。卿。曰。傳。文。武。百。官。尊。胡。家。即。位。胡。王。曰。台。
 其。據。治。朕。号。胡。王。接。資。習。立。紀。陳。剛。唯。聖。畧。開。基。朵。業。又。

禁鶴王曰祝江山。以咳想事業。麻芒令傳。共侍臣隊。郭卿
 應僕。郭卿曰。臣郭卿。應僕宮中。祝聖上。嵩嶽萬歲。王曰。
 柘認國老。淚玉潑。溘朕世宅。五臟庄安。隊撞細寄。孤托死
 郭卿曰。閉奏陛下。調養心神。每固碎毗。擯產用。噴量聖券
 安貴。体王曰。者自朝士。泣歌百官。援頭螳脫。化車。為娘。傘
 鳳。除移聖駕。三宮同咬。嗟陛下。《
 何忍。別江山。郭卿曰。勿哀悲。《須厭淚。《
 計麻救。襁母皇。等。輕叱苦。筭細。躡宅。苦料。每坤。方權。變夷
 庄。斫扶危。外。城。炤。煙。閉。車。冲。帳。浩。瀉。沒。精。又。曰。甚。好。《。至

厂副學真次

三

利害論裡箕苦定吉凶。老將眉萬卷千經。一夢寡人眩
 此翰卿曰。倘喧戈叙事。恬意乙庄。令体猶箕突入門城。碎
 啜浚胡家反主論。罕禮隆界王位。体學徒拾曰指。隆學徒
 意庄界字士。論朱典明於連。亂宋朝滿拾壺年。隆阻夷
 帝都恢復。王曰老官分欣舌。朕覺了心中次妃脉。朶胎胞
 後產出熊態。未確朕油固。最移車鶴。別裡埃擦。凭業紅。祕
 外幔。几文房。祐冲帳空。得謀畧。又曰朕改徵國脉。印玉
 乃朱撞可歇。恣儂符。廟堂朱論字。忠君愛國。翰卿曰。昭印
 玉。皇朝。腴朕。認皇家買段。妨恣。膾頭拜謝。璘。阻。踣。踣。尼

何嬖婦須動飭。娘寓維雲山。病婦苓婉喚。遂郎為要清義。
 烟朱婦玉春曰。盆幅就。悉寸式。那寬胞似金針。汝親生兩
 目淤滯。併伴玉双牟。昭著。又曰。些。婦。寓維雲山。除孟跬洛
 戈西地玉。咬曰。長直那明。挽半。傾。謔。聞鼓漏。漸黎明。覺來
 未杜呈真夢。要處難量禍福生。又曰。侍。內。傳。內。侍。隊。列。翰
 卿。郭。卿。曰。臣。郭。卿。應。侯。花。廷。祝。聖。上。嵩。呼。萬。歲。王。曰。遊
 老官安位。未朕仕陳情。因扇小。僮。庄。安。卜。体。占。包。怪。孽。朝
 卿曰。朱几下。臣侯筆紙。王曰。筆。紙。侍。体。擒。奴。象。飢。禁。鶴。璫。箕
 發。翻。魏。体。學。徒。拾。日。歌。彌。指。盤。奴。自。然。阻。吏。如。恬。意。坤。通

「劉子真次」

三

飭隨驛佳偶。身身汝典貴。娘下造隻船。蘭兄弟。送胡賞月。
 浚凡波。隣別自然下。洛界河。茲辰兄弟別。齊此事存亡未。
 曉。玉春曰。分肺腑。痛肝腸。今日存亡分兩路。千秋割。
 斷。堊參商。咬日堪惜良人心。祇慚痛切肝腸淚。林离旦約。
 百年宜家室。誰知今日早何歸。又曰。準深溪。恁吏相思病。
 群。喉重臨。要對將軍袍。因恁併細。送妾。蟬。準城西。料於低。
 山野。沒。輪。朋。戈。妬。坤。通。唐。詫。黑。磷。曰。疎。由。沒。身。何。義。双。拱。
 道。姉。姹。嗔。於。低。娘。壽。戈。身。小。弟。仕。送。講。細。妬。料。西。地。唐。賒。
 妙。爲。姉。本。辰。要。對。彈。妃。輪。爽。添。鏖。跡。奔。波。也。荒。意。移。半。朱。

珠沈領北甕鎖胡西。嗟天意由何不照。咬紅顏禍起無知。
 又曰。決萬段最屍。誓不容竟。倭黑磷。須定省。勿驚心。
 玉春曰。稱認。每舌多謝。息人恩。也芻菊育之恩。德意銚乾
 坤之德。黑磷曰。娘可排根跡。朱些燿原由。緣前典準路塗
 麻夷死尼戰地。玉春曰。圭茹城市名號。玉春。吒碎雪氏桓
 公。權邊外西城重鎮。碎也。困綠秦晉。愿共丁氏。刘生。哪令
 吒。嚮準西城。被胡氏前。誓殺害。黑磷曰。發暄戈。廟奴。荒刀
 割心肝。金朋。唉。久。玉友。喂。久。玉春曰。由何。壯士。淚染。愁悲
 黑磷曰。嗜。疎。刘共。碎結。義金朋。恒娘。萬雲山。托跡。如。要。餽

「胡氏前」

三

阻術柄某駢駢渚埔吏乙林柄妾大河曰冲光競發而上
雷轟觸犯我威凡誓不容可草又曰戊亥渚約甲珠青龜
命亡軍令傳共軍人急府函雪氏玉春曰危進至也苦當
然也皇天嗾皇天生我何害我又曰前進兵來滿野後追
之四向交攻大河曰坤脫塊纏紅可繩身下馬玉春曰耳
台類燕雀監都飭鳳凰決萬段最分願壺塲成敗大河曰
買哂威沒發雪氏奄命亡軍令傳共軍中可回城安息黑
璘曰婦人晁死在林中麻踰固重臨鎗跡又曰朽吏悲除
買別仙人得因哂此靈藥怒及和杜朱得濫義玉春咬曰

些菲仗托龔胡彦曰。喧桓公懾鄧番邦。朱部下術通公女。
 些庄筭盪侍呂牟。鄧譽茹弟賢。弟毛奮發牢麻。迤要路掃
 除雪氏。大河曰承人兄。令吡央領命施行。管虎旗伏兵報
 雪家之恨。王春曰。令傳車衆急。汜車驚哪。令吡駟準隘
 開。蹊唐馬韃澄。躑貌。挽曰。屠馬韃澄西貌。逾遼。遼氣瑞請
 台粉。系權哥。廝抹。慕花都安。準市拱春。箕梅怒。柳隊。旂錦
 箕埃。緘。炤。煉。武。還。大河曰。士女急。拖。廝。珠。青。毛。貂。綽。要某
 救。差。問。罪。汝。曹。須。可。來。降。看。奮。動。干。戈。乙。頭。掠。銜。怕。玉。春
 曰。些。得。坤。水。土。本。空。退。好。臣。錦。空。固。罪。之。噴。將。軍。滅。怒。急。

棹隊于雪。滢信。鴈隨愁。若如。湘淚。貼爲。蓮。又曰。澄貼江。
 海水悠悠。恹痛吾情。心斷斷。挽曰。想界結義情交。膠山弄。
 施之。鬼脉愁。玉春。噴曰。仰面叫天。愁斷斷。低頭俯地。淚溟。
 溟。懷望父親。心祇恹。哀哉。刘士。別情人。又曰。吒計自牌葉。
 西番。昆古。浚干。溪。逐涉。傷。嚴父。心。恚。剔。掣。汝。情人。掣。施。棹。
 檝。別。包。除。吒。鄧。体。昆。韋。包。課。軼。朱。及。媯。店。醜。更。字。字。尋。焮。
 刻。朝。朝。坤。魚。浚。脉。愁。賊。耗。煩。嗎。粉。珠。青。曰。碎。哪。廟。爺。老。吡。
 究。幅。心。事。問。殺。沛。呈。戈。噴。公。娘。看。過。玉。春。曰。好。也。《。至。歡。
 《。糊。父。親。慄。鄧。番。邦。遂。切。子。心。中。喜。樂。又。曰。自。暫。踏。密。室。

滿愁挽曰得茂恪体浮雲。曩群最誅功夫呂廊暗嘆辰運
 岌崇祀分仁義。斷情別盛。永朝曰。靈藥既凡。遂如宝刀沒
 正朱撞油及埃。死在路塗。撞髀筋。救得盜義。又曰。傳者車
 毛急。遂如吏陽塵。字廟。勤些回。靈水洞。黑璘曰。天何
 害。地忍亡。堪嘆也。人兄。哀嗟乎。玉友。嗟曰。可惜金朋
 茲。離別。不知何處覓尋之。昔年刺血同相誓。今日哀情獨
 早。遂。又曰。役錦它顯赫。欺乃体沒得。卞朱些。靈藥宝刀。叨
 茹底。救得死路。又曰。割斷吾肺腑。痛切我金朋。祝。既爲選
 景恪。唐吝。琰柳午。尋玉友。挽曰。琰柳午。尋玉友。啣。瑟。鎖。枯

船某防筭害某卧可須曳如鄧朱某戈低决展志神威殺
 里魚海派。刘秀曰嗟賢弟。命早亡。痛切也。金朋哀嗟
 乎玉友。嗟曰哀乎玉友。淚凝。祇恁情深。割斷腸。痛恨里
 魚真作孽。嗟乎賢弟。命休然。今童曰疎旧欺干註庄喧註
 下。跣跡。流里魚。訥群之罪註。又曰。每扒干凡雨。嗔鼻成愁
 悲。碎。船掉。欵饒。淹鄧尋劍骨骸埋墓。刘秀曰。淵涿。滌納
 納。泪玉。淤溘。溘。兄弟本。壺堂。今朝分兩路。又曰。今童。昆鄧
 苦。道柴。個助功。張帆。鴛。潜。琰。撞。銀。禍。埋。及。塋。安。骸。骨。挽。曰
 得於。甚。如。淳。若。潘。又曰。澄。貼。海。派。心。若。割。直。看。青。雲。志

高中乍合造船。鷺沒隻。兄弟却逐胡。兩志孟婆泊。巢樺油
 通且琴控。踈詠。劉秀曰。童兮童。昆舍急。毛載使托。襄調趾
 却船。鷺者自尼山路。挽曰。山路。澄渭水。解干盆。匪志凌
 雲。黑璘挽曰。侍。恚動質。膠山。孝。忠。篤。豎。義。仁。占。珊。劉。秀。挽
 曰。遼。遙。逾。順。疔。煩。啣。恚。汝。細。彈。娟。吏。盆。黑。璘。挽。曰。祝。認。崇
 浩。有。情。箕。句。郭。信。怒。疎。呂。公。劉。秀。曰。休。翠。方。泝。補。重。重。認
 狀。向。浩。瀉。演。演。又。曰。真。遇。害。公。是。林。危。公。天。墜。吾。兄。弟。地
 埋。我。英。雄。兮。童。曰。旧。稱。之。在。吝。吏。賤。垠。船。吏。空。朱。移。細。黑
 璘。曰。鯨。魚。真。作。怪。公。鱈。魚。是。不。仁。公。些。共。外。無。據。無。干。垠

劉秀真狀

七

息軍人曰。欽承帳府奉命來朝。桓公曰。朱青帥舍急。宏
 亦吏家庭。連雲兒齊就西城。昨父子壺場歡樂。珠青曰。哪
 爺爺阻吏家庭。上牡馬蹀澄京地。挽曰。牡馬蹀澄京地。吟
 頭自拜別移真。辱因之詫身碎。討吒喧主義仁。援全水朝
 唱曰。弄洛遶山世界中。荒芒海外點氣雄。山水秀鐘同日
 月。陰陽造化貫乾坤。又曰。權掌界童宮。吾乃水朝是也。於
 筭宋朝社稷勢。它緹浩紛紜。若傳者車蓮連黑磷。衛水殿
 鄧傳妙計。劉秀曰。寸式閉。惡舖。床亡台。施玉汝。細人情。跪
 歛。漸相思。顏色。憂不成。黑磷曰。真。人兄格。沒愁。悲。拱。回。讓

起火。面上通紅。相傳大小三軍布陣。於老賊又曰好好哉。
 勇躍快快也。奇才。亂曰兩國排開戰陣中。提鎗躍馬似神
 童。桓公亂曰。凌凌奮戟。聞英雄。鏦鏦交鋒。你我攻雷。凡亂
 曰。叱咤宣天威。吼吼咆哮動地力。轟轟桓公亂曰。虎旅縱
 橫。揚白刃。蛇圖斬殺。奮金鎗。雷凡曰。衆奴它走脫。望凡傳
 擊鼓進開隘。桓公曰。軍傳參軍詐敗。吾趕後殺來。又曰。每
 除安狂。致西夷。傳衆相入城安息。軍。呼參軍將士。共各邑
 村民。發糧錢。布施貧民。傳黎次安居樂業。於老龜除安番
 致。怒庄群。曳動戈牟。鰲須表文。回奏朝都。朱聖上。呼通信

風唱曰威勝宇宙振雄豪。勇躍催山志氣高。吼吼威風揚
 叱詫。凌凌銳氣再咆哮。又曰權輔佐僚朝。吾乃黑雷尾是
 也。自奉合興兵開下。浸界邊夺取西京。因牢咏拔宋兵空
 几。脚才開虎軍報曰。曙眾碎部卒。巡守隘銅。兵家朝滿野
 塞山。不鍼沛術低彰報。雷尾曰聞言真快意。咱說甚欣歡。
 軍令傳共軍人。開城門拒戰。又曰陣前看見大笑連声。牢
 哥肝監典納輸。空咋字肉懸虎口。桓公曰叫台類番致牢
 庄察使輸。屯谷朱沒埃。邊城牢群唉浸陵界地。賊究兵術
 番國。辰些唉怒他。明曳動牢麻。乙坤谷命如。雷尾曰心中

秘金朋淚。乳渚。想玉友。恁添祿。帳責。余胡家無道。盪朱
 茹。浩倒懸。於。要。蚬重鎮。界邊。役朝內空埃。信透。桓公曰。沒
 番。芒嗜。醜。奸課。倚苦。謨。醜。虎尼朝。土坤。雲。如。辱。意。臣民苦
 躑。踴。峭。市埃。固。別。嗜。反。臣本老。韶。寬。如。黏。油。凭。達。江山。老
 夫。愿。出家。投。佛。碎。嶼。鎮。撫。安。西。賊。安。於。茹。朱。怙。役。宋。朝。黏
 油。固。裡。消耗。信。朱。老。隨。机。弄。辨。要。阻。術。營。柳。碎。出。陣。興。兵。
 衆。令。傳。進。馬。兵。望。銅。開。直。指。軍。班。曰。揚。赤。熾。奮。雄。兵。公。
 愿。掃。青。番。鼓。奮。力。縱。橫。桓。公。亂。曰。奉。令。皇。家。往。西。邊。
 身。披。鐵。甲。獨。爭。先。揚。威。破。敵。除。凶。輩。直。進。西。番。去。暴。殘。雷。

一各子...

三

不買安天下。眾方廟奏。客座卓噴。聖皇任奏。王曰。老官奏甚沛。正合朕心中。武林下令。傳朱武林軍。宣老將桓公入閣。又曰。官老朕。給詔。福以德。饒生勅。差外乎。致番城。官萬隊。慄安西地。桓公曰。命奉又曰。是。朕。吒。哪。救。旨。驪。慄。党。西。夷。昆。於。茹。儂。侍。家。堂。鄧。吒。曲。邊。垂。撫。鎖。玉。春。曰。嗜。昨。浚。吒。魏。燕。各。咳。欺。吟。博。翻。霜。昆。裡。噴。曉。唯。椿。堂。午。待。課。扶。危。助。弱。桓。公。曰。昆。包。林。幅。罽。遣。驪。淮。戰。場。料。輪。魏。躍。馬。提。策。湮。身。老。論。疏。共。主。軍。人。曰。吟。申。戈。帳。虎。官。少。傅。細。營。桓。公。曰。荒。芒。礼。接。伴。鋪。聚。請。入。于。堂。上。翰。卿。曰。於。要。哪。聖。旨。驪。西。地。推。安。

卿曰碎分廟仁道。勢爰拱庄喧。者丞相群鯨碎。阻衛營柳。
 胡彥曰。自翰卿道意。查驗某空當。軍令傳共軍人。檻劾飢。
 獄內軍報曰。今西夷曳動。雖兵策駿馬回朝。彭報。乱曰。荒。
 芒奪路望朝儀。報來机事得詳知。為臣子。尽心報主。為子。
 當場力事親。嗜凱鎮府侯。陛下叩頭。今西夷奮發戈牟。殺。
 宋相奪收閑隘。王曰。頌西夷豈偽。党胡賊作乱。廟判。晦百。
 官埃。剿除西賊。翰卿曰。括易奏。戈天子。槍襜納畧。凱鎮。粘。
 內朝。逃。桓英雄。在。鄴帳。空得豪傑。噴令。連。郅福。他罪。劾。桓。
 公畧。罪。撞。掃。尽。西戎。茹。茹。劾。以。功。贖。罪。不。買。鄧。侯。絲。基。會。

傳軍士引囚胡桓公又曰公桓。此些要施同僚。廟疏顯可須
 响此。令連天子得也。乃頒勸要須訴使。恚鑽斜。茹吏竟徵
 伴玉。桓公曰。喧浪審袖。体响。嗑。猫芒。紉。紘。意。自。獵。隊。頭
 巾。界。如。嘔。屍。埃。謀。詐。監。朱。某。相。刑。如。老。油。塊。却。源。鑽。鄧。朱
 刻。解。似。陛。玉。胡。彥。曰。肝。油。溜。溜。溜。稱。焯。曳。焯。焯。軍。令。傳。此
 軍人。焯。焯。紅。考。刻。翰。卿。曰。軍。軍人。須。寬。也。鄧。朱。老。分。戈。也。
 响。浪。响。令。皇。家。情。拱。固。同。僚。之。義。胡。彥。曰。廟。要。分。甚。沛。恚
 碎。拱。別。傷。為。老。相。各。肝。軍。焯。焯。紅。急。考。桓。公。曰。太。覲。眼。猶
 之。腐。赦。量。燮。颯。源。杏。油。自。息。陣。遊。恨。辱。軍。眾。之。胸。脆。老。翰

西哥嗜叫六院三宮。狂夫典深宮。逢亂桓公曰。林大變。
 果危哉。天葬吾雪氏。地理我桓家。平地起風波。無端遭
 遇害。又曰。開把燈解脫。縱步走輕輕。王曰。宰相公究退泊
 情罪。每當分屍開段。桓公曰。開論禮罪。箕每當駢情叱錦
 舍冤。如碎常記。焯成湯屠爛。刻太史。駢庄歎。憑扶主。監是學
 退育。瞞跽御。量聖皇。噴察情。愚下。王曰。有令色。兮有惡德。
 有巧言。兮有反心。朕坤恕亂臣。姁渚變量聖。內侍毛哪令。
 隊太師共姁翰。卿仁役。渚可貞情。付仁外領命。晦朱泚供
 按。未朕仕殄刑。些阻夷童。廷百官。躡閣紫。胡彥曰。軍下令

一則子頁次

七

躡蹻閣下。桓公曰：「老哪廟聖帝，餅撰士求賢文場，聆在遊
尋。牢丁氏絕無音信，促恚蕊汝典，啣媛襖債緣，仰面呼天。
蒼低頭嗟地厚，奇珠曰碎哪廟聖帝。隊老相應，侯可飢準
竜樓講武經，御看桓公曰：「欽承王命，修整衣冠。」讚曰：「如老
扶宋朝自課青眉，至於白髮，皆無此理。由何聖帝隊老店
房，恚老發胡弓，禪渚詳机事，册習恒固字浪。臣事君以礼，
君命召不踰駕而行，宿昏以燧求明。」又曰：「軍傳登燧輝，隴
鄧朱老應侯金厥。」又曰：「尼駕御咏尼竜閣車，鋒空体西樓。
坤別御方帝，倍鑽毛躡趾。」正宮曰：「殘雪直殘虐，奸內是奸。」

役在煇妹妃祐戈辰別。正宮曰祐書山恚朝之掣彩彩女

毛隊阿奇朱低奇珠曰臣奇珠應侯宮幃仰萬望母皇萬

歲。正宮曰久日分情娣妹。今朝幸遇虛場彩傳嗎席紅。

毛日對磯鳳奇珠曰稟令妃自飢禁院碎阻夷坊民得權

高亮監細斯身下賤沛蹠分泊。正宮曰錦恚些拱別叻外

沛泮廁係素富貴行乎富貴。素貧賤行乎貧賤。拱沛矜些

在固恚想與夷咳外空膺敬矜。奇珠曰疎恚得在曠推碎

監亮夾膺。正宮曰恚外它決想。可附耳咱來。役渚煽狀聰

麻林岸患難。奇珠曰她它忌膺碎沛歇恚柄者準樓紅。真

一則云頁欠

十三

良城圭於丁。刘秀界名。以親它。曷咏。棠梓。沒輪。咲。搦。娘。茹。
 泊。又曰。貞責。肢。糲。啣。啗。妾。吹。鴛。鳳。襖。分。想。情。人。傷。倚。掣。傷。
 汝。玉。友。淚。潸。潸。過。淚。黑。璘。曰。疎。係。得。冲。世。事。裡。離。合。拱。常。情。
 疎。要。恒。讀。史。經。册。固。字。書。中。有。女。刘。秀。曰。本。要。包。圍。緣。魚。
 水。得。群。待。及。會。風。雲。裏。弃。愿。埃。吟。男。人。朋。倍。約。埃。浪。止。信。
 黑。璘。曰。疎。弃。現。意。要。浪。失。約。庄。役。於。丕。訶。駝。在。埃。噴。要。格。
 浚。愁。悲。拱。固。課。找。練。煩。惱。刘。秀。曰。庭。前。鳥。道。何。處。衫。來。張。
 弓。弩。排。開。射。白。禽。領。下。贊。曰。賢。之。嘔。世。响。浪。台。些。阻。吏。房。
 文。他。白。鶴。長。衫。嶺。上。部。臣。曰。碎。哪。廟。丞。相。咲。左。幅。心。書。閱。

外决施阻当个事尼在茹部宛施庄苓愿轔飭打朱别柄又曰

果是神灵当阻直為現忘忘異常孟虎箕發也变身書市固

字提訴糟役哄苓渚訴王讀夷朱詳讀曰勿尋名利進文

場暫隱一辰待奉昌賜你双刀隨自把扶直威假佐君王

又曰疎眾句提色糟煉叫些浪阻夷莊家除曲蓮仕轔扶

主沛賄蹻廁怒躡躡夷莊家浩琰槐乖果奔波急阻躡籠

澄峻嶺挽曰字廁傳助鑿恚些仍林培塔宋家畧界哢

主。類界合緣處全尼義恚仁敬盞盞挽嗔呈回仁雙隊圖

滝浴貼撫夷裝周翔坳一南濟濟鳳毛煇坦越振振躡趾。穉

一 則 卷 頁 次

三

掩它決所悉於夷。要愿噴。細宋城畧。罪求所功名。麩午
 尋緣魚水。又曰。辟分饒。以我埋拱合沒茹。掩於夷莊家。要
 輕澄京地。挽曰。要及輕澄京地。塏陵自潜。琰場安。黑璘挽
 曰。宿祐買琰開山。促情仕啣義仁金朋。又曰。西岐分別吾
 兄弟。後日功成再合歡。挽曰。人妬低。悉渚差悉。京師英典
 雲莊掩微。刘秀曰。小弟它阻夷雲莊。移躡某輕澄京地。挽
 曰。躡某輕澄京地。躡英雄志篤。程匹利名。胞包麻芒。禰春蒙劫
 徂鑽篤驪。又曰。孟虎真作怪。掩某庄朱趨。扼妬些趨異事真々。
 奇哉是々。崔崔包掩唐尼。辰些戈哀恪。辰些包泮。廁分解據之

崔發。瞋戈廟怒。修汝夷志。尼課習。吒結義。桃公共。丁氏交
 婚。旨腹。械恪阻。詔方平。賊發。夷洵。仍事。良緣。役庄。戈絲。都
 縵。蹟事。錦黜。肢。幾。可。須。渚。責。絛。屢。喀。在。吒。昆。阻。夷
 帳。花。吒。踏。術。公。府。又。曰。令。傳。與。部。臣。哱。諸。攸。應。試。部。臣。曰
 欽。承。旨。敕。遍。往。諸。洲。哱。諸。攸。來。占。敖。頭。傳。漢。子。就。爭。虎。板。
 亂。曰。欽。承。旨。敕。往。罷。洲。傳。來。漢。子。占。敖。頭。个。个。才。能。來。應
 舉。人。人。智。勇。到。功。收。刘。秀。曰。聰。擘。眩。聖。德。得。嗎。會。求。賢。娶
 掩。趾。細。京。城。禍。埋。及。名。提。板。虎。黑。璘。曰。恣。娶。群。所。暮。施。掩
 悶。青。閑。容。朱。掩。於。夷。山。莊。免。娶。鄧。名。貪。花。夏。刘。秀。曰。

丁亥

空想道吒昆役賄。每訴詳渚。麤禽堆唾。于春昆共埃浪。嬌浪
 馱。賄仍廁嘆。廁咀。玉春曰。昆庄。哎緣責。妄恚空想。嬌約馱。
 哎吒。幾歲。過知天。賊昆。祀店。尋爰。碍弄語。公輕言。公空想。
 道吒。昆庄。坳息。乳捕。春玉廁。殖須。可訴。恚裡。黜渚。筭。躑。施。阿
 令傳。其阿。還拿。捉來。問罪。亂曰。恨汝。狂鬼。真作。孽。恕他。逆。
 子是。淫污。玉春。亂曰。謝過。嚴親。施海。角。恕他。幼子。愿陳。言。
 桓公。亂曰。罪已。盈天。真不。恕耳。為不。義。莫尤。他。玉春。亂曰。
 昔日。西軒。逢丁。氏。見他。才智。配。曹康。桓公。曰。於。昆。叻。浪。課。
 畧。西軒。固及。汲土。傳固。才智。昆。吏銚。緣共。丁。氏。阿姑浦。又曰。

人兒安在草莊柄。小弟用方漫浴。桓公曰。聆老宅閑樂傳。
 舉相押候。毛急細花樓。探幼鬼包安。玉春嘆曰。回想情愁。
 自別辰。相思我意逐低迷。天高蕩。愁無恨。月裡光輝照。
 不知夢殘半枕。迷胡蝶。春尺三。更怨子規。錦屏帳裡紅塵。
 滿。何日情人反步。這又曰。倚坤塋。哀相思。分苦配。未緣債。情。
 人。庄汝課崗。愿痛解。倍消句。交約晉秦。得坵。膝。廟。拱。坵。肢。
 買現。妬。倍。消。恚。妬。齟。更。愁。字。字。剝。刻。淚。芒。芒。良。人。唉。良。人。
 刘秀。喂。刘秀。分。債。黜。爲。埃。割。據。吹。盪。之。仍。事。媼。軼。遺。店。長。
 疴。痼。成。恚。嗟。君子。何。辰。相。會。桓。公。曰。作。怪。真。人。或。言。是。人。

武勇躍縱橫殺狂夫黑璘亂曰吾殺你陣中死氣莫輕吾力板無能。劉秀亂曰在你事生非在我不怨天兮莫怨人。出六章云云。又曰不拱浪雄據爭竜。沛沒法歇才聞虎。悶共撞交構麻結義弟兄情固肯情。响朱些賄此黑璘曰心大度。然是紅息。依愿刻骨明心誓不忘大義。又曰啗。噴。道。術。山。寨。吓。答。義。息。人。又曰庄哈得圭。買。方。市。噴。要。訴。姓。名。陳。說。劉秀曰。罷。良。城。圭。於。丁。劉秀。罪。名。索。放。買。堆。遊。双。親。它。隻。俸。黑。璘。曰。得。仁。遊。索。各。碎。遊。於。年。庚。妬。各。欣。讓。夷。濫。要。群。碎。歲。乳。噴。濫。小。弟。固。刺。血。在。些。端。誓。買。贖。信。沒。心。悉。成。噴。

如雨。惡獸重重走若風。劉秀曰：望山岐尋使伴。岑雖北領
 唐黠跼踞。萬丈奔騰心莫奈。不知玉友在何方。又曰：孟虎
 休走。孟虎勿行。亂曰：步步奔來除惡獸。輕輕吾手不
 饒生。又曰：買餅威震志縱橫。孟虎匍屍杯林內。黑蟒曰：尚
 尚於謨叱退打槍某。折殺埃表始柴萊。牢空堅固某。劉秀
 曰：稱意昇歎其。吸鬪駢怨他。渚忘才。巧飭冽些。行吞嗜。嘔
 嗽。某黑鄰曰：心中振怒。面上生花。卽固才對敵共些。朱
 別飭英雄豪傑。又曰：好好哉武勇。快快者奇才。亂曰：鳥陣
 凌凌揚虎力。蛇圖吼吼奮雄英。劉秀亂曰：咆哮銳氣揚我

丁亥子進引

八

鷓鴣路高發。是也典朝中。侯斯又曰。啾。眾碎部卒於貝九
 公。逝文表回奏。望聖皇。詳看王曰。官百於也安番教。庄群曳
 動干戈。百官吏營狼。朕踏飢閣下。蘇黑璘白曰。山莫莫水
 青青。休休富貴罷功名。茹毛飲血千秋志。捉虎斷鯨百獸
 驚。又曰。圭茹寓岐山。蘇黑璘異某。如。文番得問虎。武杏九
 爭童也。貪孟蓮崗帶。淹恚庄想功名。才利垠塔崗咏槍戈
 吏。預邊鯨也另塊賒。袍之用沒席唏蝦。斜恚某數尋吐啣。
 破弓笏芒更。鋪鉄擗肢。遇彪禽些喚張弓逢走獸。彌控板
 斧刮曰。別白山寨望林中。捉來孟虎威群肉。鷹行个个彪

公曰軍下令傳本部同布陣於之。又曰買驪威杯鄧東夷。
 傳道夷城中問罪。又曰唉番邦老晦。牢庄察身賄沒番尼。
 以德饒生。行消退礼凌錡泊虎威曰阿尉。恩同日月德配滄。
 浪令傳其番邦謝俞俞回故番排曰頓首謝寨中傾身謝。
 將公愿交鄰兩國誓含草称臣。歡歡哉不尽快樂也無窮。
 〽九公曰包除安番寇。庄群戍動兵戎。修表文回奏朝中。
 朱天子贈通信息。軍曰柴固恣嘯主。碎阿奈掣功領表文。
 回奏朝中豈頭拜者自俞老。又曰哪俞く阻夷宋邦遣忙。
 馬龍澄朝內。挽日忙馬龍澄朝內。道人臣帝奈功劳。賒祐

一
列
之
頁
次

宋朝庄及粘格奪宋主之朱旗。弗虎威曰：各掩包同心合力。就帳前咱我分兵。排曰：快飲三盃。分酒延《同把盞》。兮人竭力。奮神威。兮个个爭先。追殄敗陣無人敵。驟馬橫。牢殺千員。展神威。除萬隊。急爭先。《班》曰：今朝今國基。確兵。宗列旌旗。弊日星殺來。宋將浸邊地。愿奪基圖。壯帝京。軍報曰：《嗜》今番邦進發。雄兵到界地。立屯下寨。九公曰：眾咄台類不義。陣閉党無仁。令傳軍中。開隘銅拒戰。虎威曰：陣前看見老賊興師。奄歇几眉。樺。賊差得投泊。此沒番朱別。氣力意荒市。歲。索緒奄率畧緝。哈。罪。唉。群興神武。九

動。黃河洗甲。凱旋歌。九公亂曰。欽承救旨。威番邦。康
 列神威。吐馬鞍。部相亂曰。弩力縱橫。於逆寇。決揚白刃。定
 山河。九公亂曰。英雄世上無人敵。勇躍咆哮莫敢當。部將
 亂曰。揮鞭奪路奮神威。掃盡胡奎定家邦。九公曰。軍
 甲埃番邦。傳其。三軍下寨。虎威曰。威勝電掣。振雷轟康
 列。催山任縱橫。吼吼宣天鯨。鱗方咆哮。叱詫援捷行。又曰
 權稱主宰。番朝吾乃虎威是也。德化人人皆服。名留个个
 心寒。志綿林收給宋朝。晦諸弟如何可否。四弟曰。聞言大
 笑連声。咱得心中快樂。沒餓呂。餓陛下。齊尋地。祇堪蟻收

地掃青番寇。王曰：老將每年青紀長，吏苦功塔壘，培城歇之，得歲裨眉樫。輔政沛興兵東地。九公曰：秦閉碎群興氣血，魏庄梓器編。愿罽掃尺番朝。若失事罪該萬死。王曰：輔政它執事。朕賜下敕文。百官吏營狼。朕躡臥玉閣。節桓公曰：於國老興兵東地。碎敬遙紅字功成。如內朝油固裡不。平。禮埃據城迎鑊我。九公曰：老油固遠征東寇，役浩如噉。夷朱要。宋朝油沒緹庄安信朱老詳冲利害。營狼要於夷。隘標老興兵。又曰：傳等等諸營就帳前。咱令同舉動戈牟。指東城進發。軍班曰：奮金戈，揚鈎戟，塞外青夷塵不。

衣女樂。毛歌喚席紅。女樂曰。嗜青衣女樂禮壽聖君望聖
 德皇恩。祝嵩嶽萬歲。歌曰。樓臺拾貳舞生歌。並唱浮花
 酌酒葩。瑞應景星由帝德。喜逢化日樂王家。人人共樂欣
 盛治。處處開皆獻壽花。弟子黎國同好樂。昌期何以祝。卷
 多。《王曰。令傳女樂。毛罷席紅。報曰。嗜。繪奏戈閣下。話。栢
 泃凱鏞。靚東夷。曳動番邦。不碎沛回朝。彩報王曰。類番邦
 無道。党東鼓作亂。廟判。嗔百官。何人當領命。鳳九公曰。聞
 言甚喜。咱得欣歡。愿。罽。掃。盡。番。邦。誓。歌。飭。去。除。東。寇。達
 聖上委差救下。帶。愚。臣。愿。領。詔。文。嗔。躡。術。檢。點。兵。戎。罽。東

謝仙人不執愚夫失礼。勸璿臣下無知百拜乞恕。容青童
乱曰。吾乃是灵宵玉帝。將來宝劍到山陽。許汝灵符可待
其辰除天述。傳來妙法佐明君。又曰。柴仙。它阻吏官仙。仙
須可尋戈北領。畧罪尋伴。甄容養所身。損灵它下白燧煉。
仙須可侍。廁渚脰。叫崔變化。阻吏天廷。刘秀曰。青空多謝。
萬望尊灵。字廁柴缶。叫慙勤。毆些急。尋戈北領。挽曰。些急。
尋戈北領。吟頭自拜謝。青空仍林呂義。地恩。瑄希篤報討。
親援地。促恚汝細息柴。霖解棋。鑿市兮。堅消王曰。丙魁天
子。朕號宋王。威驛庄陣麻安。德化無爲而治。又曰。青傳青

走山崖。又曰：凌霄殿安居。吾乃青童是也。哪！上皇初下。
 將劍許列生。開路上輕輕。乘風行疾疾。亂曰：駕雨勝雲來。
 領下。移山倒海自縱橫。劉秀曰：山水屏重演。落點花閃瑛。
 叢棚別領上。芒芒望山投去去。亂曰：水秀山青真盛茂。昆
 虫彭走是成群。看過山投小真子。到來何事處無人。青童
 亂曰：小生何處不通容。等待撞來教化功。開闔乾坤都掌
 上。教其妙法降禎祥。劉秀曰：小生真湊語。孺子是。亂言。歲
 索外。疎勿連。集俸些。晦尾。廟輕。某。青童曰：仙。岐些。群。乳。視
 朱別小生。出六童云云。劉秀曰：嗜。凡。氏。眼。肉。多。謝。仙。人。亂曰：多

厂劉秀真次

七

秀別曰情中祇轉心何斷。踏下屢進步。惟移玉春別曰可。
璘君子心雄解。痛念鴛鴦配偶辰。劉秀別曰。咋合咋离心。
自把情懷情望向。誰知又挽曰。廟誓付固天。知膠山眼質。
猪兮單差。玉春挽曰。傷撞妾。留嗜如。共饒朱論接。紅義仁。
又曰。買廟泔押更。驚牢妬。他日駢駢驥。騎挽曰。廟愿付質。
康康西軒低。夷場安妬。劉秀曰。貴娘它阻夷。黎因蹣蹣。
某移真。琰柳挽曰。琰柳。澄踞。潛真。徒各鳥跡。抵尊。飯市。
名占板。鐵匪。緣鮒。若鳳。鳳銜。雌。青童排曰。龍門頓首。鳳金。
碑。妙妙。宣天。放費。開。輝煌。照耀。從風。火。荒芒。奪路。

寶物拱為造化罷天工。又曰：也當才補青錦心，吏當柄金
 堂玉馬。崔 踈撞巡如魏，台意低禡之。地所功尼，午鄧呂
 徵義怒。劉秀曰：迦貴娘量。囓碎罪重恕他。恩齊海角干牙。
 是說功之沒。嘆玉春曰：勸撞猪。騎廟負礼。本妾當固施約。
 迦悶麻。申噉晦連鼻。吏咳。沒。嘻。通。帶。月。尼。劉秀曰：役得得。
 別事世世哈。悶晦共南北。東西朋。叻册。漢唐秦晉。玉春曰：
 妾庄沛。晦。錢。晦。泊。為。悶。朱。燭。松。燭。根。也。固。得。搥。匣。拖。康。哈。
 滑。几。招。桃。且。李。劉秀曰：体。叻。双。牢。酒。淚。喧。浪。祆。聒。心。肝。歲。
 閉。踈。最。恪。椿。堂。分。單。泊。埃。鋪。天。躡。隨。仍。蹠。柴。學。道。不。賊。秦。

葬林戈園荼使蝶本空典陰李摧康固葬王春日深辨得
 君子。廟。啖。啖。坤。頑。阿。今。傳。眾。阿。還。拈。倚。花。安。位。又。曰。生。冠
 道制城市。麻洛典花廷。体。桐。撞。情。可。容。情。之。小。事。過。而。無
 悔。又。曰。農。庄。耕。飭。矜。牢。朱。別。歲。鑽。噴。嘍。徵。沒。詠。東。龍。科。妾
 唉才疎智淺。京。劉。秀。曰。暗。得。包。回。悉。傷。細。碎。是。監。祭。聖。功。
 疎沒詠東童。赴。貴。娘。看。過。五春日。阿。哈。典。荒。市。著。別。盤。毛
 姑拱可咧。祐。戈。朱。別。得。賢。讀。夷。皆。詳。意。肆。吟。疎。曰。習。箕。怒
 於在方東。受。氣。乾。坤。買。化。雖。漢。凌。鯨。鯨。群。對。若。龍。生。擗。擗
 湧。蓮。空。禹。門。叁。級。油。戈。塊。祀。究。妙。層。默。駟。駟。油。登。四。靈。拜

「劉秀有次」

姑濫沒詠雙童。祐此吟曰：箕羅物怒於凌東，固功修煉化。

械螫於層遠，府當逢尾。糝雪霜，雲吏請台。又曰：也聖徵，使

筋濫買鄧踈尼，沛固埃。嘸卒息，苦助沒。運東童，朱妾阿還。

曰：啫踈固得市，選極群。躡界花園，碎迺阿庄。娑躡認懷認。

毀玉春曰：阿市生偽，吝密庄。監令傳共阿還，急捉來問罪。

又曰：阿廁些，晦阿主貫何方。牢空堅，典準花堂。吏庄咋戈。

尼禁地，刘秀曰：啫踈貴，如碎尼。糝良城主於丁，刘秀罪名黜選。

唐械洛曲，低為因。趾下林戈，妬碎得冲水土。牢庄咋律刑。

趣主務庄，别尼堅。洵村野空層，準禁溯貴。娘量嘶吞小可。

松弄雪操。驟謀君致主底才安邦。又曰尼。視藉景物幽青。

視体風光色。稍如此尼。屬於準趣圭莘野。渚消尼酒店茶坊。

處處聞歌樂之吉。準準汰管絃之樂。好哉景物快也。奇花

刮曰筆筭高曲君子竹。歲寒雪操丈夫松。秋水長天同虛

色。這般春景怡弄情。玉春唱曰西軒轉。過到門庭開來無

事快吾情。好看奇花花盛茂。澄貼瑞草草秀青。又曰承父

親於維花樓。妾美號玉春。舞節如武帖。幅破別文。吧趾破

通。庄杏得騎驥。矜弓双虎分。彖芒裙運。脍篤孟制圖陣。恚

空悶學。級繞急。毛書怒賞吟。孟固琴。甚雅興。阿先硯筆朱

「劉子厚次」

二

劉秀曰。自蹠柴學道計。色鄧忌。秋啣。能悉汝。細圭習。五

賊沛廟排師父。鐘離曰。是龜門。故鄉反步。柴拱朱弟子。暮

看。可占役。朱安麻結緣夫婦。劉秀曰。嗜。哪廟師父。朱醉

夷故鄉。踏頭自移。踏雲山。朱是。祀反回京地。挽曰。是祀反

回京地。踏頭自師父。移真鐘離。挽曰。辰悉。捻侍康康。直素

篤報討親。援拙秀。挽曰。用寅。彌苦分。彌恩。柴渚呂義尼。監

消鐘離。挽曰。叫悉。金石朱。紆京師。是細洞中。柴回。劉秀曰

尊師。它反步洞中。毛踟躕。離澄京地。挽曰。踟躕。離澄京地。

決番得。畧虎。縮竟。問朱象。殿閣。璣。錄。崙。驚。監。火。榨。林。株。栢

丁劉秀演歌卷一

鳳岐山獻瑞。敖洛水呈祥。牧儲儒護字。太平魚格。價吟句
 盛治。龍良城主。寓丁劉秀。罪名。雙親。它最格。棗傑。沒輸。唉
 寓娘山野。又曰。碎如文。番得七步。武亦几。陸幅。自曉。柴學道
 山高。迦師父。教傳文武。各種計。劫秋。固裡。色泥。尋迦。細主
 習急。臥呈。師父。鄧哈。午術。準主。習省。採鐘。離唱。曰奉。敕靈
 霄降下塵。望來翠嶺。養照安。世界塵埃。無染妙法。心傳佐
 明君。又曰。哪廟上帝。敕下教民。娘預在翠山。漢鐘。齋是也
 又曰。洞前看見。弟子到來。因牢氣色。悲哀。荒固。心情。祇憐。

光緒甲午新錄

鳳凰
明章氏訂正

丁劉秀演歌

壹本

佛寶華閣藏板

明章氏訂正

丁劉秀演歌

佛山 大福街 寶華閣書局出版



丁
劉秀
演歌

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT BẢN

1971

ẤN BẢN ĐẶC BIỆT